PHẬT HỌC

TỪ QUANG

Tập 14



PHẬT HỌC XÁ LỢI

Tỳ kheo Thích Đồng Bổn chủ biên

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

https://tieulun.hopto.org

Mục lục
TỦ SÁCH PHẬT HỌC TỪ QUANG
Tập 14 - Tháng 10 năm 2015 (PL.2559)

TRONG TẬP NÀY :

Biết dùng là được | Chánh Trí
Tông chỉ pháp môn niệm Phật | Đạo tràng Vạn Đức
Đạo Phật như một kinh nghiệm sống (tt) | Mai Thọ Truyền
Từ bi hỷ xả & Sáu pháp nhẫn nhục (thơ) | Trần Quê Hương
Tôi học Kim Cang – "Ưng vô sở trụ" | Đỗ Hồng Ngọc
Cát sông Hằng là thời gian của "hạt" (Neutrino) | Thích Liên Phương
Tám bước đi đến hạnh phúc trong Phật giáo Tây Tạng - Bước thứ tám | Minh Bản
Lời người xưa - Tôi hành khất | HT. Thích Kế Châu
Tương kế tựu kế | Thích Viên Như
Đọc Pháp Bảo Đàn Kinh - Những điều còn băn khoăn | Vu Gia
Thầy bổn sư của tôi (thơ) | Diệu Anh
Hòa thượng Sơn Nhân | Trần Đình Sơn
Hãy tự mình lựa chọn hướng mà đi | Minh Ngọc
Vì một xã hội từ ái - Tuổi trẻ hôm nay và tội ác | Nguyên Cẩn

https://tieulun.hopto.org

Duy Thức Tông ra đời và phát triển tại Ấn Độ
và Trung Hoa | Lê Sơn Phương Ngọc
Trang thơ | Nguyễn Bá Hoàn
Ngôi chùa nơi đất khách | Hàng Châu
Gót vô thường | Tâm Như
Nhớ cha (nhạc) | Hằng Vang & Tôn Nữ Hỷ Khương
Vấn đề ăn chay | Hữu Chí
Nâng tầm trí tuệ trong Phật giáo | Hoàng Văn Lễ
Lễ dâng y KATHINA | Tuệ Ân
Nghe và thấy (thơ) | Hương Liên
Cầu Phật ở đâu | Văn Quang Thùy
Phật pháp giữa đời thường (tt) | Cao Thăng Bình
Đôi điều về niên đại khai sơn chùa Núi Châu Thới
ở Bình Dương | Nguyên Châu
Lo âu và sợ hãi | Trần Quốc Triệu
Tuổi trẻ học Phật | Chúc Trọng
Ý dẫn đầu các pháp | Huỳnh Văn Ưu
Âm nhạc trị liệu | Lê Hải Đăng
Chỉ sợ chính mình làm sai | Viên Thắng
Khoảng trống và hiện hữu (thơ) | Nguyễn Văn Thức
Độc đáo kiến trúc các ngôi chùa cổ tiêu biểu ở vùng đất
Việt Yên, Bắc Giang | Tạ Văn Trường
Ngôi nhà ngũ uẩn | Trần Cao Lộc
Từ thiện xã hội trong giáo lý Phật giáo |
Chử Thị Kim Phương
Nhà Lam họp mặt Mùa lễ Phật thành đạo (thơ) |
Đặng Hùng Anh
Từ quang (thơ) | Hồng Băng

https://tieulun.hopto.org

Bi kịch EUDIPE làm vua qua nhân quả nghiệp báo | Thích Thiện Hưng
Đạo đức của Phật giáo với đạo làm người | Hoàng Thị Thơ
Chiang Rai-Thái Lan ngày nắng đẹp | Đăng Khoa
Thân tâm thường an lạc (thơ) | Đoàn Tấn Thuận
Tư tưởng Tịnh độ trợ hạnh vãng sanh | Thích Hoằng Dự
Vài thông tin cho người chuẩn bị thọ giới Bồ tát tại gia theo Phạm Võng Bồ tát giới | Thanh Tiển
Thông tin | Diệu Châu
Thư ngỏ | Từ Quang



https://tieulun.hopto.org

BIẾT DÙNG LÀ ĐƯỢC

CHÁNH TRÍ



Vì Đời - Đạo trái nhau cho nên có những cái Đời chuộng mà Đạo ruồng, lại có những cái Đạo quý mà Đời rẻ. Tuy ruồng bỏ, nhưng có khi Đạo cũng dùng, như cái "ta" chẳng hạn.

Phật dạy: Trong tất cả những sai lầm của chúng sanh, to lớn và nguy hại nhất là cái tin tưởng lầm về sự hiện hữu của cái "ta". Kinh điển chữ Hán gọi đó là ngã chấp.

https://tieulun.hopto.org

To lớn vì ngã chấp gồm tất cả những sai lầm khác. Thật vậy, con người nhìn xem, giải thích, đánh giá sự vật, mỗi mỗi đều tùy theo quan niệm, thành kiến của mình, tức là tùy theo sự sai sử của ngã chấp. Mỗi chúng ta nhìn đời, hiểu đạo, nói tóm là "kiến giải" theo đường lối riêng biệt của mình. "Bá nhơn bá bụng", hóa ra tranh luận, cô chấp, bất dung, rồi đi đến nổi nóng, mắng chửi, ẩu đả, đâm chém. Vì hậu quả dài dòng và làm nhân cho nhiều nghiệp bất thiện như thế, lầm tưởng có ta quả là một tai hại nguy hiểm vô cùng.

Đến đây, câu kết luận của Phật pháp không nói ai cũng thấy: Phải diệt ngã, phải phá chấp. Nôm na: Phải giết chết cái ta hay ít ra phải quên mất cái ta, tức là quên mình vậy.

Mấy ai làm được điều này?

Dầu có hiểu có nhận lý "vô ngã", cái cố tật ngã chấp, chất chứa lâu đời lâu kiếp ở mỗi người, đã quá kiên cố sâu dày như tường đồng vách sắt, không phải sức phàm phu đã phá được đâu. Nhưng Phật pháp đa phương, trong trận chiến trường kỳ với cái ta, đánh cửa này không thủng thì Phật pháp tân công mặt khác.

Mặt khác ở đây là mặt ích kỷ vụ lợi của con người và cuộc tấn công đề cập thật ra không phải một cuộc giáp chiến thiệt mặt mà là một sự dẫn dụ,

https://tieulun.hopto.org

như dùng mồi ngon dụ cá cho mắc câu...

Kinh Pháp cú dạy:

"Ai ai cũng sợ dao, ai ai cũng sợ chết: Vậy nên lấy lòng mình suy lòng người: Chớ giết, chớ bảo giết. Ai ai cũng sợ dao, ai ai cũng thích sống: Vậy nên lấy lòng mình suy lòng người: Chớ giết, chớ bảo giết".

Lấy lòng mình suy lòng người là đặt cái ta của mình vào địa vị cái ta của người khác. Mình không muốn ai hại mình thì đừng làm hại kẻ khác vì kẻ ấy cũng không muốn bị hại như mình.

Thế thì cái "ta" bị lên án kia có chỗ dùng và cần phải được dùng trong hoàn cảnh của tối đại đa số còn sống say chết ngủ, nghĩa là còn kẹt trong vòng vọng chấp.

Không muốn chết là thích sống. Đã thích sống thì ta người đều sung sướng thấy đời sống được bảo vệ, thấy có sự yểm trợ sự sống của mình. Vậy đừng chạm đến sự sống của muôn loài chưa đủ, phải giúp cho muôn loài sanh sống đầy đủ, an toàn, đúng như ý mình mong muốn cho mình.

Tuy còn nghĩ đến ta, nhưng cái tự tư này chấp nhận được, dùng được, vì sau nó có cái nghĩ đến người khác, loài khác đi theo cái ta ở đây có thể ví như cây thước để dò lòng đo lường những ý nghĩ, lời nói, việc làm của mình, mỗi khi mình có một thái độ

https://tieulun.hopto.org

với người khác, loài khác.

Câu "Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhơn", nếu thêm câu "Kỷ sở hiếu dục, cầu thi ư nhơn", thì chúng ta sẽ có toàn bộ đạo lý của Phật giáo. Phần trước là tiêu cực, phần thêm vào là tích cực.

Để kết luận: Cái ta là cái không nên mê chấp, nhưng tạm thời, biết dùng như Phật dạy thì không hại mà còn có ích.

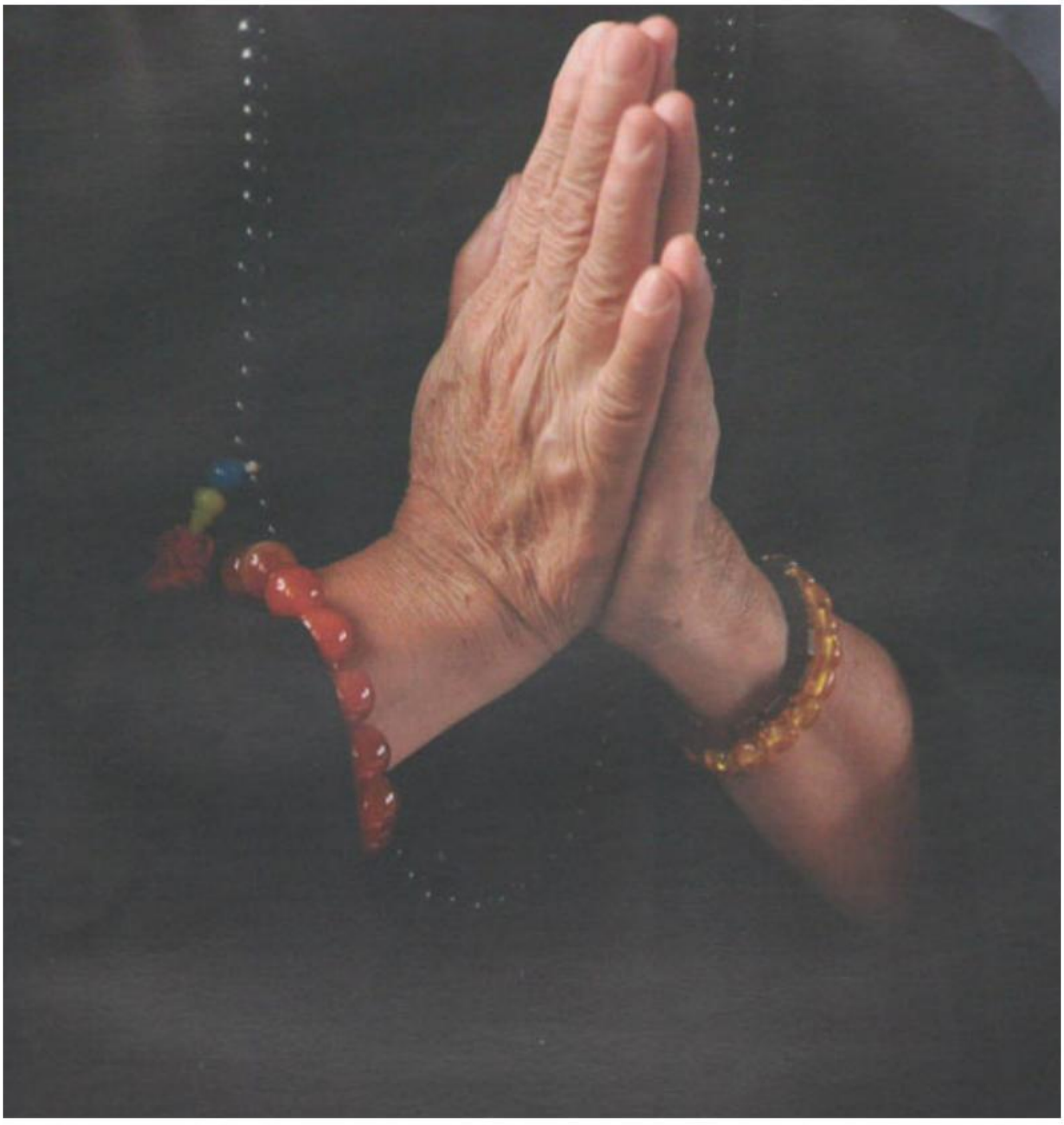
Trích tạp chí Từ Quang số 203-204 tháng7-8 năm 1969



https://tieulun.hopto.org

TÔNG CHỈ PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

ĐẠO TRÀNG VẠN ĐỨC



https://tieulun.hopto.org

Hòa thượng Vạn Đức dạy:

Tất cả pháp môn của Phật dạy đều có tông chỉ. Y theo tông chỉ mà thực hành mới có kết quả.

* Tín - nguyện - hạnh.

Là tông chỉ của môn niệm Phật.

- Tin chắc cõi cực lạc thanh tịnh trang nghiêm

Tin chắc nguyện lực của A Di đà Phật nhiếp thọ người niệm Phật.

Tin chắc mình niệm Phật đây sẽ được vãng sanh trụ bực bất thối chuyển.

Đây là tông chỉ thứ nhất: Tin sâu.

- Mong mỏi được về cực lạc như viễn khách niệm cố hương.

Mong mỏi được ở gần đức A Di đà Phật như con thơ nhớ mẹ hiền.

Ngày ngày ngưỡng vọng Tây phương mà lòng mãi ngậm ngùi.

Phút phút trông chờ từ phụ mà đôi mắt thường đẫm lệ.

Đây là tông chỉ thứ hai: (nguyện thiết).

- Công hạnh chuyên cần niệm Phật

Là tông chỉ thứ ba.

Tông chỉ này có "sự tu" và "lý quán".

Về phần sự tu, người niệm Phật khi chưa chứng nhập chánh định cần phải định thời khóa trong mỗi ngày.

https://tieulun.hopto.org

Hoặc bốn thời hoặc sáu thời... Ít nhất là hai thời.

Không nên vội muốn viên dung tự tại, vội muốn vô tướng mà niệm lực khó thành, tổ Trí Húc đã từng răn như thế. Hoặc tụng kinh hay trì chú rồi niệm Phật hồi hướng, hoặc lễ sám hối niệm Phật hồi hướng, hoặc chỉ chuyên một mặt niệm Phật. Kinh và chú là tùy ở sở thích của mỗi người mà tụng, chỉ phải là kinh Đại thừa.

Nhưng phải coi niệm Phật là phần chánh. Mỗi thời niệm một ngàn, hai ngàn cho đến năm bảy ngàn... Ít nhất là một ngàn câu (Nam mô A Di Đà Phật)

Niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được, miễn là trong khi niệm phải đủ bốn điều kiện này:

1- Rành là chữ câu rành rẽ không lộn lạo. Rõ là tự nhận tiếng niệm rõ ràng không trại, không mờ.

2- Tương ưng - Tiếng hiệp với tâm, tâm duyên theo tiếng, tâm và tiếng hiệp khắn với nhau.

3- Chí thiết - chí thành tha thiết, như con thơ mắc nạn, kêu cầu từ mẫu cứu vớt.

4- Nhiếp tâm - không cho tạp niệm xen vào, nếu xao lãng thời liên thâu lại. Trong trường hợp nây, chăm chú nhận chắc lấy tiếng của mình niệm là công hiệu nhất.

Dùng lòng tin sâu chắc và nguyện vọng tha thiết mà niệm Phật trong khuôn khổ của bốn điều trên, đó

https://tieulun.hopto.org

là niệm Phật đúng pháp. Niệm Phật đúng pháp rồi chí tâm hồi hướng cầu sanh, thời quyết định sẽ vãng sanh Cực lạc thế giới, nhưng phải bền lòng niệm Phật đến trọn đời. Nếu ai chuyên cần niệm nhiều, thời lần lần được bất niệm tự niệm và được nhập niệm Phật tam muội mà vãng sanh phẩm vị càng cao hơn.

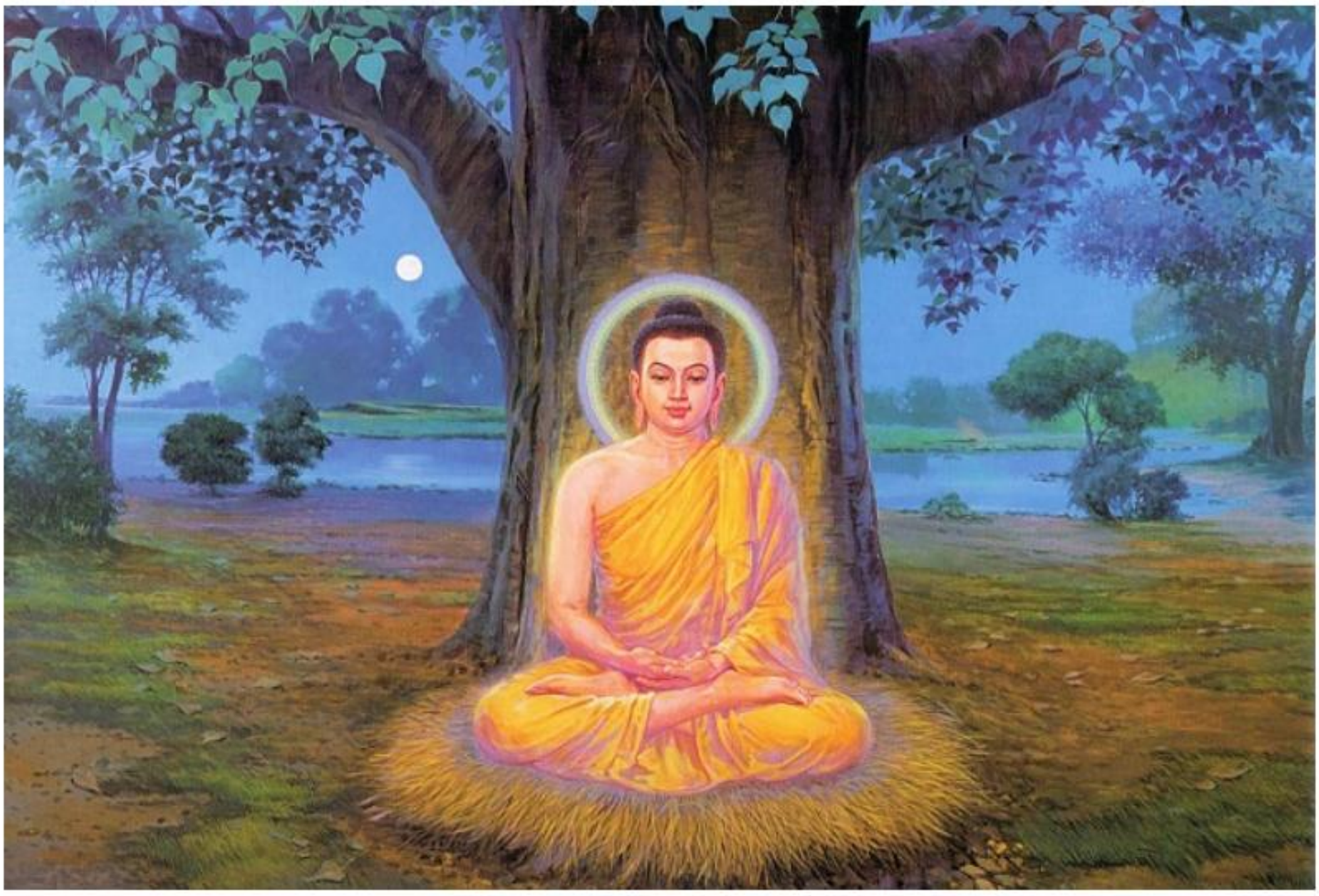
Ngày vía Phật Thích Ca xuất gia năm Bính Thân.
Hân Tịnh tỳ kheo.
Thích Trí Tịnh
(TK Thích Hoằng Dự sưu tầm)



https://tieulun.hopto.org

ĐẠO PHẬT
NHƯ MỘT KINH NGHIỆM SỐNG (tt)

MAI THỌ TRUYỀN



Kinh nghiệm đêm hôm ấy đã cho tôi hai bài học. Thứ nhất là sức mạnh của thói quen do sự chuyên tâm trì tụng tạo thành, sức mạnh ấy bén nhọn như một mũi dùi soi thủng màn vô minh trong âm thầm và bất thức. Thứ hai là sự huân tập và trưởng thành của mọi chủng tử thiện cũng như ác: Nếu mỗi đêm tôi không siêng tụng bài kệ vãng sanh, hoặc tụng mà không định tâm tìm hiểu nghĩa sâu thì ánh

https://tieulun.hopto.org

sáng kia chắc chắn không đến với tôi.

Từ đây, tôi càng thâm tín hiệu năng của việc trì tụng kinh chú và cái lẽ cần phải luôn luôn sống vì Đạo, trong Đạo, không lúc nào rời.

Với nếp sống mới, cố đi vào nội giới, bớt chạy ra ngoài, tôi cảm thấy cái nhìn của tôi đối với vạn sự vạn vật có phần thay đổi và hai chữ Chánh Kiến trong Bát Chánh Đạo đột nhiên có một nghĩa mới. không phải thấy hiểu chơn chánh mà là "sửa" cái "thấy" của mình cho đúng đắn. Nhưng vì có thấy là có đánh giá, nói có, nói không, nói xấu, nói tốt, nói hư, nói thật... cho nên cái "thấy" một khi bị điều chỉnh thì cái "đánh giá" sự vật cũng bị điều chỉnh luôn.

Một đêm tọa thiền vào năm 1951, lúc vạn duyên gần như bặt mất, thân xác tiêu tan mà một ý niệm cũng chẳng còn, tôi không khỏi ngạc nhiên nhận ra rằng tôi, con người của tôi teo lại chỉ còn một cái "biết", biết có một hơi thở đang lên xuống xì xịt như chiếc ống bể của thợ rèn. Giá như cái xì xịt đó bặt nữa thì còn gì? Chắc chắn chỉ còn có cái "biết" trơ trọi. Cái "biết" mà mất nữa thì còn gì? Có lẽ không còn gì cả! Xác thịt không phải là tôi, tình cảm không phải là tôi, tính toan lo nghĩ cũng không phải là tôi, vậy quả đúng là "vô ngã" không có "thằng tôi" như Phật đã dạy. Và "tôi thật" có lẽ là cái "biết" kia, bởi

https://tieulun.hopto.org

vì riêng có nó là tồn tại khi tất cả các yếu tố khác kết thành cái "ngã" đã tiêu tan.

Sự khám phá này xác nhận trong tâm trí tôi công hiệu của thanh tịnh và minh chứng luôn cái lẽ có Tịnh là có Định, rồi nhờ Định mà phát Huệ. Tôi càng thâm tín rằng lời nói của Phật là lời nói của kinh nghiệm. Và vì thâm tín mà tôi đâm ra say mê, bất luận đi, đứng, nằm, ngồi, lòng tôi lúc nào cũng vương vấn ít nhiều với Đạo. Những câu kinh hay, những bài kệ thấm, lộn đi trở lại mãi trong đầu óc tôi, lắm lúc tôi hóa ra gần như người khùng, hoặc miệng lẩm nhẩm, hoặc ngồi thừ người ra đến vài mươi phút mà bất động.

Cái khùng ấy đã lần lượt đưa tôi đến những cử chỉ bên ngoài, hay những ý nghĩ bên trong mà nếu có ai thấy biết được, ắt không khỏi buồn cười.

Bụi hồng Đà Lạt tôi trồng trước cửa vừa có được vài mụt. Tôi mừng quá biết nó đã chịu đất rồi, không chết. Sớm chiều tôi càng chăm nom nó thêm, và theo dõi sức phát triển của mỗi mụt. Chúng to dần để rồi, một sáng nọ, tôi bắt gặp chúng tự xé tét ở đầu và cho thò ra một tượt non xanh xanh, hồng hồng. Hai hôm sau, mỗi tượt đã ra dài, mập mạp, nõn nà, mềm mại như những đứa bé sổ sữa, khả ái thế nào! Ngồi ngắm cây hồng, tôi tự hỏi: Cái gì trong thân cây nhô lên thành mụt? Cái gì xé tét da cây để lấy

https://tieulun.hopto.org

chỗ cho tượt non xuất đầu lộ diện? Hay chính tượt non ấy? Nhưng nó yếu đuối mềm mại quá mà, làm sao soi thủng lớp vỏ cây vừa dày vừa cứng kia? Thật là bí mật, thật là huyền diệu sức sống trong cây! Ẩn trong lòng mạch nhựa tôi thấy nó lưu chuyển khắp bụi hồng, từ cái rễ con lên đến ngọn, sau khi phóng ra tứ phía, trong cành, trong lá và vê sau trong nụ trong hoa. Tất cả những cành, lá, hoa sai biệt này đều do có một cái độc nhất bên trong sanh ra và nuôi dưỡng. Tôi đã học được ở sự vật bài học linh động "Vạn thù quy nhất bổn" hay "Nhất bổn tán vạn thù".

Sáng mồng một Tết, hai đứa cháu bé gái vừa được quà mỗi đứa một con búp bê. Chúng reo mừng quấn quýt, đứa nào cũng ôm sát vào ngực mà ru, không cho ai rờ đến. Nhưng một chặp sau, con em đặt búp bê đồ chơi của nó trên mặt một chiếc bàn con thấp, sửa chân, sửa tay cho ngồi ngay thẳng, rồi đứng xa ra nhìn, bỗng nó la lên, "Á em cũng có đỏ đỏ như má", tay vừa chỉ vết son ở môi ở má của búp bê. Con bé đã cho tôi một bài học về chữ "xả": Không buông tha việc đời, cứ ôm mãi nó vào mình đến nước nó với mình là một, thì làm sao thấy đâu đỏ đâu đen. Không thấy cho nên đỏ cũng lấy mà đen cũng không tha. Và tôi chợt hiểu tại sao trên bước đường đầu, nhà tu hành cần phải xa lìa thế sự.

Một chiếc xe ngựa thoáng qua. Từ trong lề, đôi

https://tieulun.hopto.org

ba chú nhỏ phóng ra tay vịn vè, chân chạy theo vó ngựa. Bác đánh xe la thấy không hiệu quả, bác đành ra roi cho ngựa sải. Các chú nỗ lực hơn lên, nhưng không đầy một phút, đành buông xe đứng lại hổn hển: "Mệt quá!". Ai bắt các chú phải mệt? Giá các chú đừng chơi ngông, hoặc có lỡ chơi rồi mà biết sớm buông xe, thì nay đâu có bài toán "mệt quá!" phải giải quyết? Trong xã hội mấy ai học được bài học hễ đã lỡ nắm thì phải biết sớm buông và dừng lại, đừng cố chạy theo chiếc xe danh lợi để rồi than mệt. Tôi hiểu câu "Chỉ ác là như vậy".

Quý vị có bao giờ ghim đứng một cây kim cúc trên mặt bàn không? Nếu không xin hãy làm xem: nó đứng, nhưng coi chừng, một khẽ đụng đủ làm cho nó ngã. Đầu to, chân nhỏ, nó ở trong một tư thế quân bình không vững. Ở đời, tôi nhận thấy có một số ít người sống trong cảnh đầu tượng, chân cheo ấy, dầu rằng bề ngoài, họ y như chúng ta không khác. Bao nhiêu sức sống của họ dồn lên trên cho trí huệ, cho đạo đức, đầu óc họ như chiếc bong bóng đầy khinh khí chực bay lên những tầng trời siêu việt. Trên mặt đất thế gian cùng những gì của thế gian, hai chân họ chỉ đụng phớt qua như mũi kim găm phớt trên mặt bàn, và vì vậy họ cũng dễ ngã, với nghĩa là họ không tha thiết với mặt bàn trần thế và chỗ đúng của họ. Phải chăng đây là biểu hiện của mức độ tu hành gọi

https://tieulun.hopto.org

là "thoát tục"?

Cầm quả chuối xiêm chín muồi, ruột đầy vỏ mỏng, bất giác tôi liên tưởng đến những triết gia, những tu sĩ, trong đầy đặn bao nhiêu, ngoài khô đét bấy nhiêu. Thật rõ tinh thần và vật chất bất dung, hễ cái này thạnh thì cái kia phải suy và bậc thánh nhân đỏ da thắm thịt do cỗ bàn thịnh soạn tài bồi, thắp đuốc tìm nhất định không có trong lịch sử. Lại nữa, tôi tự hỏi, cái ngọt của chuối chín từ đâu lại, há không phải từ cái chát của chuối non, cũng như mùi thơm của hoa huệ là từ mùi thối của phân mà biến thành? Tôi lại chợt hiểu thêm cái lý Tất cả là Một, thiện đó mà ác cũng đó, khéo xoay chiều thì ác thành thiện, và luôn dịp cũng hiểu luôn thuyết "chuyển bát thức thành tứ trí". Chỉ chuyển thôi, không có việc đem cái này thay cho cái kia. Phàm biết mà Thánh cũng biết, nhưng cái biết của Phàm vì sai nên gọi là thức, đến khi lên Thánh cái biết ấy lên theo mà trở thành đúng, nên gọi là trí. Chỉ có thế thôi!

Xông pha trong gió bụi nhưng cố giữ mình như người đi mưa choàng áo tơi, ngoài ướt trong khô, tôi lắm phen trực ngộ được cái thâm thúy của câu "bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến" và cũng nhận ra cái nghĩa chơn xác của câu "Tửu bất túy nhơn, duy nhơn tự túy". Rượu không làm mình say, chỉ mình tự

https://tieulun.hopto.org

say thì làm sao còn oán trời trách người mà chẳng quy tội về cho mình?

Tất cả đã do mình, phước như họa, thì cầu khẩn với ai để tránh hung được kiết? Vì nghĩ thế mà tôi hoài nghi cái thật chất của những lễ cầu an cầu siêu.

Sách *Luận Ngữ* chép: Khổng Tử bệnh, lo ngại các học trò xin phép làm lễ "cầu an" cho Ngài. Khổng Tử đáp: "Không cần! Ta đã kỳ đảo cho ta lâu rồi". Đúng như vậy! Đã lâu rồi, đức Khổng đã sống trong cái nếp "khắc kỷ, phục lễ, chánh tâm, tu thân" là thuật cầu an cao cả nhất, hiệu lực nhất, thì nay còn cầu gì nữa, và cầu với ai chớ?! Tôi tự nghĩ, tôi có thể, theo đường lối Phật giáo, thực hiện cái thuật kỳ đảo hay cầu an của đức Khổng.

Ngài khắc kỷ thì tôi "hàng phục tự tâm".

Ngài phục lễ thì tôi "quy y Tam bảo".

Ngài Chánh tâm thì tôi "hành Bát chánh đạo".

Ngài tu thân thì tôi "trì ngũ giới".

Nếu được như vậy những gì phải tới là cứ tới, bận lòng làm chi, cầu khẩn làm gì, khi tự biết rằng mình đã làm tất cả những điều cần làm cho cái bình an của thân tâm.

Còn cầu siêu? Nếu trọn đời tôi không "nguyện vãng sanh Tịnh độ" mà lại "nguyện vĩnh trú Ta bà", không làm lành, chẳng niệm Phật thì sự liệu lý vào giờ chót của thân nhơn tôi, dầu có tươm tất với năm

https://tieulun.hopto.org

thầy mười sãi, vẫn không đem đến cho vong linh tôi một hiệu quả nào.

Tôi quả quyết tin rằng, không ai cầu an, cầu siêu cho tôi bằng tôi. Tôi phải thi hành câu tự độ của Phật dạy, mà không "cầu tha gia bị" là mong người đắp điếm cho mình. Không, tôi không chịu ỷ lại vào một ai, vào một sức mạnh nào ngoài những nỗ lực của tôi, tôi không muốn mãi sống kiếp con tằm nằm trong kén, mà tôi quyết làm bướm tự lắp cách tung bay trong cảnh rộng thênh của trời cao gió mát.

Hy vọng này, quyết tâm này hòa với những kinh nghiệm mà một ít đã trình bày, đã đưa tôi đến một nhận xét tổng quát: Phật giáo, trước hết là một thuật sống, quy định trên ba nguyên tắc căn bản:

Nguyên tắc thứ nhất là khéo chọn bạn

"Gần mực thời đen, gần đèn thời sáng", mấy ai không biết câu ngạn ngữ thông thường ấy, nhưng lúc thiếu thời, tôi nào đã thận trọng trong việc chọn bạn. Vì vậy mà tôi đã gần những "tổn hữu ác đảng", rồi do đó mà tiêm nhiễm những thói xấu, tật hư, hao tổn sự nghiệp, thanh danh, lắm khi còn sa ngã vào hố sâu tội lỗi. Nhưng chọn ai bây giờ? Chọn những người quen sống trong tình hòa thuận, không giận, không tham, xa chốn phồn hoa mà gần nơi an tĩnh, lòng trong như nước suối, trí rảnh tựa chim ngàn. Tiêu biểu cao nhất cho hạng người đáng gần này là

https://tieulun.hopto.org

những bậc chơn tu, thạc đức mà đoàn thể có tên là Tăng già. Tôi tin rằng gần được những vị tu sĩ chơn chánh này, tâm hồn tôi phải cảm theo mà trong sạch, thói tranh chấp của tôi chạm tới tánh hiếu hòa của các ngài phải tiêu tan, cuộc đời giải thoát của các ngài làm cho tôi thức tỉnh mà lần hồi cởi mở những xiềng xích gông cùm do thành kiên xã hội, tập quán thế tình và quan niệm si mê của tôi tự rèn đúc để trói buộc thân tâm tôi.

Tôi hiểu nghĩa **quy y Tăng** là như vậy.

Nguyên tắc thứ hai là sống hợp với Luật thiên nhiên

Luật thiên nhiên là những công lệ của Lương Khải Siêu, là chân lý của nhà triết học, là Dharma hay Pháp của người học Phật.

Không biết mình là một củ hành, ngoài bao bẹ "ngũ uẩn" còn trung tâm là cái trống "không", lại cho mình là thật có, nhất cử nhất động đưa cái "Ta" ra, như thế là sống nghịch với công lệ "vô ngã", tự mình chuốc lấy những nhọc nhằn đau khổ vì cái "Ta" ảo tưởng.

Ngã đã chấp thì pháp cũng chấp luôn: Tất cả là có, vạn vật là miên viễn, danh lợi là trường tồn, cho nên không ngại mà dấn thân vào vòng "phú quý trường trung dị bạch đầu". Lầm chấp như thế là tại dốt cái luật "Vô thường".

https://tieulun.hopto.org

Ai cũng sợ hưởng những quả không hay, nhưng ít người biết tránh gây những nhân không tốt, ấy cũng vì còn mê muội về cái luật "nghiệp báo" nghiêm minh.

Với tôi, **quy y Pháp** tạm hiểu như thế cũng được rồi.

Nguyên tắc thứ ba là trở về với Ánh sáng

Tôi đã nhận những lỗi lầm trong chỗ kết giao, trong đường xử thế, đương nhiên tôi phải nhận luôn là tôi đã sống trong mê muội, trong đui mù. Vậy điều cần thiết bây giờ đối với tôi, là tức tốc xoay lưng với tối tăm và quay về với ánh sáng, để nhờ đó mà thấy đâu là hạnh phúc chơn thật, đâu là đau khổ trá hình, đâu là giải thoát tự tại, đâu là giam cầm hệ lụy.

Quay về an trú trong ánh sáng của tự Tâm, đó là **quy y Phật**.

Một chiếc tắc xi chạy trước trụ sở Quốc hội. Một khách ngoại quốc kêu lại, bảo chở đến khách sạn Majestic. Đến nơi, ngó đồng hồ thấy ghi 50 đồng, khách móc tiền trả thầm khen giá rẻ vì xe đã chạy vòng vo tam quốc khá lâu. Chiều lại nhàn rỗi, khách tản bộ. Đến công trường Lam Sơn, khách dừng bước, ngó trước ngó sau, thầm nghĩ: "Đúng rồi, hồi sớm mai mình ở đây, và từ đây về Majestic có bao xa đâu, sao xe lại chạy lâu như vậy? Chắc

https://tieulun.hopto.org

anh ấy không thuộc đường!". Đây là câu chuyện có thật.

Tôi vừa đưa quý vị đi chơi một vòng, khởi điểm từ Tam quy để rồi trở lại Tam quy. Xin quý vị tha lỗi đã làm mất nhiều thời giờ quý báu của quý vị, huống chi tôi không có cái tâm của bác tài tắc xi, và nếu phải nói sự thật, tôi xin thưa răng tôi đã phí gân mười ba năm mới đi từ cái Tam quy trước đến cái Tam quy sau.

Trước là một Tam quy theo lệ, một Tam quy chết cứng. Sau là một Tam quy sống động thoát ngoài khuôn sáo, một Tam quy trong kinh nghiệm mà tôi có lần giải thích như sau.

Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng phải là ba lời thệ nguyện lớn của người nhập môn cầu Đạo, hay để nói theo quan niệm của tôi, của **người muốn chết với đời sống cũ, để sanh sang một đời sống mới.** Vì vậy tiếp theo lời thệ nguyện ấy, phải có một cuộc đại cách mạng xảy ra trong thân tâm, tức là trong tư tưởng, lời nói, việc làm.

Nếu sau lễ Quy y, trong vòng năm bảy tháng mà những bạn tiểu nhân rượu tối, trà trưa còn đến gõ cửa, nên biết rằng trong nhà mình chưa có người quân tử tiết tháo, và như thế thì mình chưa thật Quy y Tăng. Hoặc đứng trước một cái lợi, dầu chánh hay bất chánh, mà lòng mình còn bồng bột, trước một cái

https://tieulun.hopto.org

chết mà lòng mình còn đau khổ theo thường tình, hoặc muốn tránh cái quả bất thiện mà lại cố tình gieo cái nhân quá ác... thì nên biết rằng mình chưa thật Quy y Pháp. Lại hoặc xúc sự mê muội, như thấy sắc động lòng, thấy tiền chóa mắt, lấy buồn làm vui, lấy khổ làm sướng, như thế thì cũng chưa thật Quy y Phật.

Nhưng từ nguyên tắc đến thực hành, con đường không phải gần và không khó khăn, do đây mà Đức Từ Phụ bày vẽ cho kẻ tục người thanh những giới điều mà ai cũng biết hoặc nghe nói đến. Đó là bức rào kiên cố để giữ người quyết tâm qua cầu sanh tử không lọt xuống lạch "ái hà thiên xích lãng" đó là mũi tên chỉ đường đúng đắn cho những ai muốn lìa "khổ hải vạn trùng ba".

Kinh điển Hán văn bảo rằng đức Phật vì "một đại sự nhơn duyên" mà xuất thế và đại sự ấy là sanh tử.

Từ sanh tới tử là một đời người, hay nói đúng hơn, là một giai đoạn trong đời sống bất diệt vô biên của loài người cũng như của toàn thể chúng sanh. Vậy vì vấn đề sự sống mà đức Phật ra đời, và sự sống vô cùng quan trọng.

Sự sống bàng bạc khắp vũ trụ không bờ không bến. Sự sống cũng là Pháp, là Chân lý. Sự sống đã ở khắp cùng và bất diệt thì Pháp cũng ở khắp cùng và

https://tieulun.hopto.org

bất diệt, và tiếng Pháp vì vậy mà không đâu và không lúc nào là không có: "Pháp âm bất tuyệt" như người xưa đã nói. Tiếng dế ngâm, cưỡng hót là tiếng Pháp, tiếng thảo mộc khai hoa nứt tược là tiếng Pháp. Sóng bổ gió gào, thông reo suối chảy, đồng là tiếng Pháp, thậm chí một hòn sỏi rơi vào vực thẳm không một tiếng vang cũng là tiếng Pháp. Cái nghẹn ngào của một góa phụ, cái thừ người của đứa bé mất cha cũng toàn là tiếng Pháp. Có những tiếng trong cảnh động, có những tiếng trong cảnh tịnh. Ai nghe được tiếng của cõi lòng xa xôi, "cái tiếng của vắng lặng", người ấy đã nghe tiếng Pháp.

Phật linh là nhờ có Pháp, cho nên Phật pháp gắn liền với nhau. Góp lại mà nói, Phật pháp là một thuật sống thần diệu và Phật đạo là con đường êm đẹp nhất cho thế nhân.

Trích tạp chí Từ Quang
số 178 + 179 tháng 6,7/1967



https://tieulun.hopto.org

Từ bi hỷ xả



TỪ tâm thể hiện tình thương
TỪ thân, từ khẩu, ý thường an vui
TỪ hành động, từ nụ cười
TỪ đức, từ ái... thương đời độ sanh!

BI tâm, bi tánh, thiện lành
BI trí, bi đức thường dành thương yêu
BI chúng sanh, xót trăm chiều...
BI tuệ nhẫn pháp hóa nhiều phúc ân.

https://tieulun.hopto.org

HỶ lạc hiện tướng hiền nhân
HỶ mừng ban tặng hóa thân nhiệm mầu.
HỶ tánh, hỷ ý... xưa sau
HỶ thường - lạc - tịnh... muôn màu pháp thân.

XẢ nghiệp chướng, xả trầm luân
XẢ oan gia, xả khổ nhân nhiều đời.
XẢ lỗi, xả tội... cho người
XẢ - mầm bất tịnh vui tươi cho mình.

Sáu pháp nhẫn nhục



https://tieulun.hopto.org

1. NHẪN THẮNG SỰ MẮNG CHỬI

Hạnh tu nhẫn nhục nhiệm mầu
Bị người mắng chửi chẳng rầu buồn chi!
Như hang trống, tiếng vang đi
Thương người an nhẫn trí bi độ người.

2. NHẪN THẮNG SỰ ĐÁNH ĐẬP

Hạnh tu nhẫn nhục tuyệt vời
Bị người đánh đập chẳng lời kêu than
Như gương hiện bóng rõ ràng
Trí lực an nhẫn, chuyển ngàn oan gia.

3. NHẪN THẮNG SỰ BỨC NÃO

Dù ai bức não hại ta
An tĩnh nhẫn nhục, hóa ra thân tình
Bao nhiêu kiếp trước vô minh
Oan khiên giải tỏa, tâm linh nhẹ nhàng.

4. NHẪN THẮNG SỰ TỨC GIẬN

Bị người tức giận mắng càng
Bình tĩnh nhẫn nhục... an nhàn tự thân
Nội tâm trí lực trong ngần
Không phiền, không giận tăng phần thiện tâm.

https://tieulun.hopto.org

5. NHẪN THẮNG TRƯỚC TÁM GIÓ

Thế pháp thanh tịnh thuần chân
Bát phong bất động... quả nhân an bình
Khen chê, vui khổ, nhục vinh...
Bình đẳng tu tập thắng tình phàm phu.

6. NHẪN THẮNG PHIỀN NÃO

Đối diện phiền não hỷ ưu
Không nhiễm, không khổ... đặc thù hạnh tu
Nương nhân duyên, quán phù du
Thành tựu nhẫn nhục thoát tù nhân gian.

7. NHẪN NHỤC NÊN ĐẠO

Thiện nam tín nữ đạo tràng
Một ngày an lạc thoát đàng mê tân
Nhẫn nhục dù trăm vạn lần
Luôn luôn khắc dạ giữ phần tịnh tu.

*****

Nhẫn nhục tâm niệm công phu
Thân tâm vui chịu, đạo từ an vui
Nhân thân, nhân miệng... lòng tươi
Ngày ngày thanh thoát... nụ cười hân hoan
Gắng nhớ nhẫn quý hơn vàng
Nhẫn chứng đạo quả Niết bàn thiên thu.

https://tieulun.hopto.org

TÔI HỌC KIM CANG – "ƯNG VÔ SỞ TRỤ..."

ĐỖ HỒNG NGỌC



Trang nha - www.gdptvietnam.com

Với hai câu hỏi của Tu Bồ Đề "Làm cách nào để an trụ tâm? Làm cách nào để *hàng phục tâm*?" thì Phật đã dạy cách *hàng phục* trước. Hàng phục thì... dễ, dạy trước, *an trụ* khó, dạy sau. Rõ ràng cái tâm viên ý mã, cái tâm quậy phá, như ngựa chứng, như trâu điên sức mấy mà an trụ được nếu chưa hàng phục! Hàng phục là trị nó, là làm cho nó quy hàng, làm cho nó chịu phép, bấy giờ mới tính chuyện "an trú" nó, cho nó ra đảo hoang hay vào rừng sâu. Cũng

https://tieulun.hopto.org

như người ta phải bắn thuốc mê để hàng phục mấy con voi điên ở rừng Tánh Linh (Bình Thuận) dạo nọ trước khi đưa chúng lên Dăklăk để tiếp tục thuần hóa chúng, làm cho chúng ngoan ngoãn và trở nên hữu ích?

Hàng phục... không khó, nhưng là bước căn bản, không có không xong! Chỉ cần *giới* và *định* là đủ. Giới và định thì hình như những người có mặt trong buổi truyền trao "gươm báu" này ai cũng đã quen thuộc, nhiều người thậm chí còn có "chức danh" này khác! Nhưng sao tâm vẫn chưa an? Vẫn thấy còn nhộn nhạo? Ấy là bởi thuốc chưa đủ mạnh, trị chưa tận gốc, cần phối hợp với một thứ thuốc đặc trị mạnh hơn, đó là Huệ! Có giới, định mà thiếu huệ vẫn chưa xong, bệnh vẫn còn tái phát. Hàng phục mà chưa an trụ cũng vậy!

Muốn an trụ tâm ư? Dễ lắm! Thì đừng có trụ vào đâu cả! "Ưng vô sở trụ" là xong hết! Đừng trụ vào đâu cả thì sẽ được an trụ? Câu nói nghe lạ, nhưng tuyệt diệu! Muốn an tâm ư? Thì hãy vô tâm! *Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền* (Trần Nhân Tông). Vô tâm ở đây không phải là bỏ mặc, là mặc kệ! Không phải thế. Trần Nhân Tông đã rời bỏ vương triều, đi tu trên núi Yên Tử, vậy mà khi quân Nguyên sang xâm lấn nước ta, nhà sư đâu có mặc kệ, ông tức khắc xuống núi, bày mưu tính kế, góp

https://tieulun.hopto.org

sức đánh đuổi ngoại xâm. Cái "vô tâm" của ông là ở chỗ đánh đuổi xong giặc thì xoa tay, về núi tu tiếp. Muốn an trụ thì vô trụ, muốn an tâm thì vô tâm. Đơn giản vậy. Lục tổ Huệ Năng chỉ nghe lóm một câu mà đại ngộ, còn ta sao cứ mãi mịt mờ! Ấy là bởi ta còn ham "dính mắc", ham tích cóp hơn là từ bỏ, buông xả, bô thí!

Phật nói rõ hơn: Vô sở trụ nghĩa là... đừng có trụ vào sắc bố thí, đừng có trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp... Tóm lại, đừng có trụ vào tướng! *Bất trụ tướng bố thí*. Trụ là dựa, là dính, là mắc. Bố thí mà dính mà mắc, mà dựa vào "tướng", vào hình thức thì chưa phải là bố thí đúng nghĩa! Bố thí mà còn thấy có kẻ cho người nhận, có quay Truyền hình để lăng xê tên tuổi, để "đầu tư" kiếm danh, kiếm lợi, kiếm phước thì chưa phải bố thí đúng nghĩa. Đúng nghĩa là bố thí... bất vụ lợi, bố thì không thấy có ta có người có vật bố thí; bố thí được như vậy mới... thực là hạnh phúc. Đó là cách bố thí vô tướng, bố thí không dính mắc, không toan tính. *Một đời lận đận đo rồi đếm/ Mỏi gối người đi đứng lại ngồi!* (Bùi Giáng). Cái bố thí mà Phật dạy để có Huệ chính là cái bố thí vượt qua, vượt ra, vượt lên, bố thí ở bờ bên kia, bờ của tuệ giác, bố thí Ba-la-mật đó vậy.

Một lần nọ, tôi hỏi vị sư: "*Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*" có phải là câu hay nhất trong kinh *Kim*

https://tieulun.hopto.org

Cang không thì sư nhẹ nhàng bảo không, trong kinh *Kim Cang* câu nào cũng hay! Quả thật, dần dần tôi cũng thấy ra kinh *Kim Cang* chỗ nào cũng hay cả, mà hình như ngày càng hay hơn, nhất là khi... áp dụng vào đời sống hằng ngày, đúng như Edward Conzé nói. Cách viết, cách trình bày từng chữ từng câu chặt chẽ, thuyết phục và nói chung là... hấp dẫn! Tôi bị cuốn hút vào *Kim Cang* cũng như trước kia với *Tâm Kinh*. Tâm Kinh - dạy cho Xá Lợi Phất, một đại đệ tử thông tuệ, trí thức nhất của Phật- hình như là để trả lời rốt ráo cho câu hỏi *Tại sao*, mang tính lý thuyết; còn Kim Cang thì nói cho Tu Bồ Đề, vị đại đệ tử giải *không* đệ nhất, vô tranh, ưa tĩnh mịch, vốn xưa là người dễ nổi nóng, dễ giận hờn... là để trả lời cho câu hỏi *Cách nào*?, nhằm hướng dẫn thực hành. Dĩ nhiên, những bài giảng này dành cho các đại đệ tử, hoặc các vị tu sĩ, không phải dành cho ta nên ta có lớ ngớ, bỡ ngỡ, chưng hửng cũng là chuyện bình thường thôi! Có điều, lớ ngớ, bỡ ngỡ, chưng hửng lại có cái hay của nó. Nó giúp ta tự thâm nhập, tự phát hiện, tham gia trong quá trình nghiền ngẫm, thử nghiệm, khi thấy tin được thì đem áp dụng vào đời sống hằng ngày để giải quyết những vướng mắc, phiền não, chẳng cũng khoái ru? Chẳng hạn câu *"Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"* mà ai cũng biết, ai cũng đọc như thần chú để an ủi... cõi lòng

https://tieulun.hopto.org

mỗi khi phiền muộn, cũng là câu mà Lục tổ Huệ Năng hơn ngàn năm trước, chỉ nghe lóm mà đại ngộ cũng đáng cho ta nghiền ngẫm miệt mài lắm chứ! Đừng trụ vào đâu cả để mà sanh cái tâm thì sẽ... sướng, sẽ vui, sẽ hạnh phúc, sẽ thoát mọi "khổ đau ách nạn". Thật ư?

Đừng trụ vào đâu cả? Đừng trụ vào đâu cả... ư? Ờ, mà có lý! Khi xem hai đội banh xa lạ đụng độ nhau, tôi xuýt xoa thưởng thức những đường banh hay đẹp, nhưng khi một trong hai đội là... đội của tôi- tôi là "fan" của họ- thì ôi thôi tôi lo lắng, khổ sở, bực dọc đủ thứ với từng đường banh, từng cầu thủ, trọng tài. Tôi... nguyền rủa, la hét, xỉ vả, rồi mừng rỡ khi đội mình thắng hay ngậm ngùi cay đắng khi đội mình thua! Ăn mất ngon, ngủ mất yên vì cái đội banh... quái quỷ mà tôi thương mến!

Hai thiền sinh gặp một cô gái ở khúc sông sâu đang lúng túng không dám lội qua. Một vị tình nguyện cõng cô qua. Trên đường về chùa, vị kia bỗng hỏi:- Làm sao mà một ông sư lại dám cõng trên lưng một cô gái đẹp như vậy chớ? - Ơ hay, tôi đã "buông" cô ta xuống lâu rồi, còn anh sao vẫn cứ "cõng" cô ta đến bây giờ vậy!

Có nhiều cách cõng. Cõng cô gái là một cách, cõng cái ý tưởng về cõng cô gái là một cách khác. Cô gái thì đã đặt xuống rồi nhưng cái ý tưởng kia thì

https://tieulun.hopto.org

vẫn còn quấn quýt mãi không thôi, có lẽ còn đi vào cả giấc mơ! Người kia thấy cô gái là cô gái, cần giúp thì giúp. Người nọ, thấy cô gái là cô gái... đẹp, băn khoăn tự hỏi có nên giúp hay không, giúp có phạm quy không, thậm chí còn bần thần "trăm năm biết có duyên gì hay không" nữa không chừng! Người cõng càng lâu thì càng mệt, càng sớm còng lưng! Nhưng đâu có dễ mà bỏ xuống chứ! Nghi Lâm tiểu sư muội cõng Lệnh Hồ huynh đệ bị thương (truyện Kim Dung) có một phen mà tâm thần bấn loạn dài dài! Cho nên, *Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm* thật không dễ!

Phật dạy muốn không trụ vào đâu cả (vô sở trụ) thì phải *ly tướng*, rời bỏ các hình thức, hiện tượng bày vẻ bên ngoài, vượt qua hiện tượng để thấy được cái thực chất bên trong. *Ly* được tất cả các *tướng* đã xứng danh là Phật; thấy được các tướng chẳng phải tướng là đã thấy Như Lai! Nhưng làm sao mà *ly* đây? Thế nên có người lên núi, làm một cái cốc... trong hang động để xa lánh sự đời! Nhưng vẫn chưa ổn chút nào vì cái tâm vẫn cứ còn quậy phá. Rõ ràng ở đây không phải vấn đề trốn chạy, vì chạy đi đâu cho thoát cái tâm chính mình, một khi tâm vẫn chưa an? Khi tâm đã an rồi thì đâu chẳng là... cốc, đâu chẳng là hang động? Cho nên có thể nói chuyển từ "ly tướng" bên ngoài đến... "ly tướng" bên trong

https://tieulun.hopto.org

là cả một sự chuyển hóa từ lượng sang chất.

Thị cố, Tu Bồ Đề ! Chư Bồ-tát Ma- ha- tát ưng như thị sanh thanh tịnh tâm... Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ... Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm!

Vậy đó, Tu Bồ Đề! Các vị Đại Bồ tát làm như vậy đó mà có được tâm thanh tịnh! Làm như vậy đó là làm làm sao? Câu trả lời là rời khỏi các tướng, không còn phân biệt ngã nhân, chúng sanh, thọ giả, là tách rời mọi thứ hiện tượng, không để bị mà mắt, bị hút vào những chuyện lăng xăng, ý niệm ngôn từ nọ kia, làm cho người ta vướng mắc, vùng vẫy không ra như mắc vào lưới cá! Những vị Đại Bồ tát đó đã thực hành bố thí kiểu mới, bố thí không dính mắc; trì giới, nhẫn nhục kiểu mới... và dĩ nhiên cũng đã có tuệ giác kiểu mới, vượt lên, vượt qua, vượt ra... Gaté, gaté, paragaté!

Kim Cang viết thật súc tích, chặt chẽ: Vì Đại Bồ tát là những vị đã *thật* vô sở đắc, thật vô sở hành... Những chữ "thật" đó khiến ta không khỏi giật mình. Họ hiểu lời Phật dạy là chiếc bè giúp qua sông; hiểu ngón tay Phật chỉ là để nhìn thấy trăng chớ không phải trăng... Tóm lại, tâm họ đã hoàn toàn "vô sở trụ", không trụ vào đâu cả, không dính mắc vào đâu cả!

"Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền", Trần Nhân Tông, sư tổ Trúc Lâm đã nói đến cái *vô tâm* như vậy

https://tieulun.hopto.org

từ bảy trăm năm trước, còn Lục tổ Huệ Năng, thì hơn một ngàn ba trăm năm trước cũng đã nói đến *vô niệm*. Dĩ nhiên, vô tâm không phải là không có tâm, không còn tâm, cũng như vô niệm không phải là không có niệm, không còn niệm. Vô niệm, vô tâm thực ra chỉ có nghĩa là cái tâm trong sáng, cái niệm thanh tịnh, đã hoàn toàn không còn phân biệt, không còn dính mắc (chấp trước). Trần Nhân Tông vẫn xuống núi, đánh đuổi quân Nguyên, nhưng khi xong giặc thì trở về núi tu tiếp, không "dính mắc" chi nữa! Còn Huệ Năng, "ngộ" rồi mà vẫn lẩn trong đám thợ săn hằng chục năm để tu rèn và giúp đỡ người. Cho nên tâm cứ sanh miễn là tâm thiện, tâm có ích cho mình, cho đời. "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" cũng chính là "Ưng sanh kỳ tâm nhi... vô sở trụ" vậy! Đâu có bảo phải dập tắt tâm đi, thui chột tâm đi, tiêu diệt tâm đi để trở thành sỏi đá hay người ngơ ngáo tâm thần sao? Mà *"ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau"* (Trịnh Công Sơn) kia mà!

Tu Bồ Đề hào hứng hỏi: Thưa Thế tôn, vậy xin hỏi kinh này có tên gọi là gì và phụng trì ra sao? Phật nói: Kinh này gọi là Kim Cang Bát nhã Ba la mật. Nói xong hình như Phật giật mình, coi chừng, không khéo họ lại... "trụ" vào nữa thì hỏng bét! Phật bèn nói tiếp: Bát nhã Ba la mật không phải là Bát nhã Ba la mật nên mới gọi là Bát nhã Ba la mật vậy!

https://tieulun.hopto.org

CÁT SÔNG HẰNG LÀ THỜI GIAN CỦA "HẠT" (NEUTRINO)

THÍCH LIÊN PHƯƠNG



Nội chuyên bay GW63 từ Bangkok đến Delhi gần 4 tiếng đồng hồ, tôi không nghĩ là mình đi về xứ Phật, mà tôi lại nghĩ đến sông Hằng, một con sông phát nguồn từ dãy Hymalaya, dòng chảy từ hướng Đông Nam đến Bangladesh vào vịnh Bengal lưu vực

https://tieulun.hopto.org

rộng 904.000km^2.

Tôi không biết con sông này, dòng nước có như xưa? Và những "Hạt" như cát sông Hằng có còn như "số lượng"?

Những người theo đạo Hindu muốn trước khi chết được uống nước sông Hằng! "Hằng hà sa số" là cụm từ thường thấy trong giáo lý kinh tạng của đạo Phật.

Khi đến trên bờ sông Hằng, tôi thấy hiện tượng cực kỳ đa phức, đa nguyên của con người sở tại và nhiều tập hợp tín ngưỡng tôn giáo, tư duy...

Có nhiều ngàn người ở trên bờ, trên thuyền và ngâm mình trong nước, không có ai đi xa hơn về phía bên kia của dòng chảy, một lượng nước ít ỏi, lừ đừ và thu hẹp...

Tôi quyết định "một mình qua bờ bên kia". Tôi đã giẫm chân trên dưới năm ngàn bước chân trên cát... để chạy qua bên kia; khi đến giữa bãi, tôi hốt lên một nhúm cát để giữa bàn tay và tôi "Thiền định". Tôi "thấy rõ thời gian và không gian đều nằm trên một hạt cát". Số nhiều không thể diễn tả, không thể ước lượng, ngoài vùng phủ sóng của tâm thức là "Không gian siêu tư". Tôi từ không "điểm tựa" không tâm mà nhìn vào nhúm cát trên tay. Tôi thấy mình là hạt cát, "cái Tôi là hạt cát".

Trong ngành vật lý hạt, Tiến sĩ Takaaki Kajita

https://tieulun.hopto.org

và Tiến sĩ Arthur B.McDonald đã đoạt giải Nobel Vật lý. Bởi vì, các ông này có thể quan sát các hạt của ánh sáng sau photon những Neutrino còn vượt quá số cát sông Hằng, mỗi giây có hàng ngàn tỉ hạt Neutrino chạy qua cơ thể con người. Tôi không quá khó khăn để tin vào thuyết sự kiện nầy. Nắm cát trên tay có thê từ tôi mà có, những nhà thông thái này biết được các hạt neutrino khởi vút từ mặt trời đi đến quả đất, chúng không biến mất mà có sự đổi thay bản chất.

Từ nơi cái "Nguyên minh phi vật lý" mà chúng phóng hiện đến cõi này, khi sở lập là "Hạt cát" chúng đã bị "mắt thường" nhìn thấy.

Tôi nhìn thấy "cái Tôi là hạt cát", nhưng hạt cát không nhìn thấy hạt cát là cái tôi, bởi lẽ các hạt bức xạ trong quá trình phân lập tế bào, nó là tính dẫn truyền thông tin.

Tôi cũng nghĩ sự sơ phát hình thành từ không đến sắc là ranh giới giữa tâm và vật. Viện Nghiên cứu não trạng Leninggrad đã nghiên cứu các sóng điện từ trong tư duy thấy nhìn hình thành các chùm sóng có biên độ hẹp ở vỏ não, chính dạng vật chất đầu tiên đã hình thành. Những nguyên tử hạt này đã nhỏ hơn hạt cát sông Hằng hàng tỷ lần không thể dùng mắt mà thấy.

https://tieulun.hopto.org



Giờ đây, trong tay tôi có nắm cát đồng như bãi cát mênh mông trước mặt tôi, tự dưng tôi không còn thấy "đó là cát" phẩm và lượng từ "đóm ý thức" tôi đã hóa gió đi rồi. Tôi tung năm cát vào hư không một làn gió thổi qua. Hạt thành bụi mù trước mắt tôi, rồi từng làn gió tiếp theo cảm giác linh lung mát lạnh tôi rùng mình đọc lên bài thơ:

Gió ơi biết đến bao giờ
Đưa làn cát lại lên bờ cội xưa
Gió đi, đi mãi mịt mờ
Xua đùa bão cát hôn mơ bụi đường
Gió về nắng rọi lòng gương
Gương lòng sáng lạnh, gió dường tợ không
Người đi lượn gió sang sông
Người về "lặng gió" rực hồng triều dương

https://tieulun.hopto.org

Gió là vô lượng cát tường
Sóng còn tựa nước cát còn tựa sông
Chiều tàn bãi lạnh mênh mông
Sông nhòa bóng lặng hồn thương suối nguồn
Bây giờ tính tận tâm buông
Vô minh đích thật là nguồn minh nhiên
Sá gì một chút hữu duyên
Vững lòng vô động những nguyền thề xưa
Một lời đã nói hay chưa
Một lời thốt động làm mưa giữa dòng
Sông Hằng nắng lại trên sông
Nhìn dòng nước chảy chợt lòng thành thơi
Nguồn tâm động, dậy tiếng lời
Nghe tâm như mộng, thác đời vượt qua
Phù du thế sự sương tà
Sống là ảo ảnh chết là mộng mơ.



https://tieulun.hopto.org

TÁM BƯỚC ĐI ĐẾN HẠNH PHÚC TRONG PHẬT GIÁO TÂY TẠNG

MINH BẢN

BƯỚC THỨ TÁM



https://tieulun.hopto.org

Tự luyện tập Bồ đề tâm tối hậu

Nhờ vào bảy bước trước phần này
Hợp với tinh thần không bẩn lây
Tám niệm cực đoan nhiều dấu vết
Nhìn đời hiện tượng tựa mây bay
Tất cả chính ta và chúng sinh
Nô lệ bề ngoài giả tạo hình
Quan niệm sai lầm sao kể xiết
Tâm luyện Bồ đề thật sáng minh.

Những thực hành chính yếu trong sự luyện tập tinh thần là hai bồ đề tâm: Bồ đề tâm thông thường và Bồ đề tâm tối hậu. Bảy bước trước chúng ta học làm thế nào triển khai bồ đề tâm thông thường và bước thứ tám cuối cùng này sẽ nêu lên làm thế nào triển khai Bồ đề tâm tối hậu. Bồ đề tâm bình thường là sự mong muốn đạt đến được giác ngộ cho trọn vẹn dành cho tất cả chúng sinh. Bồ đề tâm tối hậu là sự khôn ngoan thông thái thực hiện một cách trực tiếp chân lý tột cùng hay trạng thái trống không được khích lệ bởi Bồ đề tâm thông thường. Một khi chúng ta thiền định trên trạng thái trống không để làm sinh nở ra bên trong chúng ta hay để làm lớn lên Bồ đề tâm tối hậu, là chúng ta tập luyện đến Bồ đề tâm tối hậu. Được gọi là Bồ đề tâm tối hậu bởi vì đối tượng của nó là trạng thái trống không, chân lý cuối cùng và đó là một trong những con đường dẫn đến

https://tieulun.hopto.org

sự giác ngộ.

Bồ đề tâm thông thường được giải thích ở đây là Bồ đề tâm theo tập tục, theo quy ước bởi bản chất tự nhiên, bởi lòng từ bi, trong khi đó Bồ đề tâm tối hậu là bởi bản chất và bởi sự thông thái khôn ngoan. Hai Bồ đề tâm này như hai cánh của một con chim và cho phép chúng ta bay đến thế giới của giác ngộ.

Không biết ý nghĩa của trạng thái trống không của mọi sự vật thì không có một căn bản nào để luyện tập Bồ đề tâm tối hậu bởi vì trạng thái trống không đó là đối tượng của Bồ đề tâm tối hậu. Djé Tsongkhapa đã nói rằng: *Hiểu biết trạng thái trống không là cao hơn hết tất cả sự hiểu biết khác. Nhà sư chỉ dạy trạng thái trống không mà không sai sót là cao hơn tất cả nhà sư khác. Và thực hiện trạng thái trống không là cốt yếu như Phật pháp.*

Trạng thái trống không là một đề tài khó khăn nên chúng ta cần phải đọc một cách chăm chú kỹ lưỡng sự giải thích sau đây và suy ngẫm một cách sâu xa. Dòng thơ đầu của bước thứ tám nói rõ rằng tất cả những thực hành được giảng giải trong bảy bước trước đều phải được làm phối hợp với một sự thông hiểu trạng thái trống không, bản chất thật sự của tất cả mọi hiện tượng. Dòng thơ thứ hai viết về sự thực hành bồ đề tâm tối hậu ở giữa buổi thiền định. Dòng thơ thứ ba viết về sự thực hành Bồ đề tối

https://tieulun.hopto.org

hậu ở ngoài những buổi thiền định và dòng thứ tư giảng giải mục đích của thiền định trên Bồ đề tâm tối hậu. Mỗi dòng thơ nguyên bản được diễn nghĩa chung thành hai câu thơ nêu ở trên.

Dòng thơ đầu nói rằng *"Nhờ vào bảy bước trước phần này. Hợp với tinh thần không bẩn lây"*đông thời muôn chỉ rõ răng Bô đê tôi hậu không là một thực hiện cô lập mà nó phụ thuộc vào tất cả những sự thực hiện trong bảy bước trước. Để thực hiện trạng thái trống không, phải là Bồ đề tâm tối hậu, sự thực hiện đó trước tiên phải được khuyến khích bởi Bồ đề tâm thông thường và để làm sinh ra trong chúng ta Bồ đề thông thường, chúng ta cần đến những thực hiện tình yêu để yêu thương và lo nghĩ đến những người khác, lòng từ bi bao la v.v... Hơn nữa, nghiên cứu về trạng thái trống không và sự thiền định của chúng ta trên trạng thái trống không đó sẽ có một đụng chạm thực sự và mạnh mẽ, sâu xa duy chỉ trên tinh thần của chúng ta, nếu sự khích lệ ở mức độ tối thiểu về việc từ bỏ sự mong muốn giải thoát khỏi luân hồi sinh tử, và bỏ rơi những đảo lộn tinh thần của chúng ta. Nếu chúng ta được khích lệ bởi một hiếu kỳ đơn giản triết lý thì tốt hơn chúng ta có thể hy vọng đó là một sự hiểu biết giả tạo trí thức của trạng thái trống không. Chúng ta sẽ không bao giờ đến được kinh nghiệm sâu xa và giải thoát được.

https://tieulun.hopto.org

Trạng thái trống không là gì?

Trạng thái trống không là phương thức mà trong đó mọi sự vật tồn tại, hiện hữu thật sự. Đó cũng là phương thức mà mọi sự vật tồn tại, hiện hữu bởi sự đối nghịch với phương thức mà trong đó chúng xuất hiện. Chúng ta tin một cách tự nhiên rằng mọi sự vật mà chúng ta nhìn thấy ở chung quanh như những cái bàn, cái ghế những ngôi nhà hiện hữu một cách thật sự bởi vì chúng ta thấy chúng tồn tại một cách đúng như phương thức mà chúng xuất hiện. Tuy nhiên, phương thức mà trong đó mọi sự vật hiện ra đối với cảm giác của chúng ta là lừa đối, là đánh lừa và hoàn toàn ngược lại với phương thức mà trong đó chúng tồn tại một cách hữu hiệu. Những sự vật hình như tồn tại phía riêng tư của chúng, không phụ thuộc vào tinh thần của chúng ta. Thí dụ, cuốn sách này hiện ra ở tinh thần của chúng ta hình như có sự tồn tại độc lập riêng của nó và khách quan. Nó ở bên ngoài, trong khi đó tinh thần của chúng ta hình như ở bên trong. Chúng ta có cảm tưởng rằng tinh thần của chúng ta là nhỏ hơn mọi thứ được nhận biết trong sự tồn tại hiện hữu của cuốn sách. Phương thức tồn tại hiện hữu này độc lập đối với tinh thần của chúng ta, được gọi là những phương thức thay đổi khác nhau: *Tồn tại thật sự, tồn tại vốn sẵn hay cố hữu, tồn tại phía riêng tư của nó và tồn tại phía khách thể,*

https://tieulun.hopto.org

ngoại vật của nó.

Những sự vật hiện ra một cách trực tiếp ở những cảm giác của chúng ta như tồn tại, hiện hữu thật sự một cách vốn sẳn, cố hữu. Nhưng sự thật tất cả những hiện tượng đều không có hay trống rỗng của sự tồn tại, hiện hữu thật sự. Cuốn sách này, thân thể chúng ta, bạn bè của chúng ta, chính chúng ta, toàn thể vũ trụ thật sự chỉ là những hiện hình ở tinh thần của chúng ta giống như những sự vật nhận biết trong một giấc mơ. Nếu chúng ta mơ thấy một con voi, con voi hiện ra rõ ràng trong những chi tiết nhỏ nhất của nó, chúng ta có thể thấy nó, nghe nó, cảm nhận nó và sờ mó nó, nhưng một khi chúng ta thức dậy, chúng ta nhận thấy rằng con voi chỉ là sự xuất hiện ở trong giấc mơ của chúng ta. Chúng ta không hỏi "Con voi đã đi đâu?" Bởi vì chúng ta biết rằng đó chỉ là đơn giản một hình chiếu hay phóng ảnh ở tinh thần và nó không tồn tại riêng biệt đối với tinh thần. Đức Phật đã nói rằng điều đó là cho tất cả mọi hiện tượng. Tất cả những hiện tượng chỉ là những hiện ra đơn giản ở tinh thần và chúng phụ thuộc hoàn toàn tinh thần nhận biết những thứ đó.

Thế giới mà trong đó chúng ta làm thực nghiệm ở tình trạng thức và thế giới mà trong đó chúng ta thực nghiệm một khi chúng ta mơ, cả hai đều là những xuất hiện đơn giản trong tinh thần đến từ

https://tieulun.hopto.org

những quan niệm sai lầm của chúng ta. Nếu chúng ta xác nhận rằng thế giới giấc mơ của chúng ta là giả, không thật, thì đồng thời chúng ta cũng phải xác nhận rằng thế giới của tình trạng thức là giả, không thật. Và nếu chúng ta xác nhận rằng thế giới ở tình trạng thức là thực thì chúng ta cũng phải xác nhận thê giới của giâc mơ là thật. Giữa hai thê giới đó chỉ có một sự khác biệt là thế giới của giấc mơ là một sự hiện ra ở tinh thần tinh vi bén nhạy của chúng ta, trong khi đó thế giới thức là một sự hiện ra ở tinh thần thô lỗ cục mịch của chúng ta. Thế giới của những giấc mơ chỉ tồn tại trong thời gian nhận thức của giấc mơ trong đó sự vật hiện ra, và thế giới của tình trạng thức cũng chỉ tồn tại trong thời gian nhận thức của tình trạng thức trong đó sự vật hiện ra. Đức Phật đã nói "Chúng ta phải biết rằng tất cả những hiện tượng đều giống như những giấc mơ". Vào lúc chúng ta chết, những tinh thần thô lỗ cục mịch của tình trạng thức tự hòa tan trong tinh thần rất tinh tế của chúng ta và thế giới mà chúng ta biết trong khi đã sống qua biến mất một cách giản dị. Thế giới mà những người khác nhận thức sẽ tiếp tục, nhưng thê giới cá nhân của chúng ta cũng sẽ biến mất hoàn toàn và không thể trở lại thế giới của giấc mơ vào đêm hôm trước.

Đức Phật đồng thời cũng đã nói rằng tất cả

https://tieulun.hopto.org

những hiện tượng dường như là những ảo tưởng. Có một số lớn những loại ảo tưởng khác nhau, như những ảo ảnh, mống cầu vồng hay những ảo giác kích thích bởi ma túy. Ở thời xưa, một số nhà ảo thuật ném một yếm thư trên người xem và tiếp theo khán giả đã thấy những đồ vật như một miếng gỗ dưới một hình thể khác, thí dụ như một con cọp. Những ai dưới ảnh hưởng uy thế của sự bùa yếm thấy hình như là một con cọp thật và cảm thấy sợ sệt, nhưng những ai đến sau khi sự yếm thư thì chỉ thấy đó chỉ là một miếng gỗ. Những ảo tưởng này đều có một điểm chung là phương thức xuất hiện không liên quan với phương thức tồn tại, hiện hữu của chúng. Đức Phật đã so sánh tất cả những hiện tượng đối với ảo tưởng bởi lý do dấu vết của sụ ngu dốt, sự không biết hành xử của chính mình tồn trữ từ lâu đời, tất cả những gì hiện ra đối với tinh thần của chúng ta dường như tồn tại tự nhiên một cách thật sự và cho chúng ta một cách tức thời sự cảm thấy đối với sự xuất hiện này, khi mà sự thật tất cả đều hoàn toàn trống rỗng trong sự tồn tại thật sự. Mọi sự vật hiện ra băng phương cách lừa dôi, giông như một ảo giác hiện ra như nước ở sa mạc nhưng không phải sự thật. Chúng ta bị lừa dối bởi những sự hiện ra bởi vì chúng ta không hiểu được bản chất thật sự của chúng và chúng ta cho rằng những cuốn sách, những

https://tieulun.hopto.org

cái bàn, những thân thể và những thế giới dường như tồn tại một cách thật sự. Hành xử những hiện tượng bằng phương cách này, sự lo nghĩ đến chính mình, hệ phược, hận thù, ganh ghét và những đảo lộn tinh thần khác tự biểu hiện trong tinh thần làm lay động và làm mất thăng bằng chúng ta. Sự an bình tinh thần của chúng ta cũng bị hủy diệt. Chúng ta dường như những du khách ở trong sa mạc mất hết sức lực chạy theo sau những ảo ảnh hay giống như một người đi trên đường ban đêm nhận lấy sai lầm rằng những bóng cây là những kẻ cướp hay những dã thú sẵn sàng tấn công.

(Còn tiếp)



https://tieulun.hopto.org

Tôi hành khất

HT. THÍCH KẾ CHÂU



Cái nợ phong lưu phủi sạch rồi
Một trời một đất một mình tôi,
Ngày đêm bè bạn mo cùng bị
Năm tháng lân la gậy với nồi.
Dòng nước tràng giang lơ lửng chảy
Chiếc thuyền đạo lý dật dờ trôi,
Ai vùi thân thế trong danh lợi
Biến cục tang thương có mấy hồi.

https://tieulun.hopto.org

Biến cục tang thương có mấy hồi
Nguồn đời trong đục lắm ai ơi!
Nghèo nằm góc chợ không thăm hỏi
Giàu ở đâu non vân tới lui.
Một túi văn chương treo mõm gậy
Nghìn cân phú quý đựng hông nồi,
Nghĩ thân bèo nước khi tan hợp
Lỡ bước tang bồng bước ngược xuôi.

Lỡ bước tang bồng bước ngược xuôi
Sống còn chi nữa, hỡi trời ơi!
Sống như Hàn Tín sống không hổ
Chết tợ Nhan Hồi, chết vẫn vui.
Túi bạc vai mang sang cũng dễ
Quyển vàng tay xách rách thì thôi,
Ai nằm đài các, đây bờ bụi
Gãi ruột anh hùng một giấc ngơi.

https://tieulun.hopto.org



Truyện chim trĩ trắng

Vào đời Chu Thành Vương, Hùng Vương sai bê tôi tự xưng là người Việt Thường đem dâng nhà Chu chim trĩ trắng. Vì ngôn ngữ bất đồng, Chu Công phải qua nhiều lần dịch mới hiểu được.

Chu Công hỏi: "Tại sao dân Giao Chỉ cắt tóc

https://tieulun.hopto.org

ngắn, để đầu trần, xăm mình, đi chân đất như vậy là cớ sao?". Sứ thần đáp rằng đáp: "Cắt tóc ngắn để tiện đi trong rừng. Xăm mình để giống hình Long Quân bơi lội dưới sông loài Giao long không phạm tới. Đi chân đất để tiện leo cây. Cày bằng dao, trồng bằng lửa. Ău trầu cau để trừ ô uế cho nên răng đen". Chu Công hỏi: "Tại sao tới đây"? Người Việt Thường đáp: "Đời nay không có mưa dầm gió dữ, ngoài bể không nổi sóng lớn đã ba năm nay, ý chừng là Trung Quốc có thánh nhân xuất thế, nên tới đây vậy". Chu Công than rằng: "Chính lệnh không thi hành thì quân tử không bắt kẻ khác thuần phục mình, đức trạch không có cho người thì quân tử không hưởng lễ của người. Còn nhớ Hoàng đế có nói rằng: "Giao Chỉ xa xôi ở cõi ngoài, không được xâm phạm đến". Bèn ban thưởng cho phẩm vật, răn dạy rồi cho về. Người Việt Thường quên đường về, Chu Công bèn ban cho 5 cỗ xe, đều chế tạo cho hướng về phương Nam. Người Việt Thường nhận lấy mà đi theo hướng biển nước Phù Nam, Lâm Ấp, đi một năm thì về tới nước. Cho nên, xe chỉ Nam thường dùng để đi trước đưa đường. Về sau, Khổng Tử viết sách Xuân Thu, cho nước Văn Lang là một nơi hoang vu, chưa có văn hiến, nên bỏ trống không chép.

https://tieulun.hopto.org

Truyện hiến rùa thần

Sách "*Thông giám cương mục*" chép: "Năm Mậu Thân đời Đường Nghiêu thứ 5 (2353 TCN), có Nam di Việt Thường thị đến chầu, hiến con rùa lớn"; sách *Cương mục tiền biên* cũng cho biết: "Vào đời Đào Đường thị, năm Mậu Thân đời Đường Nghiêu thứ 5, Việt Thường thị sang chầu dâng rùa thần".

Sách "*Thông chí*" thì viết rõ hơn: "Đời Tào Đường, Nam di có Việt Thường thị qua nhiều lần thông dịch đến hiến một con rùa thần. Rùa được nghìn tuổi, rộng hơn 3 thước, trên lưng có chữ khoa đẩu, chép việc từ lúc khai thiên lập địa đến nay, vua Nghiêu sai chép lấy, gọi là lịch rùa"...

GIẢI MÃ

Đây là hai câu chuyện nói về việc nước Việt Thường cống hiến phẩm vật cho các triều đại ở phương Bắc. Chẳng biết rùa và chim bạch trĩ có gì quý không mà nước Việt Thường lại mất cả năm mới tới nơi cốt chỉ biếu một con chim, lại qua mấy lần thông dịch mới hiểu, lẽ nào đây là loài đặc hữu chỉ riêng Việt Thường mới có. Câu chuyện cũng cho ta biết phương Bắc cũng chẳng yêu cầu nước Việt phải cống hai thứ này, tất nhiên triều cống là một chuyện có thật, phẩm vật nhất định có nhiều loại được xem là quý, nhưng chẳng thấy nói đến những

https://tieulun.hopto.org

phẩm vật đó, thay vào đó lại chỉ đề cập đến hai con vật này. Tại sao vậy? Đặt vấn đề như vậy để thấy rằng hai câu chuyện nói trên vẫn còn lưu lại cho đến ngày nay là có chủ đích.

Chủ đích đó là gì? Theo tôi tất cả không ngoài nguồn gốc Dịch.

Có hai thứ tiêu biểu đã hình thành nên nên văn hóa Trung Hoa đó là: Dịch học và chữ Vuông. Mặc dù vậy, nguồn gốc Dịch học và chữ Vuông theo lịch sử của họ hết sức mù mờ, tại sao vậy? Đối với các học giả Trung Hoa thì tại vì xuất tích của nó quá lâu đời nên không có nguồn gốc cụ thể, còn đối với các học giả Việt Nam thì câu trả lời là: Vì Dịch không phải của người Trung Hoa, nên họ chỉ khẳng định Dịch là của dân tộc họ bằng sức mạnh chứ không bằng lý lẽ. Có thể nói nguồn gốc của Dịch học vô cùng quan trọng trong mấy ngàn năm qua tại Trung Hoa cũng như Việt Nam, chính vì vậy mà có nhiều truyền thuyết nói về nó. Trong tinh thần cho rằng Dịch là thành quả văn hóa của người Lạc Việt, với tư cách là một kẻ yếu, bị tước đoạt mất cái văn hóa của mình, người Việt tìm mọi cách để ghi lại tác quyền của mình trong vấn đề Dịch học. Hai câu chuyện hiến rùa và chim bạch trĩ không ngoài mục đích đó.

1 - Theo tôi chim Bạch trĩ cũng như chim Bạch

https://tieulun.hopto.org

hạc, một loài chim được đề cập tới trong truyền thuyết Mộc tinh, tượng trưng cho Vô cực hay bản thể, thuộc âm, nơi chứa đựng tất cả các hạt giống của nhân sinh, vũ trụ. Chim và màu trắng biểu tượng cho trời, trời ở đây không có nghĩa là bầu trời mà là cõi xa xôi nên người ta hầu như không thấy gì về nó vì vậy mà người ta dùng màu trăng đê tượng trưng cho nó. Màu trắng là màu sinh ra mọi màu hay màu mẹ cũng như vô cực sinh ra vạn hữu vậy. Có thể vì con chim trĩ giống con gà, mà gà thì tượng trưng cho Âm nên người xưa đã dùng hình ảnh con chim trĩ trắng để đại diện cho vô cực.

"Lã Hậu" 呂后 nhà Hán tên là "Trĩ" 雉, vì kiêng huý nên gọi chim trĩ là "dã kê"野雞.



https://tieulun.hopto.org

2 - Rùa là con vật tượng trưng cho Thái cực, thuộc Dương, nơi diễn ra mọi biến dịch tạo ra thế giới hiện tượng. Sở dĩ người xưa dùng con rùa để tượng trưng cho Dịch là vì căn cứ vào hình ảnh của nó với các tiêu chí của Dịch như: Rùa có bốn chân tượng trưng cho khái niệm Vuông = Âm. Trong hình là sô chăn. Thân rùa có hình cong tròn tượng trưng cho Trời = Dương. Trong hình minh họa là số lẻ. Câu chuyện Rùa vàng trong truyền thuyết tiêu biểu cho khái niệm này. Âm trước Dương sau là Thái cực, tiêu biểu của nó là Lạc thư – Hậu thiên bát quái. Xem hình minh họa tại phần giải thích câu "Thương cho thân phận con rùa , lên đình đội hạc xuống chùa đội bia" (trang 156). Cũng chính vì vậy mà khi xây Loa thành = Âm, cần phải có sự trợ giúp của thần Kim Quy = Dương. Có một con vật khác cũng tượng trưng cho Thái cực đó là con Cóc, từ con Cóc này mà người xưa đã dựa vào đó đặt tên cho sinh thực Nam là con Cạc còn gọi là con Bòi, được cụ thể hóa bằng chữ Bối貝. Vì Cóc – Cạc – Bối, Bòi là tượng trưng cho Thái cực nên trong Thuyêt văn giải tự mới nói "Cô giả hóa bôi nhi bảo quy" - Người xưa cho bối là rùa quý. Có như vậy nên mới có chuyện cắt bao quy đầu, chứ sao bổng nhiên đầu dương vật lại thành đầu con quy.

https://tieulun.hopto.org



Cả hai câu chuyện đã diễn ra quá xa xôi trong quá khứ nên khó mà kiểm chứng sự thật hư của nó. Tuy nhiên, theo tôi, đây chỉ là những câu chuyện do người Việt dựng nên nhằm mục đích nói lên rằng "Dịch học và chữ Vuông là của người Việt". Cả hai câu chuyện đều nói rằng người Việt Thường đem chim, rùa cống hiến cho phương Bắc. Câu chuyện lại kể lại với những lời lẽ có cánh, nào là "Có thánh nhân xuất hiện ở Trung Quốc". Lúc ấy liệu đã có tên Trung Quốc chưa? Cách xây dựng cốt truyện với những tình tiết hạ mình như vậy là nhằm qua mặt giới cai trị phương Bắc mà thôi. Chứ nếu thông thường mà xét thì Rùa và Chim trĩ chẳng có giá trị gì lớn lao mà nhọc công đi cả năm trời. Còn nếu xét về góc độ văn hóa thì lẽ nào có cái chuyện đem văn hóa

https://tieulun.hopto.org

cốt lõi của mình đi biếu kẻ khác, hơn nữa văn hóa chỉ có thể học, nó có chứ là vật bỏ trong túi đâu mà có thể đem biếu mà được. Tóm lại, đây chỉ là những câu chuyện do người Việt dựng lên với lời lẽ của một nước nhỏ triều cống nước lớn, điều ấy khiến những kẻ hay chữ ở phương Bắc vốn đầy lòng ngạo mạn lây làm đắc ý nên đã ghi lại trong nhiêu sách. Như vậy là người Việt đã đạt được mục đích của mình. Mục đích đó là gì? Ấy là:

1 – Chuyện chim trĩ trắng cho biết rằng: Chu Công bèn ban cho 5 cỗ xe, đều chế tạo cho hướng về phương Nam. Làm gì có loại xe chỉ chuyên đi về một hướng (Nam). Sao lại ban cho 5 chiếc. 5 chiếc là NGŨ HÀNH, Ngũ là năm, Hành là đi, Đi về đâu? Về phương Nam. Như vậy, thực chất đây chỉ là câu chuyện xây dựng nhằm khẳng định Dịch học ấy là của người phương Nam, cụ thể là của dân Lạc Việt.

2 – Chuyện hiến rùa có chữ Khoa đẩu – Nòng nọc nói lên rằng: Vâng! Hiện nay các ông đang sử dụng chữ Vuông đấy, các ông đang sử dụng lịch âm dương đấy nhưng nào có phải của các ông đâu, tất cả do chúng tôi biêu không cho các ông. Đây là nói một cách khiêm hạ, chứ đời này ai chẳng biết làm gì có cái chuyện một dân tộc lại đem cái văn hóa cốt của mình biếu cho kẻ khác, cho dù có muốn cũng không được. Chỉ duy nhất là học, mà học thì phải chịu thân

https://tieulun.hopto.org

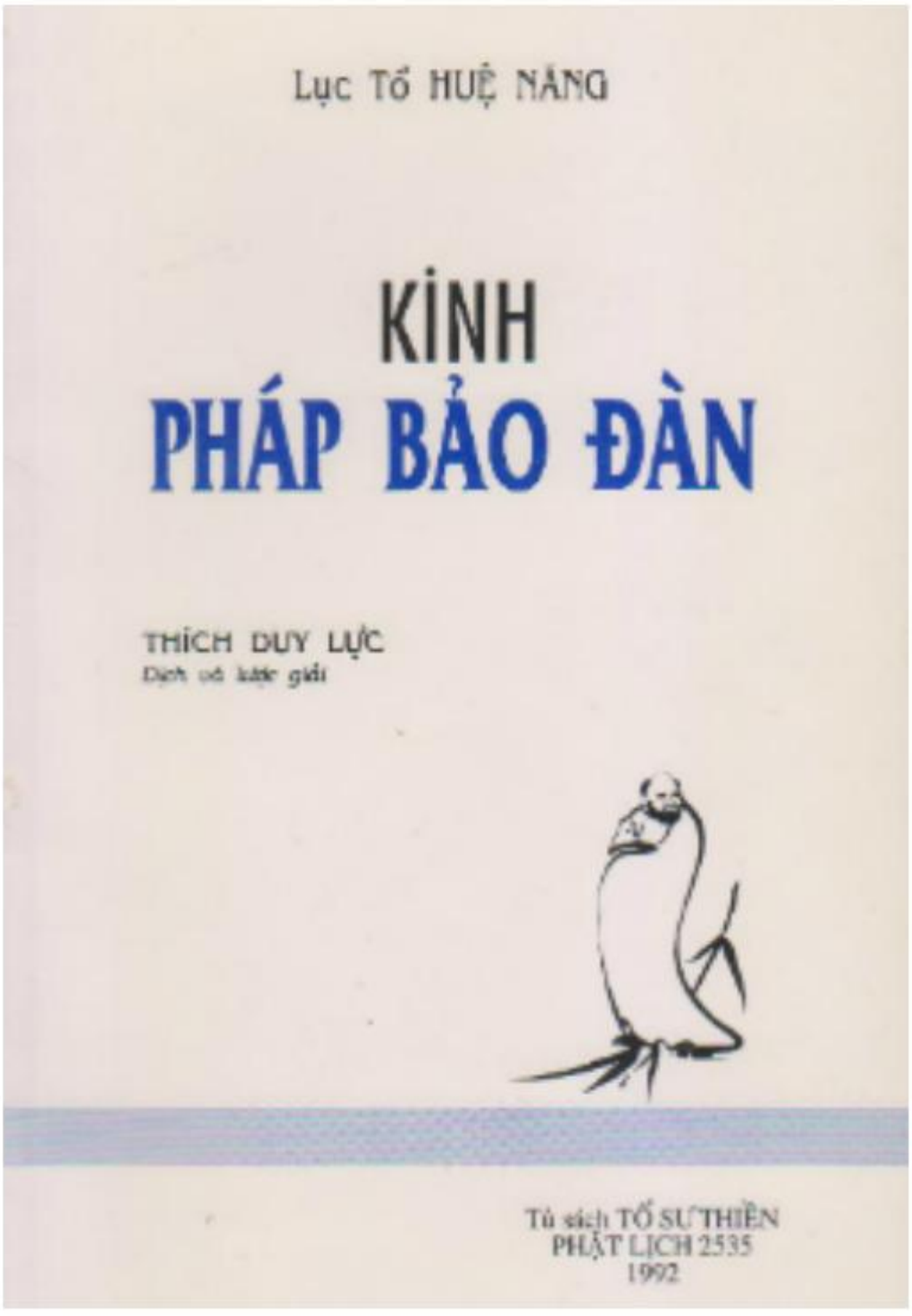
phận làm trò, chuyện này đối với những kẻ đã xưng là Hoàng đế thì ai chịu được, nên chi khi cướp được cái văn hóa ấy rồi thì cấm đoán kẻ bị hại không được nói là của mình. Dĩ nhiên, cấm đoán ấy nhất định đi kèm theo những biện pháp hà khắc nhất. Chấp nhận thực tế, người Lạc Việt dựng nên câu chuyện hiến rùa trong tư cách là nước chư hâu, người phương Bắc hả hê, thỏa mãn nên ghi vào sách nọ vở kia, thế là người Việt đã đạt được mục đích của mình đó là: Nói gì thì nói Dịch học kia, chữ Khoa đẩu nọ là của chúng tôi, chính các ông ghi vào sách đấy nhé.

Tóm lại, từ sau khi bị cưỡng chiếm cái văn hóa huyền vĩ của mình, lại bị cấm đoán không cho nhận lấy tác quyền về Dịch học và chữ Vuông, người Việt đã vận dụng mọi cách để truyền lại cái thông điệp rằng: Người Việt là chủ nhân của Dịch học và chữ Vuông. Một trong những cách ấy là tương kế tựu kế: "Vâng em xin chịu phép anh hai, em có cái quý nhất là Dịch học và chữ Khoa đẩu đây, xin biếu anh làm quà, bởi vì anh là vĩ đại, nước anh có thánh nhân". Nghe ngọt ngào quá, thằng em bây giờ đã quá ư thần phục mình rôi, phải ghi lại cho hậu thê biêt, có ngờ đâu rằng đấy là làm việc không công cho người Lạc Việt mà thôi.

https://tieulun.hopto.org

ĐỌC PHÁP BẢO ĐÀN KINH NHỮNG ĐIỀU CÒN BĂN KHOĂN

VU GIA



Khi đọc Pháp bảo đàn kinh của Lục Tổ Huệ Năng (bản dịch của Tỳ kheo Thích Duy Lực, đăng trên website thuvienhoasen.org), tôi có chút băn khoăn, nhưng đọc đi đọc lại tôi bớt đi nỗi

https://tieulun.hopto.org

băn khoăn ấy mà có thể khẳng định rằng Pháp bảo đàn kinh là tác phẩm mang tính hư cấu cao.

Chương thứ nhất, phẩm *Tựa*, cho biết ngài Pháp Hải - đệ tử được Lục Tổ giao nhiệm vụ viết*Pháp bảo đàn kinh* "để lưu truyền cho đời sau" - làm sao biết "Một ngày kia, Ngũ Tô triệu tập môn đô bảo rằng:...", vì cái "Một ngày kia" ấy, ngài Huệ Năng cũng không biết (nhiệm vụ của Huệ Năng lúc đó là giã gạo chứ không phải người hằng ngày học Phật) làm sao ngài Pháp Hải biết? Ngài Pháp Hải làm sao biết "Đại chúng nghe xong nói với nhau rằng:...", và làm sao biết "Ngài Thần Tú suy nghĩ:..."? Ngài Pháp Hải làm sao biết những việc làm của ngài Thần Tú lúc đó, như "Thần Tú làm kệ xong, mấy lần muốn vào trình, nhưng khi đến trước Pháp đường thì trong tâm bấn loạn, mồ hôi ướt đẫm mình", làm sao biết "Thần Tú suy nghĩ: Chi bằng ghi trên vách tường hành lang để Hòa thượng thấy được; nếu Tổ nói tốt thì ta ra lễ bái nói của Thần Tú làm, nếu nói là chẳng được thì uổng công ta ở núi mấy năm, lại tu đạo gì mà được nhận lễ bái của người! Nửa đêm đó không cho ai hay, tự cầm đèn viết kệ trên vách hành lang phía Nam"? Những chuyện này, ngài Huệ Năng cũng không thể biết, ngay cả Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn cũng không thể biết. Nếu nói như dân gian là Trời

https://tieulun.hopto.org

biết, Phật biết, và chỉ ngài Thần Tú biết, chứ ngài Pháp Hải không thể nào biết được.

Ngài Pháp Hải làm sao biết suy nghĩ của ngài Thần Tú: "Nếu chẳng trình kệ thì làm sao đắc Pháp được, thực khó! Thực khó!"? Ngài Pháp Hải làm sao biết: "Nửa đêm Tổ kêu Thần Tú vào phòng hỏi:...", và ghi rõ những lời đối đáp giữa Tổ Hoằng Nhẫn và ngài Thần Tú? v.v...

Dẫu biết "lìa tất cả tướng tức Phật"...

Pháp bảo đàn kinh, chép: "Huệ Năng đến Tào Khê, bị bọn ác tìm theo, nên phải lánh nạn trong đám thợ săn nơi Tứ Hội, trải qua mười lăm năm, thường vì thợ săn tùy nghi thuyết pháp. Bọn họ bảo giữ lưới, mỗi khi thấy cầm thú lọt vào đều thả ra hết. Tới bữa ăn, gởi rau trong nồi thịt, có người hỏi thì trả lời: Chỉ ăn rau luộc bên cạnh thịt mà thôi".

Huệ Năng đến chùa và "giã gạo ở đây hơn tám tháng, chưa từng đi đến nhà trước", chưa thấy nói có một lần được học pháp, thì làm sao có thể "vì thợ săn tùy nghi thuyết pháp"? Đi theo thợ săn, "Bọn họ bảo giữ lưới, mỗi khi thấy cầm thú lọt vào đều thả ra hết", thì họ sẽ tống cổ ra khỏi nhóm ngay, vì Huệ Năng tu chứ họ có tu đâu? Họ săn thú là để nuôi thân, nuôi gia đình mà Huệ Năng thả ra, họ không sát hại là may (vì hành động đó không khác gì lấy mất cuộc sống của họ, của gia đình họ), làm sao có

https://tieulun.hopto.org

thể sống cùng họ những 15 năm? Đã vậy, Huệ Năng "Tới bữa ăn, gởi rau trong nồi thịt, có người hỏi thì trả lời: Chỉ ăn rau luộc bên cạnh thịt mà thôi". Chi tiết này, tôi thấy Huệ Năng chưa thể tu được bởi còn chấp tướng nặng quá, dẫu ngài biết "lìa tất cả tướng tức Phật". Nhưng đó là lúc ngài chưa trở thành tăng sĩ. Khi ngài tiếp tăng độ chúng, qua*Pháp bảo đàn kinh*, tôi thấy ngài chưa tiến bộ bao nhiêu dù đại chúng đã tôn ngài là Phật (sau khi giảng pháp, đại chúng "đảnh lễ tán thán rằng: Lành thay, đâu ngờ xứ Lãnh Nam lại có Phật ra đời"): "Tăng Pháp Đạt, người Hồng Châu, 7 tuổi xuất gia, thường tụng *Kinh Pháp Hoa*, đến lễ Tổ Sư mà đầu chẳng chấm đất. Sư quở rằng: Đảnh lễ mà chẳng chấm đất bằng như chẳng lễ", và đọc bài kệ cũng nhắc chuyện này: *"Lễ bổn chiết mạn tràng/ Đầu hề bất chí địa?" (Lễ vốn trừ ngã mạn/ ĐĐầu sao chẳng chấm đất?)*.

Pháp đàn bảo kinh còn chép: "Sư lại hỏi: Ngươi tên gì? Đáp: Tên là Pháp Đạt. Sư nói: Ngươi tên Pháp Đạt, đâu từng đạt pháp". Đem tên của người khác ra đùa, dù là dạy dỗ cũng không hay, vì tên là do cha mẹ người ta đặt chứ không phải tự nhiên mà có. Nếu chuyển lại: "Ngươi tên Pháp Đạt, hãy cố gắng tu hành cho đạt pháp", tôi nghĩ hay hơn. Dân gian Việt Nam có câu: *"Lời nói không mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau"*.

https://tieulun.hopto.org

Phải chăng đệ tử chép sót?

Ở phẩm *Tựa*, chúng ta được biết ngài Huệ Năng "chẳng may cha lại mất sớm, mẹ là góa phụ, nhà ở Nam Lộ, nghèo khổ phải đi bán củi ngoài chợ". Khi nghe "Ngũ Tổ thường khuyên Tăng tục trì *Kinh Kim Cang* thì được kiến tánh, trực liễu thành Phật", chàng thanh niên Huệ Năng muôn lên đường câu đạo, thì "được một người khách cho mười lượng bạc để cho mẹ già được sinh sống và bảo đi ngay đến Huỳnh Mai tham lễ Ngũ Tổ. Huệ Năng sắp xếp cho mẹ xong, liền từ giã lên đường". Thế nhưng đọc hết cuốn *Pháp bảo đàn kinh*, không thấy lần nào, ngài nhắc tới mẹ, dẫu trong phẩm *Nghi vấn*, ngài có nói: *"Báo ân là nuôi dưỡng cha mẹ"*.

Người sinh ra đời, không ai là không có cha mẹ. Có hiếu với mẹ mà bất hiếu với cha hoặc ngược lại cũng không được. Kinh *Tăng chi I*, Phật dạy: "Có hai hạng người, này các Tỳ Kheo, Ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai. Là Mẹ và Cha. Nếu một bên vai cõng cha, một bên vai cõng mẹ, làm vậy cho đến trăm tuổi, nếu đấm bóp, thoa nước tắm rửa, thoa gội, và dầu tại đấy có vãi tiểu tiện, đại tiện như thế, này các Tỳ Kheo cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Vì cớ sao? Vì rằng, này các Tỳ Kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng con khôn lớn, giới thiệu con vào đời". Phật còn dạy

https://tieulun.hopto.org

không nhất thiết phải tới chùa lễ Phật, cầu Phật mới được phước, mới gặp an lành. *Kinh Tâm địa quán*, viết: "Cha mẹ tại tiền như Phật tại thế, gặp thời không có Phật, khéo thờ cha mẹ tức là thờ Phật vậy". *Kinh Tạp bảo tạng*, Phật nói rõ hơn: "Nếu có người muốn được vua Phạm Thiên ở trong nhà, hãy hiếu dưỡng cha mẹ, vua Phạm Thiên đã có ở trong nhà. Muốn có Đế Thích ở trong nhà, hãy hiếu dưỡng cha mẹ, Đế Thích sẵn ở trong nhà. Muốn được tất cả thiên thần ở trong nhà, chỉ cúng dường cha mẹ, tất cả thiên thần đều ở trong nhà. Cho đến muốn cúng dường Thánh Hiền và Phật, chỉ cúng dường cha mẹ, các vị Thánh Hiền và Phật đều ở trong nhà".

Lắm lúc, tôi nghĩ phải chăng pháp môn của ngài Huệ Năng tu là phải "cắt ái lìa gia", nhưng nghĩ lại cũng không đúng. Ngài tu Phật (và dẫu có thành Phật sống ở thế gian) thì cũng phải lấy Phật làm gương. Theo *Lịch sử Đức Phật Thích ca mâu ni* (website tuvienquangduc.com.au) thì khi thành chánh quả ngài độ cho cả nhà, đặc biệt "đức Phật đang trong thiền định, biết vua Tịnh Phạn bệnh rất nặng. Ngài bảo các đệ tử mau chóng trở về thành Ca-tỳ-la-vệ. Sau đó, đức Phật thuyết giảng về đạo lý vô thường, khổ, không, vô ngã... cho vua Tịnh Phạn nghe. Vua Tịnh Phạn nghe xong, an nhiên qua đời. Khi đưa linh cữu của vua đi, đức Phật cũng tham gia

https://tieulun.hopto.org

khiêng linh cữu. Nhân dân thấy bậc vĩ đại như đức Phật mà cũng khiêng đưa linh cữu vua cha, ai nấy đều cảm động rơi lệ, lớp lớp quỳ bên đường lễ bái".

Nhà nghèo, mười lượng bạc làm sao mẹ già sống đủ một đời? Khi mẹ đau, mẹ chết ai lo? Dẫu vì hoàn cảnh, ngài để mặc cho chòm xóm lo, thì sau khi đã có lớp đại chúng "đảnh lễ tán thán rằng: Lành thay, đâu ngờ xứ Lãnh Nam lại có Phật ra đời", thì cũng về quê cũ, thắp cho mẹ nén nhang chứ? Do đó, tôi nghĩ ngài Pháp Hải viết... sót chi tiết này.

Đọc Pháp bảo đàn kinh, ta thấy trong các bài giảng, ngài Huệ Năng dẫn Kinh Niết Bàn, Kinh Duy Ma Cật, Kinh Phạm Võng, Kinh Đại Niết Bàn, Kinh Pháp Hoa. Chỉ riêng Kinh Pháp Hoa là do Tăng Pháp Đạt đọc không hiểu bèn đọc lên nhờ ngài giảng, còn những kinh khác thì không thấy có chi tiết tương tự. Ngài Huệ Năng là người không biết chữ nên không thể đọc được kinh. Vì thế, tôi không biết ngài Huệ Năng học những kinh ấy với ai mà nhớ rõ như thế để đưa vào bài giảng của mình. Do đó, tôi nghĩ khi viết lại những bài giảng pháp của ngài Huệ Năng, ngài Pháp Hải có sử dụng thêm kiến thức của mình.

Qua *Pháp bảo đàn kinh*, tôi thấy ngài Chí Thành – đệ tử nổi trội của ngài Thần Tú – cũng kém! Vâng lời thầy đến phương Nam cầu đạo, cụ thể là

https://tieulun.hopto.org

nghe ngài Huệ Năng giảng pháp và được thầy dặn dò phải "tận tâm ghi nhớ các điều thấy nghe, về lặp lại cho ta". Thế nhưng sau khi nghe ngài Huệ Năng giảng pháp, "Chí Thành lễ bái, nguyện làm thị giả hầu hạ sớm chiều". Hành xử kiểu này, người đời không nên học. Nếu tôi là ngài Huệ Năng, tôi cũng không nhận Chí Thành "làm thị giả hâu hạ sớm chiều", bởi Chí Thành phụ thầy tổ của mình được, thì phụ ngài Huệ Năng cũng được.

Chương thứ hai, phẩm *Bát nhã*, ngài Huệ Năng có giảng: "Thiện tri thức, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật là tiếng Phạn, dịch là đại trí huệ đến bờ bên kia". Ở đây, tôi nghĩ có mấy khả năng: 1- Ngài Huệ Năng nghe ai đó giảng rồi lặp lại, vì ngài không biết chữ nên không thể có hiểu biết như vậy. 2- Khi viết chương này, ngài Pháp Hải đưa kiến thức của mình vào. Rồi nào là "*Kinh Phạm Võng*nói: Tự tánh vốn thanh tịnh, nếu nhận được tự tâm, thấy được bản tánh, tức thành Phật đạo.*Kinh Duy Ma Cật* nói: Ngay lúc đó hoát nhiên đốn ngộ, liền được bổn tâm"... Những lời giảng này, tôi không tin là của ngài Huệ Năng.

Pháp bảo đàn kinh và Tây du ký?

Đọc *Pháp bảo đàn kinh*, tôi thấy có mấy chi tiết mà vào cuối thế kỷ XVI, Ngô Thừa Ân viết, xuất bản *Tây du ký* có ảnh hưởng. Tôi tin thế.

https://tieulun.hopto.org

Nếu sau khi đọc bài kệ của Huệ Năng nhờ Biệt Giá viết lên tường, "Hôm sau Tổ lén đến nhà giã gạo, thấy Huệ Năng lưng đeo đá giã gạo, nói rằng: Người cầu đạo cần phải như thế. Lại hỏi: Gạo trắng chưa? Huệ Năng đáp: Trắng đã lâu, còn thiếu giần sàng thôi. Tổ lấy gậy gõ trên cối ba cái rồi bỏ đi. Huệ Năng hiểu ý Tổ, nên canh ba vào thất. Tổ dùng Ca sa che lại không cho người thấy, rồi thuyết Kinh Kim Cang"..., thì trong tác phẩm *Tây du ký*, có chi tiết Bồ Đề Lão Tổ dùng thước đánh vào đầu Ngộ Không ba cái, Ngộ Không liền ngộ được rằng Tổ sư muốn bảo mình rằng sau canh ba đi học nghệ. Và qua đó, Ngộ Không có được 72 phép thần thông.

Qua bài kệ của Thần Tú, "Huệ Năng nghe xong bèn nói: Tôi cũng có một bài kệ, xin Biệt Giá viết giùm. Biệt Giá nói: Ông cũng làm kệ à, việc này hi hữu! Huệ Năng nói với Biệt Giá rằng: Muốn học Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên khinh bỉ kẻ sơ học, hạ hạ nhơn hữu thượng thượng trí, thượng thượng nhơn hữu một (chìm mất) ý trí. Biệt Giá nói: Ông hãy tụng kệ đi, ta viết giùm cho. Ông nếu đắc pháp phải độ ta trước, về sau chớ quên lời này".

Chi tiết ấy có phần giống kiếp nạn thứ 81 của thầy trò Đường Tăng (*Tây du ký*), nhưng kết cục không giống, bởi *Pháp bảo đàn kinh* không nhắc tới. Có kiếp nạn thứ 81, nguyên do là trước đây, khi bốn

https://tieulun.hopto.org

thầy trò Đường Tăng qua sông Thông Thiên, nhờ Lão Rùa lớn chở qua. Lúc đó, Lão Rùa có nhắn gửi là khi qua Tây Thiên, gặp Phật Tổ, nhớ hỏi dùm lão: "Tôi có một điều thắc mắc là tu đã một ngàn ba trăm năm mà chưa đặng hóa hình người, tuy là biết nói và sống lâu, song chưa thoát kiếp! Xin thầy làm ơn bạch quá Phật Tô, coi bao giờ tôi đặng thành người".

Khi Tam Tạng đến thỉnh kinh đã quên mất việc này, nên lúc trở về qua sông Thông Thiên, gặp lại Lão Rùa, nhờ Lão Rùa chở qua sông. Lúc giữa sông, Lão Rùa hỏi Đường Tăng có hỏi về việc của mình nhờ vả không? Đường Tăng vì quên mất nên đã lặng thinh. Lão Rùa tức giận hất cả bốn thầy trò xuống sông.

***

Nhìn chung, chất sáng tác trong *Pháp đàn bảo kinh* hơi bị nhiều đã làm phai nhạt tính chân thật của tác phẩm. Trong phẩm *Tựa*, có đoạn: "Khi Sư đến chùa Bảo Lâm, có Châu trưởng Thiều Châu tên là Vi Cứ và các quan chức vào núi thỉnh Sư ra chùa Đại Phạn ở trong thành vì tứ chúng khai duyên thuyết pháp. Sư thăng tòa, Vi Thứ Sử (châu trưởng) và các quan chức hơn ba chục người, học sĩ nhà nho hơn ba mươi người, Tăng Ni cư sĩ hơn ngàn người, đồng

https://tieulun.hopto.org

thời đảnh lễ xin nghe Pháp Yếu".

Những năm cuối thế kỷ thứ VII, ở vùng Thiều Châu mà có những "học sĩ nhà nho hơn ba mươi người" là nhiều lắm lắm. Cứ cho nhân dân Trung Quốc ngày đó hiếu học nên con số ấy có thể chấp nhận, song làm gì có "Tăng Ni cư sĩ hơn ngàn người, đồng thời đảnh lễ xin nghe Pháp Yếu"? Ngày ấy, dân cư thưa thớt, cho dẫu dân đông như Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay (khoảng 10 triệu người), huy động "hơn ngàn người" đến nghe pháp không dễ.

Tôi không biết Tỳ kheo Thích Duy Lực dịch Pháp bảo đàn kinh dựa theo bản nào, bởi theo Bách khoa toàn thư mở, "Trải qua nhiều lần sửa chữa thêm thắt, xuất hiện hơn 10 bản khác nhau". Nhưng nói thật những người "sửa chữa thêm thắt" để có bản dịch mà tôi đã trích dẫn, quá kém, bởi sáng tác không ra sáng tác, ghi chép không ra ghi chép, viết truyện ký không ra truyện ký...

Đọc qua những băn khoăn này, chắc có nhiều người không bằng lòng, và cho đó là ngôn ngữ đặc biệt của nhà Thiền, nếu nghe mà chấp thì không hiểu gì hết. Vâng, nhưng đây là suy nghĩ của riêng tôi khi đọc *Pháp bảo đàn kinh*. Và tôi tin không ít người khi đọc cũng nghĩ như tôi.

https://tieulun.hopto.org

Thầy bổn sư của tôi

DIỆU ANH



Chùa tôi có vị thầy già
Nhẩm ra tuổi đã chín mươi lẻ rồi
Trông thầy phong thái cõi Trời
Hồng hào, quắc thước, thương đời, tinh anh,
Tay cầm chiếc gậy hiền lành,
Sáng chiều thong thả dạo quanh sân chùa
Nhìn thầy chẳng bận hơn thua,
Giới hương lan tỏa nương thừa chúng an...

Bề ngoài Người thật nghiêm trang
Gần thầy mới biết lòng tràn thương yêu
Thầy vui vẻ, biết mọi điều
Tình hình đất nước, vô thường thiên tai
Nơi đâu cảnh khổ bi ai
Lòng thầy đau xót, dẫu ngoài sắc không...

https://tieulun.hopto.org

Nguyện cầu Quốc thới Dân an
Thầy cho thành lập ĐẠO TRÀNG BI TÂM
Mỗi tuần sáng sớm tịnh thanh
Thầy trò trì chú, tai nàn nguyện vơi...

Thầy tôi dù tuổi tàn Đông
Vân an nhiên tỏa hơi Xuân cho đời
Thầy là thân giáo không lời
Bao nơi cầu thỉnh không nơi chối từ
Thầy là ruộng phước đầy dư
Gieo cho đệ tử định cư chốn về...

Con xin kính lễ nguyện thề
Tri ân Tam bảo hướng về thầy đây
Cầu xin nguyện suốt đời này
Sống luôn trong sạch, tâm ngay, niệm lành
Sáng chiều niệm Phật tu hành
Vâng lời thầy dạy để dành thanh cao
Để mai sau có ra sao
Vẫn ung dung sống mặc bao trái lòng...

Thầy ơi ! Con viết mấy dòng
Làm quà khánh tuế với lòng tri ân
Chúc thầy vui sống làm gương
Cho đàn hậu học sáng đường tiến tu.

https://tieulun.hopto.org

HÒA THƯỢNG SƠN NHÂN

TRẦN ĐÌNH SƠN



Núi rừng Phú Yên

Sơn Nhân có pháp hiệu Giác Ngộ, sinh trưởng ở thành Gia Định. Đầu triều Nguyễn, ông được tuyển dụng làm việc khai thác đá phục vụ xây dựng thành trì.

Một hôm ông phá tảng đá lớn lộ ra một pho tượng Phật, bèn nghĩ mình có nhân duyên tu hành. Ông liền bưng pho tượng đến gặp vị quan giám sát xin được nghỉ việc để theo Phật vun bồi gốc rễ đạo đức. Cảm lòng thành của ông, vị quan chấp thuận lời thỉnh cầu.

Ông trở về gia đình từ giã thân bằng quyến thuộc rồi thỉnh tượng Phật đi sâu vào rừng núi, cắt

https://tieulun.hopto.org

đứt mọi chuyện thế gian. Từ đó, không ai biết ông đi về phương nào.

Trải qua nhiều năm, người dân Phú Yên tình cờ gặp ông ở tại ngôi chùa hoang trên núi. Nguyên vùng này có nhiều cọp dữ nên dân làng làm chùa mà không ai dám lên ở. Chỉ khi nào lễ hội mới tổ chức trai tráng cầm gậy gộc, đánh trống chiêng tụ họp lễ Phật. Nay, thấy ông đến trú ngụ ở chùa, dân làng lo lắng tìm đến thăm hỏi. Ông bảo rằng: "Cọp kệ cọp, tôi mặc tôi. Hai bên không có ý hại nhau thì can chi phải sợ!". Nhiều người hỏi ông chuyên trì kinh chú gì mà hàng phục được cọp như thế? Ông đáp rằng: Tôi chỉ trì niệm chân ngôn sáu chữ là "Nam mô A Di Đà Phật", ngoài ra chẳng có kinh chú chi khác. Từ đó, làng giao cho ông trú trì ngôi chùa, gọi là "Không Tự". Gặp thời có dịch lệ phát ra, dân làng đến làm lễ xin ông cầu nguyện, ông làm thinh chỉ khẽ gật đầu. Nhiều vùng khác bịnh dịch lây lan chết hại rất nhiều riêng ở làng nầy vẫn được an lành vô sự.

Dân chúng thấy kỳ lạ nên báo cáo lên tòa tỉnh. Gặp lúc con trai quan đâu tỉnh phát bịnh tâm thần, thầy thuốc bó tay không chữa trị được. Người ta bảo rằng người con trai đó bị loài yêu mị luyến ái nhập vào.

Quan tỉnh liền sai phái hai viên suất đội cỡi

https://tieulun.hopto.org

ngựa đi tìm rước ông. Lính đến chùa, ông hỏi: Tỉnh đường ở phương hướng nào? Suất đội thưa: Nằm về phía Đông của chùa này.

Ông bảo: Biết rồi các chú cứ về, ta sẽ đến.

Quả nhiên khi suất đội cưỡi ngựa phi về đến dinh tỉnh thì thấy ông đã đến đó trước. Quan tỉnh mời ông vào phòng con trai chân bệnh. Nhìn thăng người bệnh, ông nghiêm sắc mặt bảo: Hồ nương (loài yêu nữ) hãy buông bỏ người trai này. Nó chỉ là đứa si mê khờ dại, hồ nương hãy nhanh chóng rời xa ngay!

Bất ngờ mọi người nghe tiếng động rồi nhìn lên thấy hình bóng như dải lụa từ trong phòng bay vụt ra. Từ đó, người con trai khỏi bệnh. Sự việc ở Phú Yên lan truyền ra đến Kinh đô Huế. Đương kim hoàng đế Minh Mạng (1820 – 1840) liền hạ chỉ cho rước ông vào cung, ban ghế cho ngồi rồi hỏi sự việc. Ông cứ tình thực tâu trình rõ ràng. Được vua ban thưởng rất nhiều thứ quý lạ nhưng ông đều xin từ tạ, không nhận vật gì.

Nhà vua dụ rằng: Người xưa có bảo cách xa nhau hằng ngàn dặm mà tụ họp lại gọi là "hòa". Cha mẹ vái trả lại con gọi là "thượng". Ta thấy ý chưa rõ! Nhưng có người bảo, tinh ròng không pha tạp gọi là "hòa". Vạn loài cùng tôn kính gọi là "thượng". Lời đó dành để chỉ cho người nầy chăng?

https://tieulun.hopto.org

Vua liền ban cho ông hiệu "Sơn Nhân hòa thượng". Hiệu Sơn Nhân xuất hiện từ đây, vua ra lịnh cho các Hòa thượng ở chùa công (quan tự) phải đổi thành chức Tăng cang, để tỏ ý khiêm cung, còn kém Hòa thượng một bậc.

Sơn Nhân chỉ ăn hoa quả, y phục dùng vỏ cây kết lại, dùng hai miếng gỗ nhỏ làm đôi guốc, đặc biệt ngài đi rất nhanh. Các bậc quyền quý ở kinh đô phần nhiều đến xin bái yết, dân chúng thấy vậy cho là sự lạ, hiếm gặp được thánh tăng nên tranh nhau tỏ lòng ngưỡng mộ.

Nhà vua hạ chỉ cho rước Sơn Nhân vào trú trì quốc tự Giác Hoàng, nhằm lưu truyền dấu tích của của sự đắc Đạo. Mới hơn một tháng, ông khẩn thiết xin cho trở về núi rừng ở Phú Yên. Không thay đổi ý chí Sơn Nhân được, vua lần lượt ban cấp vàng, bạc, vật phẩm giao phó cho địa phương cất giữ sẵn, lo liệu cung dưỡng cho ngài lâu dài.

Sơn Nhân từ biệt chùa vua vàng son lộng lẫy trở về "Không Tự" trên non vắng kiên trì tu niệm như cũ, lúc đã hơn tám mươi tuổi. Cuối đời ngài đi vào cõi vô tung lúc nào chẳng ai hay biết...[1]

---

(1) Phỏng dịch Sơn Nhân hòa thượng, truyện trong sách Tường Vân tự sự lục. Do Như Như đạo nhân viết bằng Hán văn, đầu tk. XX.

https://tieulun.hopto.org

HÃY TỰ MÌNH LỰA CHỌN HƯỚNG MÀ ĐI

MINH NGỌC



Tác phẩm *Trúc Song Tùy Bút* do Thiền sư Châu Hoành viết vào những năm cuối đời nhà Minh, Trung Quốc. Nội dung chứa đựng những lời giáo huấn thống thiết, cảnh tỉnh cả hai chúng Phật tử tại gia và xuất gia, lúc Phật giáo đang có dấu hiệu chuyển biến suy vi. Sau này, Ngài Ngẫu Ích cũng nhân đọc đây mà từ một học giả mộ Nho bài Phật đã

https://tieulun.hopto.org

xuất gia đầu Phật, trở thành một trong bốn đại cao tăng đời nhà Minh. Ở Việt Nam, Cố đại lão Hòa thượng thượng Trí hạ Tịnh cũng do đọc sách này mà cảm khái ngộ đạo, định hướng tu hành, hoằng pháp và răn nhắc tứ chúng đồng tu. Cùng với sách *Truy Môn Cảnh Huấn* của nhóm Tăng Trạch Hiền, Vĩnh Trung, Như Cân biên soạn từ đời Tông đến Nguyên, Minh; sách *Thiền Lâm Bảo Huấn* của Ngài Diệu Hỷ, Trúc Am, Tịnh Thiện đời Tống soạn tập và *Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn* của ngài Tỉnh Am đời Thanh là những sách gối đầu giường, kim chỉ nam của hàng xuất gia xưa và nay. Trong đó, một số bài Ngài Châu Hoành cũng nhắc nhở chung cho cả hai chúng. Như bài 336, Ngài đã dạy về 4 sự lựa chọn cân nhắc hướng mà đi:

1- Tại gia mà xuất gia: Người thân ở nhà có đủ gia đình họ hàng, vợ chồng con cái mà tâm ở đạo, không nhiễm trần. Trường hợp này có nhưng rất ít. Chỉ các bậc thượng căn túc trí, đang thực hành hạnh Bồ tát, không câu nệ hình thức, buông xả hoàn toàn ngã và ngã sở, để thực hiện hạnh nguyện nhập thế cứu khổ cho đời. Như Cư sĩ Duy Ma Cật, Thắng Man phu nhân, Thiện Tài đồng tử v.v... thỏng tay vào chợ hoặc cư trần lạc đạo của Phật Hoàng Trần Nhân Tông:*Ở đời vui đạo cứ tùy duyên/ Đói ăn, khát uống, mệt ngủ liền/ Trong nhà có báu thôi tìm kiếm/*

https://tieulun.hopto.org

Đối cảnh tâm không, hỏi chi Thiền?

Tuy nhiên, người đời sống tại gia, tâm hướng đến xuất gia, và đoạn dần trần duyên phiền não thì số này không ít. Đây là hướng mà mọi người Phật tử tại gia ai ai cũng đều muốn lựa chọn. Họ vẫn lo sự nghiệp mưu sinh, tích lũy tài sản bằng nghề nghiệp chân chính, xây dựng gia đình, có trách nhiệm đóng góp với xã hội quốc gia, đồng thời tích cực ủng hộ Phật pháp với những điều kiện tốt nhất mà mình hiện có: tài lực, năng lực, trí lực... Các cư sĩ nổi danh thời Phật như vua Ba-tư-nặc (Pasenadi), trưởng giả Cấp-cô-độc (Anâthapindika), tín nữ Tỳ-xá-khư (Visâkhâ); sau khi Phật nhập diệt có A Dục vương (Ashoka); ở Trung Hoa có Lương Vũ Đế; ở Việt Nam thời Lý-Trần có các cư sĩ như Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Trần Nhân Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ, thời cận đại và hiện đại có các cư sĩ danh tiếng là giáo sư, học giả như Thiều Chửu, Lê Đình Thám, Mai Thọ Truyền, Đoàn Trung Còn v.v...

2- Tại gia mà tại gia: Đây là hướng đi của những người thân tâm ở tại gia, suốt đời bị trói buộc trong 5 thứ dục lạc: tiên tài, danh vọng, săc đẹp, ăn uống và ngủ nghỉ không có ý niệm muốn giải thoát. Họ chỉ biết đời này thỏa thích tư dục, không quan tâm tới đời kiếp sau, sống không biết chia sẻ yêu thương, giúp đỡ người khác, huống chi là Phật pháp!

https://tieulun.hopto.org

Nếu có đến chùa quy y, lễ bái.... cũng chỉ là xem Phật, Bồ tát như thần thánh quyền năng, mê tín, cầu xin đủ thứ... cho cá nhân, gia đình sở hữu của chính mình mà thôi. Như con chim trong lồng nhỏ xấu, muốn lồng to, đẹp hơn; con cá trong hồ bé, cạn muốn ao lớn, sâu hơn. Đâu biết cũng chỉ là lòng tham trói buộc, đời sông này chỉ là "ở trọ", như *con chim ở đậu cành tre/con cá ở trọ trong khe nước nguồn* (Trịnh Công Sơn), *một mai việc trôi qua trước mắt/già trên đầu đến rồi* (Mãn Giác Thiền sư) thậm chí chưa kịp hẹn đến già mới niệm Phật thì đã ô hô vĩnh biệt nghìn thu, *đường trước mịt mờ chẳng biết về đâu?*



https://tieulun.hopto.org

Hướng đi này như trong bài kinh Bốn loại người của Kinh Tăng Nhất A hàm gọi là *người từ bóng tối đi vào bóng tối, từ nhà xí đi vào nhà xí, lấy máu rửa máu, bỏ ác lấy ác vậy.*

3- Xuất gia mà tại gia: Đó là người thân tuy ở chốn Già lam không bị phiền lụy gia đình mà tâm mưu câu danh lợi chăng khác người thê tục.

Trong Kinh 42 chương, chương 19, 20, 21, Đức Phật dạy các đệ tử xuất gia: *"Vì ái dục mà cầu danh tiếng thì cũng như đốt hương, hơi thơm nghe được thì hương đã cháy hết rồi... Con người đối với tiền tài và sắc đẹp thì y như trẻ con ham một chút mật ngọt nơi lưỡi dao, liếm vào không đủ mỹ vị một bữa ăn mà có cái họa đứt lưỡi. Con người ràng buộc vào vợ con, vật báu và nhà cửa thì còn hơn gông cùm xích khóa của lao ngục. Lao ngục còn có ngày được phóng thích, vợ con ái dục thì nhảy vào miệng cọp cũng cam tâm, đâu có cái ngày phóng thích".*

Danh vọng, địa vị, tiền tài... *đều là những mật ngọt, bởi nếu chúng thuần là đắng thì chẳng ai tham đắm, và nếu không có sự nguy hiểm thì không ai muốn chán lìa... Người xuất gia phải như thật tri (Kinh Tương II –Phẩm IV)*, cho nên, nó đều là thứ nguy hiểm trong ái dục là nguyên nhân của khổ đau, luân hồi chứ không chỉ riêng sắc dục. *Nhân tham tài nhi tử, điểu tham thực nhi vong* là những câu khuyên

https://tieulun.hopto.org

răn người thế tục, huống là người xuất gia đã vứt bỏ chúng như nhổ đàm dãi lẽ nào muốn nuốt lại!

Trước khi nhập diệt, đức Phật đã cẩn thận nhắc nhở các đệ tử lần cuối, đối với một số việc không nên làm, sẽ làm tăng trưởng tội lỗi, tiêu mất công đức. Kinh Di Giáo, Phật dạy: *"Người giữ giới thanh tịnh thì không được mua bán trao đôi chăm sóc nhà cửa ruộng vườn, nuôi dưỡng mọi người, kẻ hầu hạ, loài súc vật, mọi thứ trồng trọt và các tiền bạc... Không được pha chế thuốc men, đoán tướng cát hung, ngửa xem tinh tú, suy luận thế cuộc hưng vong, tính toán số lịch... không được tham dự việc thế gian, làm người giao thông liên lạc; không được chú thuật tiên dược, kết giao với người quyền quý, thân mật làm chuyện mai mối..."*. Đây là những công việc trực tiếp, hoặc gián tiếp đến quyền lợi và danh vọng, dẫn đến tội lỗi và đánh mất phẩm hạnh trong sạch của người xuất gia.

Với hạng người này, ngài Châu Hoành đã lên tiếng dạy dỗ rất nặng: *"... còn xuất gia rồi mà là hạng xuất gia mà tại gia thì chẳng thà làm hạng tại gia trong tại gia. Vì sao vậy? Vì dưới áo ca sa mà đánh mất thân người thì là hạng thấp kém trong các thứ thấp kém vậy"*.

Có thể nói đây là hạng "cư đạo lạc trần", tức là thân ở trong đạo mà tâm hằng vui thú chuyện trần

https://tieulun.hopto.org

duyên.

4- Xuất gia mà xuất gia: Người ở chốn Già lam, suốt đời tinh tiến tu hành không hề có một niệm thoái đọa. Đây là hạng thân, tâm đều xuất gia. Họ luôn gắng giữ mình trong Giới hạnh, tâm lắng yên trong Chánh niệm, âm thầm tăng trưởng trong Tuệ học, không lao xao trong chốn bụi trần,*có tức là không, không tức là có*. Cho nên, danh chẳng cầu mà đến, lợi chẳng muốn mà về. Hữu xạ tự nhiên hương mà! Danh lợi này là do công hạnh tu hành phước báo hẳn nhiên tựu thành. Mặc dù vậy, đối với danh lợi hiện có chỉ vì mục đích phụng sự chúng sanh, hoằng dương Phật pháp và hằng tự nhắc nhở mình cẩn trọng. Vì sao? *Vì chúng là lửa còn phàm phu là rơm, là gỗ, là sắt, là nước bị đun sôi cho nên gần quá ắt sẽ bị cháy. Chỉ khi nào là không khí mới không sợ lửa. (Trúc Song Tùy Bút bài 40: Đối cảnh)* Chừng nào như các bậc Thánh Hiền, như Thiền sư Phù Dung từng nói trong sách *Truy Môn Cảnh Huấn*: *"Gặp thanh gặp sắc như trên đá trồng hoa, thấy lợi thấy danh như con ngươi dính bụi"*. Hoa mà trồng trên đá thì không thể nào bám rễ, con ngươi dính bụi thì xốn xang vô cùng, muốn lấy bụi ra ngay lập tức mà thôi! Đây mới đúng là hướng từ Phàm phu Tăng đi đến *Chân thật Tăng (Luận Đại Trí Độ)* tiến dần đến Thánh Tăng; từ Sư

https://tieulun.hopto.org

đến Pháp sư, đến Đại sư và tiến đến Thiên Nhân sư.

Hướng đi này, trong *Tương Ưng Bộ IV – Kinh Khúc Gỗ*, đức Phật dạy rất kỹ: "*Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi trên bờ sông Gangà. Thế Tôn thấy một khúc gỗ lớn trôi theo dòng nước sông Hằng, thấy vậy liền gọi các Tỳ kheo:*

- Này các Tỳ kheo, các ông có thấy khúc gỗ to lớn này đang trôi theo dòng nước sông Hằng không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỳ kheo, nếu khúc gỗ không đâm vào bờ bên này, không đâm vào bờ bên kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn trên miếng đất nổi, không bị loài người nhặt lấy, không bị phi nhân nhặt lấy, không bị mắc vào xoáy nước, không bị mục bên trong; như vậy, này các Tỳ kheo, khúc gỗ ấy sẽ hướng về biển, sẽ xuôi theo biển, sẽ nghiêng nhập vào biển. Vì sao? Vì rằng, này các Tỳ kheo, dòng sông Hằng hướng về biển, xuôi theo biển, nghiêng trôi về biển.

Cũng vậy, này các Tỳ kheo, nếu các ông không đâm vào bờ bên này... các ông sẽ hướng về Niết bàn, sẽ xuôi theo Niết bàn, sẽ nghiêng nhập về Niết bàn...

- Bạch Thế Tôn, bờ bên này là gì? Bờ bên kia là gì? Thế nào là chìm giữa dòng? Thế nào là mắc cạn trên miếng đất nổi? Thế nào là bị loài người lấy? Thế nào là bị phi nhân nhặt lấy? Thế nào là bị mắc

https://tieulun.hopto.org

vào xoáy nước? Thế nào là bị mục nát bên trong?

- Bờ bên này, này các Tỳ kheo là đồng nghĩa với sáu nội xứ

Bờ bên kia... đồng nghĩa với sáu ngoại xứ

Bị chìm giữa dòng... đồng nghĩa với hỷ tham

Bị mắc cạn trên miếng đất nổi... đồng nghĩa với ngã mạn

... Tỳ kheo sống quá liên hệ với cư sĩ, chung vui, chung buồn, an lạc khi họ an lạc, đau khổ khi họ bị đau khổ, tự trói buộc mình trong các công việc phải làm được khởi lên từ họ. Đây gọi là Tỳ kheo bị loài người nhặt lấy.

... Ở đây, Tỳ kheo sống phạm hạnh với ước nguyện được sanh cộng trú với một hạng chư Thiên: "Mong rằng với giới luật này, với cấm giới này, với khổ hạnh này, với phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên nhân hay một loài chư Thiên". Đây, này Tỳ kheo, được gọi là bị phi nhân nhặt lấy.

Bị mắc vào xoáy nước,... đồng nghĩa với năm dục công đức.

...Ở đây, này các Tỳ kheo, có người thọ tà giới, theo ác pháp, bất tịnh, có những hành vi đáng nghi ngờ, có những hành động che đậy, không phải Sa môn nhưng hiện tướng Sa môn, không phải phạm hạnh nhưng hiện tướng phạm hạnh, nội tâm bị hủ bại, đầy dục vọng, là một đống rác bẩn. Đây này Tỳ

https://tieulun.hopto.org

kheo, được gọi là bị mục nát bên trong".

Tóm lại, bốn hướng đi, hướng nào cũng đến đích cả, chỉ là an vui hay đau khổ, trói buộc hay giải thoát. Hướng 1 và 4 đến ở trên cao, hướng 2 và 3 đến ở dưới thấp. Thông thường, điểm đến ở dưới thấp thì con đường dốc xuống dễ đi tới, điểm đến ở trên cao thì con đường dốc lên khó đi, còn con đường ngang thì tuy chẳng lên cao, chẳng xuống thấp nhưng cứ *đi loanh quanh cho đời mỏi mệt* (Trịnh Công Sơn) thì cuối cùng chân chùn gối mỏi, dễ dàng thả trôi lăn xuống dưới, chứ còn sức đâu mà leo lên cao nữa! Cho nên từ con đường bằng để lấy đà đi dần lên cao, chứ không phải cứ mãi mê đi, để rồi "*một khi sảy chân thành hận muôn kiếp*" hay "*một khi mất thân người muôn kiếp khó trở lại*".

Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi! Hãy tự mình lựa chọn hướng mà đi!



https://tieulun.hopto.org

VÌ MỘT XÃ HỘI TỪ ÁI

Tuổi trẻ hôm nay và tội ác

NGUYÊN CẨN



Gần đây, đọc báo chúng ta thấy hầu như ngày nào cũng có trọng án. Hung thủ ngày một trẻ hơn, tàn bạo hơn. Nhiều tội phạm dưới 18 tuổi như Lê Văn Luyện hay ngoài 20 như Nguyễn Hải Dương, những sát nhân giết cả một gia đình. Báo chí tập trung khai thác dày đặc các bài phóng sự của mình. Cả xã hội chìm trong nỗi hoang mang, ngập tràn những câu chuyện tội ác, người dân sống trong tâm trạng bất an, cảm thấy cái chết có thể đến bất kỳ lúc nào, từ những tên sát thủ không ngờ nhất, có thể là gã hàng xóm mở nhạc ồn ào, tên trộm chó cho đến những kẻ bán kẹo kéo trên đường, xuất phát từ

https://tieulun.hopto.org

những vụ việc tưởng chừng không có gì nghiêm trọng như va quẹt xe, đi nhầm phòng karaoke, nhìn thấy ghét (!) Không thiếu những clip đưa lên mạng về những vụ bạo lực học đường...

Giáo dục lại lòng khoan dung

Các nhà giáo dục hay xã hội học trên thế giới nói rằng tuổi trẻ hôm nay đã quên hai chữ F – Forgive (tha thứ) và Forget (Quên) mà họ quá chấp vào cái Tôi xấu xa của mình để luôn hành xử bạo lực khi gặp chuyện không vừa ý. Nguồn gốc sâu xa là sự thiếu sót trong hệ thống giáo dục những bài học về lòng từ bi hay rộng hơn, những kỹ năng sống trong tập thể. Ngoài ra, phải kể đến tác động của môi trường, không cứ là văn hóa hay phim ảnh ca tụng bạo lực, mà sâu xa hơn, là mầm mống của những xung đột và nổi loạn tiềm tàng trong những vấn đề xã hội và kinh tế. Sự nghèo đói, cô đơn, cảm giác bị bỏ rơi chính là mảnh đất màu mỡ sinh ra hành vi bạo lực, là bà đỡ cho chủ nghĩa khủng bố - khi con người có rất ít hy vọng vào việc cải thiện cuộc sống bằng một nền giáo dục hoàn thiện, thông qua những quyền công dân được tôn trọng và những cơ hội mưu sinh tốt đẹp mở rộng cửa cho mọi tầng lớp. Họ dễ dàng bị những kẻ cực đoan khích động sử dụng bạo lực. Ở đây, có một bài học đơn giản cần phải quán triệt, đó là hành động bạo lực hay chủ nghĩa

https://tieulun.hopto.org

khủng bố không thể bị xóa bỏ triệt để đơn thuần bằng sức mạnh của các cơ quan hành pháp hay lực lượng cảnh sát hoặc hành động quân sự thuần túy. Các nhà xã hội học trên thế giới vì vậy tin rằng những xung đột gây ra là do sự thiếu lòng tin, thiếu hiểu biết và quan trọng hơn hết, thiếu lòng khoan dung. Khoan dung trong tiếng Anh là tolerance cũng bao gồm cả sự chịu đựng và nhẫn nhịn. Hay nói cách khác khi ta khoan dung với người thì có nghĩa ta cũng chấp nhận những khác biệt. Phải chăng, bao dung theo giáo lý nhà Phật là một mặt của hỷ và xả vô lượng tâm vì năng lực phá tan lòng ganh tỵ hay ích kỷ, xóa bỏ tâm thức cái của mình, tư duy, tôn giáo chính kiến của mình, dân tộc mình, giáo phái, chủ nghĩa của mình là duy nhất, là chân lý tuyệt đối.

"Người có hỷ tâm vô lượng luôn luôn ca ngợi và tán dương sự thành công của tha nhân, không khởi tâm đố kỵ làm trở ngại sự tiến bộ, sự phát triển của tha nhân mà sẵn sàng san sẻ niềm vui chung với mọi người, không phân biệt oán thù, chủng tộc, giai cấp, tôn giáo và ý thức hệ".

Người ta đã chứng minh trong thực tế cuộc đời rằng những người khoan dung thường có những ưu điểm sau:

1. Họ là người hạnh phúc

Vì họ sẵn lòng dành thời gian, tài sản và khả

https://tieulun.hopto.org

năng của mình để đóng góp cho gia đình và xã hội. Đối với họ, hạnh phúc chính là "cho đi" hơn "nhận lại". Đây chính là ý nghĩa nhân sinh xuất phát từ đáy lòng họ với người khác trong cuộc sống này.

2. Họ có cuộc sống thư thái

Người khoan dung rộng lượng dựa vào cái tâm chân chính của mình đê sông, không của cải hay bạc tiền nào có thể ảnh hưởng hay mua chuộc được họ.

Họ không quan tâm kiếm được nhiều hay ít, vì họ không sống "nô lệ" cho đồng tiền. Họ có cuộc sống bình an và thoải mái.

3. Họ làm việc chăm chỉ

Đặc điểm chung của người rộng lượng là "chịu thương chịu khó" đối với bất kỳ công việc nào được giao. Chính vì thế, họ được cấp trên đánh giá cao, giao phó những việc lớn hơn. Vì sự tận tâm, tận lực với công việc, họ dễ nắm bắt được thành công.

4. Họ là người tử tế

Bạn hiếm khi tìm được những người rộng lượng mà không tử tế.

Nhà văn người Mỹ – Zig Ziglar từng nói: "Bạn có thể có mọi thứ bạn muốn trong cuộc sống nếu bạn giúp người khác có cái họ muốn".

5. Họ là người tự do

Nhà tù mạnh nhất trên thế giới này được xây dựng bằng sự tham lam, ham muốn và ích kỷ của

https://tieulun.hopto.org

con người. Những thứ không tốt đó như một sợi dây xích đang trói bạn lại, hạn chế tất cả niềm hy vọng và thành công của bạn. Điều duy nhất để phá vỡ những mắt xích này là tấm lòng bao dung và rộng lượng.

6. Họ có các mối quan hệ tốt đẹp

Điều rõ ràng trong các môi quan hệ của người khoan dung rộng lượng là sự bền vững và lâu dài. Phẩm chất và nhân cách của họ, sự thật lòng thật dạ, không tính đếm thiệt hơn khiến các mối quan hệ của họ ngày càng trở nên khăng khít.

7. Họ là người tin vào luật nhân quả

Điều đặc biệt, người khoan dung rộng lượng rất tin vào luật nhân quả, họ tin rằng thiện hay ác – tất cả đều có báo ứng. Vì vậy, tham lam, ham muốn và ích kỷ không có trong "từ điển" của họ. Họ làm tất cả vì mọi người bằng cả con tim và khối óc. (Theo Cafeland).

Thế giới đã làm gì?

Liên Hiệp Quốc trước năm 2000 đã ra Nghị quyết chọn 10 năm đầu của Thế kỷ XXI sẽ là 10 năm thực tập thương yêu bất bạo động, thực tập an lạc, hòa bình. Ở Tây Ban Nha, Quốc hội lập ra một đạo luật đề cao sự thực tập các môn học hòa bình và bất bạo động, đưa vào chương trình từ tiểu học lên đại học, qua đó giảng dạy học sinh, sinh viên cách

https://tieulun.hopto.org

chuyển hóa khổ đau và hận thù. Giám đốc Unesco từng đề nghị Thiền sư Nhất Hạnh viết tác phẩm *Creating to Peace* để phổ biến cho giới trẻ sau cuốn *Anger* (Giận) đang là sách bán chạy nhất hiện nay. Thiền sư cũng đã từng đề nghị Unesco tổ chức một Trung tâm huấn luyện cho thầy cô bậc tiểu học và trung học về phương thức chuyên hóa bạo động để họ có thể ứng dụng hay giảng dạy ngay trong trường lớp của mình môn học đó. Người nhận định rằng sở dĩ chúng ta lâm vào tình trạng khổ đau bạo động chiến tranh vì số những con người tỉnh thức quá ít, cho nên cần phải có sự tỉnh thức tập thể (collective awakening). Làm sao nhận diện được hạnh phúc, qua nhận diện khổ đau để chuyển hóa, làm sao thấy rằng cuộc sống hiện tại đang đáng yêu đáng sống biết mấy trong tình anh em (brotherhood), xa hơn cao hơn nữa là pháp hữu (brother or sister in dharma). Lòng từ hay tình thương yêu trong sáng. Sự thực tập rèn luyện huân tập lòng từ là khắc chế những hờn giận tiêu cực, làm nảy sinh cảm xúc tích cực yêu đời, trong cuộc sống chung sống với đồng môn, đồng nghiệp và đồng bào.

Những Hội đoàn thanh niên hay sinh viên trên thế giới đã khẳng định trách nhiệm của mình trong việc xây dựng một mái nhà hạnh phúc chung qua những phương tiện truyền thông truyền thống và

https://tieulun.hopto.org

hiện đại, xây dựng một chương trình hành động cụ thể thông qua báo chí, truyền hình, website, blog, facebook gởi trao những thông điệp hoà bình, thúc đẩy sự trao đổi, giao lưu giữa thanh niên của những tôn giáo khác nhau, nhằm xoá bỏ những định kiến, thu hẹp khoảng cách giữa những dân tộc và tôn giáo khác nhau.

Nói như Đạt lai Lạt ma XIV thì... "Chúng ta nên nhớ rằng các tôn giáo lớn trên thế giới đều chuyên chở chung một thông điệp và khuyến khich phát triển những phẩm chất tốt đẹp của con người... Trên căn bản mẫu số chung này, thông điệp của tình yêu từ bi sẽ được tung ra khắp tận cùng thế giới nếu tất cả những ai bước đi trên hành trình tâm linh cùng ngồi lại làm việc với nhau trong tinh thần hòa điệu và tương kính" (Dalai Lama – Beyond Dogmas).

Chúng ta đang làm gì?

Trong tháng 10-2015, tại Trường Đại học Sư phạm thuộc Đại học Đà Nẵng diễn ra Hội thảo Chia sẻ kinh nghiệm thực hiện giáo dục bình đẳng giới và phòng chống bạo lực giới đối với học sinh trung học. Hội thảo do Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng và Tổ chức Hòa bình và Phát triển (Tây Ban Nha) phối hợp tổ chức. Sau Hội thảo là "Hành trình yêu thương", một chương trình giáo dục được triển khai thí điểm tại 10 trường THCS trên địa bàn TP Đà

https://tieulun.hopto.org

Nẵng. Học sinh các khối lớp 6 và 7 được học về giới, bình đẳng giới, nhận biết bạo lực... để được nâng cao nhận thức và bồi dưỡng kỹ năng duy trì các mối quan hệ hạnh phúc và lành mạnh.

"Hành trình yêu thương" giới thiệu một phương pháp tiếp cận đầy hứa hẹn trong việc phòng chống bạo lực bằng cách tác động đến các em học sinh nam, nữ nhằm phòng ngừa bạo lực trước khi xảy ra.

Qua khảo sát, người ta ghi nhận - 38% HS từ 12 - 13 tuổi đã từng chứng kiến ba đánh mẹ trong gia đình; - 67% đã từng bị giáo viên thực hiện các hình phạt thân thể, trong đó 34% bị đánh bằng tay và 33% bị đánh bằng đồ vật khác... Thế nên, theo ông Nguyễn Minh Hùng - Phó GĐ Sở GD&ĐT Đà Nẵng, đồng Giám đốc Dự án "Hành trình yêu thương" - Sau hơn một năm thực hiện chương trình thí điểm tại thành phố, dự án đã đạt được những kết quả rất khả quan về thay đổi nhận thức và hành vi của học sinh, giáo viên về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực giới trong nhà trường. "Đây là bước đầu của những chương trình giáo dục rộng hơn sâu hơn về lòng từ ái, đức khoan dung"...

Nếu biết vun trồng hạt nhân từ ái, chúng ta sẽ gặt quả bình yên và hạnh phúc. Tình trạng bạo lực cũng sẽ giảm đi rất nhiều dù chưa thể triệt tiêu ngay được.

https://tieulun.hopto.org

Chúng tôi nghĩ các chùa hay tự viện cũng cần tham dự tích cực vào việc tổ chức những khóa giáo lý ngắn ngày, khóa tu ngày chủ nhật qua hoạt động hướng đạo Phật tử. Phật tử trẻ tuổi phải đi đầu trong việc tuyên truyền hay "hoằng pháp", làm giảm bạo lực trong giới trẻ hiện nhiều nơi vẫn chưa được triển khai tôt.

Tuổi trẻ Phật giáo trước hết sẽ là những người luôn huân tập tâm hồn để hình thành một thái độ sống, một triết lý sống tràn trề vô ngại, vượt lên trên mọi si mê kiến chấp.

Cũng như thế, nếu chúng ta phát huy những tình cảm tốt đẹp, từ ái khoan dung, biết nuôi dưỡng hoài bão và hy vọng, những phẩm chất mà thanh niên đang cần và đang thiếu vắng hôm nay, hướng đến xây dựng và vun đắp một xã hội từ tâm an bình. Đó chẳng phải là ước mơ của chính chúng ta hôm nay và nhân loại từ ngàn xưa sao?



https://tieulun.hopto.org

DUY THỨC TÔNG RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN TẠI ẤN ĐỘ VÀ TRUNG HOA

LÊ SƠN PHƯƠNG NGỌC



Đức Thích Ca Mâu Ni trải qua nhiều năm khổ tu, cuối cùng đã thành bậc Đẳng Chánh Giác, thành Đức Thế Tôn, tự mình đạt tới cảnh giới giác ngộ thực sự. Để thích ứng căn cơ của chúng sinh, Đức Thích Ca Mâu Ni đem chân lý hoàn mỹ do mình chứng ngộ biểu thị ra, Ngài đã dùng các loại phương

https://tieulun.hopto.org

pháp khác nhau để giác ngộ chúng sinh. Có khi Ngài giảng cho một người nghe, có khi Ngài giảng cho đông đảo đại chúng nghe, cũng có khi Ngài giảng cho chư Thiên trên trời nghe nữa. Bằng phương pháp hiệu nghiệm như thế, Đức Thích Ca Mâu Ni đã thuyết pháp trong vòng gần 49 năm. Những gì Ngài thuyết giảng trong thời gian lâu dài ấy, nhiêu và đa dạng thì thử hỏi làm sao một người nào đó, dù thông minh tài trí đến mấy, có thể thuật lại lại đầy đủ và chuẩn xác toàn bộ lời giảng của thầy?

Sau khi Đức Thích Ca Mâu Ni nhập niết bàn thì chúng đệ tử của ngài không còn được người thầy toàn năng trực tiếp dạy dỗ, chỉ đạo nữa. Bấy giờ, đại đệ tử là Ma ha Ca Diếp đứng ra huy động 500 đệ tử khác của thầy Thích Ca mâu ni, tổ chức cuộc kết tập Phật pháp với mong muốn Phật pháp trường tồn với đời, không phải lâm vào cảnh Phật mất thì Pháp bị diệt. Công đức ấy thật là phi thường!

Song le, cuộc đại hội kết tập lần đầu ấy chỉ tập hợp có 500 đệ tử trong số hàng ngàn đệ tử của Đức Thích Ca Mâu Ni, lại chỉ diễn ra trong vòng có ba tháng, nên thành quả của lần kết tập ấy chỉ gồm ý kiến của một số người tuy là những người nòng cốt gần gũi với thầy hơn cả, cũng không thể làm mãn ý tất cả được. Vì thế, có thể cho rằng, quan điểm của lần kết tập ấy thuộc riêng của hệ *Ma ha Ca Diếp*,

https://tieulun.hopto.org

không thể đại diện cho toàn thể Phật giáo đồ.

Nhất định là lần kết tập đầu tiên ấy còn để sót và có những chỗ chưa thật đúng những lời Phật dạy. Ngay trong thời bấy giờ, có người đã phát biểu "Chúng tôi cũng muốn kết tập", cho thấy tình huống thực tế của việc kết tập đầu tiên là chưa thật sự hoàn chỉnh.

Trong lần kết tập đầu tiên có thể gọi là thuộc đợt kết tập *Ma ha Ca Diếp* ấy, kinh sách tập hợp được chỉ do một người còn nhớ đọc ra cho hội nghị nghe (A Nan), rồi mọi người trong hội nghị thẩm định. Bấy giờ cũng không có việc ghi chép, rồi trải qua nhiều lần khẩu truyền từ người trước qua người sau thì tránh sao khỏi sai sót, nhầm lẫn, tam sao thất bổn, đảo lộn thứ tự. Phải đến hơn hai trăm năm sau, vào thế kỷ thứ III trước CN, thời vua A Dục [A Dục vương (273 - 232 trước CN)] mới xuất hiện kinh Phật bằng chữ viết. Tuy nhiên, văn tự ghi chép các kinh sách thời vua A Dục còn trong tình trạng sơ khai, rất lộn xộn, khác nhau về chủng loại, thủ xả, xuất nhập thì có thể suy đoán mà biết được rằng những ghi chép kinh sách vào thời vua A Dục khó mà đảm bảo đúng hoàn toàn được. Lại nữa, trong giới Phật giáo thời bấy giờ đã đậm sắc thái *tông phái*, tông phái nào cũng muốn làm cho thích ứng lý luận của tông phái mình thì chẳng những thêm bớt

https://tieulun.hopto.org

câu chữ trong Kinh, Luật, kể cả những câu chữ chưa chắc có thật là lời Đức Thích Ca Mâu Ni giảng hay không nữa. Qua diễn trình như vậy, thì bộ phận Kinh Luật của thời ấy hiện tồn, có thể nào cho rằng Kinh, Luật ấy đã khái quát giáo pháp của Đức Thích Ca Mâu Ni hay không? Có thể nào cho rằng Kinh, Luật ây là đại biêu nghiêm túc nhât cho Phật giáo hay không?

Nhóm Ca Diếp, A Nan, Ưu Bà Ly đứng ra chủ trì việc kết tập lần đầu. Kết quả đã được các nhà vua cùng với các đại thần thời bấy giờ bảo hộ, quảng bá rất mạnh. Giáo pháp Tiểu Thừa trở thành chủ lưu, trong khi giáo pháp Đại thừa vẫn còn tiềm ẩn.

Ba trăm năm sau nữa thì kinh điển Đại thừa mới thấy lưu hành. Những gì từ kinh Đại thừa viết ra không thể phân ra cái nào trước cái nào sau so với kinh điển Tiểu thừa. Kinh điển Đại thừa lại được nhiều lần kết tập nữa, lại sản sinh nhiều tông phái, ngày càng dùng *biểu tướng sự vật* mà phát triển hoành tráng, hình thành lý luận cơ bản cho học thuyết của mỗi tông phái.

o0o

Trong vòng khoảng sáu trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt thì xuất hiện Bồ tát Mã Minh, người đầu tiên tạo lập mầm mống giáo pháp Đại thừa và bắt đầu ra sức đề xướng Phật pháp Đại thừa. Sau đó,

https://tieulun.hopto.org

Bồ tát Long Thọ ra đời, nối tiếp Bồ tát Mã Minh. Dựa theo *"Đại Bát Nhã kinh"*, Long Thọ đã soạn các sách *"Trung luận"*, *"Bách luận"*, *"Thập nhị môn luận"*. Bồ tát Long Thọ đả phá các phái *Hữu chấp*, xiển dương tư tưởng *Không nghĩa* rốt ráo của Đại thừa. Từ đó, tư tưởng Không nghĩa của Đại thừa trở nên hưng thịnh. Tư tưởng Không nghĩa của Đại thừa chiếm thế chủ lưu, song ý nghĩa về *Không rốt ráo* không phải được toàn thể chúng sinh tiếp thu dễ dàng, chỉ những người thượng *căn lợi trí* thông giải, còn những người liệt *căn độn trí* thì không dễ gì.

Trong vòng khoảng chín trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt thì xuất hiện Bồ tát Vô Trước. Ban đầu, Vô Trước xuất gia tu học với phái *Nhất thiết Hữu Bộ* thuộc phái Phật giáo Tiểu thừa, tu tập*Không quán*. Tu *Không quán* chừng đã quá lâu mà chẳng thấy hiệu nghiệm, tinh thần bế tắc quá, Vô Trước tính tự sát, nhưng rồi chợt nhớ đến tôn giả Tân Đầu Na có lần đến giáo hóa, lý giải rất sâu sắc. Bấy giờ, trong lòng Vô Trước tuy chưa thấy thỏa mãn vì cho rằng theo đạo lý ấy thì không thể viên mãn. Thế rồi, Vô Trước chứng ngộ *Đại Thừa không nghĩa*. Vô Trước còn muốn cho người đời tin tưởng hơn, liền thuyết giảng các Luận của Đức Di Lặc như "Du già sư địa luận","Biện trung biên luận" và nhiều Luận khác nữa. Vô Trước đã ra sức hoằng dương giáo

https://tieulun.hopto.org

pháp thâm mật ở thời kỳ thứ ba. Vô Trước căn cứ vào các kinh luận như *"Giải Thâm mật kinh"*, *"Du già sư địa luận"*, rồi viết sách *"Nhiếp Đại Thừa luận thích"*, hoằng dương giáo nghĩa *Tam tính Duy thức*. Đến cuối đời, Vô Trước viết sách *"Duy Thức tam thập luận"*, trở thành khoa vàng luật ngọc của Duy Thức tông. Sau đó, lại được Thập đại luận sư quảng thích sách Luận này của Vô Trước khiến cho Duy Thức tông đại hưng thịnh, trở thành chủ lưu trong dòng chảy Phật giáo.

Phật Đà trụ thế mấy chục năm, Ngài giáo hóa chúng sinh và đi thuyết giảng nhiều nơi, mà Ngài thuyết pháp căn bản nhất là về *"Vô ngã mà có nghiệp quả"*, chân lý mà đích thân Phật Đà chứng ngộ, rồi Phật Đà tuyên dương rộng rãi một cách rõ ràng những gì bản thân mình phát hiện ra, đã làm một đợt càn quét những kế chấp chủ tể và thực ngã của các tôn giáo thần quyền thời bấy giờ tại Ấn Độ. Nhưng thuyết pháp của Phật Đà mang hàm nghĩa rất sâu sắc, Không là vì từ vô thủy đến nay chúng sinh quen tiếp thu vọng chấp hữu ngã, cho nên chỉ nhận thấy những biểu hiện về mặt hiện tượng của sự vật. Vô ngã mà có nghiệp quả, có vẻ rất mâu thuẫn, bởi vì không có tôi (vô ngã) thì ai chi phối nghiệp quả? Thật là khó hiểu!

Khi Đức Phật còn tại thế, các đệ tử đã từng đem

https://tieulun.hopto.org

vấn đề này hỏi Phật, thì tùy người hỏi, Đức Phật dùng công đức trí tuệ mà khai thị cho riêng người ấy. Mọi người đều được thông hiểu nhờ được đích thân Đức Phật giải rõ hết. Nhưng sau khi Đức Thích Ca mâu ni nhập diệt, không còn bậc đại trí tuệ dạy bảo thì chúng đệ tử đối với vấn đề "Vô ngã mà có nghiệp quả", tuy bản thân họ có thể tiếp nhận được. nhưng không thể giải thích thật đầy đủ và rốt ráo cho những người thắc mắc hỏi mình, nhất là vấn đề về *"Vô ngã mà có nghiệp quả"*, mà không giải thuyết thỏa đáng thì không xong. Vì thế, các phái Phật giáo đều dựa vào *Thánh giáo lý* để tìm căn cứ giải quyết vấn đề trọng tâm này của Phật giáo, như các phái Phật giáo Tiểu Thừa *Sa Bà Đa Bộ, Độc Tử Bộ, Đại Chúng Bộ, Hóa Địa Bộ, Chánh Lượng Bộ, Thượng Toa Bộ, Kinh Bộ* đều chú trọng giải quyết vấn đề *"Vô ngã mà có nghiệp quả"*.

Một khi *Hữu kế chấp* đối với mình tức là mình đã rời quá xa giáo nghĩa *"Vô ngã mà có nghiệp quả"* của Phật Đà rồi đó! Vì thế mà Bồ tát Long Thọ ra đời để kế đối chấp hữu, đề xướng thuyết*Đại thừa không nghĩa*, đông loạt càn quét Hữu chấp của các phái Phật giáo thời bấy giờ, làm cho tư tưởng *Không tông* rực sáng. Trừ bỏ *kế chấp của thực hữu*, chấp trước của *Không* lại sản sinh ra, đáng thương cho chúng sinh không chấp *Không* mà lại chấp *Hữu*..

https://tieulun.hopto.org

Trong vòng khoảng chín trăm năm sau khi Đức Phật diệt độ, Bồ tát Vô Trước ra đời làm việc cải chính cái thiên lệch *Chấp Hữu Chấp Không của chúng sinh.*

Căn cứ vào sáu kinh, mười một luận, mà kinh *"Giải Thâm mật kinh"* đề xướng *Trung đạo liêu nghĩa* của Duy thức là *"Ngoại cảnh phi hữu, nội thức phi vô"*.

Nói ngoại cảnh phi hữu, không phải phủ nhân sự tồn tại khách quan của ngoại cảnh mà là phá cái *Chấp trước* của chúng sinh đối với chư pháp thực hữu.

Nói *Nội thức phi vô* cũng không phải khẳng định sự tồn tại của ngã mà là kiến lập *thục chủ chân dị* lưu chuyển của nghiệp quả. Theo Bồ tát Vô Trước thì đó không phải căn cứ chính đáng của việc kiến lập nghiệp quả. Bồ tát Vô Trước đã tiềm tâm nghiên cứu, tìm ra chẳng những chỉ là A Lại Da thức, mà còn tìm ra trong kinh *"Tăng nhất A hàm kinh"* có một đoạn kinh văn làm chứng như sau:

"Chúng sinh trong thế gian phát A Lại Da, vui A Lại Da, hân hoan A Lại Da, vui mừng A Lại Da, vì vậy cần phải dứt bỏ A Lại Da. Cho nên khi nghe giảng Chánh pháp thì phải cung kính lắng nghe, trụ cầu giải tâm, pháp tùy pháp hạnh, Đức Như Lai ra đời là việc cực kỳ hy hữu, thì Chánh pháp mới xuất

https://tieulun.hopto.org

hiện trên thế gian này".

Muốn đứt khỏi sinh tử thì phải nghe thuyết giảng Chánh pháp, dứt bỏ A Lại Da thì mới thật sự được giải thoát. Đoạn văn này bí mật khai thị tính lưu chuyển của sinh tử ở loài hữu tình liên quan đến A Lại Da Thức.

Sau khi Bồ tát Vô Trước tìm ra được căn cứ của đoạn kinh văn ấy, thì thấy rằng bản ý của Phật Đà không chỉ dừng lại ở *ý thức thứ sáu* hoặc *ý căn* mà là *cái bên ngoài ý thức thứ sáu* và *ý căn,*nó mang cái tâm thức trọng yếu - *A Lại Da Thức.* Đồng thời còn tìm thấy những chứng cớ đồng nghĩa dị danh với *A Lại Da Thức* còn có các danh xưng *Tâm, A Đà Na, Chủng Tử Thức, Thăng Nhiệt Thứ...*

Ví như trong kinh "Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma kinh" viết:

"Từ thời vô thủy đến giờ, nhất thiết pháp đẳng y đều có các loại thú cho đến khi chứng được niết bàn".

Còn có tụng là:

"Do nhiếp tạng chư pháp, tất thảy Chủng Tử Thức nên có tên là A Lại Da Thức, thắng chư ngã khai thị".

Kinh *"Giải Thâm mật kinh" thì giảng:*

"A Đà Na Thức rất là tế vi sâu xa, tất thảy chủng tử như dòng nước lũ... ngại rằng bị phân biệt

https://tieulun.hopto.org

chấp là ngã.”

Kinh *“Hoa Nghiêm kinh”* viết:

“Tam giới duy nhất tâm, ngoài tâm không có biệt pháp, từ tâm Phật đến tâm chúng sinh vô sai biệt”.



Căn cứ của Thánh giáo thì cả hai phái Phật giáo Đại Thừa, Tiểu Thừa nhất định là đã thành lập chủ hệ tinh thần của sinh tử lưu chuyển đích xác là A Lại Da Thức, mà A Lại Da Thức lại chuyển hóa luôn luôn như dòng nước chảy vậy, là một cá thể phi chủ tể phi thường, loại này phá *thực chấp* mà kiến

https://tieulun.hopto.org

lập *nghiệp quả*, một cách hiển nhiên là không làm sai làm trái với lượng thánh ngôn *"Vô ngã mà có nghiệp quả"* của Phật Đà. A Lại Da Thức hiển nhiên thành đối tượng của ái, lạc, hân, hỉ của loài hữu tình, có khả năng quan hệ gắn kết với nhau. Tất nhiên, có mang cái tâm thức tồn tại của A Lại Da Thức. Cái tâm thức ây tât nhiên phải sâu xa tinh tê. Cái "ái" thường hằng bất đoạn tạo ra A Lại Da hằng trụ, có cái ngã tồn tại.

Với lý luận tư tưởng ấy, Bồ tát Vô Trước đã hoàn thành việc tạo nên một bộ Luận *"Nhiếp Đại Thừa luận"*, một khái niệm ban đầu của Duy Thức học, để rồi sau đó, Bồ tát Thế Thân tiếp bước phàt triển, viết sách chú giải tác phẩm ấy của Vô Trước, đồng thời ra sức xiển dương Duy Thức học. Đến cuối đời, Bồ tát Thế Thân viết sách *"Tam Thập Duy Thức luận"*, trở thành bảo điển trong kho tàng sách quý Duy Thức học. Về sau có thập đại luận sư nổi tiếng như Hộ Pháp, Trần Na... xiển dương mạnh mẽ hai cuốn Luận ấy khiến cho Duy Thức học phát triển mạnh mẽ làm chủ lưu trong dòng học thuật Phật giáo. Hơn ba trăm năm sau nữa thì Luận sư Hộ Pháp làm cuộc tập đại thành giáo nghĩa Duy Thức tông, nhờ cuộc *tập đại thành* đó mà Duy Thức tông được phát huy đến cực điểm

o0o

https://tieulun.hopto.org

Duy Thức tông ở Trung Hoa vốn đã được manh nha từ thời Lục Triều, đến thời nhà Đường thì Tam Tạng pháp sư Huyền Trang chính thức khai sinh Duy Thức tông. Huyền Trang sinh năm 600 CN tại huyện Trần Lưu tỉnh Hà Nam, xuất gia từ nhỏ, từng học các kinh luận như Niết bàn, Tỳ Huyền, Nhiếp luận, Thành thực, Câu xá... Bây giờ tại Trung Hoa, người ta giải thích kinh điển Phật giáo bất nhất, không thuyết nào hoàn toàn đáng tin khiến Huyền Trang mang trong lòng bao điều nghi ngờ. Huyền Trang ra sức đi tìm các thầy giỏi trong nước hết mấy năm trời học hỏi mà vẫn chưa thỏa mãn, nên phát tâm tìm đến tận gốc phát sinh đạo Phật để cầu học. Vào niên hiệu Trinh Quán thứ ba triều Đường, Huyền Trang một mình Tây du, đi qua tám trăm dặm sa mạc, trải qua bao gian nan hiểm nguy, đôi khi phải đương đầu với cái chết mới tìm đến chùa Na Lạn Đà ở Ấn Độ, rồi được Đại sư Giới Hiền, một Luận sư Duy Thức học hàng đầu thời bấy giờ nhận làm đệ tử thân cận. Huyền Trang được Giới Hiền truyền cho các luận Du Già, Hiền Dương, Bà Sa...Về sau, Huyền Trang được gặp cư sĩ Huyền Giám rồi được nghe Huyền Giám nói về ý nghĩa Duy Thức học sâu sắc của Bồ tát Hộ Pháp, nên ân cần cầu học, rồi được thầy Huyền Giám tận tình truyền thụ. Niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín nhà Đường, Huyền

https://tieulun.hopto.org

Trang về đến Trường An, đưa theo hai xe lớn nhỏ chứa đầy kinh luận Phật giáo. Huyền Trang dịch và chú giải sách của Thập đại luận sư có đến cả trăm quyển. Lão sư Từ Ân khảo sát rất rộng Duy Thức tông, thấy nhiều người khó thọ trì, bèn nhờ đại sư Huyền Trang thu hợp văn nghĩa của Thập luận thành một bản, dịch thành sách "Thành Duy Thức luận" 10 quyển, lưu hành đến ngày nay.

Luận sư Hộ Pháp lập nghĩa cực kỳ viên mãn. Nhiều tác giả đều lấy từ trong sách của luận sư Hộ Pháp để giảng giải, nên trên đầu sách đều có câu *"Bồ tát Hộ Pháp tạo"*. Sư Từ Ân theo lời truyền dạy của Huyền Trang ghi chép thành 20 quyển, phát dương ý nghĩa sâu rộng, tăng thêm giải thích kinh luận thì Duy Thức tông mới thành một tông phái độc lập không còn nhập nhằng như trước nữa. Sau khi đại sư Huyền Trang về đến Trường An, trong vòng hai mươi năm, một mặt đại sư bồi dưỡng cho đệ tử, một mặt tổ chức việc dịch kinh Phật. Đích thân đại sư Huyền Trang đã dịch tổng cộng 76 bộ kinh gồm một ngàn ba trăm bốn mươi bảy quyển, trở thành một nhà dịch kinh Phật kiệt xuất nhất trong lịch sử Trung Hoa. Huyền Trang là người đặt nền móng cho Duy Thức tông Trung Hoa.

Trước khi đại sư Huyền Trang lên đường về nước Trung Hoa, đại sư đã kiến lập được yếu nghĩa

https://tieulun.hopto.org

của Duy Thức tông, đem treo nơi ngoài cổng học viện Phật giáo tại Ấn Độ, thách thức với toàn giới học thuật nước Ấn Độ, tuyên bố rằng:

"Nếu có người luận thuyết đánh bại tôi về việc lập ra Duy Thức tông thì Huyền Trang tôi xin lấy sinh mạng ra tạ tội ".

Bây giờ chăng có ai phản bác nôi lập luận của Huyền Trang, cái tâm học dưỡng của đại sư phải nói là số một. Quốc vương các nước trên toàn Ấn Độ đều thỉnh Huyền Trang đến nước mình giảng thuyết giáo nghĩa Duy Thức. Thanh danh của đại sư được truyền bá đi rất xa, cực kỳ danh giá. Còn đối với Phật giáo sử Trung Hoa thì Huyền Trang là một du học sinh cầu pháp đã làm rạng danh nước Trung Hoa trên vũ đài quốc tế. Cống hiến to lớn của đại sư Huyền Trang chẳng những về Phật giáo, mà còn tạo được ảnh hưởng rất lớn đến lịch sử văn hóa Trung Hoa mà không một vị cao tăng nào sánh nổi. Thời gian mà đại sư Huyền Trang giảng thuyết, truyền bá giáo nghĩa Duy Thức thì có bốn đệ tử tài giỏi được người đời gọi là tứ triết, đó là *Thần Phưởng, Gia Thượng, Phô Quang và Khuy Cơ.*

Thần Phưởng nổi tiếng trước hơn ai hết, nhưng về sau thì Viên Trắc càng nổi tiếng hơn.

Theo truyền thuyết, Viên Trắc khi tuổi đã khá cao mới theo học với vị thầy đầu tiên gần hai mươi

https://tieulun.hopto.org

năm, rồi một lần đại sư Huyền Trang đến giảng thuyết Duy Thức, Du Già cho Khuy Cơ, Viên Trắc nghe lỏm được, mà viết nên sách *"Duy Thức sớ văn"*. Viên Trắc nổi tiếng chẳng kém Khuy Cơ trong việc giảng thuyết Duy Thức. Nhưng vì Viên Trắc nằm trong số người không được chính thức được thầy Huyên Trang trực tiếp truyên thụ, nên đôi khi Viên Trắc tự phát ý riêng làm rối loạn chính tông. Đệ tử của Khuy Cơ là Tuệ Duyên viết sách *"Liễu nghĩa đăng"* 13 quyển để cải chính Duy Thức học. Đệ tử của Tuệ Duyên là Châu Phúc lại tiếp tục viết sách *"Diễn bí"* 14 quyển để giải thích thêm. Khuy Cơ sợ người ta chưa hiểu tường tận ý nghĩa của *Duy Thức* nên viết sách *"Khuông yếu"* để bổ sung.

Muốn thông đạt được *Duy Thức luận* trước hết phải học tập *Thuật ký*. Muốn thông đạt *Thuật ký*thì trước đó phải học tập ba cuốn sách chú sớ là *Khuông yếu, Liễu nghĩa đăng, Diễn bí*. Đó là các sách chủ yếu cho người học tập Duy Thức học.

Bởi vì Viên Trắc và Khuy Cơ viết sách chú giải, giảng thuyết về Duy Thức học gần như đồng thời, nên dân dân Duy Thưc học Trung Hoa phân làm hai phái. Phái Khuy Cơ nổi tiếng nhất là có các vị Tuệ Duyên, Trí Châu, Như Lý... Phái Viên Trắc nổi tiếng nhất có các vị Đạo Chứng, Tuệ Quán, Nghĩa Tịch... Nhưng suy cho cùng thì xuất phát từ Khuy Cơ, rồi

https://tieulun.hopto.org

chính Viên Trắc giải rõ hơn trong sách "*Thuật ký*", cho nên người đời sau xem *Thuật ký* của Viên Trắc là khoa vàng luật ngọc của Duy Thức tông. Duy Thức tông phát triển được là nhờ bốn người, *sơ tổ Huyền Trang, nhị tổ Khuy Cơ, tam tổ Viên Trắc, tứ tổ Trí Châu.* Từ tứ tổ Trí Châu trở đi, không rõ truyền thừa ra sao nữa, thế lực của Duy Thức tông suy dần.

(Dịch từ sách Duy Thức tông của Hòa thượng THÍCH NHƯ Ý do Ba Thục thư xã ấn hành)



https://tieulun.hopto.org

Trang thơ NGUYỄN BÁ HOÀN



Cho mình

Giở ra trang giấy đầu đời
Thấy trăm năm rụng đâm chồi tử sinh
Tử sinh trong ánh bình minh
Hoàng hôn nghiêng bóng tự tình khói mây...

https://tieulun.hopto.org

Mừng ngày Tất Đạt Đa thành đạo

Chiều về khép vội vòng mơ
Kẻo tia nắng cuối đợi chờ đã lâu
Lạnh mềm vai ướp đêm thâu
Khi sao mai mọc bắt đầu thơ tan

Tầm nguyên

Nhớm chân biết bước về đâu
Mang mang tiền lộ vạn sầu cổ lai
Năng qua tỉnh giấc mộng dài
Giọt sương tan mất gọi ai hỏi nguồn...

https://tieulun.hopto.org

Say

Ta say khướt hai tay nâng từng ngụm
Uống cạn bầu ta chết lịm đêm nay
Để ngoài kia cửa vô cùng mở ngỏ
Vạn nghìn lời chẳng tỏ được dòng say
Ta ngây ngất men tình từ dạo nọ
Chừ lại về ta nghe điệu hương xưa
Ôi khứ lai kim cổ chẳng thiếu thừa
Mà ngập lối vầng trăng vàng tuyệt quá
Và ở đó hoang đài là gác trọ
Ta ngã người trên vạn kiếp trùng vây
Ôi núi xưa có chi là vạn thọ
Để bây giờ trôi mất cả ngàn mây...

https://tieulun.hopto.org

NGÔI CHÙA NƠI ĐẤT KHÁCH

HÀNG CHÂU

Chiếc xe màu trắng tinh khôi lả lướt trên xa lộ thênh thang với tốc độ 120km/g. Người phụ nữ tay khẽ tựa vào khung cửa kính, ánh mắt nhìn xa xôi. Từng đoạn rừng cây cao xanh mướt, thời tiết đang vào tháng Sáu mùa hè vùng ôn đới. Chiếc áo vest khoác bên ngoài vừa đủ ấm cho nhiệt độ 18°. Giờ này ở đất nước chị thật oi nồng, giữa trưa, trán lấm tấm ướt, mồ hôi rịn cả áo sau lưng các bạn trẻ đang khảo thí trung học phổ thông quốc gia.

Chiếc xe cứ vùn vụt thoai thoải trên đồi cao rồi xuống thấp. Anh thanh niên với đôi mắt tròn sáng, gương mặt thanh tú, vẫn chắc tay lái với tốc độ ban đầu. Đến ngã tư, tứ phía các xe hơi đều ngừng lại trước chiếc bảng stop và trên cao độ ba mét có bàn tay chớp điện màu đỏ báo hiệu không được đi. Vài giây sau bóng đèn tròn màu xanh ánh lên cho một chiều được phép tiếp tục lộ trình. Đàng xa sương mù dày đặc, chiếc xe băng qua vùng xám đục như mây. Trên ngọn cây cao của núi, đám mây trắng chập chờn bay bay lan tỏa. Từng ngôi nhà cách xa nhau bởi thảm cỏ xanh mượt.

Từng cụm hoa hồng đủ màu sắc đỏ, tím, hồng,

https://tieulun.hopto.org

vàng lung linh theo ngọn gió. Hình như ở những vùng khí hậu lạnh hoa nở bốn mùa. Cỏ, cây dại ven đường cũng rộ hoa. Đằng sau lưng những ngôi nhà là rừng. Sáng sớm chim hót líu lo, đôi thỏ con nhảy nhót kiếm ăn trên thảm cỏ. Một con nai chạy vụt qua con lộ phóng qua bên kia đường biến nhanh vào rừng. Chiếc xe cứ vùn vụt, không có bụi khói mù, không tiếng còi xe đòi qua mặt. Quanh co rồi lại uốn lượn quanh co. Ở các ngã ba, ngã tư, ánh nắng nhạt nhòa đã 9 giờ sáng. Chiếc xe vào khu trung tâm thành phố. Hàng hàng xe hơi thứ tự nối đuôi đậu theo lề đường, người dân vào siêu thị.

Chiếc xe anh thanh niên với tên Hồng Thiện băng qua phố đông người, họ lại tiếp tục lướt qua con phố khác. Không một bóng người đi bộ, chỉ có xe, xe êm ru không tỏa làn khói. Ở xứ khoa học phát triển, họ ý thức sự ô nhiễm hóa chất tác hại đến cơ thể con người.

Hồng Thiện cho xe ngừng trước một căn phố. Thu Quyên nhẹ nhàng bước xuống, sửa soạn lại trang phục mà suốt hai giờ đồng hồ với lộ trình 240 cây số lặng lẽ trên chiếc ô tô. Quyên ngước nhìn cổng chính – Chùa Thích Ca. Hàng dưới hai chữ nhỏ hơn – Như Lai. Đây là ngôi chùa Phật giáo Việt Nam ở thành phố Pittsburgh thuộc bang Pennsylvania.

https://tieulun.hopto.org



Chùa ở đất khách không có mái cong chạm trổ với nóc gói âm dương. Sát bên tay phải là một căn phô khác, bên trái có bãi đậu xe cho khách thập phương. Quyên chầm chậm vào cửa phụ bên hông. Phía trước, một bàn nhỏ bày xôi, chè, thức ăn chay cúng vong linh. Hai người phụ nữ kính cẩn mang nhang ra chuẩn bị làm lễ. Hơn mười người đứng xếp hàng, trang nghiêm. Mùi hương trầm thoang thoảng giữa không gian vắng lặng.

Vào bên trong, một phòng nhỏ nối tiếp gian chánh điện thờ Phật, Quyên khẽ hỏi một Phật tử:

- Chị à! Tôi muốn gặp thầy trụ trì.

Người phụ nữ nhỏ nhẹ:

- Mời chị lên phòng khách chờ đôi phút.

https://tieulun.hopto.org

Quyên nhìn bâng quơ ra cổng. Con đường tráng nhựa thoai thoải từ trên đồi cao, chẳng có bóng người đi, tất cả các nhà trong phố đều khép kín. Thỉnh thoảng vài chiếc xe hơi vụt lướt qua biến dạng nơi ngõ quanh. Hai bên đường hàng cây cao xanh ngát. Vắng lặng, đìu hiu.

Vị thầy trụ trì với màu áo nâu sẫm bước vào phòng khách. Quyên đứng dậy khẽ chào. Đó là một tu sĩ tuổi ngoài bốn mươi, gương mặt hiền hòa. Thầy tự giới thiệu, Thầy có pháp từ là Nhuận Cát, pháp danh Linh Quang. Tuổi thơ của Thầy qua những năm tháng với chiếc áo học trò ở Đà Nẵng miền Trung. Một thành phố lớn có bờ biển đẹp, nhiều thắng cảnh nổi tiếng. Linh Quang tập tu từ năm 14 tuổi, lứa tuổi nhìn đời với đôi mắt nai ngơ ngác ánh bình minh.

Thầy vào Đà Lạt dùi mài kinh sử ở ngôi chùa có tên Linh Quang thuộc thành phố sương mù bát ngát rừng thông vi vu gió thổi. Một bên là vách núi bên kia là thung lũng có dòng suối từ trên cao róc rách quanh co trắng xóa.

Người tu sĩ trẻ pháp danh Linh Quang có lẽ vị sư phụ đặt cho người học trò yêu quý của mình là để luôn nhắc nhở mình được học tập sửa thân từ ngôi chùa Tổ nầy. Phải luôn ghi nhớ công ơn dạy dỗ của người đi trước. Thầy được du học ở Đài Loan, tham

https://tieulun.hopto.org

quan nghiên cứu triết lý Phật giáo ở Ấn Độ, nơi Đức Phật thành đạo truyền lại cho muôn đời sau với nhiều kinh sách, di tích quý báu, thật trân trọng, ngưỡng mộ, là tấm gương đạo đức sáng ngời cho nhân loại. Thầy lại có dịp qua Tây Tạng nơi Phật giáo được xem là Quốc giáo.

Với nụ cười nhẹ, thầy Linh Quang như tâm sự:

- Tôi sang Mỹ mới đây thôi, vừa được ba năm. Tôi dừng chân ở đất nầy như một cái duyên chị à!

Quyên khẽ hỏi:

- Thầy có về Đà Lạt không?

- Đợi ba năm nữa mới về. Phải ổn định ngôi chùa mới.

Với Quyên điều gì cũng lạ nơi đất khách này. Chùa ở đây không giống như ở đất nước chị có mái cong chạm trổ trông Á Đông cổ kính.

Thầy Linh Quang tiếp lời:

- Trước kia, chỗ nầy là nhà thờ, người ta sang nhượng cho chúng tôi.

Ở ngoài đường phía tay trái, cách vài căn phố là nhà thờ Thiên chúa giáo.

Ở Mỹ, đạo Phật vào xứ sở này chưa được rộng rãi, có lẽ người châu Á định cư ít, lại ở rải rác các liên bang, chỉ tập trung nhiều ở Cali phảng phất khí hậu nhiệt đới.

- Thưa thầy, ở đây có giữ ngày lễ đến chùa theo

https://tieulun.hopto.org

mùng một và ngày rằm?

- Không đâu, xứ sở Âu - Mỹ theo dương lịch. Họ đi làm cả ngày, suốt tháng, từ buổi tinh mơ đến chiều, chỉ nghỉ vào ngày cuối tuần thôi.

- Còn ngày lễ Phật đản, Vu lan, tết ta nữa?

Ánh mắt Thầy như reo vui:

- Ba ngày lễ trọng đại của Phật giáo ấy, Phật tử các nơi tập trung về chùa khá đông.

Quyên liên tưởng ngày tết ở Việt Nam, hoa mai vàng rực rỡ, các chợ, siêu thị tấp nập người là người, lòng rạo rực qua một năm, thêm một tuổi ở lứa tuổi mới lớn, chỉnh chạc ở tuổi trung niên, thâm trầm khi tóc đã pha sương. Ở xứ người, Quyên nghĩ, lòng mọi người cũng tươi vui có dịp hội tụ bên nhau, tha hồ líu lo thỏa mãn cất giọng nói tiếng mẹ đẻ, thứ tiếng ngọt ngào như điệu nhạc mà mẹ cất lời ru dạy con nhớ công ơn cha mẹ 9 tháng mang nặng đẻ đau, ba năm bú mớm ẳm bồng, rồi tình anh em thương nhau như thể tay chân từ lúc còn nằm trên võng đong đưa.

Thầy Linh Quang tiếp lời:

- Vào ngày ấy ai cũng vui, nét mặt người nào cũng phấn khởi. Các Phật tử đến chùa xem nơi đây là nơi họp mặt người Việt xa xứ đến với nhau, là nơi nối liền sợi dây thân ái đó chị!

Có bóng người phụ nữ vào phòng khách:

- Thưa Thầy, đã đến giờ hành lễ.

https://tieulun.hopto.org

Thầy nhìn về phía chánh điện, thấy mọi người đã tề tựu đủ mặt, gật đầu. Ngoài trời, vầng mây phủ màu xám đục, mưa lất phất vào hè mà ảm đạm như sang đông.

Chánh điện khá rộng rãi, khang trang. Từng bồ đoàn xếp thẳng hàng, thứ tự với các giá để kinh sách. Độ 40 Phật tử ngôi trang nghiêm, đôi mắt họ chăm chú lắng nghe từng lời giảng chậm rãi, lắng đọng vào tim họ.

Thầy nói về từ bi, nhấn mạnh, chỉ có tình thương, lòng nhân ái mới hóa giải mọi ganh ghét, đố nghịch, hận thù. Lửa hận thù nó tự đốt cháy mình.

Mỗi một con người được sanh ra trong mỗi gia đình, hấp thu lối sống khác nhau, chẳng ai giống ai. Đến khi trưởng thành, nhập vào cộng đồng xã hội, thì muốn mọi người phải suy nghĩ, tính cách giống mình, còn mình thì lại khư khư cố chấp.

Ngừng đôi phút, Thầy nhấn mạnh:

- Chỉ có lòng nhân ái, sự đồng cảm, thương người ta thì người ta mới thương mình.

Thầy nêu cao lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, sự hòa hợp giữa anh chị em cùng huyết thông. Phải giữ nếp sống của người Á Đông, không buông thả. Ngoài xã hội phải có sự đồng cảm giữa các Phật tử với nhau, giữa người và người, giúp đỡ những kẻ khốn cùng rồi sau đó, xa hơn nữa, cao thượng hơn

https://tieulun.hopto.org

nữa là tình yêu thương nhân loại.

Ngoài trời ngọn gió lao xao trên ngọn cây cao vạt rừng sau chùa, hòa tấu bản nhạc líu lo chim hót.

Vào ngày chủ nhật, người người lũ lượt dạo bước, lửng thửng qua công viên đến bảo tàng Hoa Thạnh Đốn.

Một người đàn ông da trăng thây vóc dáng Á Đông của người đối diện, anh ta chào xã giao làm quen:

- Bà là người China?

Quyên nhã nhặn trả lời:

- Thưa ông, tôi là người Việt Nam!

Người đàn ông Mỹ buột miệng:

- Tôi là người lính tham chiến ở thành cổ Quảng Trị!

Giây phút thoáng qua, đôi mắt như ẩn chứa nỗi niềm, ông ta hỏi:

- Bà có ghét chúng tôi không?

Quyên khẽ nhìn người cựu chiến binh Mỹ tóc đã pha sương:

- Hồi đó thì... ghét, bây giờ thì không!

Người lính Mỹ lặng lẽ, khẽ chào từ giã, chầm chậm như đếm từng bước đi.

Tim Thu Quyên xót xa, lời Thầy Linh Quang hiện rõ từng tiếng một. Con người sống trên thế gian này phải thấm đượm bao la lòng nhân ái, tình nhân

https://tieulun.hopto.org

loại, sự sống vô cùng thiêng liêng, vô cùng quý báu, phải trân trọng giữ gìn.

Với chị, người Thầy ở ngôi chùa đất khách là một ngôi sao bé nhỏ lấp lánh giữa trời cao, là điểm tựa nối kết tình người nơi xứ lạ xa xôi.

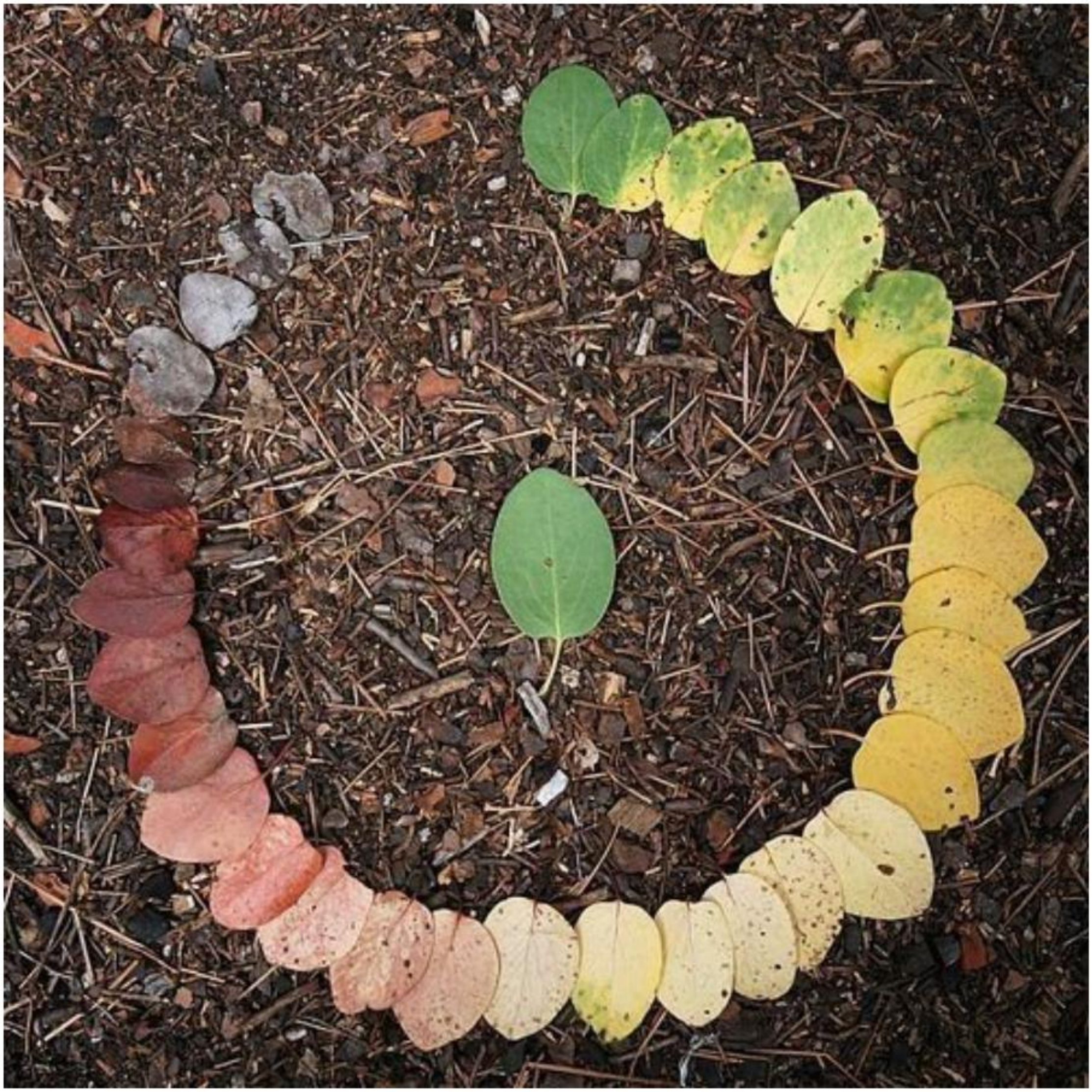


Chùa Việt Nam - Los Angeles (Hoa Kỳ)
Ảnh minh họa

https://tieulun.hopto.org

Gót vô thường

TÂM NHƯ



https://tieulun.hopto.org

Đến và đi...
Ào ào như thác đổ
Nhẹ nhàng như lá rơi
Âm thầm hạt sương mai
Lững lờ theo mây khói...
Còn lại?
Cát bụi trả về đất
Hơi ấm hòa hư không
Nước tan dòng suối nhỏ
Gió cuốn bay ngang trời...
Ta?
Ta là ta trong nắng
Ta là ta trong mưa
Đông tàn xuân tiếp nối
Ta rong chơi Ta bà...
Vô thường... là thường!
Thong dong trên đường về
Đầy trăng sao lung linh
Nguyên thường – Thập Như Thị
Thênh thang... Bầu trời không.

https://tieulun.hopto.org

NHỚ CHA

Thơ : TÔN NỮ HỶ KHƯƠNG - Nhạc : HẰNG VANG

Diễn cảm

Bao nhiêu năm qua vẫn nhớ thương hoài Dáng hình từ phụ chẳng hề
phai Những lời cha dạy thời son trẻ Con vẫn mang theo suốt cuộc
đời Dò dẫm đường dài trên mỗi bước đi Khó khăn từng chặn vượt từng
khi Tháng năm êm ấm nhờ ơn Phật Huệ phước thăng hoa thật diệu
Ad lib...
kỳ A . . . ơi! Sóng vàng quyện ánh sao rơi Vấn
Lâu khúc hát trao lời núi sông Dòng Hương giang nước vẫn trong
Trong xanh như cả tấm lòng cha xưa Hò... ớ... ơ...
A tempo
hò Chiếu nay giữa khói hương trầm nghi ngút Mấy đóa hoa
tươi ngát vì đời Theo tiếng ca ngâm hòa tiếng nhạc Dâng niềm thương
1 2
nhớ vạn trùng khơi (Bao nhiêu năm..) Khơi Dâng niềm thương nhớ cha

https://tieulun.hopto.org

VẤN ĐỀ ĂN CHAY

HỮU CHÍ



Cháu Lan!

Hôm tuần rồi, chắc má cháu cằn nhằn ba cháu nhiều về việc ba cháu ăn chay trường phải không? Dì hỏi thế là vì ba má cháu, cả hai, đều có than phiền với dì về việc này. Má cháu thì khóc, ba cháu thì nét mặt dàu dàu.

Má cháu buồn, buồn tha thiết. Má cháu nói ba cháu yếu, ăn chay trường e chết sớm. Vả lại ăn bò lụi, chạo tôm ngon, mà tội gì ba cháu lại không ăn

https://tieulun.hopto.org

để ăn cực, ăn khổ. Hơn nữa, cái vui về ăn uống, má cháu không còn chia sớt cho ba cháu được. Má cháu nói: "Nướng một miếng thịt ngon, em ngồi ăn một mình, em ứa nước mắt...", rồi má cháu khóc mướt.

Dì là một người đàn bà, có chồng, có con, nên dì hiểu má cháu. Thân gái có chồng là đem tấm thân liễu yếu nương tựa bóng tùng, nếu cây tùng không may rụng lá, gãy cành, thì lấy ai mà che sương gió cho gia đình? Vả lại, vợ chồng yêu nhau, vui buồn luôn luôn có nhau nay chia phôi trong việc ăn uống thì làm sao không buồn?

Nhưng dì cũng hiểu ba cháu, có thể nói dì hiểu hơn má cháu; vì dì trọng tuổi hơn và có dịp tìm hiểu cuộc đời nhiều hơn. Ba cháu nói: "Chị nghĩ coi, trên ba năm nay, em muốn ăn chay mà nhà em cản mãi, em muốn làm vui lòng vợ con nên ăn mặn. Nhưng nay đã đến lúc, em không còn ăn thịt cá được. Tâm trạng em đã thay đổi nhiều. Là vì từ lâu, em tập thương người, thương vật và cố gắng không gây đau khổ cho ai, dẫu con thú cũng vậy. Đến nay, em lại hiểu, lại tin trong vạn vật đều có Phật tánh, đều có sự sống thiêng liêng nghĩa là có Trời, có đức Thượng Đế là Đấng cha chung của muôn loài. Thế làm sao em còn giết hay nhờ người giết gà vịt, trâu bò cho em ăn được? Nhưng em sẽ còn ăn mặn, nếu không xảy ra một việc nhỏ nó là giọt nước cuối cùng làm

https://tieulun.hopto.org

tràn ly nước đã đầy. Một hôm đi chợ Lái Thiêu về lối 8 giờ, nhà em làm cho em một tô nem bún ăn sớm. Em bận chỉ cho chú làm vườn trồng mấy cây bưởi mới chiết, nên lật đật ngồi ăn trong nhà bếp. Trước mặt em, trên vách có treo một xâu thịt mỡ; và một con gà làm rồi mới mua trên chợ. Xâu thịt và con gà gây ở lòng em nhiêu cảm tưởng nặng nề em không muốn thấy nó, nhưng mỗi lần ngước mắt lên thì con gà ngó em, áo não, than phiền, trách móc. Bún hôm ấy lại mới quá, nhão quá, em có cảm giác ăn thịt sống nên nghe rờn rợn. Em cố nuốt cho rồi, để không thấy con gà, để xô đuổi những cảm giác bực dọc. Từ đó về sau, em không còn ăn nem, ăn thịt được. Rồi lần hồi em ăn cá cũng hết ngon. Trên mâm cơm, em chỉ ăn rau cải chấm qua loa với nước thịt, nước cá, mà ăn không ngon thì làm sao em ăn mặn được, làm sao em khỏe mạnh được".

Ba cháu nói một hơi dài. Phải là người tu hành mới hiểu tâm trạng của ba cháu. Một cố gắng của người tu và cũng của mọi người tốt – là mở lòng nhân, lòng bác ái để thương yêu tất cả mọi người, tất cả chúng sanh. Chúng sanh đây chính vạn vật vì vạn vật, - như ba cháu nói, đều ham một sự sống thiêng liêng. Và khi lòng bác ái mở rộng để bao trùm vạn vật, con người có cảm giác vạn vật (kể cả nhân loại) là con một cha, là anh em một nhà, từ kẻ ăn mày xó

https://tieulun.hopto.org

chợ đến con chó ghẻ đầu đường. Do đó, người chân tu yêu thương tất cả và không nỡ gây đau khổ cho một ai, đến bẻ một cành cây, ngắt một cọng cỏ để chơi, cũng không đành. Tâm trạng ấy là lạ phải không cháu, nhưng cháu phải nhìn nhận với dì rằng: nó đẹp, rất đẹp.

Ba cháu nói: "Nhà em tưởng em ép xác nhưng em có ép xác bao giờ? Chị biết người tu lo cho xác thân, cho sức khỏe hơn tất cả mọi người? Còn nói ăn chay kham khổ quá, đó là nhà em lấy cái tâm trạng mình mà xét em. Ăn mặn đối với em mới kham khổ chớ! Trước mâm cơm mặn, không thấy vui, không thấy ngon, ăn để làm vui lòng con vợ, đó mới là khổ. Trái lại, với một mâm cơm chay, mình thấy mình cũng nuôi sống được như mọi người mà không giết hại con vật nào, mình thấy sung sướng biết bao, mà sung sướng thì ăn ngon, thì khỏe mạnh. Tại sao nhà em lại cản không cho em được cái sung sướng ấy?".

Cháu thấy không cháu Lan? Ba cháu có những lý lẽ rất vững chắc.

Ba cháu tiếp: "Nhà em cứ tưởng em ăn chay, em sẽ chết lần chết mòn. Em giải thích thế nào nhà em cũng tưởng em bày chuyện để tự biện hộ. Lần chót, em đưa cho nhà em đọc bài báo của bác sĩ Đào Tuấn Kiệt trong tạp chí *Liên Hoa*. Trong ấy bác sĩ chứng minh rất khoa học rằng: Ăn chay hợp vệ sinh

https://tieulun.hopto.org

và đủ chất bổ mà nhà em cũng có vẻ không tin. Nhà em tưởng một cách ngây thơ rằng muốn có da thịt, phải ăn thịt. Em nói con voi có ăn thịt đâu mà nó rất to lớn, thì nhà em nói tại trời sanh...".



Ba cháu còn muốn nói gì nữa nhưng lại thôi, có lẽ ba cháu không muốn nói trước mặt má cháu, nhưng dì đoán được những điều ba cháu muốn nói. Mấy năm sau này ba cháu tập tĩnh tọa, tham thiền, mục đích là rèn luyện những đức tính tốt theo phương pháp của J.Payot trong quyển "*Léducation de la volonté*", một quyển sách rất có tiếng mà có lần dì nói với cháu. Một mục đích khác quan trọng

https://tieulun.hopto.org

hơn, là đem một ít an tĩnh ở lòng. Trong thời buổi hiện tại, con người sống rất vất vả, nghèo vất vả, đã đành, giàu càng vất vả hơn với trăm công ngàn chuyện. Do đó, làm người lúc nào cũng có vẻ hấp tấp, vội vàng, lo âu, sợ hãi. Tâm họ như dòng nước dưới trận cuồng phong, luôn luôn xao động, lúc thì buôn ê chê, khi thì vui tột độ, thường thì la lối vang nhà vì một việc không đâu. Đời sống như thế thì khổ lắm, khổ cho mình mà nhất là cho con, vợ và mọi người chung quanh. Hơn nữa, về một vài phương diện, họ giống như kẻ mất trí, giống như điên nên có hành động sai lầm, có khi mê xuẩn, tai hại. Ba cháu muốn tránh cái tâm trạng ấy. Ba cháu cố giữ lòng lúc nào cũng thản nhiên, an tĩnh như dòng nước lặng trong.

Cháu có dịp ngắm một dòng nước lặng trong chưa? Nó trong suốt, vì cặn cáu đều lắng xuống: một hạt sạn dưới đáy cũng hiện rõ. Ba cháu muốn tắm mình trong an tĩnh, sáng suốt như thế, ngoài ra ba cháu cũng nhằm mục đích nâng tâm thức đến cõi trực giác, cõi Huệ để thông cảm với vạn vật, hòa hợp với đất trời. Mà muôn được vậy, phải tránh bảo, tránh gió nghĩa là phải tránh mọi kích thích như cà phê, thuốc hút, mà nhất là rượu thịt. Đó là lý do khiến ba cháu ăn chay mà nhiều lần ba cháu có giãi bày cùng dì.

https://tieulun.hopto.org

Hôm nay, dì có vẻ biện hộ cho ba cháu, nhưng dì thành thật. Bây giờ, để giảng hòa ba má cháu, dì thấy có một giải pháp. Mối lo lớn nhất của má cháu về việc ba cháu ăn chay là sức khỏe của ba cháu. Vậy cháu nghiêm trang đề nghị như vầy: Cháu đưa ba cháu đi cân trước mặt má cháu và ghi trọng lượng trên một miếng giấy, rồi bắt cả hai ký tên vào, vì má cháu có tật hay quên. Sau mỗi tháng ăn chay, dẫn ba cháu cân lại, nếu sụt cân và sụt liên tiếp trong ba tháng, lối vài ba kí lô thì ba cháu phải tái mặn. Còn nếu không sụt thì phải để ổng ăn chay luôn. Đề nghị này phải thỏa thuận dưới hình thức một cam kết. Ngoài ra nên có một phụ chú như vầy: "Thực đơn phải do ba quyết định và phải được thi hành đúng đắn". Phụ chú này đây, dì nói nhỏ với cháu – rất quan trọng. Bằng không, má cháu sẽ cho ba cháu ăn muối tiêu với cải mặn hoài thì trong ba tháng, ổng sẽ trở thành cọng sậy. Sẵn dịp, dì tưởng nên lưu ý cháu: Người ăn chay không phải là người ép xác: người ấy cũng phải cần ăn ngon, ăn bổ mới có sức khỏe. Vậy cháu phải tìm cách thay đổi món ăn cho ba cháu như hồi còn ăn mặn. Còn về việc nấu ăn, mỗi bữa Chủ nhật, dì sẽ xuống chỉ má cháu nấu một vài món ngon mà dì đã học. Nếu cần, dì sẽ nhờ bà Tâm ở gần nhà dì, bà nấu chay xuất sắc và sẵn sàng chỉ bảo cho mọi người.

https://tieulun.hopto.org

NÂNG TẦM TRÍ TUỆ TRONG PHẬT GIÁO [1]

HOÀNG VĂN LỄ



Để thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác, tức thành Phật, người tu tập cần đạt 10 pháp Ba-la-mật: Bố Thí, Trì Giới, Xuất gia, Trí tuệ, Tinh tấn, Nhẫn nại, Chân thật, Quyết định, Tâm từ và Tâm xả.

Trí tuệ là bậc trung bình của yêu câu thành Phật. Nâng tầm trí tuệ là một phương thức tu tập của Phật tử. Để thực hành việc nâng tầm trí tuệ chúng ta cần lưu ý các mức độ và cách tu tập sau đây:

https://tieulun.hopto.org

1. Văn huệ: Là mức độ ban đầu với cách nâng cao trí tuệ qua nghe lời dạy của người khác, nhất là quý thầy. Ngài A-nan-da, một trong muời đại đệ tử của Phật lúc còn tại thế, với danh hiệu Đa văn thần thông; là người trực tiếp nghe Phật thuyết giảng giáo lý nhiều nhất; do đó Tôn giả A-nan-da là nhân vật quan trọng bậc nhât trong kêt tập kinh điên lân 1 sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn. Lúc bấy giờ chưa có sách vở, in ấn gì cả nên các đệ tử đến nghe Phật giảng rồi ghi nhớ nằm lòng; A-nan-da là thị giả của Phật suốt 40 năm liền, là người có trí nhớ siêu việt, nên khi kết tập đã nêu lại cho 500 vị A-la-hán bàn thảo thống nhất, thành quả đó để lại cho chúng ta ngày nay các giáo lý đầy chất trí tuệ cao cả của Đức Phật.

Ngày nay, với phương tiện thông tin đa dạng, phong phú, hiện đại các Phật tử có thể truy cập rất nhiều bài thuyết giảng của quý thầy, nhất là các cao tăng, không chỉ trong nước mà là người nước ngoài (qua chính văn hoăc thông dịch); do đó cách tiếp thu giáo lý của Phật đà không vướng mắc nhiều như vài chục năm trước đây. Tuy vậy, nhiều Phật tử với lòng tôn kính quý thầy thường về chùa để trực tiếp nghe thầy giảng, nhìn thầy với sự ngưỡng mộ chân thành nhất; các địa điểm thuyết pháp ở các chùa ngày càng đông Phật tử về nghe Phật pháp.

https://tieulun.hopto.org

2. Tư huệ: Là cách nâng cao trí tuệ qua suy luận, có thể rất trừu tượng, song có thể được thực nghiệm kiểm chứng. Các trường thế học ngày nay, càng lên cao càng sử dụng cách thức này. Người Âu - Mỹ đã phát huy cách thức này, đưa ra hàng vạn môn học rất chi li và không ngừng phát triển trong tư duy gọi là tư duy khoa học. Từ vôn học được đúc kết, các nhà nghiên cứu khoa học suy luận và thực nghiệm để tìm kiếm khám phá các điểm chưa biết trong lĩnh vực mà mình ham thích theo đuổi. Có nhà khoa học cả đời chỉ theo đuổi đến cùng một mục tiêu khoa học nào đó, đến mức phát minh, phát kiến khoa học mới, có khi làm đảo lộn các kiến thức đã có.

Những nhà văn hóa nghệ thuật học với vốn tri thức nhân loại được tiếp thu theo bối cảnh cụ thể và với tài năng của mình đã tạo ra muôn vạn ức tác phẩm nghệ thuật vô cùng tận.

Các phương thức Tư huệ hiện nay được phổ biến không những trong thế học mà cả trong các viện Phật học.

Văn huệ và Tư huệ giúp mở mang kiến thức trong phạm vi luân lý của mọi người, rất cơ bản là phần chủ yếu của phát triển xã hội, nhưng chỉ trong phạm vi thế tục, chưa thấu triệt tâm linh phần tu học của Bồ tát.

https://tieulun.hopto.org

3. Tu huệ: Bằng thiền tập, Phật tử nhất là tu sĩ, Bồ tát khai thông trí tuệ, trở nên sáng suốt; có thể trực giác chứng nghiệm những chân lý ngoài phạm vi của lý trí. Đây là phương pháp trau dồi tâm trí, một nỗ lực linh động và tích cực, khơi sáng Phật tánh vốn có ở mỗi con người. Thiền tập giúp người tu vượt qua cảnh giới vật chất, tư đặt mình một nếp sống kỷ cương, kiểm soát thân tâm, tâm và trí phát triển, trở nên sáng suốt hoàn toàn.

Đức Phật thực hành thiền qua nhiều tầng nấc, với tâm thức giác ngộ đã nhìn rõ hàng vạn ức kiếp trước của mình, rồi có thể nhìn rõ kiếp trước của người khác; hiểu thấu tiến trình phát triển xã hội và chỉ ra hàng vạn pháp môn tu tập để cứu giúp chúng sinh tu tập tự mình tìm đến bờ giác, giải thoát vòng luân hồi sinh tử.

Các bậc Thiền sư Lạt-ma Tây Tạng, qua thiền tập đúc kết các giai đoạn chuyển kiếp của con người. Đó là 7 giai đoạn của cái chết, từ việc phân hủy tứ đại của thân (đất, nước, lửa, khí) đến tâm thức tan biến, tìm kiếm các nẻo đường tiếp theo tùy vào nghiệp chướng của mỗi người để chuyển kiếp thích hợp. Chủ động với cái chết là điểm nhấn tất yếu của các Thiền sư, giúp mỗi người nhận thức đúng đắn cái chết, tự tu tập để bình tâm chọn lựa việc tái sinh của mình hơn là hốt hoảng, lo sợ cái chết vốn không

https://tieulun.hopto.org

trừ một ai.

Tóm lại, trí tuệ là nhân tố rất cơ bản, rất quan trọng trong Phật giáo. Chánh kiến đứng đầu trong Bát chánh đạo, khẳng định tri thức cần có để tạo lập chính kiến đúng đắn, suy nghĩ đúng giúp ta hành động đúng, tạo nghiệp lành, chuyển kiếp thuận lợi trên bước đường tu tập mưu câu giải thoát. Tuệ, phần đỉnh cao của trí tuệ, là một trong bảy nhân sinh Quả Bồ Đề. Tuệ là một trong bốn năng lực để thành đạt Tứ Thần Túc, nghiệm chứng bốn phép thần thông (dục, niệm, tấn, huệ)... Nâng cao năng lực trí tuệ là yêu cầu và nhiệm vụ trong tu tập của tất cả chúng sinh, Phật tử.

Chính nhờ trí tuệ mà mọi người tu hành tiến đến trạng thái hoàn toàn thanh tịnh, giải thoát.

---

1. Tham khảo sách Đức Phật và Phật pháp, của Thiền sư Nãrada Nahã Thera (Phạm Kim Khánh dịch), tr. 608-610.



https://tieulun.hopto.org

LỄ DÂNG Y KATHINA

TUỆ ÂN



Rằm tháng Chín âm lịch là ngày mãn mùa An cư kiết hạ của chư Tăng hệ phái Phật giáo nguyên thủy Theravāda, ngày này còn được gọi là ngày đại lễ Pavāraṇā (lễ thỉnh mời nhắc nhở lỗi lẫn nhau) là ngày thỉnh những vị tỳ khưu đồng phạm hạnh nói rõ những sai lầm, khuyết điểm dù thấy, nghi hoặc nghe về giới hạnh của mình trước sự chứng minh của chư Tăng để sám hối. Đây là một hình thức rất tốt trong

https://tieulun.hopto.org

Phật giáo, mặc dù là giới luật ngày xưa nhưng vẫn không lạc hậu với xã hội đương đại vì hình thức này nói lên tinh thần tập thể góp ý, phê bình cá nhân và cá nhân đó tiếp nhận ý kiến để sửa đổi mình cho lành thiện đúng Pháp.

Ngày Rằm tháng 9 cũng là khởi điểm tháng dâng y Kathina, từ 16/9 đến 15/10 (âm lịch), hai hàng Phật tử tại gia là những cận sự nam nữ cùng hoan hỉ chuẩn bị lễ phẩm, tứ vật dụng cúng dường, đặc biệt là lễ dâng y Kathina đến chư tỳ khưu đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại mỗi ngôi chùa hoặc một nơi am thất thanh vắng trong rừng núi. Chư Tăng trong mùa dâng y Kathina cũng hoan hỉ vì ngày này đánh dấu thêm một tuổi đạo của mình.

Trong Tạng Luật, bộ Mahāvagga, phần Kathinakkhandhaka ghi rõ về thời điểm lần đầu Đức Phật cho phép chư Tăng thọ y Kathina. Đó là hạ thứ 14, khi Đấng Thiện Thệ đang ngự tại ngôi chùa Jetavana do ông Anāthapiṇḍika dâng ở kinh thành Sâvatthi. Khi ấy nhóm 30 vị tỳ khưu xứ Pāveyya là các bậc Thánh hữu học (bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai và bậc Thánh Bất Lai) đều là các hoàng tử anh em cùng cha với đức vua Pasenadi Kosala, các ngài thọ hạnh đầu đà như: Hạnh đầu đà ở trong rừng, hạnh đầu đà đi khất thực, hạnh đầu đà thọ tam y..., các ngài bàn nhau sẽ đến đảnh lễ Đức

https://tieulun.hopto.org

Thế Tôn. Trên đường, quý ngài đi mới đến xứ Sāketa thì đã đến ngày 16/06 (âm lịch) là ngày mà theo giới luật quy định thì chư Tăng phải an cư nhập hạ tại một nơi trong suốt 3 tháng mùa mưa. Vì vậy quý Ngài đã nhập hạ tại xứ Sāketa, tuy rằng tâm trí luôn hướng về Đấng Thập Lực Tuệ.

Sau khi mãn hạ, vào ngày răm tháng 9 (âm lịch), khi đã tổ chức xong lễ Pavāraṇā, các Ngài liền khởi hành đến kinh thành Sāvatthi. Trời vẫn chưa hết mưa nên khi các Ngài đến chùa Jetavana thì ai nấy đều phải mặc bộ y ướt đẫm đầy bùn đất, sau khi đảnh lễ Đức Thế Tôn và an tọa nơi hợp lẽ thì Đức Thế Tôn liền thăm hỏi chư Tăng và thuyết pháp tế độ nhóm các vị tỳ khưu xứ Pāveyya. Sau khi lắng nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp, quý ngài đều chứng đắc thành bậc thánh Arahán.

Nhóm 30 vị ty khưu xứ Pāveyya là khởi nguồn việc Đấng Đạo Sư cho phép chư Tăng được thọ y Kathina sau khi đã an cư nhập hạ 3 tháng mùa mưa. Đức Phật dạy trong Tạng Luật, bộ Mahāvagga, phần Kathinakkhandhaka rằng:

"Này chư tỳ khưu, Như Lai cho phép các tỳ khưu được thọ y Kathina sau khi an cư nhập hạ 3 tháng mùa mưa.

Này các Tôn giả, những vị đã thọ y Kathina xong rồi, sẽ được hưởng đặc ân 5 quả báu là:

https://tieulun.hopto.org

1 - Khi được thỉnh mời, vị tỳ khưu ấy có thể ra khỏi chùa, mà không cần báo vị tỳ khưu khác biết. (không phạm giới).

2 - Vị tỳ khưu ấy được phép không giữ đủ tam y (không phạm giới).

3 - Vị tỳ khưu ấy được dùng vật thực cùng nhóm (4 vị trở lên), dù thí chủ gọi tên vật thực ây (không phạm giới).

4 - Vị tỳ khưu thọ nhận y dư (ngoài tam y) cất giữ quá 10 đêm (không phạm giới).

5 - Y phát sinh nơi nào, vị tỳ khưu được phép thọ nhận nơi ấy.

Này chư tỳ khưu, vị nào đã thọ y Kathina xong rồi, sẽ được hưởng đặc ân 5 quả báu như vậy".

Khi các thí chủ long trọng làm lễ dâng y Kathina, một thí chủ thay mặt toàn thể đại chúng đọc lời tác bạch dâng y Kathina đến chư tỳ khưu đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại trú xứ ấy xong thì người thí chủ đó sẽ cung kính đem tấm y Kathina dâng đến gần vị tỳ khưu khoảng cách 2 hắc tay và 1 gang (khoảng 1 mét) đúng theo luật. Vị đó sẽ thay mặt chư Tăng thọ nhận tấm y Kathina. Tấm y Kathina ấy trở thành tấm y Kathina của chư Tăng. Sau khi thọ nhận tấm y Kathina của chư Tăng xong, vị tỳ khưu ấy đem tấm y Kathina ấy vào trình giữa chư Tăng.

https://tieulun.hopto.org



Điều kiện được nhận y Kathina là vị tỳ khưu ấy phải nhập hạ liên tục ba tháng tại nơi đó không bị đứt hạ, Tăng đoàn có 5 vị tỳ khưu trở lên, 4 vị làm Tăng sự để giao y Kathina, một vị thọ. Vị tỳ khưu được thọ y Kathina là vị có y đã cũ rách hoặc vị đó do tăng chúng đề cử. Phương pháp thọ y Kathina khác biệt hơn cách thọ tứ sự cúng dường khác. Thường thì khi nhận những tứ sự cúng dường khác, chư Tăng thọ bằng thân và khẩu. Trái lại, khi nhận y Kathina, chư Tăng thọ bằng tâm chứ không thọ bằng lời.

Tất cả chư Tăng không thể thọ y Kathina ấy được. Đức Phật cho phép chư Tăng chọn một vị tỳ khưu hiểu biết rõ 8 chi pháp xứng đáng, để làm lễ thọ y Kathina của chư Tăng, còn tất cả các vị tỳ khưu đồng thanh nói lên lời hoan hỷ lễ thọ y Kathina

https://tieulun.hopto.org

của chư Tăng. Như vậy, gọi là chư tỳ khưu Tăng thọ y Kathina. Cũng như ngày Uposatha hằng tháng, chư Tăng từ 4 vị trở lên tụ họp tại Sīmā, một vị tỳ khưu tụng Ítattidutiyakammavācā trao tấm y Kathina của chư Tăng cho vị tỳ khưu mà chư Tăng đã chọn. Vị Tỳ khưu ấy thọ nhận y Kathina của chư Tăng.

Sau đó, vị Tỳ khưu ấy làm lễ thọ y Kathina của chư Tăng và kính thỉnh tất cả chư Tỳ khưu đồng thanh nói lên lời hoan hỷ lễ thọ y Kathina của chư Tăng. Tất cả chư Tỳ khưu đồng thanh nói lên lời hoan hỷ lễ thọ y Kathina của chư Tăng. Như vậy, tất cả chư Tỳ khưu Tăng đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại ngôi chùa ấy hoặc tại nơi ấy được hưởng đặc ân 5 quả báu của lễ thọ y Kathina của chư Tăng cho đến ngày rằm tháng 2, mới hết hạn quả báu của lễ Kathina.

Trường hợp chỉ có 1 vị tỳ khưu đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại một nơi, sau khi mãn hạ, vị tỳ khưu ấy có thể thọ nhận y Kathina của thí chủ được. Nhưng sau khi thọ nhận y Kathina của thí

https://tieulun.hopto.org

chủ xong, ngay trong ngày hôm ấy, vị ấy nên đem tấm y Kathina ấy đến một ngôi chùa có Sīmā, thỉnh chư Tăng trong ngôi chùa ấy từ 4 vị tỳ khưu trở lên, tụ họp tại Sīmā để hành Tăng sự; thỉnh vị tỳ khưu luật sư tụng Íattidutiyakammavācā xong, trao tấm y Kathina cho vị tỳ khưu ấy. Vị đó đem tấm y Kathina trở về ngay trong ngày, như vậy là vị tỳ khưu làm lễ thọ y Kathina đúng theo luật mà Đức Phật đã chế định. Sau khi làm lễ thọ y Kathina xong, vị tỳ khưu ấy được hưởng đặc ân 5 quả báu của Kathina, cho đến ngày rằm tháng 2 mới hết quả báu của Kathina.

Kể từ thời điểm sau hạ thứ 14, Đức Phật cho phép chư Tăng được thọ y Kathina sau khi đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa, thì lễ dâng y Kathina trở thành truyền thống của Phật giáo cho đến ngày nay.



https://tieulun.hopto.org

Nghe... và thấy...

HƯƠNG LIÊN



Mười sáu tuổi tròn, trăng vẫn xinh
Nghe chuông thức tỉnh vọng lời kinh
Nghe hồn thoát tục xa bể ái
Nghe tuổi xuân xanh chẳng vướng tình

Thấy cảnh vô thường giữa trần gian
Thấy trong nhân thế lắm điêu tàn
Thấy người đau khổ vì thời cuộc
Thấy đám con khờ, phủ khăn tang

https://tieulun.hopto.org

Thấy dạ xót xa biết giúp sao?
Chiên tranh chi hỡi! Lệ tuôn trào
Thấy bao điều khổ trong nhân thế
Thấy cảnh chia lìa cõi trần lao...!

Nghe Pháp tư duy rõ lối về
Nghe kinh giác ngộ, vượt bờ mê
Nghe lời Phật dạy Tâm trong sáng
Nghe giới luật răn: Phát nguyện thề...

Phát nguyện chay trường mãn ba năm
Xem kinh đọc sách, sám... ăn năn
Nâu sòng đơn giản qua ngày tháng
Thành kính hướng về Phật - Pháp - Tăng.

https://tieulun.hopto.org

CẦU PHẬT Ở ĐÂU?

VĂN QUANG THÙY(*)



Mơ màng ở trong giấc mộng, đời người chỉ là một khối chịu quen những sự khổ: Ốm khổ, chết khổ, ly biệt mà thương nhớ nhau khổ, thù oán mà chạm trán nhau khổ, cầu không được như nguyện khổ, ngũ âm nông nàn khổ (kinh Niết Bàn). Buông rộng tầm con mắt ta thử ra tận biển mà trông, sóng vỗ bao la, triều đưa lai láng, không đáy không bờ, nghìn trùng muôn trùng xa xa mù mịt, toàn thị là

https://tieulun.hopto.org

một màu nước cả Phật bảo những nước ở biển đó là bởi những nước mắt của người đời bị khổ về mọi sự bất như ý chứa chất lại mà thành ra. Ôi! Gọi là bể khổ cũng phải, đáng kính sợ thay!

Chúng ta nếu ai cũng nhận thấy thế cả, vậy có cần nên phấn đấu với thời gian mà cầu cái đạo giải thoát cho mình rồi giải thoát lẫn cho người không? Âm dương không thể trắc lượng được, thần đạo quá ư u u minh minh, phân tâm tục cốt không thể tu luyện được, tiên đạo quá ư huyền diệu bí ẩn. Muốn cầu được đạo chân chính, đạo độc tôn, độ cả cho thế gian và xuất thế gian, trên từ thiên tử dưới đến thứ dân, ai cũng cầu được, vẫn có cái tính cách bác ái bình đẳng, tôi thiết tưởng không chi bằng đạo Phật! "Có lên gò lên đống, mới biết núi Thái Sơn là cao, có vượt qua sông Hoài sông Hán mới biết biển Đông là rộng". Tôi xin nói tiếp: "Có hiểu qua đạo Thần đạo tiên thì cũng mới biết đạo Phật là cao là sâu hơn, rõ rệt như mặt trời vậy, nhất thiết chúng sinh gì cũng có thể cầu mà thành được".

Thế thì Cầu Phật ở đâu? Trả lời câu hỏi này, thưa có 3 phương diện vẫn phải liên lạc trực tiếp mà đi tay ba với nhau:

Một là cầu Phật ở chùa; hai là cầu Phật ở kinh điển; ba là cầu Phật ở Tâm.

https://tieulun.hopto.org

1. Vì sao cầu Phật ở chùa?

Hẳn giáo hữu ta ai cũng biết Phật tổ Thích Ca Mâu Ni ngài giáng sinh ở Ấn Độ, nhưng sau khi ngài tịch, đạo đã truyền khắp nơi. Từ thời Lý - Trần, hầu như các làng ở Việt Nam đều có xây chùa đắp tượng thờ Phật. Phật đã không tại thế nữa, lẽ tất nhiên là ta phải câu Phật bằng di tượng Phật, mà thờ di tượng phải ở chùa là nơi tịch mịch thanh tịnh, xa cách trần ô tục uế, không phải nhà riêng thiện tiện thờ được. Bởi thế, ta phải cầu Phật ở chùa, cũng như ta sùng bái tổ tiên, phải lễ vào thần chủ hay bài vị ở nơi từ đường chỉnh đốn. Và đã là tôn giáo phải có tu viện, nếu không tới tu viện thì sao gọi là tín đồ được.

Lối cầu ở chùa, bên xuất gia là các vị tăng ni, sớm hôm phải sạch cỏ đỏ đèn, tu trì tụng niệm, chúng tôi không dám nói, còn bên tại gia là thiện nam, tín nữ như chúng ta đây thì còn bận rộn về công việc gia đình, công việc xã hội, có đi chùa thì vào những ngày tuần, ngày Đản và các ngày Trai. Các ngày Tuần: Sóc là ngày mồng một, Vọng là 14, 15. Hối là ngày 30, tháng thiếu thì ngày 29. Các ngày này đều tính theo âm lịch.

Các ngày Đản: Tháng 2 ngày 19 đản ngài Quán Thế Âm Bồ tát, tháng 4 ngày mồng 8 (nay thống nhất là ngày 15) đản đức Phật tổ Thích Ca. Tháng 11 ngày 17 đản đức Phật A Di Đà. Các ngày Trai: Lục

https://tieulun.hopto.org

trai là 6 ngày 8, 14, 15, 23, 29, 30. Thập trai là 10 ngày: 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 39, 30.

Trước chiếc hương án là nơi thập phương vào làm lễ Phật, ta lễ 5 lễ, hay 9 lễ, chứ không 4 lễ, 10 lễ như các thần khác, *5 lễ* là ta tưởng niệm tới *ngũ phương chư Phật*, *9 lễ* là ta tưởng niệm tới *cửu thiên chư Phật*. Theo sách *Thi hổ* chép: 5 lễ gọi là Ngũ cát bái là lúc lễ phải ung dung mà hạ hai tay xuống, 9 lễ gọi là Cửu túc bái là lúc lễ phải thẳng mình kính sắc mặt, hai tay hơi hạ thôi. Cầu thế là thuộc về hình thức, thiên hình thức quá mà thành ra mê tín, dẫu trán mỏi da rạn cũng chưa kết quả. Song đó là bước đầu, ta phải cần qua bước đó là lễ chùa rồi, bấy giờ ta mới xem đến kinh điển.

2. Vì sao cầu Phật ở kinh điển?

Kinh điển là lời vàng tiếng ngọc của Phật tổ bình sinh nói ra, hoặc là dạy các đệ tử, hoặc là thuyết pháp cho chín bộ Thiên, Long v.v... nghe. Phật đã về Niết bàn, ông Ca Diếp (Mahukasyapa) sai ông Ưu Ba Ly (Upali) ông Ai Nan đà (Ananda), đọc lại mà chép thành kinh điển Tam tạng, ở Ấn Độ viết bằng chữ Phạn, đạo đã vào Trung Quốc mới dịch ra chữ Nho.

Về Bắc tông hay Bắc truyền là phái theo Đại thừa có hai vị sư triều Đông Tấn là sư Đạo An và sư Huệ Viễn xướng xuất về sự phiên dịch, kinh Đại

https://tieulun.hopto.org

thừa đại khái có những bộ: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã, Tịnh Độ, Mật giáo, Kim Cương, Chúng dịch, Đại Niết bàn, Nhập Phật cảnh giới, Kim Quang minh, Anh vũ chứng giải, Bảo Tráng, Nguyệt tạng phận, Nhật tạng phận và Hiền hộ phận v.v..

Về Nam tông là phái theo Tiểu thừa sau một hồi bị trở lực, vẫn học bằng truyền khẩu, tới đời vua Vô Úy ở Srilanca (Tích lan) mới chép vào lá bối; nước Tàu đời Đông Tấn sư cụ Pháp Hiển mới dịch ra chữ Bat y và chữ Nho. Kinh Tiểu thừa đại khái có những bộ: Ba la đề mộc xoa, Kiển đà ha lị ba la, Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A Hàm, Tăng Nhất A Hàm và tiểu tụng v.v. Các cụ Nho gia Tàu cho đạo Phật là tịch diệt không có thiết thực với đời, nay tra cứu trong các kinh điển thì thấy rất thiết thực với nhân gian, chính là nhân gian Phật giáo, có gì là chán đời là tiêu cực. Nói cho đúng, ngoài Tâm lý học, Phật học lại đủ các khoa học, ngay như khoa Hình luật, khoa Luân lý, khoa Cách trí, khoa Thiên văn địa lý, đều gồm đủ mà tinh tường cả.

Học về khoa Hình luật thì có thuyết thiên đường địa ngục và các bộ luật: Bồ tát luật, Tỷ khiêu luật, Tỷ khiêu ni luật, Thức soa luật, Sa di luật, Sa di ni luật, Ưu bà tắc luật và Ưu bà di luật. Như thế, Phật học chẳng phải hộ vệ việc trị an cho chính phủ là gì! Học về khoa Luân lý, kinh Địa

https://tieulun.hopto.org

Tạng, kinh Vu lan bồn nói về sự báo hiếu cha mẹ, bài phát nguyện nói về đền ơn trời đất, quốc vương, sư hữu, tín thí, và báo đức Nhật nguyệt, thủy thổ, phụ mẫu tứ sự (ẩm thực, y phục, ngọa cụ, y dược). Lại kinh Thiện Sinh, kinh Thi ca la việt nói về cha con, thầy trò, vợ chồng, họ hàng, chủ tớ, và thiện tín với nhà tu, đôi đãi với nhau. Như thê, Phật học chẳng phải âm hợp với lối học xử thế của Khổng học là gì.

Học về Cách trí, khoa Ngũ minh là năm điều phải biết cho rõ. 1 – Thanh minh, học cho tinh về văn tự từ - ngữ để phô diễn đạo lý. 2 – Y phương minh học cho tinh nghề làm thuốc và khám chữa bệnh. 3 – Nhân minh học cho tính nguyên nhân sự tà sự chính. 4 – Công xảo minh, học cho tinh công nghệ kỹ xảo. 5 – Nội minh phải học tinh nghĩa lý trong 5 thừa. Như thế, Phật học chẳng phải tiếp cận với lối học thực tế là gì?

Học về thiên văn, địa lý, nào thuyết Tam thiên thế giới, nào thuyết Ngũ đại bộ châu, nào thuyết Địa thủy, Phong hỏa, Thiên tượng, Địa tượng, khám phá hết sự bí ẩn của tạo hóa. Không những một người Á châu ta phải kính phục, mà cả người Âu, người Mỹ họ đã dịch nhiều kinh điển của Phật, họ vẫn phải chịu, mà tôn đức Phật tổ là một bậc cao quý về triết học.

https://tieulun.hopto.org

Cầu ở kinh điển phải có hai điều cốt yếu: Điều thứ nhất là tin ở kinh điển (kinh chính của Phật), trông thấy kinh điển cũng như đối diện với Phật. Điều thứ hai là phải hiểu nghĩa kinh, nếu không hiểu thì chỉ là giấy trắng mực đen còn có ích gì. Như trên, tôi lược cử mấy bộ, chứ còn thiên kinh vạn quyển chúng ta chưa được bậc sinh nhi tri, học sao khắp được, dù có khắp cũng không nhớ xiết được. Đức Phật chính đã thấu chốn thức lượng, chật hẹp của chúng sinh, đã biết rõ cái học mơ màng vào đằng miệng ra đằng tai của chúng sinh, nên ngài BảnTĩnh thiền sư có dẫn lại lời Phật nói: "Nhược dục cầu Phật tức tâm thị Phật" nếu muốn cầu Phật, thì tâm chính là Phật đó.

Hữu trúc phi can tiết
Tam tinh yểm nguyệt cung
Nhất nhân tại nhật hạ
Phất dữ chúng nhân đồng

Đó tán tự ra thì là 4 chữ "tức tâm thị Phật" người Trung Hoa tán dương thành bốn câu thơ, họ thường đề ở các chùa, có ý nhắc luôn cho người đi chùa cần phải cầu Phật ở Tâm.

3 – Vì sao cầu Phật ở tâm?

Học phải có hành, kinh ta đã học, ta phải đem tâm ta thực hành, là ta chính tín đó. Tâm là một vị chúa tể của ngũ quan, "tâm chủ tư" chỉ có việc nghĩ

https://tieulun.hopto.org

sự hay sự phải để sai khiến. Nếu phản đi, nghĩa là lại bị ngữ quan là tai, mắt miệng, mũi và chân tay nó tự mê mết mọi sự trái đạo như tai nghe, thấy tiếng dâm, mắt trông sắc tà, miệng nói điều càn, mũi ngửi mùi bậy, chân tay cử chỉ bằng cách quái gở bất tịnh, thế là nghịch cảnh, cái tâm lại bị soi khiến, bị làm nô lệ cho cái hình, rõ người mà khác chi loài câm loài thú. Vậy mới biết hay đi chùa, hay tụng kinh, mà không tiềm tĩnh thu lại phóng tâm thì cũng là lầm.

Xem như những câu tục ngữ:

1. Câu *"Khẩu Phật tâm xà"*, ý bảo miệng thì niệm Phật tâm thì nghĩ làm những sự độc ác như nọc rắn nọc rết.

2. Câu *"Miệng nam mô, bụng một bồ dao găm"*, ý bảo miệng thì Nam mô, tâm thì nghĩ mọi mưu thần chước quỷ để hãm hại người, khác chi là chứa đầy những dao găm trong bụng.

3. Câu *"Nam mô một bồ lấy bốn, người ta đã khốn lại còn Nam mô"*, ý bảo ngoài miệng thì Nam mô thơ thới đãi người, mà bề trong dụng tâm đã khoét sâu đến cốt tủy người ta, thế mà miệng vẫn còn Nam mô mãi.

Ba câu tục ngữ này không phải là ác cảm với Phật giáo mà công kích cả toàn thể tín đồ đâu, chính là công kích về cá nhân, công kích người đã đi chùa đã đọc kinh mà miệng khác tâm khác. Sách *Mạnh*

https://tieulun.hopto.org

Tử nói rằng: "Đạo vấn không ở đâu khác, cốt phải thu lại phóng tâm mà thôi". Sách*Đại học* nói muốn được tu, tề, trị, bình, trước hết tâm phải chính đã. Sách *Trang Tử* nói tâm có định, thì thiên quang mới phát hiện ra. Cái học hi thánh hi hiền cũng thế, phương chi chúng ta hi Phật mà cầu ở tâm sao được!

Tâm có hai thứ, một là vọng tâm sinh ra phiên não tâm, tức là chúng sinh tâm; hai là chân tâm phát ra Bồ đề tâm, tức là Phật tâm. Lấy chúng sinh tâm mà cầu Phật tâm phải phát 3 thứ tâm của ta, kinh gọi là "Phát tam chúng tâm".

1 – Phát chi thành tâm, tâm phải trai thành kính cẩn, không được giả dối, ngạo mạn.

2 – Phát thâm tâm, tâm phải nghĩ sâu sắc, kín đáo, tới nơi tới chốn, không có nông nổi lờ vờ.

3 – Phát hồi hướng phát nguyện tâm, tâm phải hồi hướng lại, nguyện bỏ bốn ác nghiệp sát, đạo, dâm, vọng, trừ ác tính, dục, khuể, si bố, nguyện làm mọi việc thiện quả, theo đúng như trong kinh đã dạy.

Chùa ta đã hay đi lại lễ bái, kinh ta đã được nghe các cụ cao tăng diễn giảng và ta cũng đôi khi tụng đọc, tâm ta cũng đã chính định. Cứ thế mà tiến lên mãi nhờ Phật tiếp phúc tiếp duyên, con đường cầu Phật sẽ khang trang bằng phẳng mà đưa chúng ta tới chốn tới nơi vậy. Ta muốn hơn lên, nghĩa là còn thì giờ nhàn rỗi, cũng nên biết thêm về các tông các

https://tieulun.hopto.org

phái. Đã là một tín đồ nhà Phật, đã đi cầu Phật mà không đi qua mấy con đường lớn ở Trung Quốc là 5 phái, 13 tông để thưởng thức phong cảnh, tưởng cũng chưa được là một Phật tử du lãm hoàn toàn. 5 phái là Vân Môn, Pháp Nhãn, Tào Động, Lâm Tế và Quy Ngưỡng. Do ở phái Đại thừa phân ra, trong 5 phái này lưu truyên sang ta chỉ có hai phái Tào Động và Lâm Tế.

13 tông là Tam Luận tông, Thành Thực tông, có từ đời Diêu Tần, Phật Tâm tông, Nhiếp Luận tông, Thiên Thai tông, có từ đời Trần, Niết Bàn tông, Địa Luận tông có từ đời Đường, Tịnh Độ tông, Pháp Hoa tông, Câu Xá tông, Luật tông, Hoa Nghiêm tông và Chân Ngôn tông, có từ đời Lương.

... 13 tông là lược theo ở trong bộ *Trung Quốc Phật học tiểu sử* của ông Trần Bân Hòa chép, ông có nói rõ hai tông Thành Thực và Câu Xá là cốt để khảo cứu, chứ thực ra bây giờ không ai tu về môn đó, nên có thể gọi tóm là Y học tông.

Phàm làm việc đời muốn dễ ta phải đủ nghị lực mà kiên nhẫn chịu khó, phải có thứ tự, có thủy có chung, băng bạo động mà liệp đăng ngay, không những trở ngại cho sự tiến đạt, mà đôi khi lại gặp phải sự không hay nữa. "Dục tốc bất đạt" muốn chóng thì không làm xong, thánh nhân đã kinh nghiệm mà dạy ta, không phải các ngài lừa dối gì ta.

https://tieulun.hopto.org

Kìa thử ngẫm xem, đắp quả núi cao chin tầng, trước hết phải góp từ một sọt đất; đi con đường xa nghìn dặm trước hết phải bàn từ một bước chân. Sách *Lão Tử* đã nói: Việc làm khó khăn chăng? Ừ ta làm dần từ việc dễ trước; việc làm to lớn chăng? ừ ta làm dần từ việc nhỏ trước". Người đi học phải qua từ trường sơ đăng, trường trung đăng, rôi mới vào trường cao đẳng. Ấy, ta cầu Phật cũng thế.

Đã gọi là cầu Phật, chúng ta nếu cứ bảo Phật ở tâm, ta cầu ở tâm thôi. Thưa không được. Bảo cầu Phật ở kinh điển, ta cầu ở kinh điển thôi! Thưa cũng không được. Bảo Phật ở chùa ta cầu ở chùa thôi! Thưa lại cũng không được. Quả quyết tôi dám bảo không được, là suy như người xưa thì biết; ông Trịnh Sùng đời Hán, tu tâm cực kỳ trong sạch, không chút vật lụy chướng ngại, ông thường tự khoe rằng: "Tâm ta như nước vậy" thế mà có thành Phật đâu, chung quy chỉ là một ông Trịnh Sùng; Tiến sĩ Tô Đông Pha đời Tống, nghiền xem kinh điển không đâu là chẳng quán triệt, những chân ngôn diệu nghĩa tinh hiểu hơn các sư đương thời nhiều, thế mà không ngộ được Phật tính, chung quy chỉ là một thầy Tô Đông Pha; bỏ ngôi triều Lý đi tu, vua Huệ Tông cầu Phật ở chùa Chân Giáo, thế mà căn trần vẫn bị vướng víu, chung quy cũng chỉ là một vua Huệ Tông hay một vị sư già. *Cho nên Phật mà ta muốn cầu*

https://tieulun.hopto.org

bằng được, trước hết ta đi chùa chiêm ngưỡng di tượng chư Phật, ta xem đến kinh điển, nhận những chốn thuần túy để giữ gìn tu dưỡng cho sáng cái tâm của ta. Tâm đã sáng thì thấy được tính, tính đã thấy thì Phật quả sẽ thành.

Chúng ta cần biết, được làm kiếp người là khó, gặp được cơ hội cũng khó, nhiệt tâm về đạo lại càng khó. Nay bà con ta sẵn có đạo tâm, gặp được phong trào Phật giáo chấn hưng, ta cũng nên chân thành cầu Phật. Xưa, ngài Vô Tận Ý Bồ tát có hỏi Phật Quan Thế Âm rằng: "Sao Phật lại chơi khắp cõi Sa bà? Sao Phật lại vì chúng sinh mà thuyết pháp đủ mọi phương tiện?".

Phật ngài đáp: "Xuống cõi Sa bà ta vì thương chúng sinh, ta hiện đủ mọi hình tướng để hóa độ cho chúng sinh. Nếu chúng sinh nào khẩn khoản cầu đến ta, cần phải bằng tướng quân thân, hay Sa môn thân, hay đồng nam đồng nữ thân, tức ngay lúc đó ta sẽ hiện ngay làm những thân đó mà ta thuyết pháp cứu độ cho". Và Phật lại thường nói: "Ta là người đã thành Phật, chúng sinh là người sẽ thành Phật mà chưa thành" đó thôi.

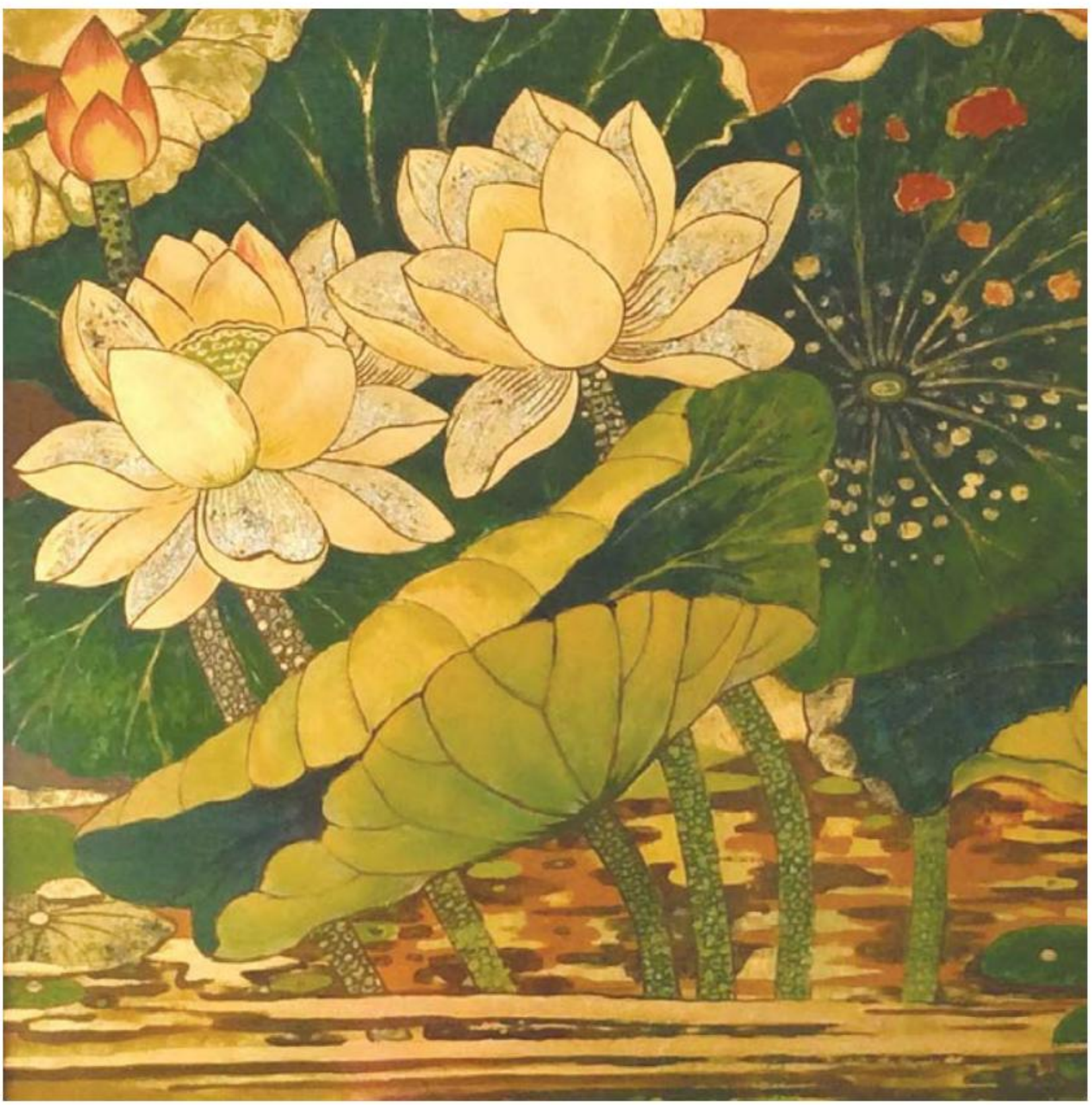
Thế là đạo Phật có cầu là có được!
Ta nên biết cách ta cầu!
Nam mô A Di Đà Phật

(*) Nguyễn Đại Đồng sưu tầm

https://tieulun.hopto.org

PHẬT PHÁP GIỮA ĐỜI THƯỜNG (tt)

CAO THĂNG BÌNH



https://tieulun.hopto.org

Đời và đạo

Tiếc rằng đường đời ta hoang phí và không ngừng tạo nghiệp, trong khi đó đường Đạo ta không hề cất bước, để đến khi đối mặt vói tử thần thì mới hối hận vì đã một đời hoang phí.

Khi còn nhỏ, tôi thường thắc mắc tại sao ta lại có mặt trên cõi đời này? Tại sao ta xúm lại ở đây, cất nhà, sinh sống loanh quanh một chỗ cho đến chết. Cuộc đời thật tẻ nhạt, cứ lặp lại ngày này qua ngày khác, nhiều khi ta cũng không biết mình đang cần gì, tìm gì?

Mục đích của cuộc sống này có phải là để tạo dựng nhà cửa, đất đai, sinh con đẻ cái không? Vật chất chỉ là phương tiện giúp cuộc sống ta dễ dàng hơn nhưng không phải là mục đích của cuộc sống. Chắc là có một cái gì đó lớn lao hơn mà ta cần phải làm trong cuộc đời này.

Nếu có cái gì đó có thể đi theo ta từ cuộc đời này sang cuộc đời khác thì đó sẽ là trí tuệ và nghiệp lực. Không có vật chất nào ta có thể mang theo. Tiếc rằng đường đời ta hoang phí và không ngừng tạo nghiệp, trong khi đó đường Đạo ta không hề cất bước, để đến khi đối mặt vói tử thần thì mới hối hận vì đã một đời hoang phí. Với cách sống đó thì ta chỉ biết những gì ta đã biết, còn những gì chưa biết thì mãi mãi vẫn không biết.

https://tieulun.hopto.org

Người mù và ngọn nến

Sống trên đời này chúng ta ai cũng phải có khát vọng thắp sáng lên con mắt trí tuệ của chính mình để từ đó soi đường cho bước chân ta khỏi lạc lối...

Một đêm, người mù đến thăm bạn, trước khi về anh bạn bảo:

- Anh chờ tôi một chút để tôi thắp cho anh ngọn nến để đi về. Người mù cười: Anh quên rằng tôi mù sao, đối vói tôi ngày cũng như đêm, tôi đâu cần đến nến. Ngừng một chút, người bạn trả lời: Ờ, tuy anh không cần nến, nhưng nếu anh cầm nó người ta sẽ thấy và tránh anh. Người mù nghe có lý nên vui vẻ nhân lời.

Đi được một quãng, bỗng có người ngược đường đâm sầm vào người mù. Người mù hét lên: Ông không thấy gì à? Tôi đang cầm nến mà sao anh lại đâm vào tôi? Người kia vội vàng xin lỗi: Xin lỗi anh, tôi thành thật xin lỗi anh, nhưng ngọn nến trên tay anh đã tắt từ lâu rồi!

Đối với người có con mắt trí tuệ thì phương tiện trợ duyên sẽ rất hữu ích, nhưng đôi với người mù mắt trí tuệ thì dầu có kinh sách chất đầy nhà cũng không giúp ích được gì. Sống trên đời này, chúng ta ai cũng phải có khát vọng thắp sáng lên con mắt trí tuệ của chính mình để từ đó soi đường cho bước

https://tieulun.hopto.org

chân ta khỏi lạc lối.

Rùa mù chui bọng cây

Để có mặt trên cuộc đời này còn khó hơn con rùa mù kia chui được vào bọng cây

Bên bờ biển Đông có con rùa mù một trăm năm mới nổi lên mặt nước một lần. Bên kia bờ Tây có một bọng cây khô có một lỗ vừa đúng bằng con rùa. Biển to sóng lớn, để con rùa mù ngoi lên mặt nước, tìm và chui được vào bọng cây thật khó biết dường nào, huống chi một trăm năm nó mới nổi lên một lần.

Để có mặt trên cuộc đời này còn khó hơn con rùa mù kia chui được vào bọng cây. Khi chúng ta biến mất khỏi cuộc đời này, biết bao giờ mới có thể quay lại đây một lần nữa?

Thế mới biết cuộc đời này quý. Nhưng vẫn có người đang giết chết thời gian quý báu của đời mình. Họ sẵn sàng dành hết thời gian để đổi lấy tiền tài, vật chất, danh vọng. Tiền bạc khi mất còn có thể tìm, còn thời gian đã qua thì không bao giờ trở lại. Người tỉnh giác luôn yêu quý từng ngày cuộc sống, kẻ si mê luôn chạy theo ảo mộng để hoang phí một đời.

https://tieulun.hopto.org

ĐÔI ĐIỀU VỀ NIÊN ĐẠI KHAI SƠN CHÙA NÚI CHÂU THỚI Ở BÌNH DƯƠNG

NGUYÊN CHÂU



https://tieulun.hopto.org

Mùa xuân năm Mậu Dần (1698) Quốc chúa Nguyễn Phước Chu sai Thống suất Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược đất Đồng Nai - Sài Gòn, lấy đất Đồng Nai lập thành huyện Phước Long, dinh Trấn Biên (Đồng Nai ngày nay); lấy xứ Sài Gòn lập thành huyện Tân Bình, đặt dinh Phiên Trấn (Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Cho đến năm Đinh Sửu (1757) thì các chúa Nguyễn mới thật sự thống lãnh hết vùng lãnh thổ đồng bằng Nam bộ.

Vùng đất định cư ban đầu là vùng Bà Rịa, Đồng Môn, Long Khánh, Tân Uyên. Đất Trấn Biên lúc bấy giờ nối liền từ Thủ Đức, Giồng Ông Tố, Thủ Thiêm, Nhà Bè; phía Tây thì giáp qua vùng Thủ Dầu Một - Lái Thiêu...

Như vậy vùng đất đầu tiên của Trấn Biên có Tân Uyên – Lái Thiêu – Thủ Dầu Một hiện nay thuộc vùng đất của Bình Dương. Những vùng đất này, Phật giáo cũng có mặt rất sớm do các Tăng sĩ người Việt, người Hoa từ miền Trung vào và cũng có thể sớm hơn do cư dân địa phương có tín ngưỡng đạo Phật. Sự hình thành của những ngôi chùa thờ Phật ở vùng đất này, ngoài sự truyền bá của các cao tăng còn có các di dân và dân bản xứ do ảnh hưởng sâu đậm tín ngưỡng Phật giáo từ quê hương xứ sở của họ. Cho nên, khi đặt chân đến đâu họ đều lập am thờ Phật đến đó vừa để tôn thờ lý tưởng tôn giáo của

https://tieulun.hopto.org

mình, vừa để cầu nguyện cho được bình an trên mảnh đất mà họ mới khai hoang.

Trong sách *Gia Định Thành Thông Chí*, An Toàn Hầu - Trịnh Hoài Đức ghi chép khái quát một số chùa danh tiếng có liên quan tới công cuộc mở cõi về phương Nam. Nếu như ở Phiên Trấn có nhắc đến chùa An Tông (tức chùa Cây Mai), chùa Kim Chương và chùa Giác Lâm...; thì ở Trấn Biên (trong đó bao gồm Tân Uyên – Lái Thiêu – Thủ Dầu Một) sách này có đề cập đến chùa Bửu Phong ngự trên núi Bửu Phong, chùa Bà Vãi ngự trên núi Thị Vãi, trong đó có am Vân Tĩnh và chùa Hội Sơn có liên quan đến núi Chiêu Thái (nay gọi là núi Châu Thới).

Vì chùa núi Châu Thới hiện là một trong số các ngôi chùa cổ nhất ở Bình Dương, được xếp hạng là di tích danh lam thắng cảnh quốc gia vào ngày 21/4/1989. Chùa Núi Châu Thới có một vị trí đặc biệt trong quá trình hình thành và phát triển của lịch sử Phật giáo Đàng trong và lịch sử Phật giáo Bình Dương nói riêng, nên chúng ta rất cần làm sáng tỏ phần nào những điều mà bấy lâu nay chúng ta vẫn còn mù mờ về niên đại hình thành, cũng như những nguồn tư liệu chưa chính xác khi đề cập đến ngôi cổ tự này.

Trước hết, những tư liệu liên quan đến núi Châu Thới đều ghi nhận ngọn núi này cao khoảng 80 mét

https://tieulun.hopto.org

so với mặt nước biển, về mặt địa lý thì nó nằm về phía hữu ngạn của sông Phước Long (nay là sông Đồng Nai), thuộc địa bàn Trấn Biên (nay thuộc xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương). Núi Châu Thới ngày xưa có tên gọi là núi Chiêu Thái. Dưới triều vua Tự Đức, Quốc sử quán triều Nguyễn năm 1850, đã chính thức ghi chép núi Châu Thới vào từ điển với tên gọi là Chiêu Thái Sơn.

Tư liệu liên quan đến chùa Núi Châu Thới, sách *Gia Định Thành Thông Chí*, ghi chép: "*Núi Chiêu Thái, ở cách trấn lỵ về phía Nam 11 dặm rưỡi, tầng núi cao xanh, cây xưa um tốt, làm bức bình che buổi sáng cho trấn thành, ngất cao lên xuống, ngoắt ngoéo đi về phía Đông, đến miền hạ lưu sông Phước Giang, tới Gò Công thì dừng lại. Quãng giữa về mặt Bắc, tại thôn Long Thành, nổi lên một cái gò cao dốc như vách, sườn sau lưng có nơi tĩnh tu của Vãi Lượng, dựng am Vân Tĩnh, rất là thanh u (tục gọi là chùa Vãi Lượng). Quân Tây Sơn phá Phật bỏ chùa, nền cũ nay hãy còn. Cuối núi có một chi, chạy về phía Bắc, dừng ở vào địa phương thôn Long Tuy, nổi lên cái gò cao, bằng phẳng rộng rãi, mé bên có hang, giáp với khe ngòi, dân núi ở bao quanh đó, trên có chùa Hội Sơn, là nơi nhà sư Khánh Long ở tu tại đó, cúi trông sông lớn, thấy hành khách leo lên, có vẻ tiêu sái thoát trần*" [1]

https://tieulun.hopto.org

Thêm nữa, xét về mặt phong thủy, thì núi Chiêu Thái có liên quan đến núi Long Ẩn, vì cả hai ngọn núi này cũng nằm về phía Nam huyện Phước Chính, tuy nhiên núi Long Ẩn thì gần hơn, chỉ cách phía Nam huyện Phước Chính có 15 dặm, được xem là đầu rồng, còn núi Chiêu Thái là đuôi rồng cách đến 21 dặm, những gò đôi nhấp nhô giữa hai ngọn núi này tựa như thân của rồng uốn lượn. Ngày xưa có ngôi chùa cổ Long Ẩn được xây dựa lưng vào núi Long Ẩn, mặt hướng ra sông Phước Long (sông Đồng Nai), sau này chùa dời sang vị trí khác, và trên đỉnh núi Chiêu Thái cũng có một nền chùa. Tuy nhiên có điều lạ là cả hai ngôi chùa cổ rất nổi tiếng, nhưng các tài liệu nói về di tích cổ ở Trấn Biên hầu như đều không nhắc tới (?).

Sách *Gia Định Thành Thông Chí* (1820) của Trịnh Hoài Đức là cuốn địa chí đầu tiên thống kê rất tỉ mỉ các tổng, xã, thôn ở Nam bộ. Quốc sử quán nhà Nguyễn cũng đã tham khảo cuốn này để viết gọn lại phần Nam kỳ lục tỉnh trong bộ sách nhiều tập có tên là *Đại Nam Nhất Thống Chí*.

Theo sách *Gia Định Thành Thông Chí*, thì năm 1808 nhà Nguyễn đổi tên đất Nam bộ là Gia Định thành. Các dinh đổi ra trấn thuộc thành Gia Định. Dinh Trấn Biên đổi thành Trấn Biên Hòa. Theo đó, huyện Phước Long thăng thành Phủ Phước Long.

https://tieulun.hopto.org

Bốn Tổng của huyện Phước Long cũ, được nâng thành bốn huyện Phước Chính (Phước Chánh), Bình An, Long Thành, Phước An.(2)

An Toàn Hầu Trịnh Hoài Đức đã mô tả về huyện Phước Chính như sau: "Phía Đông giáp bến đò Thị Nghĩa, chợ thôn Bình Dương, tổng Long Vĩnh, huyện Long Thành đến sát núi rừng; phía Tây giáp man sách đầu nguồn; phía Nam giáp huyện Bình An từ núi Chiêu Thái (Châu Thới) liền đến xứ Ba Đốc sông Thị Kiên; phía Bắc giáp man sách rừng lớn". Và "huyện Phước Chính có hai Tổng: Tổng Phước Vĩnh có 46 thôn và tổng Chánh Mỹ có 39 thôn"

Sau khi tra khảo trong danh sách 85 thôn của huyện Phước Chính, chúng tôi không hề thấy nói đến phường Long Tuy và hai thôn Long Thành, Long Sơn. Trong khi đó những địa danh này lại nằm trên địa bàn tổng Long Vĩnh Hạ thuộc huyện Long Thành. Đồng thời, núi Chiêu Thái lúc bấy giờ thuộc địa bàn Thôn Bình An, tổng Phước Vinh, huyện Phước Chính (chứ không phải thuộc về huyện Bình An).

Qua đó cho thấy, những ghi chép của Trịnh Hoài Đức về những sự kiện liên quan đến núi Chiêu Thái (núi Châu Thới) hoàn toàn không dựa vào những tư liệu thời trước, mà chỉ ghi nhận những hiện

https://tieulun.hopto.org

tượng diễn biến trong thời của ông; thêm vào đó các nhà biên soạn bộ sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* sau này lại dựa vào tư liệu của sách *Gia Định Thành Thông Chí*, đồng thời có chỉnh sửa tên gọi các phường, thôn do thay đổi cơ cấu hành chánh nhằm phù hợp với tình hình địa lý sau này, chính vì vậy mà có sự khác biệt đáng kê về khoảng cách từ núi Chiêu Thái đến trấn thành trong mỗi giai đoạn.

Tuy vậy, những thông tin từ Gia Định Thành Thông Chí và Đại Nam Nhất Thống Chí, cũng cho chúng ta thấy rằng, lúc bấy giờ núi Chiêu Thái theo mô tả không phải chỉ là ngọn núi trơ trọi mà là một dãy núi cao thấp chập chùng và chạy rất dài, ẩn hiện tùy nơi, đuôi kéo dài đến tận Gò Công (tên thường dùng của Khổng Tước quan). Thông qua việc định vị địa lý, căn cứ vào thực tế tên chùa, di tích lưu dấu và tính hợp lý của phổ hệ truyền thừa, chúng ta có thể đưa ra nhận định, ngôi chùa theo mô tả trong Gia Định Thành Thông Chí, qua đoạn văn: "...Cuối núi có một chi, chạy về phía Bắc, dừng ở vào địa phương thôn Long Tuy, nổi lên cái gò cao, bằng phăng rộng rãi, mé bên có hang, giáp với khe ngòi, dân núi ở bao quanh đó, trên có chùa Hội Sơn, là nơi nhà sư Khánh Long ở tu tại đó, cúi trông sông lớn, thấy hành khách leo lên, có vẻ tiêu sái thoát trần". Đây là mô tả toàn cảnh đường dẫn đến ngôi chùa

https://tieulun.hopto.org

Hội Sơn, chùa này hiện tọa lạc trên một ngọn đồi nhỏ cao 15m so với mặt biển, tại số 1A1, ấp Cầu Ông Táng, hương lộ 33, phường Long Bình, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, chứ không phải chùa Núi Châu Thới vốn cao khoảng 80 mét so với mặt nước biển như nhiều nơi trích dẫn.

Thứ nữa, sách *Đại Nam Nhất Thống Chí*, mục Tự Quán, đã đề cập đến chùa Hội Sơn như sau: "*Ở phường Long Tuy, huyện Long Thành là nơi Thiền sư Khánh Long hóa thân*". Chúng tôi cho rằng, chùa Hội Sơn trong mô tả này cũng chính là chùa Hội Sơn ở phường Long Bình, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh như đã nói, hoàn toàn không dính dáng gì đến "Châu Thới Sơn Tự" ngự trên chót núi Chiêu Thái cả.

Cũng trong sách này, khi đề cập đến chùa Khánh Long, thì ghi: "*Ở tại Gò Quít, huyện Phước Chính. Nguyên xưa do Khánh Long Hòa thượng làm ra, nên gọi tên ấy*". Theo đó, chùa Khánh Long ở tại Gò Quýt huyện Phước Chính có thể là tiền thân của chùa Núi Châu Thới tại xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương ngày nay. Sở dĩ có nhận định này, vì sau khi đến núi Châu Thới dựng am tu hành, Hòa thượng Khánh Long đã từ huyện Phước Chính vi hành sang huyện Long Thành để hoằng hóa, sau đó lập ra chùa Hội Sơn, ngài thị tịch tại nơi này (tức

https://tieulun.hopto.org

chùa Hội Sơn, quận 9).

Sở dĩ ngôi chùa Hội Sơn (phường Long Bình, quận 9, TP. HCM) được thế hệ sau gọi là chùa Khánh Long, vì chùa do Tổ Khánh Long khai sơn. Tuy nhiên, nó khác với tên chùa Khánh Long ở tại Gò Quýt huyện Phước Chính, dù ban đầu cũng từ Hòa thượng Khánh Long dựng lập. Nếu phân biệt rạch ròi chúng ta sẽ thấy, chùa Hội Sơn ở huyện Long Thành (ngày xưa) được môn đồ pháp quyến gọi tên Tổ khai sơn thành tên chùa; còn tên chùa Khánh Long ở Gò Quýt huyện Phước Chính (trên núi Chiêu Thái ngày xưa) là do người dân thời đó đặt tên am cốc nơi Hòa thượng Khánh Long tu hành.

Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* ghi: *"Núi Chiêu Thái, tục gọi núi Châu Thới, ở phía Nam huyện Phước Chính 21 dặm, từng núi cao tít làm bình phong phía Nam tỉnh thành, đồi núi khỉ phục loanh quanh chạy đến Khổng Tước quan mới hết. Khoảng giữa núi Chiêu Thái về hướng Bắc thuộc thôn Long Sơn huyện Long Thành ở trên gò bằng có vở cao đứng thẳng như vách, trên có am Vân Tĩnh là nơi ni cô Lượng tĩnh tu, di chỉ nay vẫn còn..."*[3]

Xét về khoảng cách địa lý và đặc điểm địa hình, chúng tôi dự đoán am Vân Tĩnh, nơi ni cô Lượng tĩnh tu, cũng có thể là nơi Hòa thượng Khánh Long từng đến lập am tu tịnh. Có điều, do hoàn cảnh thời

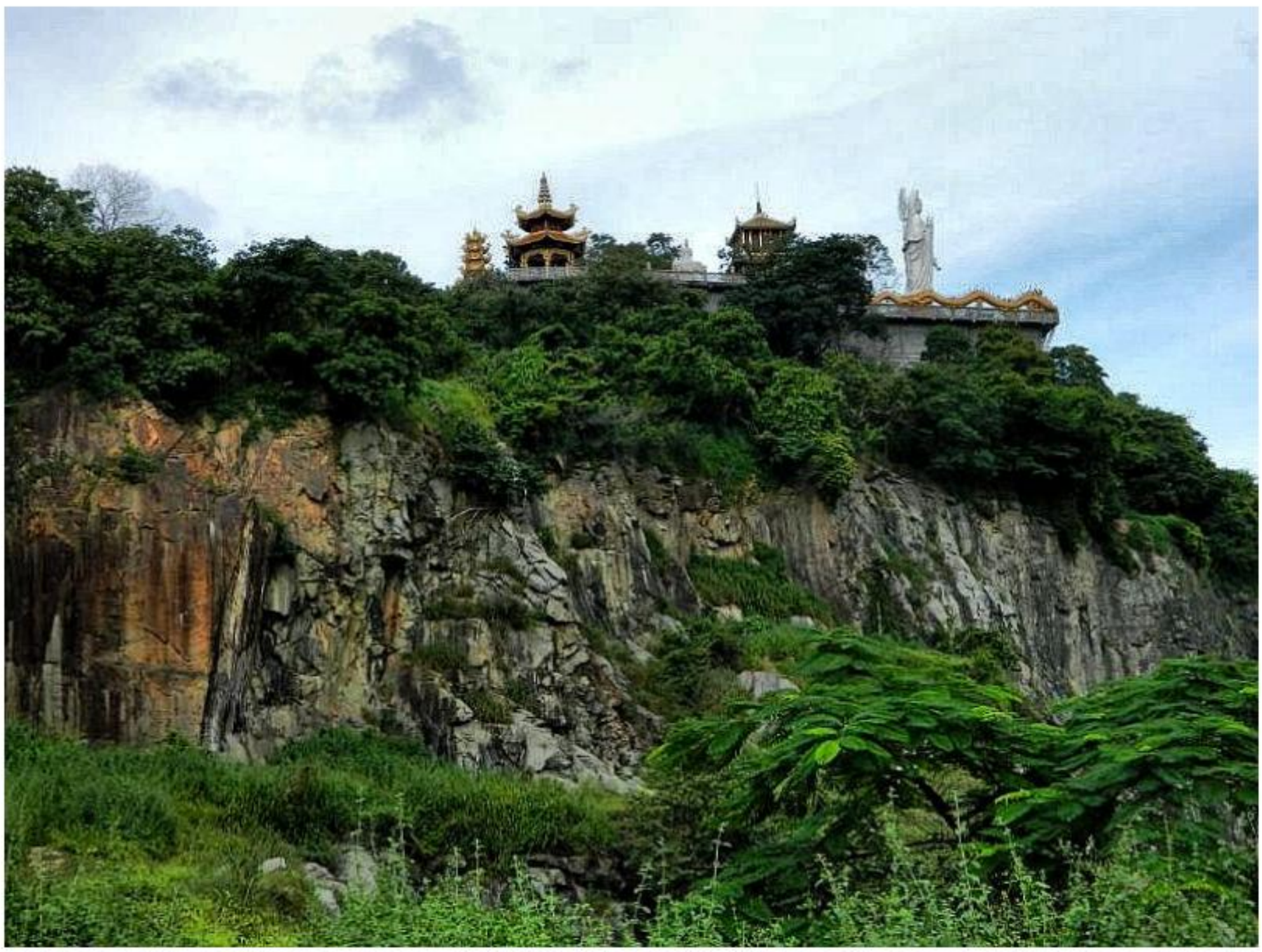
https://tieulun.hopto.org

cuộc, vị thế hiểm yếu không thuận lợi trong việc xây dựng và nhất là cũng có thể do ý thức chủ quan là tập trung vào sự tu tập, nên thời bấy giờ, nơi đây chưa được khuyếch trương rộng mở. Hơn nữa, thời phong kiến quan niệm trọng nam khinh nữ còn quá nặng, việc một sư cô lên núi lập am tu hành dường như bị các nhà Nho coi thường, dị nghị. Do đó, dẫu nơi đây, vào thời điểm này mà có được một ngôi già lam tương đối ổn định thì xem ra vẫn không mặn mà đối các nhà Nho soạn sử trong ban biên soạn Quốc sử quán nhà Nguyễn. Một lý do quan trọng khác, quá trình biên soạn bộ *Đại Nam nhất thống chí*, khởi sự từ năm Ất Sửu (1865) nhưng mãi đến năm 1882, *Quốc sử quán triều Nguyễn* mới tạm ổn. Tuy nhiên, trước khi được đem đi khắc in, vua Tự Đức đã bắt sửa kỹ lại và làm thêm tập "Bổ biên", công việc đang dở dang thì vua Tự Đức mất. Sau đó, trong triều liên tiếp xảy ra nhiều việc bất ổn, khiến bản thảo bị thất lạc nhiều tập trong cơn binh lửa Kinh thành Huế vào năm 1885. Năm 1906, vua Thành Thái ra lệnh làm lại *Đại Nam nhất thống chí*, đến năm Canh Tuất (1910) bộ sách này mới được vua Duy Tân cho phép khắc in. Song nó chỉ ghi chép hạn chế các sự kiện ở các tỉnh Trung Kỳ trực thuộc Nam triều mà thôi. Nói như vậy để thấy rằng, hãy còn rất nhiều giới hạn và thiếu sót trong bộ sách sử

https://tieulun.hopto.org

có thể gọi là quý hiếm nói về đàng trong này.

Ghi theo lời kể của Hòa thượng Huệ Thông (nguyên trụ trì chùa Núi Châu Thới) thì Thiền sư Khánh Long trên bước đường vân du hoằng hóa. Sư Khánh Long lên đồi Châu Thới thấy cảnh hữu tình thanh tịnh, sư cất một thảo am nhỏ để tu tịnh, thảo am được gọi là chùa Hội Sơn, sau thành chùa Châu Thới.



Chùa Núi Châu Thới trên đỉnh Châu Thới

Theo lịch sử Phật giáo Đàng Trong của Nguyễn Hiền Đức xuất bản 1995 thì chùa Hội Sơn trên núi Châu Thới, thuộc địa phận thôn Long Tuy, huyện

https://tieulun.hopto.org

Long Khánh, trấn Biên Hòa (nay thuộc xã Long Bình, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) và cũng theo tài liệu này thì chùa Hội Sơn do Thiền sư Khánh Long - Đạo Thành xây dựng vào thế kỷ XVIII, sư Khánh Long viên tịch đồ chúng lập tháp thờ trong khuôn viên phía trái chùa.

Một chi tiết rất đáng lưu ý là hiện nay chùa núi Châu Thới có tấm biển đề: "Châu Thới sơn Tự" bằng chữ Hán đặt chính giữa giảng đường. Trên biển có ghi "Tân Dậu niên, chánh ngoạt, sơ kiết nhựt". Phần đông các nhà nghiên cứu đều dựa vào đây để xác định niên đại khai sơn ngôi cổ tự này. Nếu căn cứ vào đây mà suy, thì chùa núi Châu Thới có thể được thành lập khoảng năm Tân Dậu, mà năm Tân Dậu trong trường hợp này lại rơi vào ba mốc thời gian đáng ngờ, đó là năm 1621, năm 1681 và năm 1741.

Xét về cột mốc thời gian 1621, trong lịch sử Đàng trong có một sự kiện đáng nhớ là vào năm 1620, công chúa Ngọc Vạn được chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1563 – 1635) gả cho vua Chân Lạp. Công chúa Ngọc Vạn xin cha cho được di dân lập nghiệp ở vùng đất mới mà mình đến và từ đây (tức năm 1620) mới hình thành các đợt di dân tự do.

Nếu nói chùa Châu Thới khai sơn vào năm 1621, tức là sau năm 1620, khi các đợt di dân tự do

https://tieulun.hopto.org

ào ạt vào phương Nam cùng với những vị Tăng sĩ đến Bình Dương dựng am cốc tu hành, thì rõ ràng đây phải là ngôi chùa cổ nhất Nam bộ, tất nhiên bản thân nó phải được các nhà sử học quan tâm nhiều hơn, thế nhưng các tư liệu hầu như đều không đề cập đến, nếu có chăng chỉ ghi chép rất mơ hồ là có một ngôi chùa trên núi Chiêu Thái bị chiên tranh tàn phá. Hơn nữa, các vị tôn túc tại Bình Dương và nhiều nguồn tư liệu khác cũng cho rằng thiền sư Khánh Long là Tổ khai sơn chùa Hội Sơn (Ở đây có sự lầm lẫn giữa chùa Hội Sơn ở quận 9 và ngôi chùa trên núi Chiêu Thái). Các ngài cũng cho rằng chùa Hội Sơn ngày xưa chính là chùa Châu Thới trên núi Châu Thới ngày nay, và Thiền sư Thành Nhạc được xem là vị kế thừa. Thế nhưng về niên đại của cả hai vị, thông qua niên đại Tổ khai sơn ở chùa Hội Sơn (Quận 9 - TP.HCM) do Thiền sư Khánh Long sáng lập và năm Thiền sư Thành Nhạc Ẩn Sơn viên tịch (tức năm Bính Thân – 1776) cũng đều không nằm trong khoảng thời gian 1621. Đây là những lý do để chúng ta phủ nhận cột mốc thời gian này.

Tiếp theo chúng ta xét đến cột mốc thời gian 1681, cũng là năm Tân Dậu.

Căn cứ vào cuốn Thiền Sư Trung Hoa, Hòa thượng Thích Thanh Từ cho rằng chùa Châu Thới do Hòa thượng Thành Nhạc khai sơn, Hòa thượng

https://tieulun.hopto.org

Thành Nhạc - Ẩn Sơn thỉnh thoảng xuống bến ngựa sông Đồng Nai để tắm, và lên nghỉ trên bờ. Sau này các đệ tử muốn ghi lại dấu tích của Tổ nên lập chùa Long Thiền thuộc xã Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa. Tư liệu này cho rằng, Hòa thượng Ẩn Sơn - Thành Nhạc viên tịch ngày 17 tháng Chạp năm Bính Thân (1776).

Nhân đây nhắc lại lời kể của quý Hòa thượng cao niên ở Bình Dương, Hòa thượng Thành Nhạc thấy cảnh nên thơ, thanh tịnh, nên thường lên núi chọn một tảng đá bằng phẳng để thiền định. Và sách Gia Định Thành Thông Chí, cũng đã ghi chép: *"Núi Chiêu Thái, ở cách trấn lỵ về phía Nam 11 dặm rưỡi, tầng núi cao xanh, cây xưa um tốt, làm bức bình che buổi sáng cho trấn thành, ngất cao lên xuống, ngoắt ngéo đi về phía Đông, đến miền hạ lưu sông Phước Giang, tới Gò Công thì dừng lại. Quảng giữa về mặt Bắc, tại thôn Long Thành, nổi lên một cái gò cao dốc như vách, sườn sau lưng có nơi tĩnh tu của Vãi Lượng, dựng am Vân Tĩnh, rất là thanh u (tục gọi là chùa Vãi Lượng). Quân Tây Sơn phá Phật bỏ chùa, nền cũ nay hãy còn..."*. Qua những tư liệu này chúng tôi cho rằng, trên núi Châu Thới đã có một ngôi chùa đã được xây dựng trước khi quân Tây Sơn đánh phá và trước khi Hòa thượng Thành Nhạc - Ẩn Sơn đến núi này. Vậy ngôi chùa đó có thể

https://tieulun.hopto.org

do Tổ Thành Nhạc xây dựng lại trên nền Tỉnh Vân am (của Sư cô Lượng trước đây) và cũng có thể xây dựng lại trên nền chùa cũ của Thiền sư Khánh Long - Đạo Thành trong thời gian ngài đến núi này ẩn tu. Điều đáng nói là những sự kiện có liên quan đến chùa trên núi Chiêu Thái được sử sách nêu lên đều năm trong giai đoạn khoảng giữa và gân cuôi thê kỷ XVIII, tức vào thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) và Chúa Nguyễn Phúc Thuần (1765-1777). Do vậy, nếu cho rằng chùa Núi Châu Thới được khai sơn vào năm Tân Dậu - 1681 là điều chưa thật sự thuyết phục, hơn nữa sự kiện sư cô Lượng (Vãi Lượng), Thiền sư Khánh Long - Đạo Thành và Thiền sư Thành Nhạc - Ẩn Sơn lập am cốc tu hành trên núi Chiêu Thái nằm trong khoảng thời gian giữa thế kỷ XVIII, chứ không phải vào thế kỷ XVII (1681). Đây là những lý do để chúng tôi phủ nhận cột mốc thời gian thứ 2 này. Cũng từ nhận định này, và thông qua những tư liệu đã trích dẫn, trước hết chúng ta cũng có thể xác định là trên núi Châu Thới đã có một am cốc hay một ngôi chùa nhỏ đơn sơ nào đó được tạo lập vào khoảng gân giữa thê kỷ XVIII, nếu rơi vào năm Tân Dậu thì đó là năm 1741. Tuy nhiên vào lúc bấy giờ, ngôi chùa này chỉ mới hình thành trong dạng am cốc hay một ngôi chùa nhỏ đơn sơ ở trên chót núi Chiêu Thái và mang một cái tên

https://tieulun.hopto.org

khác chứ không phải tên chữ là "Châu Thới Sơn Tự". Nói một cách chính xác hơn, cơ sở thờ tự ban đầu này là tiền thân của chùa núi Châu Thới sau này.



Sau khi kết hợp từ nhiều nguồn tư liệu, chúng tôi có thể khẳng định ngôi chùa ở trên núi Chiêu Thái chỉ chính thức có tên là "Châu Thới Sơn Tự" vào khoảng thời gian gần cuối thế kỷ XVIII và chỉ mới được xây dựng lại sau khi kết thúc cuộc chiến giữa quân Tây Sơn và quân chúa Nguyễn vào sau năm Bính Thân 1776, tức là khoảng thời gian sau khi Hòa thượng Thành Nhạc - Ẩn Sơn viên tịch (vì ngài cũng viên tịch vào năm 1776). Cho đến nay vẫn

https://tieulun.hopto.org

chưa có nghiên cứu nào xác định được niên đại chùa núi Châu Thới được xây dựng sau giai đoạn chiến tranh.

Sở dĩ có nhận định như vậy, vì trước hết, nếu căn cứ theo *Quốc Sử Quán Triều Nguyễn*, vào thời điểm năm 1741, sử sách hoàn toàn chưa có tên chữ là "Núi Châu Thới" thì làm gì có tên chùa là "Châu Thới Sơn tự"? Đồng thời tên chữ "Chiêu Thái Sơn", cho mãi đến năm 1850, dưới triều vua Tự Đức, *Quốc sử quán triều Nguyễn* mới chính thức ghi chép núi Châu Thới vào từ điển với tên gọi là "Chiêu Thái Sơn"[(4)]

Nhân đây cũng xin trình bày thêm để quý độc giả có nguồn tư liệu tham khảo: Theo hai bộ sử lớn của nhà Nguyễn là *Gia Định Thành Thông Chí* và *Quốc Sử Quán Triều Nguyễn - Đại Nam Nhất Thống Chí*, thì trong tất cả các ngôi chùa xây dựng từ đầu thế kỷ thứ XVII đến đầu thế kỷ XVIII, từ Thuận Hóa trở vào đến Hà Tiên, cũng đều không nhắc đến ngôi chùa có tên là "Châu Thới Sơn tự". Điều này cũng dễ hiểu vì như chúng tôi đã trình bày là trong khoảng thời gian này, trên ngọn núi Châu Thới, vốn chỉ có một am tranh cốc lá đơn sơ mà chư vị hành giả Phật môn nào đó đã đến nơi đây dựng lập để tu hành chứ chưa hẳn là có một ngôi chùa, do vậy đây cũng là một trong những lý do nói lên sự

https://tieulun.hopto.org

không ổn nếu chúng ta cho rằng chùa núi Châu Thới ngày nay từng được xây dựng vào năm 1681.

Mặc khác, qua hai đoạn văn trong *Gia Định Thành Thông Chí* và *Đại Nam Nhất Thống Chí* mà chúng tôi từng nhắc đến trong chương này đều không hề nhắc đến một ngôi chùa nào hiện diện trên ngọn Chiêu Thái. Tuy nhiên, trong hai đoạn văn trên lại nhắc đến hai chi tiết đáng lưu ý, đó là *"Quân Tây Sơn phá Phật bỏ chùa, nền cũ nay hãy còn"*[5] và *"Năm Bính Thân đạo Hòa Nghĩa là Lý Tài chiếm cứ núi Chiêu Thái tức là chỗ này"*.[6]

Liên quan đến sự kiện này, xét về lai lịch viên tướng Lý Tài, ông là người Hoa gốc Phúc Kiến, lưu ngụ ở phố huyện Phù Ly phủ Quy Nhơn vào khoảng giữa thê kỷ thứ XVIII. Hành trạng của Lý Tài cho thấy ông rất dũng mãnh và có tài thao lược. Năm 1773, Nguyễn Nhạc sau khi khởi binh đánh chiếm thành Qui Nhơn, Lý Tài đã kéo quân đến xin gia nhập vào đội quân của Nguyễn Nhạc. Lý Tài xông pha trận mạc, lập được công to, nhờ đó mà quân Tây Sơn thêm hùng mạnh. Nguyễn Nhạc đã phong Lý Tài làm tướng, thưởng nhiều bổng lộc. Tháng 4 năm Ất Mùi (1775) nhân đội quân của Lý Tài và Tập Đình thất trận trước quân chúa Trịnh ở Cẩm Sa (Quảng Nam), Nguyễn Nhạc mượn cớ này tính giết Tập Đình để trừ hậu hoạn. Tập Đình liệu trước nên

https://tieulun.hopto.org

bỏ trốn về Quảng Đông, nhưng ít lâu sau đó cũng bị Tổng đốc Quảng Đông giết chết. Còn Lý Tài cũng tự biết thân phận nên chờ thời cơ sẽ bỏ trốn. Thế rồi vào cuối năm 1775, khi được Nguyễn Nhạc giao trấn thủ Phú Yên, Lý Tài nhân cơ hội này liền đem hết binh quyền đầu phục tướng nhà Nguyễn là Tống Phước Hợp. Vào mùa hạ năm Bính Thân (1776) Tống Phước Hợp đưa Lý Tài vào Nam ra mắt Chúa Nguyễn. Lúc này, Đỗ Thành Nhân thủ lĩnh của quân Đông Sơn ở vùng Ba Giồng, đang là một công thần dưới trướng Chúa Nguyễn liền đố kỵ hằn học ngay với Lý Tài: "*Khi Lý Tài mới vào, Chúa Nguyễn muốn dùng, nhưng Đỗ Thành Nhân nói Lý Tài là đồ heo chó, dùng có ích gì*".[7] Do xung khắc và bất hòa với Đỗ Thành Nhân, vào tháng 6 năm 1776, khi Tống Phước Hợp chết, Lý Tài liền kéo binh mã đến núi Chiêu Thái, là ngọn núi cao nổi lên giữa vùng rừng rậm thuộc dinh Trấn Biên để lập doanh trại. Từ đây núi Chiêu Thái trở thành bãi chiến trường đẫm máu giữa Hòa Nghĩa quân của Lý Tài và quân Đông Sơn của Đỗ Thành Nhân: "*Khi Tống Phước Hợp còn sống thì hai người không dám xung đột nhau, nhưng Phước Hợp mất rồi, Lý Tài e sợ, đem binh sĩ của mình đến đóng ở núi Chiêu Thái (thuộc tỉnh Biên Hòa ngày nay), Đỗ Thành Nhân đem binh đến đánh không được, phải đắp lũy ở sông Nghi tức sông*

https://tieulun.hopto.org

Thị Nghè để giữ".[8] Trận đánh giữa quân Đông Sơn của Đỗ Thành Nhân cùng với quân binh Nghĩa Hòa của Lý Tài được mô tả như sau: *"Tân Bản kiều (cầu ván mới) ở thượng lưu suối Lồ Ô, thuộc huyện Bình An, tục gọi cầu Quan. Năm Bính Thân, binh Đông Sơn của Đỗ Thành Nhân cùng quân của Lý Tài giao chiến. Lý Tài trá bại, phục binh dưới cầu Tân Bản triệt được binh Đông Sơn rất đông, tức là chỗ cầu này".*[9] Như vậy trận đánh diễn ra vào mùa thu năm Bính Thân (1776) tại cầu Quan, vị trí này nằm trên một con suối, xưa gọi Lộ Khê, nay có tên là suối Lồ Ồ (vì dọc hai bên bờ suối có rất nhiều tre lồ ô). Suối bắt nguồn từ hướng Tây, giáp ranh xã Bình An, cách núi Chiêu Thái chừng vài dặm, khi quân Đông Sơn kéo đến, Lý Tài giả thua, rút quân về mai phục dưới Tân Bản kiều. Quân của Đỗ Thành Nhân đắc chí đuổi theo, bị sa vào ổ phục kích, thiệt hại nặng nề nên phải lui binh. Sau trận đánh, Hòa Nghĩa quân của Lý Tài lớn mạnh hơn quân Đông Sơn của Đỗ Thành Nhân rất nhiều. Sách *Việt sử: Xứ Đàng Trong*, tác giả Phan Khoang cho rằng, tại vùng chợ Đồn (xưa gọi là chợ Lò hay chợ Bình Long) từng là nơi giao chiến giữa hai bên. Vào tháng 10 năm Bính Thân (1776), nhằm thể hiện chánh nghĩa và tạo thanh thế, Lý Tài từ núi Chiêu Thái kéo quân về Sài Côn yết kiến Đông cung Nguyễn Phúc

https://tieulun.hopto.org

Dương: *"Thấy Lý Tài đem binh đến, binh của Đỗ Thành Nhân cũng tan chạy, Duệ Tông cũng phải đi tránh, Lý Tài chia binh làm bốn đạo, thúc trống tiến tới. Đông cung sai kéo cờ lên, trên cờ đề: "Đông cung phụng mạng chiêu an". Trông thấy cờ, binh Lý Tài bèn bỏ khí giới, lạy và hoan hô, tiếng nghe như sấm, rồi rước Đông cung về Do Miệt bản doanh của Lý Tài"*[10] Ở đây địa danh có tên gọi là Do Miệt chính là phiên âm từ Dầu Miệt mà ra. Trong sách Đại Nam Nhất Thống Chí, ở mục Thị Điếm, phần nói về chợ Phú Cường, có ghi: "Ở thôn Phú Cường huyện Bình An, tục danh chợ Dầu Miệt hay Dầu Một".[11] Như vậy Do Miệt ở đây chính là Thủ Dầu Một ngày nay. Vào tháng 11 năm Bính Thân, Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần lên làm Thái Thượng Vương, nhường ngôi lại cho Đông cung, lập thành Tân Chính Vương, giao Lý Tài giữ chức Bảo giá đại tướng quân. Như vậy lúc này quân đội của chúa Nguyễn được chia thành hai nhóm, bên Tân Chính Vương dựa vào Hòa Nghĩa quân của Lý Tài, còn bên Thái Thượng Vương Nguyễn Phước Thuần và Nguyễn Ánh thì dựa vào quân Đông Sơn của Đỗ Thành Nhân. Trong khi đó lực lượng của quân Tây Sơn lúc này rất lớn mạnh, nhiều trận đánh ác liệt giữa quân Tây Sơn và quân Chúa Nguyễn diễn ra trên đất Trấn Biên và Phiên Trấn. Nhà Nguyễn đang

https://tieulun.hopto.org

hồi suy yếu, đã vậy không chịu hợp sức để đối đầu với quân Tây Sơn mà chia bè kết phái nên nhiều phen suýt bị diệt vong. Lúc này tuy Nguyễn Ánh chỉ mới 16 tuổi, nhưng có một vai trò quan trọng đối với cơ nghiệp nhà Nguyễn: *"Nguyễn Ánh biết Lý Tài kiêu hoạnh, khó kiềm chế được, nên bàn với Thái Thượng Vương nên đến Tam Phụ chiêu vũ miền Đông Sơn để mưu đồ việc khôi phục. Lý Tài nghe tin ấy, đem quân bức, đưa Thái Thượng Vương đến Do Miệt. Tân Chính Vương không thể ngăn được, phải sai Trương Phước Dĩnh theo hộ giá. Ngày hôm sau lại rước Thái Thượng Vương trở về Sài Côn".*[(12)] Qua đó có thể thấy các vị Chúa cuối cùng của triều Nguyễn là Thái thượng Vương Nguyễn Phúc Thuần, Tân Chính Vương Nguyễn Phúc Dương đều đã từng lưu trú trên vùng đất Thủ Dầu Một, đáng nói là nơi mà Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần từng đến tạm cư chính là ngọn núi Chiêu Thái.Vào tháng 3 năm Đinh Dậu (1777), Nguyễn Huệ xuất chiến tại Gia Định, thế lực rất mạnh, khi ấy quân Lý Tài đại bại trước quân Tây Sơn Nguyễn Huệ: *"Mấy ngày sau, quân Tây Sơn đến, Vương sai Lý Tài đem Hòa Nghĩa quân ra Hóc Môn cự chiến, chém được Tuần sát của địch là Tuyên, quân địch tạm lui. Nhưng rồi một sự lầm lẫn đã gây ra hậu quả lớn: Trương Phước Thận từ Cần Vọt đem quân lên*

https://tieulun.hopto.org

tiếp viện, Lý Tài trông xa xa thấy cờ xí, tưởng là quân Đông Sơn đến tập kích mình, bèn rút quân về, địch thừa dịp đuổi theo, quân Lý Tài chạy rối loạn...".[13] Trích dẫn nguồn tư liệu về lai lịch và hành trạng của viên tướng Lý Tài, đồng thời liên hệ lại hai đoạn văn: *"Quân Tây Sơn phá Phật bỏ chùa, nền cũ nay hãy còn" và "Năm Bính Thân đạo Hòa Nghĩa là Lý Tài chiếm cứ núi Chiêu Thái tức là chỗ này"* để một lần nữa làm sáng tỏ và khẳng định rằng vào năm Bính Thân, tức năm 1776, trên ngọn núi Chiêu Thái (tức núi Châu Thới) hoàn toàn không hề có ngôi chùa nào mang tên là "chùa Núi Châu Thới" mà chỉ có một nền chùa cũ còn lưu dấu lại sau khi bị quân Tây Sơn đập phá. Đồng thời xâu chuỗi những điều đã nhận định ở trên lại sẽ cho chúng ta thấy rằng lịch sử vẫn chứng minh là có một ngôi chùa trên núi Chiêu Thái có thể được xây dựng vào khoảng năm Tân Dậu (1741), vào lúc này có thể nó mang tên là chùa Hội Sơn do Hòa thượng thiền sư Khánh Long xây dựng, và cũng có thể nó mang tên là Tĩnh Vân am do Sư cô Lượng dựng lên, sau đó một thời gian thì thiền sư Thành Nhạc - Ẩn Sơn đến xây dựng lại một ngôi chùa mới trên nền am chùa cũ và có lẽ vẫn giữ tên chùa cũ là Hội Sơn Tự. Tuy nhiên vài thập niên sau đó, tức vào năm Bính Thân (1776) chỗ thờ tự cheo leo trên ngọn núi này đã bị

https://tieulun.hopto.org

tàn phá do cuộc chiến giữa quân Tây Sơn và quân Chúa Nguyễn. Khi chiến tranh qua đi, khu vực này bình yên trở lại, thì lại có một ngôi chùa mới đã được xây dựng lại trên nền đất chùa cũ, chí ít là vào sau năm Bính Thân (1776) nhưng đến nay vẫn chưa rõ năm nào. Chính vì Quốc sử quán nhà Nguyễn là Đại Nam nhất thống chí, dù khởi sự từ năm Ất Sửu - 1865, nhưng dường như chỉ làm công việc ghi nhận chắt lọc nguồn tư liệu từ Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức đã biên soạn trước đó, nên đã không có cơ sở để ghi tên ngôi chùa này vào bộ sử, cũng như trong và sau thời Tự Đức do việc triều chính có quá nhiều vấn đề cấp bách phải giải quyết, nên công việc ghi nhận này cũng bị bỏ qua. Cũng ngôi chùa này nhưng nó thật sự mang tên chữ là "Châu Thới Sơn Tự" vào khoảng giữa thế kỷ XIX, hoặc ít ra vào khoảng thời gian sau năm 1850, tức vào thời vua Tự Đức (1848 - 1883) tại vị. Ở đây có một sự kiện trùng hợp là vào năm Bính Thân 1776, ngôi chùa trên núi Chiêu Thái bị tàn phá cũng là năm mà Thiền sư Thành Nhạc - Ẩn Sơn viên tịch. Không biết sự ra đi của Thiền sư Thành Nhạc - Ẩn Sơn có liên quan gì đến biến cố chiến sự ở ngọn núi Chiêu Thái này chăng?

Mặt khác nhiều vị tôn túc tiền bối tại Bình Dương cho rằng chùa núi Châu Thới ban đầu do

https://tieulun.hopto.org

thiền sư Khánh Long khai sáng, nhưng cho đến nay vẫn chưa có tư liệu nào ghi nhận được ngồn gốc quê quán, tông phái và hành trạng của Thiền sư Khánh Long. Trong khi đó, đáng tiếc là hiện nay trên chùa Châu Thới không còn long vị và các tháp của các vị Thiền sư khai sơn, mà chỉ có long vị thờ các vị trụ trì có niên đại gần đây. Cũng do sự thiếu tư liệu và nhận định thiếu cân nhắc mà khi nghiên cứu về chùa núi Châu Thới, đã có nhiều ghi chép nhập nhằng cảnh quan chùa này ghép vào chùa kia, khiến cho người đọc dễ nhầm lẫn và khó thể xác định được đâu là thông tin đáng tin cậy.

Căn cứ vào tư liệu hiện có tại chùa Núi Châu Thới hiện nay, thì chùa núi Châu Thới đã trải qua hơn sáu đời người trụ trì và được truyền thừa theo dòng kệ: *"Đạo Bổn Nguyên Thành Phật Tổ Tiên..."*.

---

1. Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí, dịch giả Đỗ Mộng Khương - Nguyễn Ngọc Tính, Nxb Giáo Dục - 1998.

2. Năm 1808 nhà Nguyễn đổi tên đất Nam bộ là Gia Định thành. Các dinh đổi ra trấn thuộc thành Gia Định. Dinh Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hòa (Trấn: Giữ gìn, cũng là đơn vị hành chính có tính quân quản cấp tỉnh; Biên: Chỗ giáp giới bờ cõi;

https://tieulun.hopto.org

Hòa: Hiệp làm một, thuận một bề. Trấn Biên Hòa: Đơn vị hành chính có tính quân quản ở nơi giáp bờ cõi không có xung đột.

3. Đại Nam Nhất Thống Chí, dịch giả Nguyễn Tạo, Nha Văn Hóa, 1973, tr.12.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam Thực Lục Tiền Biên, Nxb Sử học Hà Nội, 1962.

5. Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí, *dịch giả Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tính, nxb. Giáo Dục, 1998.*

6. Đại Nam Nhất Thống Chí, *dịch giả Nguyễn Tạo, Nha Văn Hóa, 1973.*

7. Phan Khoang, Việt sử: Xứ Đàng Trong, Nxb. Khai trí, 1969.

8. Phan Khoang, Việt sử: Xứ Đàng Trong, Nxb Khai trí, 1969.

9. Đại Nam Nhất Thống Chí, dịch giả Nguyễn Tạo, Nha Văn Hóa, 1973,

10. Phan Khoang, Việt sử: Xứ Đàng Trong, Nxb Khai trí, 1969.

11. Đại Nam Nhất Thống Chí, dịch giả Nguyễn Tạo, Nha Văn Hóa, 1973, tr35.

12. Phan Khoang, Việt sử: Xứ Đàng Trong, Nxb Khai trí, 1969.

13. Phan Khoang, Việt sử: Xứ Đàng Trong, Nxb Khai trí, 1969.

https://tieulun.hopto.org

LO ÂU VÀ SỢ HÃI

TRẦN QUỐC TRIỆU



Tất cả chúng ta khi có mặt trên cuộc đời đều mang sẵn những nỗi lo âu và sợ hãi. Đứa bé mới sinh ra không thể nói được rằng nó sợ hãi nhưng sự sợ hãi bật lên ngay trong tiếng khóc đầu đời, khi nó run rẩy trong những xúc cảm ngây thơ, non dại... Và chính bô mẹ của những đứa trẻ cũng sông trong lo âu và sợ hãi suốt thời gian mang thai cho tới lúc nó được nuôi khôn lớn, thậm chí tận khi nó đã già đi. Lo âu và sợ hãi chưa bao giờ không hiện hữu nơi ta trong suốt kiếp người. Đã có lúc nào chúng ta đặt

https://tieulun.hopto.org

câu hỏi về sự sợ hãi của mình rồi đi tìm nguyên nhân của nó? Không có nhiều người làm như vậy. Đời sống con người đầy những nỗi lo sợ thầm kín mà ta chẳng thể đếm hết được, chúng nằm sâu ở thượng tầng ý thức và những nơi ẩn náu tối tăm của mỗi cá nhân. Sự lo âu và sợ hãi có mặt ở khắp nơi, sợ thiếu thôn, sợ đói khát, sợ điêu chúng ta có hôm nay có thể mất ở ngày mai; sợ ốm đau, già nua và chết chóc v.v... Đôi lúc nỗi sợ hãi mơ hồ lấp đầy cuộc sống chúng ta, nỗi bất hạnh ấy làm ta khổ sở triền miên. Nỗi sợ dường như đã nằm sẵn trong tiềm thức của mỗi chúng ta khi được "di truyền" lại từ tổ tiên của loài người như sợ bóng tối, sợ nơi rừng núi hoang vu, sợ các con thú ăn thịt, rắn rết v.v...

Thời cổ đại, khi khoa học và xã hội chưa phát triển, con người sống trong nhiều nỗi sợ hãi khi đối mặt với thiên nhiên, với những hiện tượng tự nhiên mà không lý giải được. Bên ngoài, con người bị tác động bởi mưa gió, sấm sét, động đất, núi lửa... Và bên trong là ám ảnh về bệnh tật đau ốm; nên họ đã quỳ lạy trước mọi sự đe dọa của thiên nhiên để cầu xin sự che chở của thứ quyên lực huyên bí. Do thiêu tri thức và hiểu biết về sức mạnh của ngoại giới mà con người từ xưa tin tưởng rằng họ có thể xoa dịu thần lực ấy bằng sự cúng bái, cầu khẩn, như chính họ được xoa dịu và con người dần phát triển khả

https://tieulun.hopto.org

năng lễ bái và quyền lực thiên nhiên đã trở thành "thần linh huyền bí" của loài người. Trong đêm dài của tình trạng thiếu văn minh và trong "cuộc chiến" trường kỳ chống lại sức mạnh của thiên nhiên, những hạt giống mê tín đã được gieo cấy vào tâm thức loài người và "di sản mê tín" đó đã được ông cha chúng ta truyên lại cho con cháu. Thê hệ nôi tiêp thế hệ chúng ta thừa kế điều đó một cách mặc nhiên và thậm chí còn phát triển nó lên một cấp độ cao hơn dù có thêm nhiều kiến thức, có thêm nhiều phương tiện để hiểu về thiên nhiên, về đời sống.

Ngày nay, trình độ của cả nhân loại được nâng cao không ngừng, khoa học phát triển như vũ bão nhưng nỗi lo âu và sợ hãi cũng không hề giảm, thậm chí còn tăng lên. Vì sao vậy? Vì lòng tham đã đẩy con người lên những nấc thang cao hơn của tính dục và sự tàn bạo. Con người phát minh ra nhiều phương tiện để thoả mãn đời sống vật chất và tinh thần nhưng lại chính điều đó lại đẩy họ tách rời với đời sống tự nhiên, đẩy tất cả đi nhanh hơn tới chỗ diệt vong. Con người từ thuở hồng hoang giết nhau bằng cung tên, giáo mác đã tiến một "bước dài" để không cần xuất hiện mà vẫn có thể giết chết đối phương. Ta thử nghĩ xem một quả tên lửa mang đầu đạn hạt nhân, một trái bom nguyên tử sẽ giết chết bao nhiêu mạng sống con người và các loài chúng sanh? Điều

https://tieulun.hopto.org

đó có đáng sợ không? Xã hội dù văn minh hơn nhưng con người cũng tìm ra nhiều cách hơn để cướp bóc, để đầu độc thiên nhiên, môi trường và giết đồng loại tinh vi hơn, người ta không từ bất cứ cách thức nào để kiếm chác, không từ bất cứ thủ đoạn nào chỉ với mục đích duy nhất là thỏa mãn lòng tham và dục lạc.

Napoleon Hill từng nói rằng: *"Sự lo sợ nghèo khổ chắc hẳn là mối lo âu tai hại nhất trong sáu điều sợ hãi căn bản (Nghèo đói, sự chỉ trích, ốm đau, mất người mình yêu thương, tuổi già và chết chóc). Nó được sắp hàng đầu trong danh biểu, vì đó là điều khó chế phục nhất. Cần có can đảm để giải thích sự thật về nguồn gốc của mối lo sợ nghèo khổ này; và còn phải dũng khí hơn nữa mới chấp nhận được chân lý sau khi nó được tỏ bày. Mối lo sợ nghèo khổ phát sinh từ khuynh hướng cố hữu của con người có tham vọng bắt kẻ khác làm nô lệ kinh tế cho mình. Hầu như tất cả loài vật thấp kém hơn con người, nên đã sống theo bản năng, và khả năng suy tưởng của chúng bị giới hạn, cho nên thú vật đã ăn thịt lân nhau. Con người, với trình độ cao hơn của trực giác, trí năng suy nghĩ và lý luận, nên không ăn thịt thân xác đồng loại của mình; nhưng nó đã thỏa mãn hơn trong việc nuốt chửng tiền bạc của kẻ khác. Nhân loại vì quá tham lam nên các luật*

https://tieulun.hopto.org

pháp phổ biến đã được thông qua để bảo đảm quyền lợi giữa con người với nhau".

Nhiều người trong chúng ta khao khát có được một địa vị cao trong xã hội bởi vì chúng ta sợ phải là một kẻ vô danh tiểu tốt. Xã hội chi phối bởi vật chất đã cổ suý và quá coi trọng những người có địa vị cao, giàu có... Do vậy, ai cũng thâm mong có một chiếc "ghế" nào đó trong xã hội và muốn được mọi người tôn trọng. Khi đã phấn đấu để có cái "ghế" đó rồi thì họ tìm mọi cách để giữ cho bằng được, họ rất sợ phải mất nó vào tay kẻ khác. Và chính cái "ghế danh lợi" đó làm người ta phải tranh đấu và lo sợ suốt bao năm tháng. Để bảo vệ nó người ta phải dùng đến nhiều biện pháp khác nhau kể cả phải cầu khẩn đến sự phò trợ giúp đỡ của thầy cúng, phong thủy, thần thánh v.v... Bằng chứng là họ phải chọn hướng theo mấy ông thầy, họ tới đền phủ như đền Trần để xin "Ấn" làm thứ bùa hộ mệnh cho mình. Nhiều người hàng năm tìm tới đây để nhằm mưu cầu sự "phù hộ" cho con đường thăng quan tiến chức của mình. Họ cho rằng sự anh linh của một triều đại hào hùng trong quá khứ sẽ giúp cho họ đạt được những mong cầu cá nhân trong xã hội hiện tại. Đó thực sự là mê lầm, ảo tưởng và si muội!

Do ảnh hưởng của tâm lý đám đông cùng quan niệm lệch lạc đã tạo ra một loại "bệnh tưởng", nó lây

https://tieulun.hopto.org

thành một "đại dịch" lan rộng trong xã hội và người ta không xin nữa mà đi tranh, đi cướp, mua bán "Ấn" để có thứ bảo hộ tâm linh, để cảm thấy an tâm hơn. Vì sao? Vì trong sâu xa họ sợ, họ thiếu niềm tin vào chính mình nên cần đến sự giúp đỡ của thần linh, tha lực, nó chính là hệ quả tất yếu được sinh ra từ sợ hãi và sợ hãi là con đẻ của vô minh. Khi còn vô minh ta còn tà kiến, si mê và sợ hãi, và còn sợ hãi thì còn niềm tin mù quáng vào những điều huyễn hoặc, còn bám víu vào những quan niệm, định kiến nhằm thỏa mãn những ảo tưởng được bản ngã dựng lên.

Không chỉ đến đền miếu để tìm kiếm sự "giúp đỡ", rất nhiều người còn đến chùa với cả đống lễ vật để cúng tế, van vái và cầu xin. Họ không hề biết rằng đó chỉ là hình thức tín ngưỡng thể hiện bản chất mê tín, nó xa rời những điều được dạy trong chánh pháp của đức Phật Thích Ca là trí tuệ và từ bi. Nhiều người tới chùa trong lòng đầy ắp mong cầu, tham lam, sân hận và si mê, họ đốt một bó nhang thật lớn, nhét tiền vào bất kỳ chỗ nào hoặc rải khắp nơi mà không biết để làm gì?! Họ thực sự không hiểu biết đầy đủ về đạo Phật nên hành động với tâm thế của một kẻ sợ hãi đang đi kiếm tìm người "bảo kê" cho mình. Họ "hối lộ" ông Phật để mong được bình an, mong được làm ăn phát tài, phát lộc...

https://tieulun.hopto.org

Trong cuộc sống hôm nay, rất nhiều người tìm cách trốn chạy những nỗi sợ hãi của mình trong đời sống. Họ trốn chạy bằng cách đi tìm những cảm giác trong thế giới ảo, trong rượu bia, ma túy... Sợ hãi làm nhiều người co rúm lại và không bao giờ dám thay đổi suy nghĩ, thay đổi nhận thức và tất yếu họ chấp nhận mình trong thói đạo đức giả để vừa lòng xã hội, vừa lòng mình. Thế giới thật đầy rẫy lo âu và sợ hãi thì thế giới ảo cũng không kém. Tuổi trẻ trong thời đại của khoa học công nghệ không còn được gần gũi với thiên nhiên, không được sống trong một bầu không khí trong lành của tự nhiên vĩ đại. Họ chôn vùi cuộc đời mình vào những thú vui trên mạng xã hội ảo, vào những trò chơi nhằm khỏa lấp đi nỗi sợ hãi và tự giết chết những hạt giống "trí tuệ" nơi mình.

Hầu hết chúng ta đều sợ mình bị lừa dối nhưng thử nghĩ xem có khi nào vì sợ hãi và hèn nhát mà chính ta không dám nói ra sự thật. Chắc chắn trong đời sống chúng ta không ít lần làm như vậy. Chúng ta có thể bao biện rằng sự dối trá đó không gây ảnh hưởng tới ai, nếu nói ra sự thật có thể làm đổ vỡ hoặc mất mát nhiều thứ. Như vậy, ẩn đằng sau sự thật hoặc sự dối lừa vẫn là nỗi sợ hãi bao trùm, ta sợ cái lâu đài xây trên cát sẽ bị sóng cuốn trôi.

Con người được sinh ra, cái thân xác luôn biến

https://tieulun.hopto.org

đổi từng giây phút sẽ bị mất đi cái vẻ đẹp, sự trẻ trung được ưa thích. Sự già đi là quá trình tất yếu và chẳng có cách nào ngăn nó dừng lại. Trên thực tế có một số người quá trình lão hóa đó diễn ra khá chậm chạp nên thường được ngưỡng mộ và cũng làm họ chết dính với những ảo tưởng về thân xác của mình. Có nhiêu người thây mình già đi quá nhanh thì tìm cách điều chỉnh, ngăn chặn như uống thuốc, thực phẩm chức năng, chăm sóc sắc đẹp, phẫu thuật thẩm mỹ, "bơm vá" v.v... Tất cả những điều đó chỉ nó lên rằng họ đang sợ hãi, họ lo mất đi sự ngưỡng mộ, mất đi tình yêu của người đời, họ muốn có được sự khen nịnh từ những người khác. Tuy nhiên, tất cả sẽ phải chấm dứt vào một ngày đẹp trời nào đó!

Khi cơ thể già đi kéo theo sự suy giảm về sức khỏe và bệnh tật liên miên. Đây cũng là một trong những điều đáng sợ nhất của con người vì không có sức khỏe thì họ chẳng thể làm gì cho mình và cho đời. Nhưng cũng vì có quá nhiều lo âu và sợ hãi nên chính ta đã làm trầm trọng thêm bệnh tật khi luôn sống trong tình trạng tâm lý căng thẳng kéo dài. Chúng ta thường chỉ biết sợ sự già nua, bệnh hoạn nhưng "Sinh – Lão – Bệnh – Tử" là cái quy luật tất yếu của đời sống mà ta chẳng làm gì để trốn tránh nó được. Sợ hoặc không sợ cũng chẳng giúp cái tiến trình đó ngừng lại. Khi ta bệnh tật và đau đớn thì bác

https://tieulun.hopto.org

sĩ cùng với thuốc men hoặc phương tiện nào đó có thể giúp ta tạm thời bớt đau nhưng cái đau, nỗi sợ hãi sẽ luôn tái diễn và không ai có thể giúp ta chấm dứt nguyên nhân của sự đau đớn và sợ hãi ngoại trừ bản thân mỗi người chúng ta, chính chúng ta mới có thể đoạn trừ nguồn gốc của sự đau đớn, lo âu và sợ hãi. Đoạn trừ bằng cách nào, theo quý vị?

Liệu có ai không sợ khi tử thần đến mời mình đi? Ta thực sự không biết lúc nào ông ta đến nhưng có lẽ mỗi người đều bị ám ảnh với nỗi sợ hãi khi đối diện thần chết. Sợ chết là sợ mình không giữ được cái sống. Tuy nhiên, ta hãy nhớ lại xem có lúc nào mình không sống không? Rất nhiều giây phút trong cuộc đời chúng ta không thực sự sống hoặc thậm chí chưa bao giờ sống! Chúng ta vẫn luôn mặc định cho rằng mình đang sống giữa cuộc đời trên trái đất xinh đẹp này nhưng thực ra chỉ là sự "tồn tại vật vờ", ngắn ngủi của cái thân xác vật lý đầy tham muốn dục lạc mà "cái biết" không hề hiện hữu. Ta vật vờ với những hình ảnh phóng chiếu trong ký ức từ quá khứ và tưởng tượng phóng tới tương lai, ta chưa một lần thấy được cái "đang là" trong thực tại không có sự phân chia.

Thân xác vật lý của chúng ta được sinh ra do duyên nghiệp và cái chết đến với "nó" là tất yếu. Ta sợ cái chết do không muốn mất đi những khoái lạc

https://tieulun.hopto.org

của cuộc sống, không muốn mất đi những thứ mà ta đã khổ công xây dựng, đeo đuổi như công danh, địa vị, tiền bạc... Có nhiều người trong chúng ta bị cái chết ám ảnh đến độ hễ nghe đến từ "chết" là nổi da gà, hồn xiêu phách lạc. Sở dĩ ta sợ chết là vì người ta còn chấp thủ, còn luyến ái, còn dính mắc vào cái thân xác cũng như không muôn nêm mùi khô đau do sự quằn quại thân xác trong giờ phút lâm chung. Càng dính mắc, càng luyến ái ta càng khổ đau và dễ dàng kẹt vào cảnh giới xấu với "thần thức" đầy vọng tưởng và sân hận.

Chúng ta lo lắng và sợ hãi do chính quá trình tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm từ cuộc sống, do những tác động của điều kiện và hoàn cảnh sinh hoạt mà ở đó tạo ra các phản ứng khó chịu, khiến người ta cảm thấy bất an và sự tiếp xúc dần dần với điều kiện, hoàn cảnh sinh hoạt đó cũng là nhân tố gây nên sự sợ hãi. Những đối tượng, hoàn cảnh chúng ta tiếp xúc hàng ngày, tất cả những tác nhân bên ngoài tác động, ảnh hưởng đến chúng ta đều để lại dấu ấn trong tâm thức của mình. Nói cụ thể hơn là chúng được lưu trữ trong tàng thức của chúng ta, những thứ được lưu giữ trong tàng thức này sẽ tồn tại khá lâu, có thể là vài năm, và chục năm, thậm chí là vài trăm năm, hoặc kéo dài từ đời này sang đời khác, và chúng có ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của

https://tieulun.hopto.org

chúng ta.

Dấu ấn càng sâu đậm thì sự lưu trữ càng lâu dài và càng khó bị phai mờ trong tâm thức của chúng ta. Điều này giúp cho chúng ta hiểu được tại sao những sang chấn tâm lý, những tổn thương tinh thần có thể hình thành nên sự sợ hãi và chúng ám ảnh chúng ta mãi. Tại vì những sang chân, tôn thương ây đã tạo ra dấu ấn trong tâm thức của chúng ta, và chúng được lưu trữ trong tàng thức, khi gặp cảnh thì những dữ kiện được lưu trữ ấy sống dậy, toàn bộ những gì đã diễn ra liên quan đến sự sang chấn, tổn thương trước đó được tái hiện lại trong tâm trí chúng ta như là một bộ phim quay chậm lại, và chúng tác động lên tư duy, hành động của chúng ta, khiến chúng ta sợ hãi cũng như tìm cách tránh né.

Để có thể thấu hiểu về sự sợ hãi ta cần phải tìm hiểu về nó bằng nhiều phương cách khác nhau. Ta phải đi vào nơi sâu thẳm nhất của nó vì sợ hãi không phải chỉ là một vấn đề hời hợt ở bề ngoài của suy tư. Ta cũng có thể có nhiều cách để trốn tránh sự sợ hãi nhưng nếu ta trốn tránh, bỏ chạy, sự sợ hãi sẽ mãi mãi theo chân chúng ta. Đừng tìm cách chạy trốn, hãy quan sát, nhìn ngắm một cách trực tiếp để cảm nhận chính sự kiện sự lo âu và sợ hãi đang diễn ra nơi tâm mình. Một lúc nào đó có thể phát hiện ra rằng chúng ta lo âu và sợ hãi vì luôn lựa chọn lấy bỏ;

https://tieulun.hopto.org

chúng ta luôn mong muốn sự an lạc, hạnh phúc cho chính chúng ta, cho những người chúng ta yêu thương. Mong muốn an lạc, hạnh phúc là nhu cầu hoàn toàn chính đáng và bình thường của mỗi người nhưng trong một thế giới luôn luôn biến động và bất toàn mà ta chỉ chọn cái an lạc, không chọn cái biến động, cái khổ đau thì ta phải lo âu và sợ hãi là điều hiển nhiên.

Nỗi lo âu và sợ hãi luôn thường trực nơi tâm thức và đồng hành với đời sống, tất cả chỉ có thể chấm dứt khi ta thấy ra toàn bộ "sự thật" về mình, về sự vận hành của đời sống và chấm dứt vô minh. Ta phải trực diện với nỗi niềm hoàn toàn trống vắng, cô đơn, hiu quạnh trong nội tâm, và không tự cho phép mình trốn tránh sự thực. Điều đặc biệt được gọi là sự "cô độc" đó chính là cốt tủy của "Bản ngã", với tất cả mánh lới, sự xảo trá, đảo điên và mạng lưới của nó, khiến cho tâm trí bị mắc vào bẫy. Chỉ khi nào cái tâm có khả năng vượt qua được sự cô đơn, hiu quạnh tối hậu ấy thì mới có tự do, sự tự do tuyệt đối giúp giải phóng hoàn toàn khỏi nỗi sợ hãi. Và chỉ khi đó ta mới tự thấy được thế nào là thực tại, là cái sức sống vô lượng, vô biên, vô thủy, vô chung.

Lo âu và sợ hãi là cũng điều bình thường trong cuộc sống con người. Không ai thoát khỏi tình trạng bất hạnh này của tinh thần chừng nào còn ở trong

https://tieulun.hopto.org

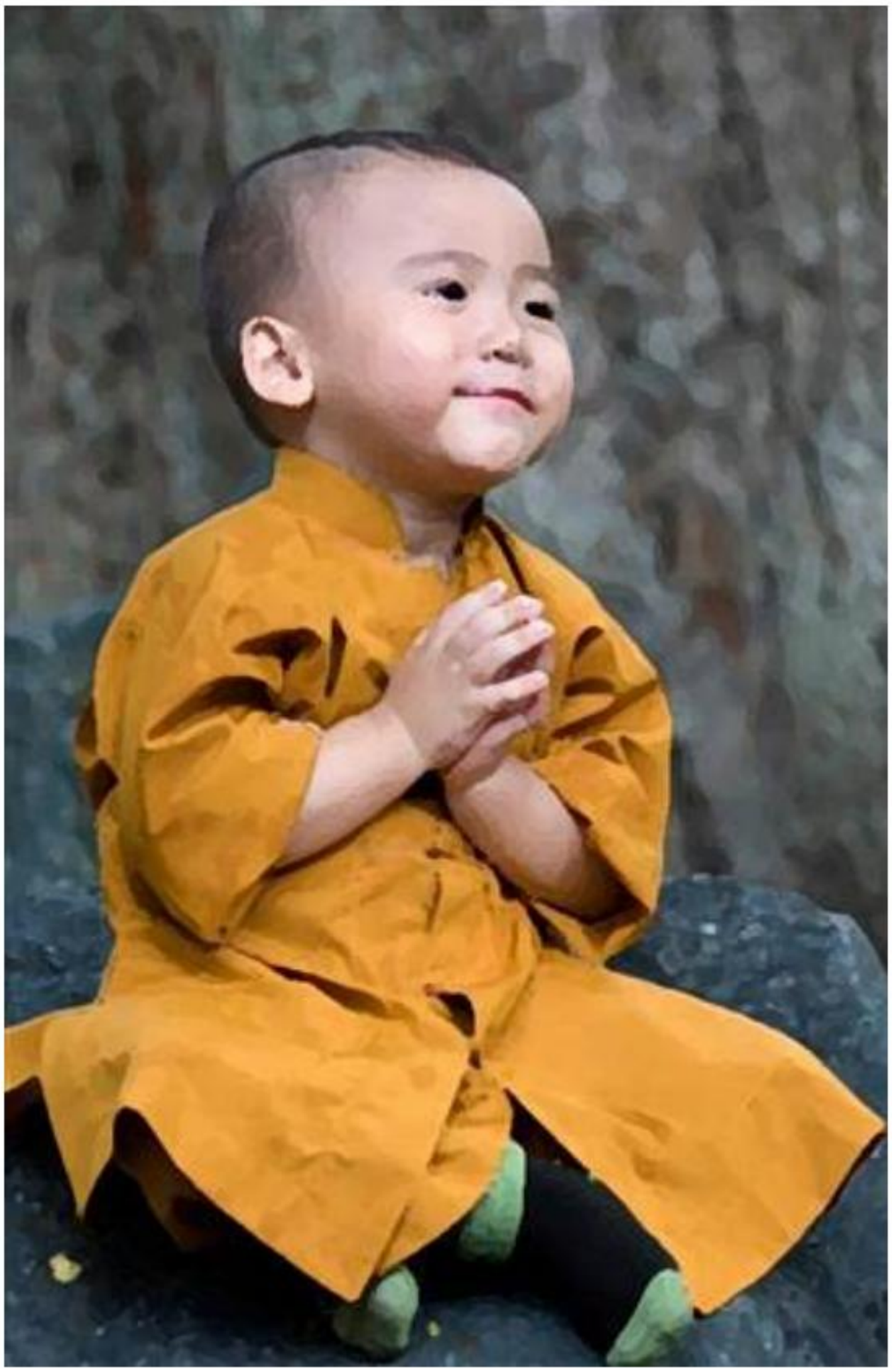
cuộc sống thế tục. Tuy nhiên, sợ hãi cũng mang lại những lợi ích cho chúng ta trong bước đầu của quá trình thay đổi nhận thức và hành vi, nó giúp ta chuyển hoá khi biết sợ những điều bất thiện như: Sát sanh, trộm cắp, nói dối, tà dâm, uống rượu và các chất gây nghiện, sợ gieo nhân bất thiện, sợ không thấy ra được ý nghĩa của cuộc đời này, sợ không học gì từ cuộc sống, sợ sự tham lam, sân hận và si mê, sợ sự đố kỵ, cố chấp, sợ không biết về cái không biết (vô minh) của mình v.v...

Tuy nhiên, khi bước lên mức độ cao hơn của nhận thức và trí tuệ thì ta có thể sẽ đủ "nội lực" để đón nhận tất cả mà không còn bị kẹt vào cái sợ hoặc không sợ. Nó chỉ là những diễn biến của tâm khi ta ở vào hoàn cảnh nào đó. Chúng ta đừng vì sợ hãi mà không dám khám phá đời sống, khám phá chính mình. Nếu ta thực sự có "ước nguyện" tìm hiểu một cách chân thành thì ngay nơi mình đã là một thế giới có đầy đủ tất cả, chỉ cần ta mạnh dạn bước vào, lặng lẽ ngắm nhìn và cùng trôi chảy theo sự vận hành của đời sống tự nhiên. Đến một lúc nào đó ta có thể chợt nhận ra rằng cái gì đến vì nó phải đến, cái gì đi hãy để nó đi một cách tuỳ nghi. Chỉ khi đó ta mới thực sự được giải thoát.

https://tieulun.hopto.org

TUỔI TRẺ HỌC PHẬT

CHÚC TRỌNG



Cuộc sống hàng ngày đang có những mâu thuẫn, sợ hãi, những ý thức xấu đang ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng sống. Hàng giờ, hàng phút,

https://tieulun.hopto.org

chúng ta đối diện với những tác động bất thiện và đặc biệt hơn giới trẻ ngày nay, bị ảnh hưởng bởi sự phát triển quá nhanh của xã hội, lối sống vội đã khiến cho tất cả bị cuốn vào vòng xoáy của hư ảo, vào một điều gì đó không chắc chắn, đôi khi đó là con đường sai lầm cho bản thân.

Đạo Phật là con đường hướng dẫn tất cả mọi người hướng đến một cuộc sống giá trị nhân văn và an lạc trong cuộc sống hiện tại, điều đó thật không? Là người trẻ, tôi từng trải qua những sợ hãi, những nóng vội của cuộc sống, đôi khi là bồng bột, non nớt trong suy nghĩ và hành động. Lúc ấy, tôi có may mắn tìm đến những lời dạy mộc mạc và gần gũi của Phật. Từ đó, tôi đã chuyển biến và nâng suy nghĩ theo hướng tích cực hơn, sống bằng những hành động đúng đắn hơn. Sao lại có sự chuyển biến như vậy? Bạn có tin chăng? Khoan vội tin, vì sao? Vì Đức Phật Thích Ca có nói: *"Khoan tin lời ta nói, hãy thực tập đi, trải nghiệm những lời ta dạy đi, rồi hãy tin"*.Đấy, Phật còn nói thế, sao ta không thử thực hành? Hãy làm một cuộc thử nghiệm và học hỏi, hãy tập, nếu đúng thì ta áp dụng vào đời sông, áp dụng trong sinh hoạt, trong công việc hàng ngày. Trẻ mà, cứ trải nghiệm.

Đầu tiên, tôi muốn với các bạn trên tinh thần của một người Phật tử, vì nếu là Phật tử chúng ta có

https://tieulun.hopto.org

thọ tam quy ngũ giới? Nên quy y Tam bảo, mà tam bảo là gì? Quy y là gì? Nghe hơi lùng bùng đúng không? Không sao, hãy bình tĩnh. Quy là quay về, y là nương tựa, vậy quay về nương tựa gì? À nương tựa Tam bảo? Tam là ba, bảo là bảo vật, là những gì quý giá, có giá trị. Vậy thì quy y Tam bảo là quay về và nương tựa ba điều quý giá, là giá trị cốt lõi trên bước đường học Phật. Nghe có gì đó cuốn hút phải không? Vì có bảo vật, có giá trị cốt lõi mà.

Điều quý giá thứ nhất để nương tựa là Phật, Phật là đấng giác ngộ, người đã thoát khỏi sự ràng buộc, sự tỉnh giác hoàn toàn, là người Thầy sẽ chỉ ra con đường đi đúng đắn cho chúng ta đi theo. À có điều nay tôi muốn chia sẻ, Phật không phải là đấng giáo chủ, vì Phật chưa bao giờ nói ta là tất cả, hay nói như ngôn ngữ các bạn trẻ bây giờ, Phật không phải là ông trùm và nói gì chúng ta cũng chấp nhận là đúng ngay lập tức, không được nghĩ khác, nói một là một, hai là hai... Phật cũng không phải là ông thần, ông thánh ban phước hay giáng họa. Nói quy y Phật, là quy y vị thầy giác ngộ, quay về nượng tựa người tỉnh thức, chỉ đường cho chúng ta. Có bạn hỏi tôi rằng: "*Tôi quy y Phật A Di Đà thôi, vì tôi thấy pháp môn Tịnh độ hay, hay tôi nghe Phật Dược Sư linh nghiệm nên tôi chỉ quy y Phật Dược Sư thôi*... Tôi xin nói rằng, suy nghĩ thế là chưa đúng

https://tieulun.hopto.org

với ý nghĩa quy y. Quy y Phật không phải là quy y một vị Phật nào cả, dù tên gọi Phật có khác nhau, nhưng danh từ "Phật" là để chỉ cho người đã tỉnh giác hoàn toàn, vị thầy sáng suốt hoàn toàn, là bậc dẫn dắt cho tất cả mọi người đi theo con đường đúng, giúp chúng ta giải thoát khỏi đau khổ, mỗi hành động, suy nghĩ của chúng ta khi quay về nương tựa Phật là tạo một cuộc sống an lạc, hướng đến Chân Thiện Mỹ.

Nương tựa vào điều quý thứ hai là Pháp. Pháp là những lời Phật nói, là nương tựa nơi sự thật, nương tựa nơi chân lý. Những lời chư Phật nói đều giúp cho mọi chúng sinh thoát khỏi luân hồi, đau khổ, giúp chúng ta nhận diện được chân lý của cuộc sống và học theo. Nhưng Phật Thích Ca cũng dạy ta rằng, Pháp chỉ là con đường dẫn đến giác ngộ, dẫn đến tỉnh thức, Pháp chỉ là ngón tay chỉ trăng, không phải mặt trăng. Vì vậy, người trẻ chúng ta cứ bám vào Pháp, mà không suy nghĩ, thực hành thì chúng ta sẽ không thể nào đi đến mặt trăng được cả. Một điều muốn chia sẻ rằng trong Phật giáo rất nhiều tông phái, nhiều kinh điển khác nhau, vì vậy các bạn hay chê kinh này không linh nghiệm, kinh kia hay hơn,... Hôm nay thấy pháp này hay thì theo, hôm khác thấy pháp kia màu sắc âm thanh hay hơn thì nhảy qua, nếu vậy chúng ta chỉ chuốc lấy phiền não, không

https://tieulun.hopto.org

vượt ra được mọi chướng ngại, không thể sống tự tại như Pháp, không tịnh lạc như Pháp để có một cuộc sống trọn vẹn. Như vậy không thể hoàn toàn quy y điều thứ 2 là quay về nương tựa sự thật, chân lý.

Điều quý giá thứ ba chúng ta quay về là nương tựa Tăng. Tăng là một tập thể thanh tịnh, cùng thực hành các Pháp của Phật, là các vị lìa bỏ gia đình, sống cuộc đời phạm hạnh, thiểu dục, trong sạch. Khi nói quay về nượng tựa Tăng là quay về nương tựa một đoàn thể thanh tịnh, không nương tựa vào một vị Thầy/Sư nào cụ thể. Không thể nói rằng tôi quy y Hòa thượng này cao lắm, tôi đã quy y vị Sư đắc đạo,... còn quý vị quy y với các thầy bình thường, quý vị thấp hơn tôi, nói như thế là không đúng với ý nghĩa về quy y Tăng. Các vị Thầy/Sư xuất gia phải sống giữ giới, tức là cũng phải học và hành những lời dặn của Phật như chúng ta, cũng cùng đi với chúng ta trên con đường tìm đến chân lý. Khi các Thầy/Sư sống cuộc đời thanh tịnh, chúng ta nương tựa để cùng nhau tu học, cùng làm *"những người bạn"* đồng hành trên con đường học Phật.

Tiếp theo, tôi muốn chia sẻ với các bạn là giới Luật. Nếu bạn nào đã là Phật tử, thì chúng ta cũng đã từng quỳ trước bàn Phật, nghe các Thầy/Sư giảng và truyền cho chúng ta năm giới người Phật tử cần giữ. Vậy giới là gì? Tôi tin chắc đa phần các bạn cũng sẽ

https://tieulun.hopto.org

không nhớ, đúng không? Vậy giới là gì? Đơn giản nhất để hiểu đó là giới là những đều căn dặn của Phật khuyên chúng ta đừng nên phạm, vì phạm sẽ phải trả giá. Trả giá thế nào? Trả giá bằng chính cuộc sống chúng ta, lời dặn của Phật giúp chúng ta sống tốt hơn, đẹp hơn và ý nghĩa hơn. Đó là những quy tắc sông, vậy các bạn hỏi tôi, tại sao tôi phải sống có quy tắc? Tôi sẽ trả lời bạn rằng, đi đường bạn có chạy đúng làn đường không? Làn xe buýt hay ô tô mà bạn chạy vào thì trước sau gì cũng sẽ xảy ra chuyện, phải không? Hay đi thi mà bạn quay cóp thì chắc gì bạn sẽ không bị đình chỉ thi?

Tôi vẫn hay nghe các bạn nói rằng, đã nghe các Thầy/Sư truyền giới và đã hứa trước Phật là con sẽ thực hành lời dạy này, mà mình làm sai, bị phạm, thì chúng ta sẽ bị tội? Phật sẽ giáng tội cho chúng ta! Điều này thật oan cho Phật, Phật nào có giáng tội cho ai nếu phạm giới. Phật là người Thầy dẫn dường, truyền dạy cho chúng ta con đường đúng để đi, nếu đi sai thì Phật chắc cũng sẽ nói: "Con ơi, đi sai rồi, quay lại đi" chứ một bậc thầy đại từ bi và đại hỷ xả như Phật sao lại giáng tội cho chúng ta được? Để tôi kể cho các bạn nghe câu chuyện: Số là nhà anh kia có năm con trâu, nhưng do lơ là, rong chơi quên chăn trâu, anh ta vô tình để một để trâu chạy vào rừng và bị hổ ăn thịt. Anh chợt tỉnh, giữ cẩn

https://tieulun.hopto.org

thận bốn con còn lại, và tạo dựng lại đàn trâu. Vậy giới luật hay lời căn dặn của Phật cũng vậy, năm con trâu là năm lời dặn của Phật, nếu có phạm mà ta biết tỉnh giác, biết quay về thực hành lại lời dạy của Phật, thì chúng ta sẽ không bị phạm nữa, nếu không thì chúng ta sẽ mất cả trâu để cho chúng chạy vào rừng cho hổ ăn thịt hay chính mình sa vào những vòng xoáy của sanh tử, đánh mất cuộc sống an lạc và hạnh phúc hiện tại mà thôi.

Vậy năm giới hay 5 lời dặn của Phật cho người Phật tử là gì?

Bạn hãy tưởng tượng mà xem, một ngày nào đó, giả sử một con vật yêu thích nào đó của chúng ta đang nuôi, ví như con gà trong vườn, rồi ta bắt, ta sát hại chúng để làm thức ăn cho chúng ta, bạn có thấy nó chạy trốn khi chúng ta rượt đuổi, nó la oan oan khi chúng ta bắt được không? Bạn có thấy thương không? Hay giả sử tay ta bị vết cắt, ta có đau không? Tôi chắc rằng bạn sẽ nói có, Vậy điều thứ nhất tôi tin chắc các bạn cũng nhận ra rằng, ai cũng muốn sống và sợ chết, vậy tại sao chúng ta lại giết hại lẫn nhau? Để thấy rõ ràng, lời dặn thứ nhất (giới thứ nhất) là không được sát sanh. Vì sao? Vì tất cả đều muốn sống, vì chúng cũng có cuộc sống riêng của mình. Bạn có thấy đàn kiến cùng sống chung tổ với nhau, đàn gà chơi trên sân, những chú chim trên

https://tieulun.hopto.org

cành cây, chúng cũng có bạn, cũng có cuộc sống đấy chứ! Đạo Phật từ bi, thương tất cả chúng sanh và trên hết tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, đều có thể giác ngộ, tỉnh giác cho dù đang là kiếp nhỏ bé như kiến, côn trùng đi chăng nữa. Vậy hãy nhớ lời dặn này, không giết mọi loài và luôn tâm niệm rằng ta cũng như chúng, chúng đông với ta, không khác. Đó, bạn thấy không, đơn giản phải không? Nếu nhìn khía cạnh xã hội, bạn sẽ không còn thấy cảnh sát hại tràn lan, không có nhan nhãn trên báo những cuộc chết chóc vì cố tình đâm chém nhau. Rồi tự hỏi rằng tôi giữ gìn người khác sát hại cũng thế. À nghĩ vậy lại khác. Nếu chúng ta sống không sát hại, tâm ta luôn nuôi dưỡng lòng từ bi, thì sự thể hiện bên ngoài cũng đầy vẻ hiền hòa, vui tươi, không sợ bị những điều ác đến với mình. Bạn sẽ là nhân tố, là hạt nhân để lan truyền tánh thiện trong gia đình, trong nhóm bạn, trong công ty và nếu nhiều người thực hành không phạm giới sát, bạn hãy suy nghĩ xem, xã hội chúng ta tốt đẹp biết bao? Điều cần thiết, mình đừng nên xoay ngang xoay dọc để xem người khác làm gì. Cũng như người đang đi trên đường, không chú tâm đi, cứ ngoái ra sau xem người khác thế nào, thì làm sao anh ta/chị ta đi cho an toàn? Vậy hãy quay về chính mình, để tự thực hành lời dặn thứ nhất này.

(Còn tiếp)

https://tieulun.hopto.org

Ý DẪN ĐẦU CÁC PHÁP

HUỲNH VĂN ƯU



Ngày xưa ở tỉnh Bắc Ninh có thầy đồ Đàm Thuận Huy nổi tiếng là người học rộng và đức độ. Một hôm trời đang đổ mưa to, các học trò của ông không về được.

Để thử tài học trò, ông ra câu đối cho cả lớp đối lại. Vế xuất của ông ra là: 雨無鐵鎖能留客 "Vũ vô thiết tỏa năng lưu khách" (Mưa không có khóa sắt mà có thể giữ khách ở lại). Ông có ba người học trò giỏi, người thứ nhất là Nguyễn Giản Thanh đối: 色不波濤易溺人 "Sắc bất ba đào dị nịch nhân"

https://tieulun.hopto.org

(Sắc đẹp chẳng phải sóng lớn mà dễ nhấn chìm người). Người thứ hai Nguyễn Chiêu Huấn đối: 月有鸞弓不射人 "Nguyệt hữu loan cung bất xạ nhân" (Trăng có hình cung nhưng chẳng bắn người nào). Người thứ ba đối: "Phẩn bất uy quyền dị úy nhân" 糞不威拳易畏人 (Phân chẳng có uy quyền nhưng dễ khiến cho người ta sợ).

Sau khi nghe ba người học trò đối, ông đồ Đàm nhận xét: Người thứ nhất thông minh uyên bác nhưng tính tình phóng đãng nhuốm mùi sắc dục, tự do buông thả, không giữ lề lối, phép tắc, nặng về nữ sắc, e sau này lụy đến thân. Người thứ hai tuy câu đối không sắc sảo bằng nhưng có tính chất hiền hậu, sau này sẽ làm nên và trọn đời yên vui. Người thứ ba tính tình ti tiện bẩn thỉu...

Quả nhiên, Nguyễn Giản Thanh sau này đậu trạng nguyên (Trạng Me), làm quan to nhưng vì mê gái, mang không ít tai tiếng về chuyện tình ái nên mất thanh danh sự nghiệp. Còn Nguyễn Chiêu Huấn tính tình phúc hậu cũng làm quan, nhưng là quan thanh liêm và nhân đức, cuộc đời được yên ổn từ trước đến sau. Người thứ ba có chức phận lại giàu sang nhưng tính tình xấu xa hiểm ác bị mọi người khinh miệt lánh xa...

Khi ý thành lời, khẩu khí phát ra có thể đoán biết tính tình, phẩm hạnh phần nào về tương lai số

https://tieulun.hopto.org

phận người đó. Bởi vì tâm (ý) tạo ra hành động. Suy nghĩ, lời nói, hành động (thân, khẩu, ý) của con người đều theo khuynh hướng của nghiệp, do năng lực nghiệp dẫn dắt. Mà cái nghiệp đó được tích lũy trong đời hiện tại và những đời trước của chúng sinh. Và khi xét về ý nghiệp mà chúng sinh ấy thể hiện từ hành động, lời nói suy nghĩ (thân, khâu, ý) chúng ta có thể đoán biết được đường tương lai chúng sinh ấy phải thọ hưởng theo ý dẫn dắt.

Ví dụ: Có hai cậu học trò cùng học chung một lớp, một cậu học trò từ nhỏ siêng năng chuyên cần đèn sách không phút lêu lổng. Trò thứ hai cũng cấp sách đến trường lấy lệ theo lệnh gia đình, nhưng không quan tam đến bài vở, đi thì có, học thì không, thậm chí còn cúp cua bỏ học. Đến ngày thi, cậu học trò thứ nhứt dùng hết tâm huyết để làm bài bằng kiến thức và năng lực của chính mình thu lượm từ bài giảng của thầy, cô. Cậu học trò thứ hai thì xảo quyệt, luồn lách quay cóp bằng mọi chiêu trò để làm bài được điểm, mong cầu danh lợi.

Kết quả cả hai cậu học trò đều thi đậu. Và chắc hăn đa phân ai cũng biết răng: Thí sinh thứ nhât học siêng năng chăm chỉ lễ độ nghe lời thấy cô giảng dạy học tập, thi cử tuân theo nội quy, đó là bản lề tốt đẹp không xê dịch, hẳn sau nầy sẽ trở thành người tốt với xóm làng, khi ra làm quan sẽ là quan thanh

https://tieulun.hopto.org

liêm, biết giữ gìn luật pháp nghiêm minh, sống có nhân hậu. Ngược lại, cậu học trò thứ hai đã huân tập lâu ngày thói xấu xa từ nhỏ, lừa thầy, dối bạn, gạt cha mẹ, bỏ học khó tránh khỏi vết nhơ mang theo ban đầu, không ít học trò loại nầy đỗ đạt bằng những hành vi bất minh gian lận, miễn sao có được bằng cấp, Với ý tưởng xâu xa ăt sau nây sẽ theo con đường tráo trở, lật lọng, tham ô. Vì ngay ban đầu đã gieo ý tưởng bất thiện mất đạo đức...

Như vậy qua tâm (ý) chúng ta có thể đoán biết phần nào về tính tình, phẩm chất và hiệu quả ảnh hưởng đến tương lai người đó. Bởi tâm tưởng tạo ra hành động theo nghiệp lực dẫn dắt. Mà cái ý đó đã được tích lũy trong nhiều đời và cả hiện tại đeo bám.

Nói về tâm (ý), chúng ta lại nhớ lời Phật dạy trong kinh Pháp Cú, mà người học Phật đều được nghe biết và luôn coi đây là bài học suốt cuộc đời trong bước đường tu tập:

- Tâm (ý) dẫn đầu các pháp
Với tâm tư thanh tịnh
Hạnh phúc sẽ theo ta.

Tâm (ý) chủ, tâm tạo tác
Nói lên hay hành động
Như bóng không rời hình.

- Tâm (ý) dẫn đầu các pháp
Nếu với tâm (ý) nhiễm ô
Khổ não sẽ theo ta.

Tâm (ý) chủ, tâm tạo tác
Nói lên hay hành động
Như xe theo vật kéo.

https://tieulun.hopto.org

Ý con người rất quan trọng, trong đời sống phàm phu cũng như trong thời gian tu tập theo đường hướng đạo Phật. Vì ý làm chủ, tạo tác mọi vấn đề trong cuộc sống, tốt hay xấu đều do nó mà sinh ra.

Trong cuộc sống đầy biến động ngày nay, con người dễ dàng dao động vấp ngã và hệ lụy với thế giới hình tướng mỹ miều dục vọng bên ngoài. Nếu không may thiếu sự nhận thức mà bị lầm lạc bởi những hành động bất thiện thì không nên chán nản thất vọng. Tâm lành, hành động lành sẽ có công năng chuyển hóa và thiêu hủy các tội lỗi mà chúng ta không lường hết được. Điều đó giúp ta có một sức mạnh nội tại và khẳng định lòng tịnh tin của mình trong cuộc hành trình tìm cội rễ giải thoát. Giải thoát và giác ngộ cho chính sự nghiệp của mỗi chúng ta, không ai làm thay ai được cả.

Để cuộc sống đem lại lợi lạc cho chúng sanh, chúng ta nên cố gắng khơi mạch thiện trong mỗi người để từng bước lòng yêu thương sự sống sẽ phủ trùm lên hành tinh nầy như không khí. Và cũng để được làm người tốt, làm người có ích cho gia đình và xã hội, điều cần và đủ là phải có suy nghĩ, lời nói, hành động trong sáng. Vậy ngay từ bây giờ, chúng ta phải tạo cho mình một tâm (ý) tốt, huân tập mỗi ngày phải làm được một việc thiện, việc tốt cho

https://tieulun.hopto.org

mình và những người chung quanh, luôn năng làm, năng học, chớ bảo ngày nay không học còn có ngày mai, chớ bảo năm nay không học còn có năm sau. Ngày tháng đi qua, năm chẳng vì ta mà kéo dài được.



https://tieulun.hopto.org

ÂM NHẠC TRỊ LIỆU

LÊ HẢI ĐĂNG



Âm nhạc trị liệu hay Trị liệu học âm nhạc là một ngành khoa học ứng dụng giao diện giữa nhiều lĩnh vực khác nhau được hình thành một cách ngẫu nhiên tại một cơ sở điều trị cho quân nhân Mỹ từ

https://tieulun.hopto.org

giữa thế kỷ XX. Trong chiến tranh thế giới thứ II, do điều kiện y tế khó khăn, tỉ lệ tử vong của bệnh nhân khá cao, một số bác sĩ đã sáng kiến ra việc sử dụng âm nhạc vào công tác điều trị, nhằm xoa dịu cơn đau của bệnh nhân, đồng thời xua đi không khí tang tóc, nỗi ám ảnh về cuộc chiến. Không ngờ, việc làm trên đem lại kết quả bất ngờ, không chỉ làm thay đôi tình trạng của bệnh nhân, mà còn giúp cải thiện vết thương bị viêm nhiễm, kéo theo tỉ lệ tử vong suy giảm. Điều này khiến liên tưởng tới một thực nghiệm khá tương tự diễn ra tại bệnh viện Nhi ở Đức cũng diễn ra sau Thế chiến thứ II. Vào thời kỳ đó, hậu quả chiến tranh để lại đã đẩy rất nhiều trẻ em tới tình cảnh bị mất cha, mẹ và trở thành cô nhi. Chúng lần lượt được đưa đến nuôi dưỡng tại các trại mồ côi, tu viện... Mặc dù điều kiện thời hậu chiến khó khăn, nhưng chính phủ Đức vẫn đầu tư đáng kể về cơ sở vật chất, ưu tiên đảm bảo chất lượng dinh dưỡng cho trẻ mồ côi. Song, tỉ lệ tử vong của trẻ rất cao. Người ta nhận thấy mối quan hệ lỏng lẻo giữa điều kiện vật chất và sự tiến triển về thể chất ở trẻ mồ côi, đồng thời phát hiện ra yếu tố đóng vai trò chủ đạo tác động trực tiếp lên đời sống tinh thần ở chúng. Tỉ lệ tử vong ở trẻ mồ côi chỉ thực sự giảm xuống sau khi áp dụng biện pháp can thiệp của chuyên gia tâm lý. Họ sử dụng một phương pháp

https://tieulun.hopto.org

khá đơn giản. Đó là kêu gọi sự trợ giúp của các nữ tu, hàng ngày dành khoảng thời gian nhất định để ôm ấp trẻ vào hai ca sáng, tối. Sau thời gian theo dõi định kỳ, việc làm trên đem lại kết quả bất ngờ. Sức đề kháng của trẻ tăng lên và có tác dụng tăng trưởng lâu dài đến sự phát triển toàn diện, từ đó các nhà tâm lý nhận ra môi quan hệ chặt chẽ giữa yêu tô tâm lý và sinh lý.

Khoa học cận đại ngày càng nhấn mạnh tính chất giao thoa, xuyên ngành, liên ngành, đa ngành trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu. Việc sử dụng âm nhạc vào nhiều mục đích khác nhau chỉ ra tính chất phức hợp của thực thể. Với phương thức tồn tại của hiện tượng chấn động âm thanh, âm nhạc tự thân làm thành mối quan hệ bất phân giữa vật thể phát thanh và cơ quan tiếp nhận là thính giác con người, từ đó vấn đề đã lọt ra ngoài phạm vi của ngành âm nhạc thuần túy để liên quan tới ngành Vật lý (cụ thể hơn là Vật lý âm thanh) và Tâm lý (Tâm lý tiếp nhận âm thanh), chưa kể với bản chất phi định vị trong không gian, thời gian, âm nhạc còn dính líu tới những quan niệm vê giá trị, thâm mỹ, những nội dung thuộc ngành Triết học, Mỹ học, Văn hóa học, Tôn giáo học... Ngày nay, chúng ta dễ dàng nhận thấy sự hiện diện của âm nhạc ở khắp mọi nơi, từ sâu khấu trình diễn thời trang đến siêu thị, các lớp

https://tieulun.hopto.org

tập dưỡng sinh, Thái cực quyền, Yoga, trường học, bệnh viện, các phương tiện truyền thông, máy tính, điện thoại di động... Ở bệnh viện một số nơi có chuyên khoa thần kinh, châm cứu, khoa chuyên biệt... từ lâu đã sử dụng âm nhạc nhằm nhiều mục đích khác nhau. Dù xuất phát từ mục đích nào, từ vô thức đên ý thức, người ta đêu nhận thây tác dụng của âm nhạc. Mặc dù, việc nghe nhạc cho đỡ buồn hay nghe với ý thức đầy đủ về hệ quả của nó đem lại là những vấn đề khác xa nhau. Nghe nhạc bị động và nghe nhạc chủ động... giúp chúng ta xác định rõ mục tiêu của việc sử dụng âm nhạc. Và ở đây, mục đích hướng tới là việc sử dụng âm nhạc một cách thông minh. Ngành Dinh dưỡng có thể thiết kế những thực đơn nhằm mục đích dưỡng sinh, chữa bệnh, bổ sung, cân bằng các chất trong cơ thể thì đối với món ăn tinh thần cũng xảy ra những hiệu ứng tương tự. Trị liệu học âm nhạc là một ngành tổng hợp, không chỉ liên quan tới hai lĩnh vực chủ chốt là y học và âm nhạc, mà còn liên quan tới văn hóa. Văn hóa ở đây được hiểu một cách chung nhất, bao gồm tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần. Y khoa trị liệu bằng âm nhạc cần hướng tới tương tác hai chiều giữa người bệnh và người điều trị, gồm có bác sĩ (bác sĩ tâm lý), y tá, nhân viên điều dưỡng, nhạc sĩ... Người bệnh không chỉ được nhìn nhận dưới góc độ bệnh lý,

https://tieulun.hopto.org

mà còn được quan tâm tới cơ tầng văn hóa tiếp nhận với tư cách thành viên một cộng đồng văn hóa cụ thể. Đó là xét dưới góc độ đối tượng, còn chủ thể, nhằm chỉ người tham gia vào quá trình điều trị, phương pháp tiếp cận, biện pháp sử dụng... cũng bao hàm giá trị văn hóa tương ứng. Vì thế, công tác trị liệu bằng âm nhạc không nhất thành bất biến, mà luôn định hình, biến đổi tùy thuộc vào cơ tầng văn hóa cụ thể. Văn hóa phương Đông với thực thể động và nhìn nhận con người như một chỉnh thể thống nhất có tác dụng hay chí ít chỉ ra phương pháp, phương hướng trong việc điều trị bằng âm nhạc. Tựu trung, chữa trị bằng âm nhạc không phải hình thức "cưỡng chế" bằng thuốc như trong y khoa, cũng không có tác dụng giải phẫu như ngoại khoa, mà hướng tới sự thay đổi nội giới, từ đó ảnh hưởng tới hệ thần kinh, miễn dịch... tác động một cách tự nhiên lên cơ thể, đặc biệt về phương diện tâm lý. Vì thế, cơ tầng văn hóa đặc biệt lưu ý trong phương pháp điều trị để có thể thiết kế lộ trình, thời gian, cách thức điều trị, liệu pháp... phù hợp

Việc chữa trị chỉ thực sự đạt hiệu quả khi tính tổng thể của phương pháp được xem xét một cách thấu đáo. Bằng không, bản thân nó sẽ tự làm nên tác dụng phụ cho toàn bộ quá trình. Vì, ở đây, bác sĩ và bệnh nhân nương nhờ vào nhau. Nghe nhạc không

https://tieulun.hopto.org

giống như việc sử dụng thuốc, dao mổ... có thể "oanh tạc" vùng bệnh hay đưa kháng sinh liều cao vào trận địa "bão táp sa mạc". Trị liệu bằng âm nhạc đòi hỏi sự chủ động của các bên tham gia, mang tính tự nguyện, tự giác. Và tất nhiên, không phải bệnh nào cũng áp dụng âm nhạc một cách hữu hiệu, có khả năng hợp tác nhằm thực hiện hiệu quả biện pháp trị liệu. Yếu tố tâm lý bệnh nhân cần quan tâm đúng mức. Trong y khoa, bác sĩ ngoài có dao mổ, thuốc ra, còn có lời nói, cử chỉ thuộc về hành vi, công cụ hỗ trợ điều trị tâm lý. Âm nhạc với bản chất của một loại hình nghệ thuật dùng âm thanh để thể hiện tình cảm con người càng có cơ hội tác động sâu vào khía cạnh tâm lý. Đó chính là lý do cần thiết cho thấy sự hữu ích của ngành âm nhạc trị liệu.

1. Khái niệm, đối tượng

Theo "Từ điển âm nhạc Harvard" do Don Michael Randel biên soạn, mục "Music Therapy" nhằm chỉ phương pháp đặc trị bằng âm nhạc đối với các bệnh nhân bị khuyết tật (khiếm khuyết bẩm sinh), tự kỷ, tổn thương não (tai biến mạch máu não), tôn thương não nói chung và chậm phát triên trí tuệ. "Từ điển âm nhạc mới" của Nhật Bản định nghĩa: "Liệu pháp âm nhạc là phương pháp chữa trị tâm lý tiến hành thông qua âm nhạc. Nó thuộc phạm trù tâm lý học âm nhạc, sử dụng quan niệm nghệ

https://tieulun.hopto.org

thuật theo chủ nghĩa công năng làm cơ sở để nâng cao sức khỏe thân tâm, bồi dưỡng nhân cách". Phạm vi và đối tượng của ngành âm nhạc trị liệu không ngừng được mở rộng. Điều này cũng dễ hiểu khi mà ngay từ đầu đã đề cập, trị liệu học âm nhạc liên quan tới nhiều lĩnh vực, đồng thời, các nhóm đối tượng cũng không chỉ giới hạn trong phạm vi bệnh nhân liên quan tới tổn thương hệ thần kinh, não, mà còn mở rộng sang những trường hợp sử dụng hiệu năng âm nhạc để hướng tới kiện toàn thân – tâm, thể chất và tinh thần. Qua nhiều trường hợp kiểm chứng lâm sàng cũng như phương pháp, biện pháp đang áp dụng ở một số cơ sở (tuy chưa nhận thức đầy đủ) điều trị... ở ta, đại đa số các bệnh nhân đều thuộc nhóm đối tượng bị khiếm khuyết bẩm sinh về hệ thần kinh và trí não. Lứa tuổi bệnh nhân mới chỉ dừng lại ở tuổi nhỏ, vị thành niên, vượt quá tuổi đó, có lẽ người ta dễ dàng nhận thấy tính hiệu quả nhãn tiền hay nói cách khác không đủ kiên nhẫn cùng điều kiện vật chất để duy trì, theo đuổi những ca mà nhiều khi vô vọng nhằm kiểm chứng tính hiệu quả của phương pháp. Vì thế, Trị liệu học âm nhạc trong thực tiễn chỉ giới hạn trong phạm vi rất nhỏ cả về phương pháp lẫn đối tượng. Phương pháp thường thấy là thiết lập mối quan hệ tương tác giữa giáo viên (thường là những Thầy giáo được đào tạo để

https://tieulun.hopto.org

điều trị đặc trị bằng âm nhạc, chứ không hẳn là bác sĩ, nhạc sĩ, bác sĩ Tâm lý...) và bệnh nhân, vì thế, qua thực tế cho thấy tình hình Trị liệu học âm nhạc ở nước ta đang còn ở giai đoạn khởi phát, cần nhiều nỗ lực đi tới kiện toàn.

2. Dấu ấn lịch sử của Hiệu ứng Mozart

"Hiệu ứng Mozart" là một công trình nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng tác phẩm âm nhạc của soạn nhạc thiên tài người Áo là Volgang Amadeus Mozart thực hiện vào năm 1993 ở Mỹ. Nghiên cứu đi đến giả thuyết cho rằng, nhạc Mozart có tác dụng làm tăng trí thông minh ở trẻ em. Sau hàng loạt những va vấp, thách thức của công trình, những tín hiệu trái chiều có xu hướng phủ nhận toàn bộ kết quả nghiên cứu.

Tuy nhiên, chúng ta không thể vì những hạn chế của Hiệu ứng Mozard mà phủ nhận nội dung, tác dụng, khảo hướng của một ngành khoa học đang còn nhiều "dư địa" cho hoạt động thực tiện. Cùng với quá trình phổ biến các trào lưu âm nhạc Hậu hiện đại, hiệu ứng, tác dụng và phạm vi sử dụng của âm nhạc đã không ngừng mở rộng, trong đó có hoạt động hỗ trợ điều trị. Vấn đề điều trị như thế nào trên từng nhóm đối tượng tùy thuộc vào cách thức thiết kế liệu pháp. Việc sử dụng dược liệu đã có thể xảy ra tình trạng phản ứng chính phục, thì đối với âm

https://tieulun.hopto.org

nhạc trị liệu cũng có thể xảy ra những hiện tượng tương ứng, như đối với bệnh nhân Tăng động, không thể sử dụng nhạc Rock, Rap hay nhạc có tốc độ nhanh để điều trị, ngược lại, bệnh nhân trầm cảm mà cho nghe Tứ đại oán, Văn thiên tường, Nam ai... chẳng khác nào "đổ thêm dầu vào lửa", góp phần gia tăng mức độ trâm trọng của bệnh. Cần xem xét một cách tổng quát "căn duyên từng bệnh nhân cũng như tính chất từng loại nhạc. Có bệnh nhân nhạy cảm với âm thanh, nhưng cũng có người lì lợm với những chấn động âm thanh. Có loại nhạc có khả năng thấm sâu vào cảm quan người nghe, cũng có loại nhạc ơ hờ, chui từ tai này sang tai kia. Bệnh nhân và âm nhạc có muôn hình vạn trạng, nó đòi hỏi sự minh triết của người thiết kế, thực hiện. Vì thế, thể trạng bệnh lý và liệu pháp phải tương thích với nhau. Bên cạnh đó, liều lượng và việc chủ động gia nhập quá trình điều trị cũng làm nên hiệu quả của công việc này.

Ngoài ra, cũng xin nhấn mạnh thêm, việc trị liệu bằng âm nhạc không phải phương pháp chữa bệnh không cần dùng thuốc giống như châm cứu, bấm huyệt trong y học cổ truyền, mà chỉ hỗ trợ công tác điều trị, đặc biệt đối với những căn bệnh mà y học hiện đại "bó tay", như tự kỷ, rối loạn ngôn ngữ, chậm phát triển, tăng động... Và như đã nói, âm nhạc

https://tieulun.hopto.org

không thể thay thế được thuốc hay dao mổ, ngược lại dao mổ và thuốc cũng không phải âm nhạc. Mỗi chủng loại đều có địa bàn tác nghiệp của mình. Âm nhạc không giống như những chiến binh có khả năng chống lại vi trùng, vi rút... gây bệnh, nhưng lại có khả năng kích thích, thay đổi tâm lý, nâng cao thể lý, giúp cơ chê phòng vệ hoạt động hiệu quả hơn.

3. Một số phương pháp

Phương pháp tĩnh tọa siêu giác

Đây là phương pháp tĩnh tọa lắng nghe âm nhạc (Gandharva Veda) cổ xưa do nhạc sĩ Maharishi Mahesh người Ấn Độ sáng tạo. Ông dùng âm nhạc Gandharva Veda Ấn Độ cách nay hàng nghìn năm vào "tĩnh tọa siêu giác" để kiện toàn thân tâm, giải trừ bệnh tật.

Liệu pháp kê toa bằng âm nhạc

Biện pháp này hình dung giống như cách thức bác sĩ kê toa trong các bệnh viện. Còn các nhà liệu pháp thay đổi nội dung Toa bằng các tác phẩm âm nhạc cụ thể, như ở phương Tây, Nhật Bản, trên toa nhạc có thể bắt gặp những tác phẩm của J.S. Bach (1685 – 1750), V.A.Mozart (1756 – 1791)... ở Trung Quốc, có những tác phẩm truyền thống nổi tiếng như "Nhị tuyền ánh nguyệt", "Độc ảnh dao hồng", "Lương tiêu", "Hán cung thu nguyệt", "Xuân thiên lai liễu", "Hỷ dương dương"... ở nước ta, những tác

https://tieulun.hopto.org

phẩm nhạc Tài tử, như Nam xuân, Lưu thủy, Kim tiền, Xuân phong, Long hổ... cũng có thể đi vào toa.

Phương pháp minh tưởng

Phương pháp nghe âm nhạc đạt tới sự buông lỏng về tư tưởng, ý thức phổ biến ở Nhật. Phương pháp này hấp thu kỹ thuật minh tưởng trong tu tập Yoga, tức chỉ ý và tưởng xâm nhập cảnh giới thâm trầm. Đây là cách thức trị liệu bằng âm nhạc nhằm nâng cao khả năng tự chữa bệnh, an toàn, giản dị. Những tác phẩm được lựa chọn có tác dụng điều tiết trạng thái tâm lý, như: "âm nhạc lúc bình minh"; "âm nhạc thôi miên"; "âm nhạc lúc lo lắng, bất an"; "âm nhạc lúc giận dữ không dứt"; "âm nhạc lúc huyết áp tăng cao"... Bên cạnh việc nghe nhạc trong những tình huống cụ thể bằng các tác phẩm đi kèm, còn kết hợp với động tác, tư thế, kiểu dáng...

Phương pháp chuyển hóa xúc cảm

Trong tác phẩm "Thuốc âm nhạc kỳ diệu", tác giả Naozumi Yamamoto giới thiệu: "Mỗi người dù nhiều hay ít đều trải qua tình cảnh giống nhau, như bị rơi vào trạng thái tiêu cực, không biết phải xử lý thê nào. Khi gặp trường hợp xâu này, bạn có thê thay đổi cảm xúc của mình không? Tôi muốn đưa ra một phương pháp giúp thân tâm chuyển hóa tốt trong lúc bạn chẳng biết phải làm sao". Phương pháp "chuyển hóa xúc cảm" chính là nghe âm nhạc. Tác

https://tieulun.hopto.org

giả Naozumi Yamamoto cho rằng, nếu có thể biết được lúc nào thì nghe nhạc nào, thì cuộc đời sẽ vui gấp 10 lần.

Phương pháp nghe thảo luận

Phương pháp này phổ biến tại Mỹ, bao gồm thảo luận về ca khúc và viết cảm nhận. Mỗi nhóm bệnh dưới sự hướng dẫn của người trị liệu sẽ chọn lựa tác phẩm, sau khi nghe xong sẽ thảo luận, tiến thêm bước nữa vừa nghe vừa thảo luận. Người ta có thể chọn những tác phẩm có ý nghĩa đối với mình, nghe để trở về ký ức thời gian trong dĩ vãng. Lúc hồi tưởng thường dẫn tới những xúc cảm, phản ứng mãnh liệt. Đó là lối thoát hiểm cho trạng thái ngưng kết ẩn ức, ám ảnh bên trong người bệnh.

Phương pháp nghe tích cực

Nghe tích cực là một phương pháp được Don Campbell, tác giả "Hiệu ứng Mozart" đề xuất. Ông cho rằng, nghe vốn bị động, còn lắng nghe là một hành vi tích cực. Chúng ta thường nghe bằng thói quen, nghe một cách tùy ý, không dụng tâm để nghe. Lắng nghe là một năng lực sàng lọc âm thanh, tập trung lựa chọn, hình thành ký ức và phản ứng. Cách nghe này gần với yêu cầu của người học âm nhạc. Thông qua khả năng nghe để thẩm thấu, dịch chuyển sâu vào tác phẩm nhằm chuyển hóa giá trị nội tại và khoác lên trên thanh âm giá trị ngoại tại.

https://tieulun.hopto.org

Phương pháp tưởng tượng

Đây là phương pháp được phát triển nhanh chóng ở Mỹ. Người trị liệu hướng dẫn bệnh nhân bước vào trạng thái buông lỏng, tưởng tượng trên nền nhạc bối cảnh đã được lựa chọn, khi tưởng tượng làm cho hình ảnh thị giác xuất hiện, những biêu trưng ây có ý nghĩa tượng trưng và có môi liên quan mâu thuẫn với bệnh nhân. Trong quá trình nghe, người trị liệu hướng dẫn bệnh nhân thổ lộ lời lẽ tưởng tượng, sau khi kết thúc, bệnh nhân sẽ thảo luận ý nghĩa, nội dung tưởng tượng.

4. Một số sản phẩm âm nhạc

Các tác phẩm âm nhạc sử dụng trong hỗ trợ điều trị không ràng buộc bởi số lượng nhạc mục cụ thể. Ở phương Tây, người ta vẫn tin tưởng vào tác dụng của âm nhạc Cổ điển đối với việc tăng cường trí thông minh ở trẻ, mặc dù sau cú va vấp của "Hiệu ứng Mozart", niềm tin này đã bị sa sút đáng kể. Song, văn hóa phương Tây, Mỹ vẫn có những cơ sở để tương tác với âm nhạc Cổ điển, vì đây là di sản văn hóa tư sản châu Âu vào thời kỳ hoàng kim. Bên cạnh đó, kho tàng âm nhạc sử dụng trong trị liệu đã không ngừng được bổ sung nhiều phong cách và phương pháp tiếp cận khác nhau, cụ thể có:

Meditatinon Music

Những sản phẩm âm nhạc theo chủng loại này

https://tieulun.hopto.org

thường sử dụng MD, âm thanh điện tử pha trộn màu sắc nhạc cụ dân tộc các nước, như Ấn Độ, châu Mỹ La tinh... với tính chất mênh mang, dàn trải, thúc đẩy tư tưởng hòa hợp thiên nhiên, như loạt tác phẩm trong tuyển tập "Phương Đông yên bình" (Easter Peace) của nhạc sĩ Steven Halpern chẳng hạn. Steven kết hợp nhạc cụ điện tử, trông Tạng, đông la Trung Quốc, sáo trúc và trống, đi kèm lời giải thích: "Loại âm nhạc này viết theo phong cách nhạc châu Á cổ xưa, có thể thư giãn thần kinh, giúp người nghe thoát khỏi thế giới trần tục, bước vào thế giới nội tâm tĩnh lặng, yên bình." Mỗi tác phẩm đều có tiêu đề giúp cho người nghe liên tưởng tới cảnh giới thăng hoa, như "Sóng lăn tăn trên mặt hồ", "Bình minh trong vườn", "Bức tường tự viện", "Ánh trăng trên sông Hằng"... Âm nhạc của Sreven Halpern không sử dụng cấu trúc giai điệu có sự pha trộn hòa âm, cũng không dùng tiết tấu kích động của trống mà hướng tới sự bình lặng, cảm thụ và thể nghiệm nét đẹp yên bình trong thiên nhiên phương Đông mộng mơ.

Theo đuổi dòng âm nhạc (Music for Meditation) còn có Vanraj Bhatia với những tác phẩm giúp tưởng tượng, trầm tư mặc tưởng nhằm đánh thức tiềm năng cơ thể. Nó dựa trên cơ sở trầm tư Yoga, chủ yếu sử dụng điệu Laga Bắc Ấn Độ để tiến hành

https://tieulun.hopto.org

những cách xử lý khác nhau, đan cài các tuyến giai điệu của Laga lên nhau hình dung như cuộc du ngoạn không ngừng nghỉ của tâm hồn, khi âm nhạc lên tới cao trào, tất cả ngừng bặt, tĩnh lặng, chỉ còn lại sự hợp nhất nhịp nhàng của nhịp tim, mạch đập, tạo nên cảnh giới cô tịch, cuối cùng đạt đến sự thăng hoa. Âm nhạc của Vanraj Bhatia đã phát triên nhanh chóng về số lượng, hiện tại trên Youtube đều có âm thanh kết hợp với hình ảnh minh họa, chuyển động chậm rãi giúp cho nhiều người dễ dàng tiếp nhận.

Letting go of stress

Steven Halpern hợp tác với Emmette Miller cho ra những sản phẩm có tác dụng thư giãn và giảm căng thẳng hữu hiệu gọi chung là: "Letting go of stress" (Tan biến lo âu). Sản phẩm âm nhạc này có kèm theo chỉ dẫn, như: Thư giãn căng thẳng cơ bắp. Nhận thức các hình thức căng thẳng, như đau đầu, đau dạ dày, căng cứng xương sống, huyết quản... tất cả đều do căng thẳng gây nên, thư giãn sẽ giúp tiêu trừ trạng thái này; Tiêu trừ tình trạng căng thẳng nảy sinh tự nhiên. Hấp thu phương pháp rèn luyện tâm lý thở theo phương pháp Yoga – phương pháp nảy sinh tự nhiên, tự động điều tiết hơi thở sâu nhằm đạt tới mục đích loại trừ căng thẳng; "Một lần lang thang bên bờ biển", thư giãn dẫn dắt ý tưởng tâm lý hình thành biểu tượng thị giác, giống như trải nghiệm, tận

https://tieulun.hopto.org

hưởng cảm giác say sưa trong chuyến du hành; "Thư giãn tinh thần và cơ bắp", kết hợp biểu tượng xác định và phương pháp tinh thần bình lặng giúp thoải mái, tập trung ý lực, đồng thời tập trung tinh lực vào mục tiêu đã định. Sản phẩm trên còn giới thiệu những phương pháp cụ thể, như tuần thứ nhất dùng bộ sản phẩm thứ nhất, mỗi ngày 3, 4 lần, sau 3 tuần, mỗi tuần nghe một bộ mới, mỗi ngày 2 lần và tiếp tục nghe và củng cố kỹ năng.

Spitit of the Redman

Bậc thầy âm nhạc trị liệu nổi tiếng thế giới Jonh Richardson sáng tác hai CD về âm nhạc minh tưởng lấy đề tài Tứ đại: Đất, Nước, Lửa, Gió vận dụng phong cách nhạc gõ Indian phối hợp với lối vịnh xướng.

Đĩa 1 có:

Bài ca của đất
(Song of Earch) 25:45
Bài ca của gió
(Song of Wind) 28: 01

Đĩa 2 có:

Bài ca của nước
(Song of water) 23: 50
Bài ca của lửa
(Song of fire) 22: 21

Lời giải thích viết: Đây là thứ âm nhạc vô cùng

https://tieulun.hopto.org

độc đáo, là tâm hồn hoài niệm thời huy hoàng của người Indian trên đất Mỹ. Âm nhạc có tiết tấu thâm trầm, vừa khiến con người hoan hỷ, vừa động viên tâm hồn, người nghe ngưng thần lắng nghe sẽ nhập.

Jonh Richardson còn cho ra đời những CD như "Mạch núi tĩnh lặng", "Nham thạch, Núi, Mưa", "Nham thạch", Núi, Ẩn lùi"... đều là thứ âm nhạc có tác dụng thư giãn và mặc tưởng. Mỗi đĩa có thời lượng khoảng 60 phút, gồm 1, 2 tác phẩm, cấu trúc tái hiện liên tục và hòa tan trong âm thanh thiên nhiên.

5. Kết luận

Qua những phương pháp, sản phẩm âm nhạc giới thiệu có thể thấy đại đa số được sử dụng cho những trường hợp nghe nhạc chủ động, theo hướng tích cực. Tuy nhiên, chúng không hề thích hợp với mọi nhóm đối tượng. Trên thực tế, đối với nhiều nhóm trị liệu khác, nghe nhạc chủ động không thể lay động được những loại bệnh có đặc tính "đóng kín cánh cửa nội giới" gây ra trở ngại cho quá trình tương tác. Vì thế, loại âm nhạc hành vi, sử dụng âm nhạc qua vai trò tương tác giữa người hướng dẫn và bệnh nhân lại tỏ ra đắc dụng. Như nhóm trẻ tự kỷ, tăng động, trẻ chậm phát triển ngôn ngữ, rối loạn kỹ năng ngôn ngữ, giao tiếp... người hướng dẫn phải áp dụng nhiều phương pháp khai mở linh hoạt. Có khi

https://tieulun.hopto.org

thông qua những trò chơi có sử dụng âm thanh hoặc âm nhạc, hoặc quan sát hành vi và sử dụng phương pháp mô phỏng. Nói chung, âm nhạc đa dạng bao nhiêu thì chủng loại bệnh nhân cũng phức tạp bấy nhiêu. Mức độ xâm nhập nội giới người bệnh của âm nhạc không hề được định lượng hay tiên liệu trước về kết quả cũng như mong muôn. Nên, người hướng dẫn phải nắm bắt phương châm "Tùy duyên hóa độ" đối với từng trường hợp cụ thể có "Căn duyên" khác nhau dựa trên khả năng định hướng, tiên liệu của mình thông qua công cụ hỗ trợ trung gian nhằm giúp người bệnh và người điều trị gặp nhau trên giao lộ âm nhạc.



https://tieulun.hopto.org

CHỈ SỢ CHÍNH MÌNH LÀM SAI

VIÊN THẮNG



Cổ đức dạy:

"Chuyện thị phi bao giờ chẳng có,
Bỏ ngoài tai mọi việc nhẹ tênh".

Đúng vậy! Hàng phàm phu chúng ta nghiệp chướng nặng nề, bị phiền não tham, sân, si luôn hiện hữu trong tâm nên chúng ta thường gây đau khổ cho người thân, cho nhiều người khác mà tự mình chẳng

https://tieulun.hopto.org

biết.

Bởi không biết ứng dụng lời đức Phật dạy để làm chất liệu ngay trong cuộc sống hàng ngày, nên chúng ta cứ mãi quằn quại đau khổ, trầm luân trong sanh tử. Có khi vì tâm oán hận xúi giục mà chúng ta điên rồ gây ra tội lỗi tày trời làm khổ mình và người khác. Vì vậy trong *Luận Ngữ*, Tăng Tử nói: *"Ta mỗi ngày xét lại thân ta ba lần"*.

Người đời thường nói: *"Nhân vô thập toàn"*. Nghĩa là, con người sinh ra ở cõi này, không có ai là hoàn hảo cả. Người tốt mặt này nhưng xấu mặt kia, nên ai cũng có ưu điểm và nhược điểm. Do đó, chuyện mắc phải sai lầm ở mỗi người không ít thì nhiều là chuyện tất nhiên. Điều quan trọng là chúng ta có biết hổ thẹn để sửa sai hay không. Chính vì thế mà trong văn Thủy Sám dẫn lời đức Phật dạy: *"Ở đời có hai hạng người mạnh nhất: một, hạng người không tạo tội; hai, hạng người tạo tội rồi mà biết ăn năn, sám hối"*. Người không tạo tội thì chỉ có bậc Thánh, còn hàng phàm phu chúng ta thì theo kinh Địa Tạng nói: *"Khởi tâm động niệm đều là tội lỗi"*. Vì thế, chúng ta đủ biết trong tâm mỗi người, tâm thiện thì ít mà tâm ác thì nhiều. Mỗi ngày, chúng ta đọc trên vài trang báo đều có những tin tức giết người rùng rợn, như con giết cha mẹ, ông bà vì không chịu cho tiền để ăn chơi nhảy nhót; bạn bè

https://tieulun.hopto.org

thanh toán lẫn nhau vì câu nói khích v.v... Còn chuyện thị phi, chỉ trích thì xảy ra mọi lúc mọi nơi. Do đó, chúng ta sống cần phải có lập trường vững chắc. Khi chúng ta nghe những lời khen chê, chỉ trích, phê bình mình thì phải bình tĩnh để xem xét sự việc, có đúng như lời họ nói không; nếu có phạm sai lâm thì chúng ta sửa đôi, còn không có thì coi như không nghe, giữ cho tâm mình an lạc. Điều quan trọng nhất là sợ chính mình làm sai mà không biết, do cái tôi quá lớn. Vì thế, điều thứ năm trong mười bốn điều dạy của Phật là *"Sai lầm lớn nhất của đời người là đánh mất mình"*. Có khi chúng ta đánh mất mình vì sức mạnh đồng tiền hay sắc đẹp, hoặc địa vị danh vọng v.v... kết quả chúng ta bị tan cửa nát nhà, thân bại danh liệt do không làm chủ được chính mình. Cho nên trong kinh Pháp Cú, đức Phật dạy:

"Dù tại bãi chiến trường,
Thắng hàng ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn,
Thật chiến thắng tối thượng".

Chúng ta có hơn thua, đấu đá tranh giành nhau, cuối cùng sẽ được gì? Rốt cuộc chúng ta ra đi cũng hai bàn tay trắng, nhưng để lại tiếng đời xấu ác, làm cho con cháu hổ thẹn. Chỉ có tự thắng mình bằng

https://tieulun.hopto.org

những đức tính sống chân thật, luôn vì mọi người, nhẫn nhịn, khiêm tốn, bao dung v.v... thì nhất định không bao giờ gây đau khổ cho mình và người khác.

Câu chuyện sau đây giúp cho chúng ta học theo người xưa để giữ tâm mình bình thản giữa cuộc đời đầy rẫy khen chê, chỉ trích v.v...:

Trong một buổi nhàn hạ, vua Đường Thái Tông hỏi chuyện vị quan cận thần là Hứa Kính Tôn:

- Trẫm thấy khanh có nhân cách cao thượng không phải là kẻ thấp hèn, nhưng vì sao lại có nhiều tiếng thị phi, chê ghét như thế?

Hứa Kính Tôn trả lời:

- Tâu bệ hạ! Mưa mùa xuân lất phất lạnh lẽo, làm cho người nông dân vui mừng, vì cây cối đơm hoa kết trái; nhưng kẻ đi đường lại ghét vì đường đi trơn trợt. Trăng mùa thu sáng vằng vặc như gương treo trên bầu trời đêm, hàng thi nhân vui mừng được dịp thưởng thức, du ngoạn ngâm thơ; nhưng bọn đạo chích lại ghét vì ánh trăng quá sáng tỏ. Trời đất kia vốn vô tư không thiên vị, những cơn nắng, mưa theo thời tiết, vẫn bị thế gian oán trách, mừng thích. Còn hạ thần đâu phải là người vẹn toàn thì làm sao tránh khỏi tiếng chê bai, chỉ trích? Cho nên ngu thần trộm nghĩ, đối với tiếng thị phi trong thế gian nên bình tâm suy xét, đừng nên vội tin nghe. Vua tin theo nghe lời thị phi thì trung thần bị hại. Cha mẹ

https://tieulun.hopto.org

tin nghe lời thị phi thì con cái bị ruồng bỏ. Vợ chồng tin nghe lời thị phi thì gia đình ly tán. Tiếng thị phi của thế gian nọc độc còn hơn rắn rết, bén hơn gươm đao, giết người không thấy máu.

Qua câu chuyện, chúng ta ngẫm nghĩ thấy sâu sắc vô cùng. Từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội có biết bao nhiêu người vì không có trí tuệ sáng suốt để nhận định sự việc cho đúng sự thật, nên ức hiếp vùi dập gây ra bao nỗi oan ức cho người thân trong gia đình và người ngoài.

Thật ra, chân lý cuộc đời không thuộc về sự đúng sai, được mất, hơn thua, khen ngợi hay chỉ trích mà thuộc về những người nào có hiểu biết chân chính, thấy và biết đúng như thật, sống vì mọi người với tinh thần trách nhiệm cao. Do đó, điều thứ nhất trong mười bốn điều Phật dạy: *"Kẻ thù lớn nhất của đời người là chính mình"*.

Chúng ta là người học Phật, cố gắng thực hành đúng lời Phật dạy giữ tâm mình bớt tạp niệm vọng tưởng thì ba nghiệp thân, khẩu, ý sẽ nghĩ điều thiện, nói điều thiện và hành động thiện nhiều hơn. Như thế, chúng ta sẽ bớt nói những chuyện thị phi, chỉ trích người khác thì tất nhiên mình được an lạc và người khác cũng được an lạc.

https://tieulun.hopto.org

Khoảng trống & hiện hữu

NGUYỄN VĂN THỨC



Đi dưới hai hàng cây chụm đầu vào nhau
tia nắng đầu ngày xuyên qua kẽ lá
lung linh trên những khóm hoa
ven đường
nở thắm
lắng nghe lời sỏi đá
lao xao dưới gót giầy.

https://tieulun.hopto.org

Bầy chim bay đi
để lại một khoảng trống
luyến tiếc
không muôn lập đây.

Ta nhìn bóng mình
loang dài theo vệt nắng
lặng lẽ đồng hành
chợt cảm nhận
sự hiện diện của cuộc sống
len trong làn tóc
ánh mắt
nụ cười
len vào từng hơi thở
từng ngõ ngách tâm hồn
từng nhịp đập trái tim
trong giấc ngủ thầm lặng
và xôn xao bình minh.

https://tieulun.hopto.org

ĐỘC ĐÁO KIẾN TRÚC CÁC NGÔI CHÙA CỔ TIÊU BIỂU Ở VÙNG ĐẤT VIỆT YÊN, BẮC GIANG

TẠ VĂN TRƯỜNG

Việt Yên là một huyện thuộc vùng trung du của tỉnh Bắc Giang, giữa lưu vực của sông Cầu và sông Thương. Vùng đất này thuận lợi về giao thông thủy bộ, là khu đệm giữa hai trung tâm lớn Bắc Giang và Bắc Ninh. Phật giáo vào Việt Yên từ thời Lý, dấu vết còn để lại cho đến ngày nay là con rồng đá thời Lý hiện đang đặt trước cửa chùa My Điền (Thánh Minh tự). Phật giáo Việt Yên thuộc dòng Đại thừa, gần như mỗi thôn làng của huyện Việt Yên đều có một ngôi chùa để dân làng thờ Phật. Bên cạnh chùa Bổ Đà nổi tiếng – một sơn môn của vùng Kinh Bắc xưa, còn có nhiều ngôi chùa làng cổ ít người biết đến như: Chùa Khả Lý (Vĩnh Hưng tự), chùa My Điền (Thánh Minh tự), chùa Vân (Diên Phúc tự), chùa Thổ Hà (Đoan Minh tự), chùa Vân Cốc (Sùng Nghiêm tự), chùa Quang Biểu (An Thổ tự), chùa Sen Hồ (Vĩnh Phúc tự), chùa Hoàng Mai (Minh Linh tự), chùa Ninh Khánh (Vĩnh Nghiêm tự), chùa Phúc Tằng (Sùng Quang tự), Chùa Nội Ninh (Linh Sơn

https://tieulun.hopto.org

tự),... và nhiều ngôi chùa cổ khác trong huyện đã tạo nên những công trình kiến trúc, điêu khắc có giá trị lịch sử, văn hóa mà ít nơi nào có được.

1. Chùa Bổ Đà



Chùa Bổ Đà thuộc địa phận thôn Thượng Lát, xã Tiên Sơn. Chùa được xây dựng từ thế kỷ XI (Nhà Lý) nhưng qua nhiều cuộc chiến tranh ngôi chùa đã bị tàn phá ít nhiều. Phải đến thời vua Lê Dụ Tông (1705-1729) niên hiệu Bảo Thái, chùa Bổ Đà mới được dựng lại và có kiến trúc như ngày nay. Chùa

https://tieulun.hopto.org

Bổ Đà là một trong những di tích lịch sử tiêu biểu của tỉnh Bắc Giang nói chung và Việt Yên nói riêng. Chùa là một trong những nơi còn giữ nguyên bản nét kiến trúc truyền thống Việt cổ. Kiến trúc chùa có sự độc đáo và khác biệt so với các ngôi chùa truyền thống ở miền Bắc Việt Nam, đó là lối kiến trúc nội thông ngoại bê tạo vẻ u tịch, thanh văng, linh thiêng. Toàn bộ chùa chính có diện tích khoảng 51.784m2 được phân ra làm ba khu rõ rệt. Khu vườn: 31.000m2, khu nội tự chùa 13.000m2 và khu vườn tháp rộng: 7.784m2. Với hệ thống kiến trúc 18 tòa ngang dãy dọc và gần một trăm gian liên hoàn, bố cục kiến trúc hài hòa được xây dựng bằng các vật liệu: gạch nung, ngói, tiểu sành, tường bao được làm bằng đất rất độc đáo. Đặc biệt, chốn tổ Bổ Đà hiện còn một vườn tháp cổ, nơi tàng lưu xá lị, tro cốt nhục thân của hơn 1.400 vị tăng ni, với gần 100 ngôi tháp, hiếm thấy nơi nào khác trên đất nước ta. Hiện trong chùa Bồ Đà vẫn còn lưu giữ mộc bản kinh Phật cổ được khắc trên gỗ thị như Lăng nghiêm chính mạch, Yết ma hội bản, Nam hải ký quy v.v... Bộ kinh được xếp trên 8 giá, mỗi giá có 4 tập sách kinh gồm 240 tấm ván gỗ hợp thành, tất cả có khoảng 2.000 tấm. Trải qua gần 300 năm, bộ kinh hiện nay vẫn còn khá nguyên vẹn. Đặc biệt là những tấm gỗ thị dùng để khắc kinh đều rất bền, đẹp. Kinh

https://tieulun.hopto.org

được khắc nổi bằng chữ Hán, nét chữ tinh xảo, đến nay vẫn còn rất sắc, rõ nét. Chùa được công nhận Di tích lịch sử nghệ thuật, theo QĐ số 138/QĐ-BVH, Ngày 31/01/1992.

2. Chùa My Điền (Thánh Minh tự)

Chùa My Điền thuộc thôn Hoàng Mai, xã Hoàng Ninh. Chùa nằm ở trung tâm làng, 3 mặt chùa giáp khu dân cư thôn My Điền, phía trước hướng Nam giáp với đình My Điền tạo ra kiểu kiến trúc "tiền Thần, hậu Phật". Qua hiện vật rồng đá xanh có thể nhận định, chùa Thánh Minh đã có từ thời Lý - Trần: Hình rồng thắt 7 túi, đầu có mào lửa, tạo tư thế đang ngậm ngọc, thân nhẵn, không tạo vây, hình thon thả, vuốt nhỏ gọn chầu về phía sau. Chùa có bình đồ kiến trúc theo kiểu hình chữ "đinh", gồm tòa Tiền đường nối với tòa Thượng điện bằng dải ống muống và phía sau chùa là nhà Tổ 3 gian. Tòa Tiền đường gồm 5 gian, với 6 vì mái. Liên kết giữa các vì mái theo kiểu vì kèo cánh báng. Cả 6 vì kèo đều được làm bằng gỗ bạch đàn bào trơn, trang trí hoa văn là những đường chỉ gờ chạy suốt. Tường bao được xây bằng gạch chỉ, phủ vữa, mái lợp ngói ta. Tòa Thượng điện gồm 3 gian, 4 vì mái liên kết theo kiểu con chồng trụ giá chiêng và kiểu cốn mê. Toàn bộ hệ thống khung chịu lực của chùa làm bằng gỗ

https://tieulun.hopto.org

lim và gỗ bạch đàn chắc chắn. Nghệ thuật chạm khắc trên kiến trúc gỗ của chùa Thánh Minh chủ yếu được thể hiện trên bộ khung chịu lực làm bằng gỗ chắc khỏe, tại các cấu kiện kiến trúc gỗ này, các nghệ nhân chủ yếu tạo thành những đường gờ chạy quanh, soi gờ, kẻ chỉ, bào trơn, đóng bén. Trên các mảng trang trí ở các đâu kê và các vì kèo, con rường tạo thành những thể khối to, mập, với những đường họa tiết hoa văn trang trí đường diềm chạy bo quanh, thể hiện sự kế thừa của phong cách nghệ thuật tạo dựng thời Lê Trung Hưng (khoảng thế kỷ XVIII). Chùa Thánh Minh được UBND tỉnh Bắc Giang đã công nhận là Di tích Lịch sử - Văn hóa theo Quyết định số 86/QĐ-CT, ngày 30/01/2004.

3. Chùa Khả Lý (Vĩnh Hưng tự)

Chùa Khả Lý (Vĩnh Hưng tự) nằm ở thôn Khả Lý Thượng, xã Quảng Minh. Chùa được xây dựng từ thời Lê, quay mặt về hướng Nam. Chùa còn một cây hương được tạo vào niên hiệu Chính Hòa tam niên. Diện tích chùa hiện nay là 1.385m^2 gồm các phần: sân phía trước công, tam quan, sân chùa, tiên đường, hậu cung, nhà mẫu. Đi từ ngoài vào qua tam quan, sân chùa và đến tòa Tiền đường, 5 gian, 2 trái, 2 dĩ, đầu hồi bít đốc, kết cấu vì kèo kiểu chồng rường kẻ truyền, trên đỉnh nóc có ba chữ Vĩnh Hưng tự. Bờ

https://tieulun.hopto.org

nóc và bờ dải là những hàng gạch xây giật cấp, mái lợp ngói mũi, hai bên – tả hữu của tòa tiền đường có đặt hai pho tượng khuyến thiện và trừng ác với kích thước khá lớn. Thượng điện được làm 4 gian dọc nối liền với tiền đường, kết cấu vì kèo kiểu chồng rường giá chiêng, kèo kìm. Gắn kết với chùa Khả Lý Thượng là chùa Khả Lý Hạ, cả 2 ngôi chùa đóng một vai trò quan trọng kết nối đời sống tâm linh của người dân 2 làng nói riêng và trong vùng nói chung.

4. Chùa Hoàng Mai (Minh Linh tự)

Đây là di tích cổ, theo bản ngọc phả của làng và nhân dân cho biết, ngôi chùa này ban đầu do Đỗ Danh Cần xây lên cho làng thờ cúng và cầu đảo, sau khi nằm mộng thấy thần khuyên bảo. Đó cũng là nơi công chúa Thiều Dương về thăm cầu đảo thấy ứng nghiệm và chính công chúa và vua cha là Lê Thánh Tông đã cho dân làng Hoàng Mai tiền để xây dựng, mở rộng ngôi chùa linh thiêng này. Chùa cũng là nơi Đặng tướng công đến cầu cúng và ứng nghiệm được âm phù sau đánh thắng giặc Mạc. Tiếc rằng ngôi chùa quý giá này bị phá năm 1947. Năm 1990 nhân dân Hoàng Mai đã tiến hành tu dựng ngôi chùa này làm nơi thờ Phật cho mọi người. Căn cứ vào di tích, di vật còn lại cho thấy Minh Linh tự xưa có quy mô to lớn và cổ kính. Đây là di tích lịch sử văn hóa quý,

https://tieulun.hopto.org

gắn liền với lịch sử xây dựng và phát triển của làng Hoàng Mai. Chùa Minh Linh được công nhận Di tích kiến trúc nghệ thuật theo QĐ số 74/QĐ-BVH, Ngày 2/2/1993.

5. Chùa Vân (Diên Phúc tự)



Chùa nằm ở giữa làng Vân, xã Vân Hà, quay mặt về hướng Tây. Theo các văn bia hiện còn và theo *Sự tích từ tự làng Vân* thì chùa Vân có từ thế kỷ XIV, nhưng phải đến đầu thế kỷ XVI, dưới chiều

https://tieulun.hopto.org

vua Lê Thần Tông, chùa mới được xây dựng khang trang to lớn như ngày nay. Tam quan chùa cao hơn 7m, rộng 11m, có 3 cửa cuốn vòm. Cửa Phật chính gỗ lim bóng loáng. Tả, hữu 2 bên là cửa pháp, cửa tăng. Qua tam quan là một sân gạch lát rộng. Trước tiền đường, tam bảo có 4 dãy bia. Tiền đường 7 gian dài 20m, rộng 10m, với kiên trúc con chông đâu kê. Kết cấu vì theo kiểu thượng tứ hạ ngũ, với 4 hàng chân cột, mỗi hàng 8 chiếc cao gần 5m. Tòa hậu đường cao hơn thượng điện, 5 hàng chân, kèo cổ ngỗng, làm nhà tổ thờ các vị sư trụ trì ở chùa này. Hệ thống tượng Phật, cùng nhiều hoành phi câu đối, y môn, đại tự sơn thếp rực rỡ. Trong chùa còn có 2 pho tượng đá, 3 rùa đá và 102 tấm bia đá trong đó có một tấm ở thế kỷ XVII (1651) khắc hai chữ Việt Nam. Tất cả đều là những tác phẩm điêu khắc tuyệt vời của các nghệ nhân cổ thế kỷ XVII. Ngày 9/1/1990 chùa được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật theo QĐ số 34/QĐ-BVH, Ngày 9/01/1990.

6. Chùa Thô Hà (Đoan Minh tự)

Chùa được xây dựng theo kiểu nội công ngoại quốc với quy mô lớn. Phía trước là tam quan, nối với gác chuông và con đường lát gạch thẳng vào tòa tam bảo. Qua dãy hành lang tới động tiên. Đây là một

https://tieulun.hopto.org

kiến trúc đẹp, mô tả hình ảnh từ lúc sinh ra đến khi trưởng thành và quá trình tu hành đắc đạo của vị Phật ngự ở đây. Qua sân gạch là tới nhà tổ, nơi thờ các vị sư tổ trụ trì ở chùa. Ngoài hệ thống tượng Phật hoàn mỹ được bảo vệ chu đáo, chùa Đoan Minh còn có một tấm bia đá ghi chép về ngày khởi dựng và tu tạo ngôi chùa. Chùa được công nhận Di tích kiến trúc nghệ thuật, theo QĐ số 226/QĐ-BVH, Ngày 5/02/1994.

7. Chùa Vân Cốc (Sùng Nghiêm Tự)

Chùa thuộc thôn Vân Cốc, xã Vân Trung, nhân dân gọi là chùa Bài Cả. Chùa nằm ở giữa làng, từ ngoài vào ta nhìn thấy Tam quan được làm 3 gian, 2 tầng 4 mái; qua tam quan là khoảng sân nhỏ, tòa Tiền đường được làm 7 gian, 2 chái, đầu hồi bít đốc, kết cấu vì kèo kiểu chồng diên quá giang kẻ truyền; qua Tiền đường là Tam bảo được làm 3 gian, 2 trái, gồm có 5 lớp tượng, 2 bên là 40 bức tượng long bài được chạm dẹt, đây là bộ tượng hiếm thấy ở các chùa; phía ngoài 2 bên thượng điện là 2 dãy hành lang, mỗi bên có 9 vị La hán ở các tư thế khác nhau; phía sau Tam bảo là nhà gác chuông gồm 5 gian; bên trái là nhà Mẫu 3 gian, dưới nữa là nhà tổ và nhà sách, mỗi tòa 3 gian, sau cùng là nhà ở của sư trụ trì chùa và các công trình phụ khác. Năm 1989, chùa

https://tieulun.hopto.org

Bài Cả được Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia.

8. Chùa Quang Biểu (An Thổ tự)

Chùa nằm ở trung tâm làng Quang Biểu, thuộc xã Quang Châu. Đây là một công trình kiến trúc tiêu biêu của nhân dân Quang Biêu. Theo "Quán quận công bia" khắc vào triều vua Lê Dụ Tông, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 7 (năm 1711) hiện còn lưu giữ ở chùa cho biết chùa được xây dựng trước đó vài năm với quy mô lớn, ngoảnh hướng Tây. Toàn bộ khuôn viên chùa có mặt bằng hình gần vuông. Bình đồ kiến trúc gồm tam quan, tòa tam bảo và nhà tổ tạo nên khối kiến trúc tiền đinh hậu nhất truyền thống. Từ tam quan qua vườn chùa đến thẳng tòa tam bảo gồm tiền đường và Phật điện kết cấu theo lối chữ "đinh". Tiền đường 7 gian, tường xây bít đốc. Kết cấu chịu lực đều bằng các cột gỗ lim chắc khỏe kê vững chãi trên các chân tảng đá xanh. Trong chùa còn lưu giữ hệ thống tượng Phật phong phú gồm gần 40 pho được chia ban bệ rõ ràng. Căn cứ vào dòng lạc khoản đề trên các bức y môn, đại tự này cho biết đây là những công trình chạm khắc có giá trị nghệ thuật cao được tạo tác hầu hết vào năm Giáp Thìn (1904), niên hiệu Thành Thái. Phía sau chùa là dãy nhà tổ 7 gian. Bên trong còn lưu giữ nhiều hiện vật, tài liệu

https://tieulun.hopto.org

Hán Nôm quý. Đặc biệt là 3 tấm bia đá và một sập đá thời Lê có liên quan đến thân thế sự nghiệp của Quán quận công Nguyễn Thế Nho và phu nhân là những người công đức lớn cho việc xây dựng chùa.

9. Chùa Phúc Tằng (Sùng Quang tự)

Chùa là một công trình kiên trúc cô kính tọa lạc trên một khu đất giữa làng ở thôn Phúc Tằng, xã Tăng Tiến. Đây là ngôi cổ tự được nhân dân địa phương xây dựng với quy mô bề thế mang tính chuẩn mực của nghệ thuật kiến trúc chùa tháp theo tông phái Đại thừa ở miền Bắc Việt Nam. Tương truyền chùa được xây dựng từ thời Lý, năm Canh Ngọ (1630). Chúa Thanh Vương Trịnh Tráng đứng đầu hưng công trùng tu chùa cổ khang trang đẹp đẽ với quy mô lớn. Các thời Lê, Nguyễn, chùa được trùng tu tôn tạo nhiều lần, đến nay công trình kiến trúc chùa Phúc Tằng hiện còn lại tòa tiền đường, tam bảo. Tòa tiền đường gồm 5 gian, 2 trái, phía trước là cửa bức bàn chấn song. Hệ thống chịu lực bằng gỗ lim với 8 hàng chân cột, kết cấu kiến trúc theo lối chồng diêm, trụ giá chiêng, tiền kẻ hậu bẩy. Các cấu kiện được tạo bằng gỗ tứ thiết chắc khỏe, bào trơn, đóng bén, soi gờ, kẽ chỉ. Trên các con chồng ở vì nóc, vì nách đều chạm nổi hình hoa văn lá cúc lật, vân xoắn vân mây. Giữa các vì được liên kết với

https://tieulun.hopto.org

nhau bởi hệ thống xà thượng, xà trung và hạ cùng hệ thống hoành, rui mè. Trong tòa tiền đường dựng một tấm bia đặt trên mình con rồng bằng đá. Bia có niên hiệu: *Hoàng triều Đức long tam niên.* Chùa là nơi sinh hoạt văn hóa truyền thống và tín ngưỡng của Tăng Tiến từ xưa đến nay.

10. Chùa Xuân Lạn (Phả Quang tự)

Đây là ngôi chùa cổ được xây dựng vào thời Lê, thuộc làng Xuân Lạn, xã Hương Mai. Chùa gồm 5 gian tiền đường và 3 gian hậu cung được gắn kết với nhau theo bố cục chữ "đinh". Tiếc rằng chùa đã bị Thực dân Pháp phá hủy hoàn toàn. Năm 1999, chùa được xây dựng lại trên nền đất mới theo kiến trúc cổ. Ngôi chùa hiện nay gồm tòa tiền đường 3 gian và 2 chái và một hậu cung 2 gian. Kết cấu kiến trúc của chùa theo kiểu kèo kìm, quá giang.

11. Chùa Hữu Nghi (Cổ Linh tự)

Chùa thuộc thôn Hữu Nghi, xã Ninh Sơn. Chùa được xây dựng liền kề với đình làng, ngoảnh hướng Nam. Tương truyền, chùa được xây dựng vào thời Lê thế kỷ XVII, có quy mô to lớn. Trải qua năm tháng chiến tranh tàn phá, chùa đã qua nhiều lần trùng tu tôn tạo. Chùa hiện nay được tạo bởi 5 gian tiền đường và 3 gian hậu Phật. Mặt bằng kiến trúc

https://tieulun.hopto.org

theo kiểu chữ "đinh". Hệ thống khung chịu lực là gỗ tứ thiết kết cấu lối kẻ chuyền trụ giá chiêng bào trơn đóng bén. Hai bên tả hữu đặt tượng Đức Ông và Thánh Tăng tạc bằng chất liệu gỗ. Nối với tòa tiền đường là 2 gian Phật điện, đây là trung tâm thờ Phật của chùa. Tất cả tượng đều được tạc bằng gỗ, ngoài phủ sơn thếp rất đẹp, mỗi người một dáng vẻ rất độc đáo. Ngoài hệ thống tượng Phật có giá trị, hiện chùa còn lưu giữ 7 tấm bia đá có các niên hiệu: Chính Hòa tam niên (1682), Vĩnh Thịnh thứ 7 (1711), Thiệu Trị thứ 3 (1842), Thiệu Trị thứ 6 (1845), Tự Đức thứ 6 (1853), Tự Đức thứ 8 (1855), Thành Thái thứ 15 (1903). Đây là nguồn tư liệu Hán Nôm có giá trị giúp ta hiểu được lịch sử ngôi chùa, phong tục tập quán của làng.

12. Chùa Thạch Long

Chùa nằm ở phía Đông Nam làng Hạ Lát, xã Tiên Sơn, là một ngôi chùa cổ thời Lê nằm ở mom đất ăn vào giữa hồ Thạch Long được xây dựng ở mảnh đất miệng rồng theo truyền thuyết về mẫu sinh ra Thạch Linh thần tướng. Tên chùa được gọi theo dải đất nơi chùa tọa lạc. Chùa có bố cục chữ "đinh" gồm 5 gian tiền đường, ba gian tam bảo. Kết cấu chùa theo lối kẻ chuyền giá chiêng không chạm khắc cầu kỳ. Trong khu vực nội tự của chùa có hai ngôi

https://tieulun.hopto.org

tháp cổ nấp trong bóng lá – đó là tháp của hai vị sư tổ. Hệ thống tượng Phật khá đẹp và có giá trị nghệ thuật cao. Năm 1995 – 1996, chùa đã được nhân dân tu sửa, tôn tạo lại. Bên cạnh đó, Chùa Vân Sơn nằm ở sườn núi phía sau chùa Thạch Long, cách đình Hạ Lát không xa. Đây cũng là một ngôi chùa cổ thời Lê thế kỷ XVIII. Chùa có 5 gian tiên đường và 4 gian tam bảo.

13. Lương Minh tự và chùa Trùng

Cả hai ngôi chùa đều thuộc thôn Đông Long, xã Quảng Minh. Lưỡng Minh tự được xây dựng từ thời Lê Trung Hưng, tu sửa vào thời Nguyễn. Chùa gồm 3 gian tiền đường, 3 gian Phật điện tạo thành bố cục chữ đinh, xây bình đầu bít đốc. Hệ thống tượng Phật cổ khá hoàn chỉnh. Đến trước năm 1999, chùa chỉ còn Tam bảo. Năm 1999, chính quyền và nhân dân tiến hành tại tu lại chùa. Chùa Trùng được xây vào khoảng cuối thế kỷ XVIII. Tiền đường gồm 3 gian, 2 trái, hai gian Phật điện tạo bố cục chữ "đinh". Các vì mái kết cấu thượng con chồng, trụ đấu kê, bốn hàng chân cột. Do điều kiện chiến tranh nên chùa đổ nát rất nhiều. Sau này, chùa đã được nhân dân địa phương xây lại.

https://tieulun.hopto.org

14. Chùa Sen Hồ

Chùa Sen Hồ tọa lạc trên một khu bằng phẳng ở rìa làng, mặt nhìn ra hướng Tây. Chùa có quy mô khá đồ sộ gồm có: tòa tiền đường, thượng điện, nhà tổ, nhà mẫu. Thông qua các hiện vật có trong chùa, qua kết cấu kiến trúc, đã cho thấy niên đại xây dựng của chùa là vào cuối thế kỷ XVIII. Chùa có kết câu kiến trúc được làm theo kiểu tiền kẻ, hậu bẩy, kê đấu chồng rường. Các vì được giằng néo với nhau bởi các xà để tạo thành bộ khung vững chắc. Trong chùa hệ thống tượng Phật được sơn son thếp lộng lẫy và tương đối hoàn chỉnh.

15. Chùa Nội Ninh (Linh Sơn tự)

Linh Sơn tự hay còn gọi là chùa Suối, thuộc thôn Nội Ninh, xã Ninh Sơn, là sản phẩm điêu khắc kiến trúc đầu thế kỷ XVIII (năm Tân Tỵ triều vua Lê Hy Tông, niên hiệu Chính Hòa thứ 22-1701) và được trùng tu lớn vào thời Nguyễn (thế kỷ XIX). Thông thường, các công trình kiến trúc truyền thống bài trí theo lối nhất dọc. Song ở đây, các công trình lại được bài trí săp đặt theo hàng ngang chải rộng theo sườn núi Kẻ, nhìn về hướng Tây Nam. Đi từ Tam quan vào bên trái là 3 gian tạo soạn, bên phải là nhà tổ, tiếp đến là tòa Tam bảo. Đây là điểm khác biệt trong cách bố trí các hạng mục công trình trong

https://tieulun.hopto.org

cùng một di tích. Hiện chùa có tòa tiền đường 7 gian, 2 chái, đầu hồi bít đốc, thượng điện xây 3 gian dọc, kết cấu vì kèo kiểu chồng rường kẻ truyền. Trong chùa hiện giữ được 3 bức hoành phi, 4 đôi câu đối, 2 bia đá. Trên hệ thống con chồng, xà đùi, kẻ hiên được chạm nổi hình rồng, mây cụm, hoa văn lá lật, long hóa... mang phong cách của nghệ thuật chạm khắc cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX. Chùa Nội Ninh được UBND tỉnh Bắc Giang ra Quyết định xếp hạng Di tích lịch sử-văn hóa (Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2008).

16. Chùa Trung Đồng

Chùa nằm tại làng Trung Đông, xã Vân Trung, ngoảnh mặt hướng Đông Nam. Cổng chùa dựng theo lối Tam quan gác chuông chồng diêm 8 mái. Chùa có bố cục hình chữ "đinh". Tiền đường 5 gian xây bằng gạch chỉ, mái lợp ngói mũi, 2 bên hồi tạo cánh phong đơn, 3 gian giữa mở cửa bức bàn. Kết cấu chịu lực bên trong tạo bởi 6 vì, mỗi vì 4 hàng chân cột chắc khỏe. Phật điện được tạo bởi 3 gian, tòa tam bảo được trang hoàng lộng lẫy bằng các họa tiết chạm khắc trên kết cấu gỗ. Trong chùa có 1 quả chuông đồng lớn và 2 bia đá có nội dung thờ hậu Phật.

https://tieulun.hopto.org

17. Chùa Đức Liễn (Sùng Ân tự)

Sùng Ân tự thuộc thôn Đức Liễn, xã Hồng Thái, là một công trình kiến trúc đẹp, là ngôi cổ tự quy mô lớn, văn bia lưu lại bên trái tòa tiền đường cho biết ngôi chùa được tu sửa vào thời Lê Trung Hưng (thế kỷ XVII) có bình đồ kiến trúc hình chữ đinh với bộ khung được làm bằng gỗ lim chắc khoẻ. Hiện chùa Sùng Ân còn bảo lưu được hệ thống tượng Phật cổ có giá trị thẩm mĩ cao, đặc biệt là pho tượng A Di Đà, tác phẩm nghệ thuật điêu luyện, là một trong những pho tượng cổ, có kích thước vào loại lớn của tỉnh Bắc Giang. Phía hồi sau thượng điện còn trường tồn một cây thị hàng trăm năm tuổi. Hiện nay, ngôi cổ tự mới được trùng tu, tu bổ thêm 12 gian nhà mẫu, nhà tổ hình chữ Nhị; chùa một cột bằng đá xanh được tạo tác công phu; vườn tháp và khuôn viên chùa được quy hoạch lại khang trang, có cảnh sắc đẹp.

Bên cạnh những ngôi chùa cổ kể trên còn một số ngôi chùa cổ khác có kiến trúc nghệ thuật độc đáo ở vùng đất Việt Yên đã được Nhà nước xếp hạng mà trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chưa có dịp đề cập như: Chùa Chàng (xã Việt Tiến), chùa Trúc Tay (xã Vân Trung), chùa Thượng (xã Thượng Lan), chùa Bảo Mai (xã Ninh Sơn).

•••

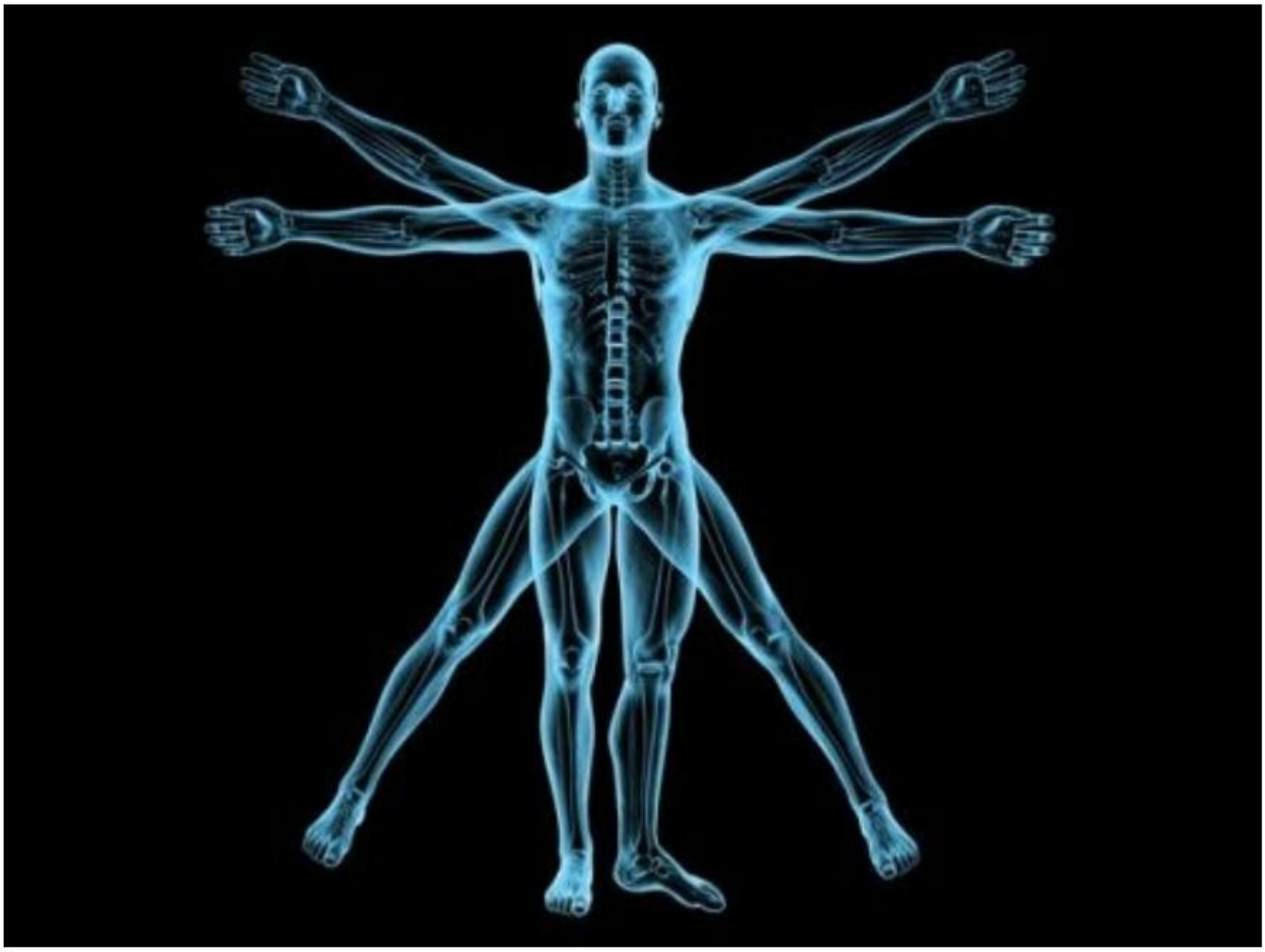
https://tieulun.hopto.org

Việt Yên là một huyện có nhiều di tích, trong đó nhiều ngôi chùa cổ đã được Nhà nước xếp hạng. Nhìn chung, các ngôi chùa trong huyện phong phú về số lượng, có quy mô lớn, vừa và nhỏ. Bên cạnh nhiều chùa cổ kính kể trên, còn có một số ngôi chùa khác được trùng tu, xây mới quy mô lớn thời gian gân đây như: Chùa Ich Minh (xã Hương Mai), chùa Phúc Lâm (xã Hoàng Ninh),v.v... Phác họa qua một số ngôi chùa về kiến trúc và mỹ thuật trang trí ở trên, có thể thấy các chùa ở Việt Yên gắn bó rất mật thiết với trình độ và phong cách kiến trúc, điêu khắc của dân tộc ta trong các thời kỳ lịch sử, gắn bó với đời sống làng xã qua các triều đại. Ở đó thể hiện tinh hoa, óc sáng tạo và bàn tay khéo léo của các nghệ nhân và thợ lành nghề Việt Yên từ đời này qua đời khác. Vẻ đẹp kiến trúc và mỹ thuật điêu khắc ở các ngôi chùa Việt Yên đã tạo nên những giá trị văn hóa lịch sử đặc sắc là một trong những nét độc đáo của văn hóa Việt Nam. Trách nhiệm của mỗi chúng ta là phải giữ gìn những công trình kiến trúc đó, càng giữ nguyên trạng càng tốt, nhất là khi trùng tu tôn tạo. Kiến trúc và điêu khắc ở mỗi ngôi chùa ở Việt Yên được bảo tồn và giữ nguyên trạng càng tôn thêm vẻ đẹp cổ kính đầy bản sắc của các ngôi chùa Việt Yên, Bắc Giang nói riêng và Việt Nam nói chung.

https://tieulun.hopto.org

NGÔI NHÀ NGŨ UẨN

TRẦN CAO LỘC



Chính là thân ta được xây đắp bằng 5 uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Có được thân người, tức là đã sống vô số chu kỳ, hay nhiều kiếp, không những đã từng làm người, mà có thể đã từng làm nhiều loại sinh linh khác nhưng vì vô minh mà quên tất cả, khi tái sinh, chúng sinh trở thành ngây thơ, ấu trĩ, dại khờ.

https://tieulun.hopto.org

Vô minh là "khoen đầu" tiên của 12 nhân duyên. Vô minh thường làm cho ta thấy ngược lại: Hại cho là lợi, khổ cho là vui, thương cho là ghét, tốt cho là xấu,... Khi hết vô minh, bậc giác ngộ có TÚC MẠNG THÔNG biết rõ mọi kiếp trước nhưng vì chúng ta vô minh nên không thể có được.

Ngôi nhà ngũ uân của chúng ta (Paícakhandhđ) là tập hợp gồm **Sắc, Thọ, Tưởng, Hành** và**Thức** trong một con người:

* **Sắc uẩn** là những gì tập hợp thành xác thân,
* **Thọ uẩn** là những gì tập hợp thành cảm giác,
* **Tưởng uẩn** là những gì tập hợp thành nhớ chấp,
* **Hành uẩn** là những gì tập hợp thành tư cách tạo nghiệp,
* **Thức uẩn** là những gì tập hợp thành cái biết.

Chúng không bền vững, không thường hằng nên trong Ngũ uẩn thí dụ kinh cũng như trong *Kinh Tương Ưng* có nêu ví dụ về tính cách vô thường này.

1/ SẮC UẨN:

Sắc (rupaskandhah): Trung Hoa dịch "biến ngại vi nghĩa" nghĩa là lấy biến ngại làm nghĩa. "Biến" nghĩa là biến dịch, thay đổi, chuyển biến vô thường. "Ngại" là đối ngại, ngăn ngại giữa cái này và cái khác, giữa căn và trần. Như vậy, khi căn tiếp xúc với

https://tieulun.hopto.org

trần, sắc sẽ biến đổi vô thường.

Sắc là pháp hợp tan, có điều kiện, có chu kỳ. Trong Kinh Phật ví nó như đám bọt nước trôi theo dòng sông nên có lúc phải ly tán

Trong Ngũ uẩn Thí dụ kinh nói về tính chất của sắc:

"... một thời, Đức Phật đến thăm nước Mị Thắng. Khi đi qua sông ngài thấy một đám bọt nước to tụ lại trôi theo dòng sông, Ngài bèn nói với các Tỳ kheo rằng: Chư Tỳ Kheo, đám bọt nước to tụ lại trôi theo dòng sông này, cho một người có một cặp mắt quan sát, suy xét thì biết đám bọt nước này là không hằng hữu, là hư vô, là không thật và tiêu tan một cách nhanh chóng. Vì sao vậy? Vì bọt nước này không kiên cố".

Trong kinh Tương Ưng, Thế Tôn nói về tính chất của sắc khi nhìn thấy các bọt nước trên sông Hằng: "...sông Hằng chảy mang theo đống bọt nước lớn. Có người có mắt nhìn đống bọt nước ấy, chuyên chú, như lý quán sát. Do nhìn chuyên chú, như lý quán sát, đống bọt nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng...".(1)

Ngũ uẩn Thí dụ kinh cũng nói về tính không thực của sắc:

"... Cũng như vậy, các Tỳ kheo, tất cả các sắc

https://tieulun.hopto.org

mà ta thấy trong quá khứ, tương lai và hiện tại, ở trong hay ở ngoài, to hay nhỏ, tốt hay xấu, xa hay gần, nếu các tỳ kheo nhận xét kỹ càng thì sẽ thấy sắc là không hằng hữu, là hư vô và không thực.

Tương tự như trong kinh Tương Ưng có nói: "... phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tê, hoặc liệt hay thăng, hoặc xa hay gần... Do vị Tỳ kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát sắc, sắc ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không..."(2)

Ngoài ra, nó còn các tính chất khác như: Không thật, không thường, nó là khổ não, là hư không, là vô ngã.

Chính vì không thật nên nó vô thường, nếu chấp thân này sẽ sinh khổ não. Và vô ngã là như thế nào? Làm sao để đối trị nó?

Vô ngã ở đây gọi là Phi thân, tiếng Phạn là anatman, tiếng Anh là non-self. Nó chỉ là một dạng tâm thức luôn luôn thay đổi biến thiên không ngừng.

Phi thân là một trong chín điều gọi là cửu tuyệt: 1) Chỉ, 2) Quan, 3) Bất tham, 4) Bất khuể, 5) Bất si, 6) Phi thường, 7) Vi khổ, 8) Phi thân, 9) Bất tịnh.

Và dùng Cửu tuyệt để đối trị với cửu phẩm: 1) Si, 2) Ái, 3) Tham, 4) Khuể, 5) Hoặc, 6) Thọ, 7) Canh, ở đây có nghĩa là Xúc 8) Pháp, 9) Sắc.(3)

https://tieulun.hopto.org

2/ THỌ UẨN:

Thọ hay cảm giác đều do duyên hợp mà thành, nó chỉ chấm dứt khi không còn điều kiện để tồn tại, chứ nó không chiều theo ý muốn của ta. Từ đó tâm sinh ra bất mãn, hay bất toại nguyện với cái vừa ý không kéo dài, hay với cái không vừa ý chẳng chấm dứt sớm.Cảm giác thuận hay nghịch ây chăng phải chỉ xảy ra trong quan hệ với ngoại cảnh, mà nó còn xảy ra ngay trong chính thân tâm con người và tin tưởng rằng cái ta **cảm thọ** này có thật.

" Thọ" trong kinh ví như bong bong nước:

"Chư Tỳ kheo, lại như mưa tạo ra những bong bóng nước, những bong bóng này sinh sinh diệt diệt. Cho một người có một cặp mắt quan sát, suy xét thì biết những bong bóng nước này không hằng hữu, là hư vô, không thực và tiêu tán một cách nhanh chóng".

Vì sao vậy? Vì những thống khổ là hư vô và không thực.

Trong kinh Tương Ưng, Phật dạy cho một vị gia chủ khi thân thọ khổ cần phải học tập: "Dầu cho thân tôi có bịnh, tâm sẽ không bị bệnh".(4)

Ngài Xá Lợi Phất giải thích thêm do bị ám ảnh sắc thân này là của ta nên khi bị biến hoại, đổi khác sẽ khởi lên sầu, bi, khổ, ưu não; tương tự, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

https://tieulun.hopto.org

3/ TƯỞNG UẨN:

Tưởng (samjnaskandhah): Trung Hoa dịch " thủ tượng vi nghĩa" lấy cái ảnh tượng bên ngoài đưa vào trong tâm gọi là tưởng.

Tưởng uẩn hay nhận thức, tri giác. Tưởng uẩn là sự vận hành của thức. Chức năng của tưởng là so sánh, phân biệt. Tác dụng của tưởng tuỳ thuộc vào trình độ, kinh nghiệm của hành giả. Ví dụ: Khi đụng tay vào lửa, đứa trẻ khóc và rút tay ra, nhưng lần sau nó vẫn tiếp tục lấy tay sờ lửa, vì bé mới có thọ chưa có tưởng. Nhưng người lớn khi bị bỏng tay vì lửa, sau thấy lửa liền tránh, vì người lớn đã có tưởng...

Có sáu loại tưởng uẩn: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, sở xúc tưởng, pháp tưởng.

Trong Ngũ uẩn Thí dụ kinh có nói về tính chất của tưởng như sau:

"Các Tỳ kheo, lại như mùa hè nóng bức, ánh nắng mặt trời đang lúc giữa trưa, cho một người có một cặp mắt quan sát, suy xét, thì biết nóng bức này là không hằng hữu, là hư vô, là không thật và tiêu tán một cách nhanh chóng. Vì sao vậy? Vì nóng bức này không kiên cố".

Do vì không kiên cố nên nó cũng như hư vô và không thực.

https://tieulun.hopto.org

4/ HÀNH UẨN:

Hành (samskaraskandhah): Có hai nghĩa:

- *Thiên lưu:* Các pháp luôn biến dịch, trôi chảy mãi như một dòng nước nên gọi là hành.

- *Tạo tác:* Mọi hành động của thân, khẩu, ý đều là sự tạo tác nên gọi là hành.

Hành uân: Những tạo tác của tâm, như thiện ác, tốt xấu... Nó chính là tư tâm sở (cetana), nhân tố quyết định nghiệp, vì tưởng mới chỉ là ý nghĩ, còn khi quyết định làm, hành động thuộc về hành.

Có hai loại hành: Thân hành thì gây tội lỗi, oan trái, kết nghiệp. Tâm hành thì lẫn lộn giả với chân, thiện với ác, khổ với vui, thường với vô thường. Và căn bệnh nặng nhất của tâm là **sở tri chướng**.

Trong Ngũ uẩn Thí dụ kinh nói về tính chất của hành như sau:

" Các Tỳ kheo, lại như một người vào rừng tìm gỗ tốt thấy một cây chuối to đẹp thật thẳng, bèn đốn cây xuống, cắt ngọn và lá đi bóc từng lớp lớp vỏ đi để tìm gỗ tốt, nhưng tìm không thấy cái lõi cứng chắc của cây đâu cả".

Chính vì không tìm được lõi cứng nên cây chuối này là không thật và cũng không có gì bền vững cả.

https://tieulun.hopto.org

5/ THỨC UẨN:

Thức (Vijnanaskandhah): "Liễu biệt vi thức" nghĩa là biện biệt một cách rõ ràng.

Thức là một phản ứng có căn bản như nhãn thức (cakkavin-nàna) có con mắt làm căn bản và hình sắc làm đối tượng... Thức (manavinana) có ý (manas) làm căn bản và ý niệm hay tư tưởng làm đôi tượng. Thức được gọi tên tuỳ thuộc điều kiện mà nó phát sinh; Ví dụ: Do duyên con mắt và sắc thức sinh thì gọi là nhãn thức; do duyên tai và tiếng thức sinh gọi là nhĩ thức, tương tự ta có tỉ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Nó tương tự một ngọn lửa được gọi tên tùy theo nhiên liệu như lửa củi, lửa rơm...

Trong Ngũ uẩn Thí dụ kinh ví thức uẩn như một trò ảo thuật nên nó cũng không thật.

"Các Tỳ kheo, lại như một thầy làm ảo thuật và những đệ tử ở một ngã tư đường biểu diễn ảo thuật cho công chúng xem, làm nhiều màn ảo thuật nào là đàn voi đi, đàn ngưa chạy".

Khi ví thức như một trò ảo thuật thì ngay chính bản thân nó là ảo nên không có thật.

Nói chung, trong Ngũ uẩn Thí dụ kinh cũng như trong kinh Tương Ưng đều cho năm uẩn dù ở "quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng... xa hay gần...", tất cả phải như thật quán và không chấp trước vì: "Không có cái gì ở

https://tieulun.hopto.org

trong đời ta chấp trước mà không có phạm tội", và đó chính là "tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này".

Với tính chất của năm uẩn trên, trong kinh này Phật nói bài kệ như sau:

" Sắc như bọt nước tán tụ , thống khổ sinh diệt như bong bóng nước,

Tưởng như cái nóng của mùa hè, hành động trống bọng như thân cây chuối.

Thức như những ảo thuật, chư Phật nói như vậy".

Những ví dụ về uẩn trong Ngũ uẩn Thí dụ kinh cũng giống như trong kinh Tương Ưng:

Sắc ví với đống bọt
Thọ ví bong bóng nước
Tưởng ví ráng mặt trời
Hành ví với cây chuối
Thức ví với ảo thuật

...
Hãy quán uẩn như vậy,
Vị Tỳ kheo tinh cần ,
Suốt cả đêm lẫn ngày,
Tỉnh giác chánh tu niệm.[5]

Tương tự *kinh Tạp A Hàm* và *Hoa Nghiêm* nói về sự vô ngã của năm uẩn:

Quán sắc như bọt nước,
Thọ như bong bóng nước,

https://tieulun.hopto.org

Tưởng y như sóng nắng,
Các hành như cây chuối,
Các thức là vô ngã.

Như vậy, tính chất của năm uẩn là không thực như những bọt nước, bóng nước, sóng nắng, cây chuối... không có gì là bền vững.

Trong Ngũ uân Thí dụ kinh cũng có nói "Quả thật tất cả là hư không, thấy mọi điều đều vô thường cả". Do đó là người trí phải dứt trừ "tam sự" thì sẽ thấy thân nầy không có giá trị gì cả. Tam sự ở đây có thể hiểu là tham, sân, si, đó chính là tam độc. Vì biết ngũ uẩn như vậy, Phật khuyên các Tỷ kheo hãy tinh cần, chánh trí để đạt được an lạc, tịch diệt.

Tóm lại con đường (magga) của đạo Phật là giải thoát sự trói buộc của nghiệp, có nghĩa là sự giải thoát khỏi sự trói buộc của năm uẩn. Vì nghiệp là sự vận hành của năm uẩn.

Thực ra, cái ta gọi là "linh hồn", "cá thể", "tôi"... chỉ là cái tên gọi hay nhãn hiệu để đặt cho sự nhóm họp của năm uẩn, vốn là vô thường, hằng biến. Một sự vật biến mất, làm nhân duyên cho sự xuất hiện của vật kế tiếp trong chuỗi dài nhân quả. Không hề có gì là bản thể bất biến ở đằng sau chúng mà chúng ta có thể gọi là cái ngã trường cửu (àtma), cá thể, hay cái "tôi" thật sự.

Không có yếu tố sắc, thọ, tưởng, hay hoạt động

https://tieulun.hopto.org

nào thuộc hành uẩn hay thức uẩn có thể gọi là "cái tôi". Vì sao? Vì nếu cái tôi ấy là sắc hay thọ, hay tưởng, hay hành, hay thức, thì chúng ta có thể điều khiển nó như thế này hay thế khác! Nhưng trong thực tế, chúng ta không thể điều khiển được chúng bởi luật vô thường, biến hoại.

---

1. Kinh Tương Ưng, tập III, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, Phẩm Hoa, Nxb. Tôn giáo, 2000, tr252

3. Ngũ uẩn Thí dụ kinh (chú thích thứ 6).

4. Kinh Tương Ưng, tập III, Op.cit. , tr. 10.

5. Kinh Tương Ưng, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, Phẩm Hoa, Nxb. Tôn giáo, 2000, tr. 256.



https://tieulun.hopto.org

TỪ THIỆN XÃ HỘI TRONG GIÁO LÝ PHẬT GIÁO

CHỬ THỊ KIM PHƯƠNG



1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN ĐẾN TỪ THIỆN XÃ HỘI

Bố thí. Bố thí là hạnh đầu tiên trong sáu hạnh của Bồ tát. Nguyên âm chữ Phạn nghĩa là sự cho, dịch sang tiếng Việt là sự Bố thí. Bố là khắp, thí là cho, cho khắp tất cả. Như vậy, với Phật giáo, Bô thí nghĩa là sự cho, tặng, biếu, cúng dường.

Nhập thế. Khái niệm "Nhập thế" thường được sử dụng với nghĩa là sự tham gia của các chức sắc, tín đồ tôn giáo vào các hoạt động của đời sống xã

https://tieulun.hopto.org

hội. Sự nhập thế của Phật giáo trong xã hội hiện nay được biểu hiện bằng các hoạt động thực hiện việc đời bên cạnh việc tu tập của Tăng ni, Phật tử. Hoạt động từ thiện luôn gắn chặt với tinh thần nhập thế. Hoạt động từ thiện không chỉ đơn giản là việc quyên góp tiền bạc theo sự vận động để thỉnh thoảng đem ban phát, mà hơn nữa, những gì được quyên góp phải được triển khai thành những đề án. Đề án đó nhằm phát triển xã hội ở lĩnh vực nào thì tùy theo từng tổ chức.

Từ bi. Theo *Từ điển Phật học,* Từ (Metta) là sự thương yêu chúng sinh và tạo cho chúng sinh sự an lạc; Bi (Karuna) là sự đồng cảm với nỗi khổ của chúng sinh.

Từ thiện. Theo *Từ điển Tiếng Việt,* Từ thiện là (người có của) có lòng thương người, sẵn sàng giúp đỡ người nghèo khổ để làm phúc.

Theo *Từ điển Phật học*, Từ thiện là những việc cứu giúp kẻ nghèo khổ, tật bệnh, hoạn nạn trong đời dựa trên cơ sở của lòng từ ái.

Từ thiện, theo quan điểm của Phật giáo, thường được hiểu là bố thí (xem: Bố thí).

Từ thiện xã hội. Khái niệm *Từ thiện xã hội* được sử dụng trong bài viết này với nghĩa là những hoạt động giúp đỡ, cứu trợ những người nghèo khổ, tật bệnh, hoạn nạn, khó khăn trong cuộc

https://tieulun.hopto.org

sống. Với Phật giáo, từ thiện xã hội là sự thể hiện lòng từ bi và tinh thần nhập thế, sự dấn thân của các vị tăng sĩ và Phật tử vào đời sống xã hội thể hiện qua những hoạt động cụ thể để cứu giúp những mảnh đời khổ hạnh.



2. VẤN ĐỀ TỪ THIỆN XÃ HỘI TRONG GIÁO LÝ PHẬT GIÁO

2.1. Về Hạnh Bố thí

Từ thiện, theo Phật giáo, thường được hiểu là Bô thí. Bô thí là một đức hạnh tôi quan trọng trong cách thức tu tập, hành trì và hoằng dương Phật pháp của cả tăng sĩ lẫn cư sĩ trong các tông phái của Phật giáo. Trong 6 pháp Ba La Mật (Bố thí, Trì giới,

https://tieulun.hopto.org

Nhẫn nhục, Tinh tiến, Thiền định) của Phật giáo Đại thừa hay trong 10 pháp Ba La Mật của Phật giáo Nguyên thủy thì Bố thí luôn là hạnh đứng đầu.

Với Phật giáo, Bố thí có ba loại: Tài thí, Pháp thí, Vô cực thí (Bố thí vô cực).

Tài thí là bố thí tài vật như của cải, vật chất, nhà cửa, tiên bạc,... Đối với Tài thí, theo Phật giáo, điều quan trọng không hoàn toàn ở giá trị của tài vật mà là ở thái độ và động cơ của hành động bố thí. Tài thí không chỉ là việc bố thí của cải vật chất, mà đôi khi còn bố thí cả các bộ phận trên thân thể và thậm chí cả thân mạng. Do cách hiểu tài thí như vậy nên mới có sự hình thành những tổ chức từ thiện Phật giáo kêu gọi Phật tử hiến máu, hay hiến thận, hiến xác sau khi chết cho khoa học.

Pháp thí là bố thí Phật pháp, nghĩa là giáo dục Phật pháp cho người khác, cho người khác những lời nói tốt đẹp và có ích lợi. Pháp thí không chỉ được hiểu là đem đến với người khác, mà còn là việc truyền trao hay định hướng nghề nghiệp (theo tinh thần Phật giáo), trực tiếp hướng dẫn làm giảm đi những tệ nạn xã hội. Thực hành Pháp thí, các tăng sĩ và Phật tử đã mở các trường học, những nơi dạy nghề, những trung tâm tư vấn xã hội, v.v... Theo Phật giáo, phương thức bố thí này đem lại kết quả tốt, có tác động mạnh đến đời sống của nhân loại.

https://tieulun.hopto.org

Bên cạnh Tài thí và Pháp thí, trong Phật giáo còn có hình thức Bố thí Vô cực. Trong tác phẩm*Lục Độ Tập Kinh*, viết vào thế kỷ III, nhà sư Khương Tăng Hội đã giải thích về Bố thí Vô cực như sau:

"Bố thí vô cực nghĩa là gì? Là từ bi dưỡng dục người và vật, thương xót những người lầm theo tà đạo. Vui mừng cho người hiền được siêu độ, cứu hộ chúng sinh, ân trạch vượt trời đất, sâu hơn biển. Bố thí chúng sinh, đói cho ăn, khát cho uống, rét cho mặc, nóng cho mát, bệnh cho thuốc". Như vậy, về hình thức, Bố thí Vô cực chủ yếu là bố thí của các bậc cao tăng, cụ thể là các vị Bồ tát. Về bản chất, Bố thí Vô cực chủ yếu là Tài thí, tức là bố thí của cải vật chất, không tiếc của cải lớn nhỏ, không giới hạn kể từ tính mạng đến tài sản, từ vợ con của mình, ngôi vua của mình đến quốc thổ của mình,... Theo Nguyễn Duy Hinh, "xuất phát điểm của lý luận Bố thí Vô cực là lý luận Vô Ngã, nghĩa là không có cái gì là của Ta và xa hơn nữa là tư tưởng Không"[(3)].

2.2. Nguyên lý "Phụng sự chúng sinh tức là cúng dường chư Phật" của Phật giáo

Phật giáo quan niệm rằng, thấy người làm việc lành, việc đúng, mình tán thán bằng lời, hoặc góp một phần công, giúp một phần của để thành công việc lành ấy. Tam bảo là cây cầu đưa chúng sinh từ bến mê qua bờ giác, là con thuyền cứu vớt chúng

https://tieulun.hopto.org

sinh đang chìm trong bể khổ đưa đến bờ Niết bàn, là ngọn đèn soi đường cho chúng sinh khỏi lạc trong rừng tối vô minh. Người phát tâm tán trợ bồi bổ tô đắp cho Tam bảo thường còn ở thế gian là cúng dường. Tất cả những sự bao bọc giúp đỡ gìn giữ để Tam bảo thường còn đều gọi là cúng dường.

Tam bảo gồm Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Phật đã quá khứ chỉ còn lại hình tượng. Pháp bắt nguồn từ chữ Phạn đến chữ Hán còn nằm sẵn trong kho tàng nhà chùa. Tăng là những tu sĩ theo Phật học chính pháp. Tam bảo đều quý kính, song quan trọng nhất là Tăng. Bởi vì, Tăng là những vị gìn giữ chùa chiền, giảng dạy chính pháp. Thế nên, cúng dường Tam bảo, với mục đích Tam bảo tồn tại ở nhân gian. Người Phật tử chân chính khi phát tâm cúng dường chỉ vì mong cho Tam bảo thường còn ở thế gian để đưa chúng sinh ra khỏi đau khổ, mê lầm. Vì Tam bảo thường còn ở thế gian để làm lợi ích cho chúng sinh, trong chúng sinh đã có bản thân mình. Nhờ sự cúng dường chân chính của Phật tử và nhân dân thúc đẩy Tăng ni đã cố gắng càng cố gắng hơn trong nhiệm vụ cao cả của mình. Tăng sĩ và Phật tử phụng sự chúng sinh tốt chính là cúng dường chư Phật.

Câu tuyên bố nổi tiếng của đức Phật: *"Phụng sự chúng sinh tức là cúng dường chư Phật"* là nguyên lý nhập thế căn bản của đạo Phật. Đức Phật chưa bao

https://tieulun.hopto.org

giờ và không bao giờ dạy con người rằng, muốn được an vui hạnh phúc ở Niết bàn, muốn được kết quả phúc báu trên cuộc đời, cuộc sống thực sự có ý nghĩa hãy phục vụ Ngài. Đức Phật thay thế sự phục vụ Ngài bằng phụng sự chúng sinh, tức đem phúc lợi xã hội đến với mọi người, mọi loài. Đạo Phật dạy cho con người mở lòng từ bi ở chỗ thể hiện lòng từ bi đó không giới hạn ở bất kỳ biên cương, bờ cõi, màu da, sắc tộc, giới tính, tuổi tác... Mọi người đều cần được chăm sóc, yêu thương lẫn nhau. Cách thức mở rộng tình thương yêu này làm tâm con người không bị giới hạn bởi bất kỳ hạn cuộc nào.

Bản chất câu tuyên ngôn *"Phụng sự chúng sinh tức là cúng dường chư Phật"* của Đức Phật là một đẳng thức hóa, nâng tầm giá trị an vui lợi lạc của chúng sinh đến chỗ cao quý nhất được dâng cúng cho Ngài và các bậc giác ngộ. Đức Phật thấy rõ, mục đích sự có mặt của Ngài trong cuộc đời không phải để phục vụ Ngài, mà mong thông qua lời dạy của Ngài, con người phụng sự con người, mang lại lợi lạc và hạnh phúc cho tha nhân.

Các Tăng ni, Phật tử luôn khắc ghi lời Đức Phật dạy: *"Phụng sự chúng sinh tức là cúng dường chư Phật"*. Đây là phương châm nhập thế cơ bản của đạo Phật. Giá trị an vui lợi lạc của chúng sinh được nâng tầm đến chỗ cao quý nhất để dâng lên Đức Phật và

https://tieulun.hopto.org

các bậc giác ngộ. Thông qua lời dạy của Ngài, con người phụng sự con người, mang lại lợi lạc và hạnh phúc cho nhân gian.



Ban điều hành Quỹ từ thiện Sala (Chùa Phật học Xá Lợi) ra mắt và trao quà cho đồng bào nghèo Phường 7, Quận 3

2.3. Lòng từ bi

Lòng từ bi, hay tình thương, là nguồn an ủi chúng sinh đang đau khổ, là bê nước mát ngọt đê cho người đang bị lửa trần gian thiêu đốt nhảy ùm xuống tắm gội. Song tình thương này phải hoàn toàn vị tha, không nhuốm một chút mùi vị kỷ. Nếu là tình thương vị kỷ, chẳng những không làm vơi được nỗi

https://tieulun.hopto.org

khổ của chúng sinh, trái lại còn dìm họ chìm sâu trong biển khổ. Từ bi là cho vui cứu khổ đến mọi người. Sự vui khổ của người xem như vui khổ của chính mình, chia vui sớt khổ cho nhau đấy là lòng từ bi. Vì thế, cho vui cứu khổ đến mọi người mà không thấy ta là kẻ ban ân, kia là kẻ thọ ân. Tận tâm, tận lực vì người, không có một niệm vì mình là từ bi, mới là tình thương chân thật. Tình thương từ bi là tình thương đồng hóa khổ vui của người như của mình. Mọi xót thương cứu giúp người, không vì mình, mới đúng thật là lòng từ bi vậy.



Đoàn từ thiện của chùa Tịnh Nghiêm (Bình Dương) tổ chức chuyến đi cứu trợ cho đồng bào vùng bão lũ.

https://tieulun.hopto.org

NHÀ LAM HỌP MẶT
Mùa Lễ Phật Thành Đạo

MINH DŨNG- ĐẶNG HÙNG ANH



Trời mai gió lạnh tái tê
Lần xem phong cảnh bốn bề sương bay
A! Ngày vui đến rồi đây!
Lòng xuân phơi phới, siết tay lên đường
Ta làm tung dưới ánh dương
Ôi, màu hương khói mến thương vô cùng

https://tieulun.hopto.org

Đẹp thay một buổi tương phùng
Tiếng ca vang dậy một vùng xôn xao
Chị, anh, em ở nơi nào
Bắt tay nhau với lời chào thiết thân
Mến chào các bạn xa gần
Đời vui ta được mấy lần hôm nay
Luyện rèn, học tập hăng say
Vang ca dưới bóng cờ bay rợp trời
Còn gì thân thiết ta ơi!
Còn gì, cao đẹp bằng đời tình Lam?
Giống nòi còn cách Bắc, Nam
Non sông còn cảnh đạn bom tung hoành
Trước phong ba mạnh vươn cành
Ta đem tâm lực đấu tranh cho đời
Hương Lam nguyện tỏa muôn nơi
Hành Bi, Trí, Dũng đây lời nhắc nhau
Rộn ràng bao trại trước sau
Chan hòa ánh Đạo nhiệm mầu, thiêng liêng.

https://tieulun.hopto.org

Từ Quang

HỒNG BĂNG



Nắng xiên mây
Thẳm xanh hồn độ lượng
Trong veo hạt mưa mùa

Nắng xiên lá
Sáng trưng ngày nguyên xuân
Trong veo thu diễm lệ

https://tieulun.hopto.org

Nắng xiên gió
Thơm thơm về ba cõi
Em vẫn còn chân sáo hồn nhiên

Nắng xiên trăng
Huyền diệu treo thượng tuần
Vàng tơ cá hớp

Nắng xiên áo
Mùa đương thì tinh khôi
Ngẩn ngơ hồi trống ngực
Lá buông mình

Nắng xiên tôi
Vươn vai ngày chim hót
Từ Quang.

https://tieulun.hopto.org

BI KỊCH EUDIPE LÀM VUA QUA NHÂN QUẢ NGHIỆP BÁO [1]

THÍCH THIỆN HƯNG

Viết hơn 120 vở kịch, 20 lần đoạt giải nhất, Sophocle (496-406 tr.c.n) là nhà viết kịch-thơ vĩ đại của sân khấu Athen. Công diễn năm 428 TCN, tác phẩm Eudipe làm vua tiêu biểu nhất cho sự nghiệp sáng tác của Sophocle khi *"Ca ngợi ý thức trách nhiệm của một nhà cầm quyền đối với vận mệnh nhân dân... Phản ánh ý chí tự do của con người trong cuộc xung đột với ý chí thần thánh, số mệnh"*[2].

Cốt truyện *Eudipe làm vua* xoay quanh lời sấm ngôn cho biết vua Laios sẽ chết bởi đứa con mình sinh ra và nó sẽ lấy hoàng hậu Jocaste (mẹ) làm vợ. Vì thế *"Đứa con vừa sinh ra ba ngày, Laios đã buộc cả hai chân giao cho một người ngoài (người chăn cừu) ném xuống thung lũng hẹp của một dãy núi cao"*[3]. Nhưng người chăn cừu đã trao đứa bé cho gã khách lạ mang sang nước láng giềng, đặt tên là Eudipe Vì bị trói chân sưng nên người khách lạ đặt tên Eudipe[4]. Sau đó Eudipe được người khách lạ tặng cho vua Polybe và hoàng hậu Mérope. Tình cờ

https://tieulun.hopto.org

một hôm Eudipe biết được ông là con nuôi, qua một gã say rượu. Eudipe buồn bã, bỏ nhà đi đến Delphes(5); thần Apollo(6) phán *"Ta (Eudipe) sẽ là tên hung thủ giết cha, là người chồng của mẹ, rằng ta sẽ sinh ra một giống nòi kinh tởm trước con mắt người trần"*(7). Để tránh số mệnh đó, Eudipe đi thật xa, nhưng nào ngờ hướng đi đó lại về quê hương nơi cha mẹ ruột ông sinh sống. Lời sấm ngôn ứng nghiệm, Eudipe đã giết cha (tức vua Laios) cùng đoàn tùy tùng tại một ngã ba đường. Eudipe vào thành Teb tiêu diệt được con nhân sư Sphinx(8), lên làm vua, lấy hoàng hậu Jocaste (mẹ ruột) làm vợ và sinh ra được hai con. Khi biết mình là hung thủ giết cha cưới mẹ, Eudipe đau khổ cùng cực, tự đâm thủng đôi mắt chịu kiếp mù lòa.

Tương tự như thế, Phật giáo có truyện vua A-xà-thế (rải rác trong các bộ kinh), được nhiều người biết đến, khá gần gũi Eudipe làm vua. Vua Tần-bà-ta-la và hoàng hậu Vi-đề-hi cầu sanh con quý. Vì có lòng tin tưởng nên thần mách bảo trên núi cách thành mấy dặm có vị tiên đang tu mạng chung sẽ làm con vua. Dù thọ mạng của vị tiên vẫn còn ba năm nhưng vua, vì nôn nóng nên ép vị tiên chết sớm. Trước khi chết ông nói rằng lúc vào làm con, tôi sẽ hại vua mà đoạt ngôi. Sau khi sanh ra vì một tai nạn, thái tử gãy một ngón tay. A-xà-thế lớn lên đã thực

https://tieulun.hopto.org

hiện lời xưa hại chết vua cha và giam mẹ mình vào ngục. Thời gian sau vua A-xà-thế biết tội nên đến gặp Đức Phật: "*Bạch Thế Tôn, con đã phạm một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, con đã hại mạng phụ vương con, một vị vua chơn chánh, để đạt vương quyền. Mong Thế Tôn nhận cho con tội ấy là một tội để con ngăn chặn về tương lai*"[9]. Đức Phật chấp nhận hướng dẫn cho ông sám hối trở thành Phật tử tục gia, trị nước anh minh, hùng mạnh và ủng hộ Phật giáo.



Một cảnh trong tác phẩm Eudipe

https://tieulun.hopto.org

Hai câu chuyện cho ta cái nhìn song chiếu thú vị. Truyện Eudipe làm vua nêu lên thuyết định mệnh của triết học phương Tây. Truyện vua A-xà-thế nhấn mạnh về Nhân quả, Nghiệp báo. Hai nhân vật Eudipe và A-xà-thế, đều rơi vào bi kịch. Eudipe bị ràng buộc bởi số mệnh, điều này được nêu ra trong kịch, thần thoại và triết học Hy Lạp khá rõ. Theo đó, thần linh nắm vai trò quyết định số mệnh con người nhưng tâm tính khá bất thường, có nhiều quyết định mang tính chất vô lý, phi nhân quả; con người mê tín, tin tuyệt đối vào những lời sấm truyền. Vật lộn với số mệnh là chủ đề lớn của nền tư tưởng Hy Lạp cổ đại. Hành động của con người hoàn toàn vô nghĩa, họ đấu tranh trong thất bại. Số mệnh luôn đẩy người ta vào góc khuất của lý trí và gắn cho nó cái tên vô thức. Eudipe muốn tránh tội lỗi nhưng không ai ủng hộ, mặc nhiên phải tuân thủ định mệnh. Mọi người chê trách, thần phán quyết, xã hội ruồng bỏ... Eudipe phải đâm thủng đôi mắt mang kiếp mù lòa, chịu cho đời nguyền rủa. Cốt truyện đúng với tư tưởng bi kịch triết học phương Tây mà Aristotle khẳng định "Bi kịch mô phỏng hành động, nó mô phỏng những con người đang hành động"(10). Cho nên, "Hành động và cốt truyện làm thành mục đích của bi kịch"(11). Eudipe xa quê hương thứ hai của mình khi được thần mách bảo để tránh tai họa giết

https://tieulun.hopto.org

cha cưới mẹ, trọn đạo làm con, nhưng thiện chí đó, lại đưa ông về nơi quê hương củ nơi cha mẹ ruột ông sinh sống và bi kịch đến với ông. Giác ngộ trong khổ đau khi tự đâm vào mắt chịu kiếp mù lòa chính là thành phần thứ ba của bi kịch (đau khổ) mà Aristote xác định, vì thế mà trừng phạt trở thành motif phổ biên của văn học phương Tây.

Đức Phật không chấp nhận yếu tố định mệnh bởi nó chỉ khiến con người bi quan yếm thế, không nỗ lực vượt qua chính mình. Đạo Phật cho rằng con người sinh ra và tồn tại hoàn toàn do sự chi phối của Nhân quả, Nghiệp báo. Trong Kinh tạng Nikaya, Đức Phật dạy: *"Các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình, nghĩa là có liệt có ưu"*[(12)] . Đạo Phật luôn hướng con người xóa bỏ mặc cảm tội lỗi để trở thành người tốt. Kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy: *"Người có lỗi lầm mà biết sám hối, người đó là ánh sáng chiếu cõi thế gian, là vầng trăng ra khỏi mây mù"*. Sám hối cần nhất là phát lộ và nhận lỗi, ăn năn lỗi đã tạo, ngăn những lỗi lầm không cho phát sanh, phát huy việc thiện. Người trí được Đức Phật tán thán là người nhìn thấy và sửa đổi lỗi lầm. Đức Phật dạy: *"Này các Tỳ-kheo, có hai loại người có trí. Thế nào là hai? Người có phạm tội*

https://tieulun.hopto.org

là thấy có phạm tội, và người chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình".

Eudipe và A-xà-thế đều là các nhân vật cao quý bậc nhất trong xã hội, nhưng khi bi kịch đến thì mỗi vị có lối thoát riêng qua sự sám hối và chuyển hóa tự tâm. Vua A-xà-thế là một minh chứng về nhận thức của Phật giáo, khi nhận lỗi, sửa lỗi sẽ được thăng hoa trong cuộc sống. Phật giáo không những chỉ giáo hóa người thuộc giai cấp cao quý mà còn chuyển hóa cho những người thuộc giai cấp thấp. Đó là trường hợp của tướng cướp sát nhân Angulimala (chàng Vô Não) trong kinh Trung Bộ II. Hắn giết đến 999 người nhưng được Phật khai thị về ý nghĩa đạo lý làm người. Nhờ vậy, Angulimala sám hối tội lỗi và phát nguyện xuất gia tu hành, chứng A-la-hán quả. Tinh thần bình đẳng không phân chia giai cấp của Phật giáo đã được truyền dạy hơn 26 thế kỷ cho đến hôm nay vẫn được đệ tử Ngài ứng dụng tu tập. Điều đó khẳng định rằng không một ai bị phụ thuộc vào số mệnh do người khác đem đến. Ta là chủ nhân nên có quyền chuyển đổi vận mệnh chính mình. Bi kịch Eudipe qua lăng kính Nhân quả, Nghiệp báo của Phật giáo không chỉ giúp ta nhìn rõ hơn về xã hội Hy Lạp cổ đại mà còn nhìn thấu sự yếu đuối của con người ngày nay: Vẫn còn tin vào số mệnh mà bói toán, cầu cúng...

https://tieulun.hopto.org

Hai cốt truyện có cấu trúc giống nhau nhưng cách xử lý vấn đề thì khác biệt dù hai nhân vật trung tâm đều mang bi kịch. Chân sưng (Eudipe) hay gãy ngón tay (Bà-la-lưu-chi) là những dấu hiệu của đau khổ trong cuộc đời. Hoặc trốn chạy sự ám ảnh bởi số mệnh theo triết học Hy Lạp hay tinh tấn tu học để chuyên hóa ác nghiệp theo Phật giáo, ta có quyền lựa chọn. Vận mệnh, nếu có, nằm trong quyết định của chính ta. Hiểu rõ hai bi kịch này thì mới thấy Phật học không bi quan yếm thế, bởi qua Nhân quả, Nghiệp báo mà con người tìm ra phương cách đúng đắn để giải quyết vấn đề. Người phạm lỗi được sám hối và tu tập chuyển hóa thân tâm thì có thể đạt đến thánh thiện, giác ngộ.

---

1. Nhân quả, Nghiệp báo là giáo lý quan trọng trong Phật giáo.

2. Sophocle, Eudipe làm vua, Hoàng Hữu Đản dịch, NXB Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội, 1984, tr.7.

3. Sđd, tr.47.

4. Vì bị trói chân sưng nên người khách lạ đặt tên Eudipe.

5. Ph. Delphes; HL. Delphoi, thành phố cổ Hy Lạp ở phía Tây Nam Phôkiđa (Ph. Phocide), trung tâm tôn giáo toàn Hy Lạp đền thờ nổi tiếng với sấm

https://tieulun.hopto.org

truyền của thần Apollo.

6. Apollo là vị thần ánh sáng, chân lý và nghệ thuật trong thần thoại Hy Lạp.

7. Sđd, tr.50.

8. Quái vật này ra câu hỏi nếu không trả lời được nó sẽ giết, ai trả lời được nó sẽ tự chết.

9. Trường Bộ Kinh, kinh Sa môn quả, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB, Tôn giáo, 2005, tr.157.

10. V.Y. Kantak, Pespectives on Indian Literary Culture, Dehli, 1996, p.37.

11. Aristotle, Sđd, tr.36.

12. Trung bộ III, kinh Tiểu nghiệp phân biệt, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB, Tôn giáo, 2001, tr.474.



https://tieulun.hopto.org

ĐẠO ĐỨC CỦA PHẬT GIÁO VỚI ĐẠO LÀM NGƯỜI

PGS.TS HOÀNG THỊ THƠ
Viện Triết học,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam



Với tư cách là hình thái ý thức xã hội, Phật giáo cũng như mọi tôn giáo, cũng mang trong nó những giá trị tư tưởng, như là sự phản ánh khát khao vươn tới chân - thiện - mỹ của chính loài người, song đặc biệt hơn ở chỗ chú trọng mục tiêu giải thoát khỏi khổ. Đạo đức của tôn giáo, xét từ ý nghĩa của hình thái ý thức xã hội, cũng chính là sự tích lũy của nhân loại, mà các tôn giáo với lập trường khác nhau đều phản ánh lại một cách tương đối hệ thống qua các

https://tieulun.hopto.org

phạm trù của riêng của mỗi tôn giáo nhất định. Từ mối quan hệ như vậy, giữa đạo đức tôn giáo và đạo đức xã hội luôn vừa có điểm chung vừa có khác biệt, và ở mỗi con người đều có hai tư cách (kép) vừa là công dân xã hội vừa là tín đồ tôn giáo. Không có đạo đức ngoài con người, ngoài xã hội, cho nên sự bóc tách hay phân định giữa đạo đức tôn giáo với đạo đức xã hội chỉ mang tính tương đối. "Giá trị lớn nhất của tôn giáo là những giá trị thuộc về đạo đức và văn hóa"(1).

Đạo đức luôn mang tính lịch sử cụ thể, nó ra đời, tồn tại và phát triển do nhu cầu nhất định của con người trong các quan hệ với xã hội và với thế giới tự nhiên của họ. Khi tồn tại xã hội thay đổi, các quan hệ xã hội thay đổi thì đạo đức cũng thay đổi theo với những quy tắc đạo đức, chuẩn mực hành vi có khi được đánh giá lại, xác định lại. Song mục tiêu chung của mọi hệ thống đạo đức là đều nhằm hoàn thiện nhân phẩm của con người và vươn tới xây dựng điển hình chân - thiện - mỹ lý tưởng, đạo đức Phật giáo cũng không ngoài quy luật chung đó.

Đạo đức Phật giáo là sự kết tinh đặc sắc tư tưởng, văn hóa Ấn Độ cổ song đến nay đã trở thành một điển hình đạo đức phương Đông trong toàn giá trị đạo đức của nhân loại. Trong đó có nhiều nội dung giáo dục đạo làm người tích cực đối với xã hội

https://tieulun.hopto.org

hiện đại hôm nay.

♦♦♦

Khi lập thuyết, khoảng thế kỷ thứ VI-V TCN, đức Thích Ca Mâu Ni (Sakhyamuni) đã đề xướng một cuộc cách mạng về tín ngưỡng, tôn giáo, phản kháng lại uy quyền thần thánh của Bà la môn giáo và khẳng định tất cả mọi người đều bình đẳng với nhau về nỗi khổ nên đều bình đẳng về khả năng giải thoát. Thích Ca Mâu Ni nhận ra rằng cánh cửa giải thoát của Bà la môn giáo không phải mở cho tất cả mọi người, mà chỉ dành riêng cho đẳng cấp Bà la môn, tự nhận là thần thánh và có quyền thực hiện các lễ nghi tôn giáo và tín ngưỡng trong xã hội. Các đẳng cấp thấp kém trong xã hội không thể có cơ hội lựa chọn tôn giáo cho mình, nhất là phụ nữ và các đẳng cấp nô lệ (thủ đà la: Sudra; chiên đà la: Canđàla) không được phép tự do hưởng bất kỳ dịch vụ tôn giáo nào. Thích Ca Mâu Ni đã khởi xướng một con đường tôn giáo bình đẳng mới, gọi là Phật giáo và được gọi là Phật. Theo đó, tất cả mọi người, mọi chúng sinh đều bình đẳng như nhau về khổ và do vậy cũng hoàn toàn bình đẳng trên con đường tới giải thoát.

Song về mặt đạo đức, đức Phật đã tiếp thu một cách có lựa chọn những giá trị đạo đức truyền thống. Đặc biệt, tuy chống lại tư tưởng bất bình đẳng tín ngưỡng và tôn giáo của Bà la môn giáo, nhưng đức

https://tieulun.hopto.org

Phật đã không phủ nhận sạch trơn những chuẩn mực đạo đức truyền thống mà Bà la môn giáo đã tích hợp được. Ngược lại, Người luôn khẳng định những phẩm chất tốt đẹp của một vị Bà la môn *(Brahama-bhuta)* và chỉ gạt bỏ đi lớp vỏ thần thánh của nó. Người từng nói: "Ai chiến thắng được sự ràng buộc, sự quy định của thế giới trần tục đều được gọi là Bà la môn, tên gọi đó không phải do xuất thân hay dòng dõi quy định..."(2). Đức Phật khẳng định địa vị cao quý đó hoàn toàn không phải do xuất thân, giòng tộc quy định, mà là do những phẩm hạnh cao quý đạt được nhờ tu dưỡng đạo đức và trí tuệ. Đức Phật phản đối sự độc quyền tôn giáo của đẳng cấp Bà la môn, nhất là sự truyền thừa đẳng cấp theo giòng tộc với ý nghĩa thần thánh hóa. Nhưng đức Phật không những không phủ định, mà còn đề cao con đường và cách thức tu dưỡng đạo đức của Bà la môn giáo cũng như nhiều phẩm hạnh cơ bản của một người Bà la môn. Như vậy, khái niệm cũ đã mang nội hàm mới và đã đáp ứng kịp thời nhu cầu bình đẳng, tự do về tâm linh, văn hóa của xã hội Ấn Đô lúc đó.

Đạo đức Phật giáo là kết quả kế thừa và phát triển có chọn lọc các khái niệm, phạm trù đạo đức cũng như các phương pháp tu tập của Ấn Độ cổ. Và đạo làm người của Phật giáo là con người nội tâm có

https://tieulun.hopto.org

tính tự giác cao độ. Đặc biệt nữa là, với tư cách một tôn giáo xây dựng trên niềm tin "giải thoát con người khỏi nỗi khổ trầm luân", nhưng Phật giáo lại là một tôn giáo có khuynh hướng vô thần. Phật giáo chủ trương khổ là do chính con người tạo ra nghiệp (karma) và bị quy định vào đó. Do vậy, giải thoát là sự nghiệp của chính mỗi người bằng việc tích lũy các nghiệp thiện và dứt bỏ hết các nghiệp ác chứ không nhờ vào sự ban cho của bất kỳ đấng thần linh nào. Như vậy ở Phật giáo, mục tiêu thực hiện giải thoát cũng chính là thực hiện tu dưỡng đạo làm người.

Ngoài những phạm trù đạo đức trong Bát Chánh Đạo, như một hệ thống lý luận về đạo đức (đạo đức học), Phật giáo còn có nhiều phạm trù và thuật ngữ về đạo đức rất độc đáo:

"Thiện" (akusa) là một phạm trù trung tâm của đạo đức nói chung - đối cặp của nó là bất thiện (akusala). Đây là phạm trù cơ bản nhất của đạo đức học mà bất cứ hệ thống đạo đức nào cũng coi trọng như là đích chuẩn. Tuy nhiên nội hàm của phạm trù này ở đạo đức Phật giáo không hoàn toàn giống các hệ thống đạo đức khác. Phật giáo quan niệm rằng thiện, ác, chính, tà không phải là vốn có, cũng không phải do thần thánh hay siêu nhân nào tạo ra hay quy định, mà nguồn gốc sâu xa là ở chính mỗi người.

https://tieulun.hopto.org

Phật giáo cho rằng do không hiểu biết, tức vô minh (avidya), mà nhầm tưởng có một cái Tôi (Ngã) đích thực, từ đó mà có chấp hữu ngã (atman), rồi nảy sinh dục vọng (kama) tham, sân, si và tạo ra hành vi (thân, khẩu, ý) dần tích thành nghiệp (karma) thiện hoặc ác, chính hoặc tà v,v... Giải thoát có nghĩa là vượt bỏ được vô minh về hữu ngã, tại đó sẽ tìm được Phật tính (tức tính người) vốn có. Khi đã giải thoát thì đồng thời không còn chấp thiện hay ác, chính hay tà và đạo đức trở thành tự tại tính, tự nhiên tính của con người.

"Nghiệp báo – nhân quả" là phạm trù trình bày quan niệm của Phật giáo về nguồn gốc tự thân của Khổ và nguyên tắc tự phán xét độc đáo của Phật giáo. Phật giáo kế thừa có chọn lọc thuyết Nghiệp báo luân hồi từ truyền thống đạo lý của Ấn Độ cổ, song phát huy theo hướng vô thần là "tự làm tự chịu", hạnh phúc hay khổ đau cũng do duyên sinh, làm thiện hưởng quả thiện, làm ác lãnh quả ác báo. Sự phán xét đạo đức của luật Nghiệp báo - nhân quả không phải của đấng thiêng liêng nào, mà tự tại; đau khổ hay hạnh phúc là hậu quả do chính nghiệp thiện hay ác mình đã làm. Đây là điểm làm cho đạo đức của Phật giáo độc đáo hơn so với các tôn giáo hữu thần, vì nó phát huy tối đa tính tự giác, tự tại của cá nhân, tuy rằng bí ẩn qua các kiếp... Sự phán xét của

https://tieulun.hopto.org

luật nghiệp báo - nhân quả răn con người phải dè chừng với từng hành động (thân, khẩu, ý) của bản thân.

"Tâm", "Tàm quý" là khái niệm của Phật giáo cho rằng mọi điều thiện ác, khổ đau, nghiệp chướng hay hạnh phúc đều do Tâm (Citta) tạo ra. Thân, khẩu và ý là những hành vi góp phần tạo nên nghiệp, nhưng tâm (ý) là tác nhân sâu xa nhất. Phật giáo cho rằng nếu hành bởi thân và khẩu nhưng vô ý thì vẫn không tạo nên nghiệp. Khi làm chủ được tâm thì sẽ làm chủ được hành động và lời nói và sẽ tránh không tạo nghiệp. Tàm quý là quan niệm đạo đức đặc biệt của Phật giáo còn được ghi lại trong kinh Angulimala thuộc Trung Bộ kinh II. Tàm quý là đức tính biết hổ thẹn, biết phục thiện với những sai lầm của bản thân. Đây là một phạm trù độc đáo góp phần làm rõ hơn tiêu chuẩn phân biệt thiện – ác, đúng – sai bởi vai trò của Tâm (ý), vì nó đòi hỏi tính tự phê phán, tự phản tỉnh ở trình độ rất cao của đạo đức. Trong cuộc sống cũng như trong quá trình tu dưỡng để trở nên hoàn thiện, không ai tránh được hết sai lầm; ngược lại, hầu hết mọi người đều chỉ có thể trưởng thành và thực sự trưởng thành khi vượt qua được sai lầm, biết sám hối, biết phục thiện. "Có hổ thẹn (tàm quý) là có thiện pháp, không hổ thẹn thì không khác chi cầm thú" (Kinh Di Giáo).

https://tieulun.hopto.org

"Giới" còn gọi là Giới luật, thực chất là sự cụ thể hóa quan niệm "thiện" của Phật giáo thành các chuẩn mực đạo đức. Giới được hiểu chung là các quy phạm đạo đức, điều cấm, điều răn được tiêu chuẩn hóa khá tỉ mỉ, quy định rõ cho nhiều loại, nhiều đẳng cấp tín đồ. Phật giáo Ấn Độ có hai từ để chỉ Giới: Pratimoksa và Silà, có hàm nghĩa là giữ giới nhiều thì giải thoát nhiều, giữ giới ít thì giải thoát ít; và nghĩa là luân lý, đạo đức, cách cư xử, tư cách đạo đức theo tinh thần làm lành, lánh ác, từ bi, hỷ xả... Qua lịch sử phát triển Phật giáo, Giới được chia thành nhiều mức lớp cho nhiều đối tượng nhiều trình độ khác nhau trong quá trình tu dưỡng và mỗi địa phương, mỗi môn phái Phật giáo cũng có thể tùy hoàn cảnh cụ thể để tăng giảm số lượng hay các chi tiết của giới.

Phổ biến nhất, gần gũi nhất với đạo làm người trong cuộc sống xã hội và cũng căn bản nhất của tu sĩ Phật giáo là Ngũ giới (năm giới luật cơ bản): Không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Ngày nay giới "không uông rượu" được phát triên rộng thành "không dùng chất kích thích" để phù hợp hơn với biến tướng của các chất gây ảo giác mới, nguy hiểm hơn rượu.

Chi tiết hơn của Ngũ giới là Thập thiện giới còn

https://tieulun.hopto.org

gọi là Thập thiện nghiệp. Thập thiện pháp hay gọi tắt là Thập thiện, gồm: Tránh ba nghiệp bất thiện của thân như không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm; tránh bốn nghiệp ác của khẩu như không nói dối, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời độc ác, không nói thêu dệt; và tránh ba nghiệp ác của ý như không tham dục, không sân, không si. Thập thiện giúp cho mỗi người có thể tự giác kiểm soát hành vi (thân, khẩu, ý) để không tạo nghiệp ác, bất thiện, không đúng đắn...

Dành cho cuộc sống tập thể hay cộng đồng của giới xuất gia và có thể mở rộng cho cả giới tại gia thì có Giới Lục hòa, còn gọi là Lục hòa kính pháp gồm sáu pháp hòa hợp và kính trọng lẫn nhau trong một cộng đồng: Thân hòa đồng trụ (chung sống), khẩu hòa vô tránh (lời nói ôn hoà), ý hòa đồng duyệt (thông cảm, chia sẻ với mọi cảnh ngộ), giới hòa đồng tu (cùng nhau giữ giới luật trong tu dưỡng), kiến hòa đồng giải (cùng nhau học hỏi tiến bộ), lợi hòa đồng quân (quyền lợi chia đều cùng hưởng).

Tinh thần đạo đức của Phật giáo còn được thể hiện thành nhiều khung mẫu đạo đức cụ thể hơn cho những đối tượng tu hành với mục đích nhất định. Chẳng hạn, để hỗ trợ cho quá trình tu dưỡng đạo đức tự giác cho Phật tử là nguyên tắc Tứ Chính cần trong tự giác tu dưỡng, gồm: Tự mình cần phải đoạn trừ

https://tieulun.hopto.org

những điều ác (bất thiện) đã sinh; tự mình không cho sinh khởi những điều ác (bất thiện) chưa sinh; những điều thiện đã sinh tự mình cần phải tiếp tục duy trì và phát triển; những điều thiện chưa sinh tự mình cần phải làm cho sinh khởi.

Tứ Vô lượng tâm, còn gọi là Tứ Phạm trú, gồm bôn tâm thiện (đạo làm người) có sức cảm hóa và lan tỏa rất lớn: Tâm Từ (Metta), tâm Bi (Karuna), tâm Hỉ (Mudita), tâm Xả (Upeksa) Các thuật ngữ Từ (Metta), tâm Bi (Karuna), tâm Hỉ (Mudita), tâm Xả (Upeksa)[(3)]. Tứ vô lượng tâm có quyền năng không giới hạn vừa cho mình (tự tha) vừa cho người (giác tha) để đối trị với ba cố tật (Tham, Sân, Si) khi còn chấp hữu ngã; và đối trị với 7 cố tật khó sửa và dễ nảy sinh trong tâm mỗi người là: Tham dục, Sân hận, Mê muội, Tà kiến, Nghi ngờ, Kiêu mạn, Keo kiệt.

Lục độ, còn gọi là Lục ba la mật hay Pháp môn tu Bồ tát thừa, gồm: - Bố thí (dana) tức là đem phúc lợi, tình thương ban phát cho người thiếu thốn thua thiệt. Bố thí được chia làm nhiều loại: tài thí, pháp thí, vô uý (không sợ hãi) thí, tịnh thí, bất tịnh thí... trong đó pháp thí có giá trị đạo đức cao nhất, lâu bền nhất. Bố thí là hành động thiện dễ dàng thực hiện nhất; Trì giới (silà) là thực hiện đúng đắn giới luật, làm chủ hành vi tâm, thân, ngữ; Nhẫn nhục (ksanti)

https://tieulun.hopto.org

là đức kiên nhẫn, nhẫn nại, không nổi giận, chịu đựng mọi hoàn cảnh khó khăn; Tinh tấn là chuyên cần, không ngừng nghỉ tu tập thiện pháp; Thiền định (dhyana) là tu luyện về nội tâm, như kiềm chế tâm, làm chủ phiền não, li xả dục vọng v,v...

Các chuẩn mực đạo đức làm người của tín đồ Phật giáo tại gia nói chung thì có Tứ pháp, Lục phương lễ, Tứ ân, Thập đức (dành cho nhà vua):

Tứ pháp là lời khuyên dành cho người thế tục trong việc mưu sinh làm sao có được nghề nghiệp trong sạch, bền vững, mà nay ta thường nói là đạo đức nghề nghiệp. Tứ pháp đó gồm: Một là phương tiện đầy đủ, tức là có nghề nghiệp chính đáng; Hai là bảo vệ giữ gìn đầy đủ, tức là không để mất mát, thất thoát thành quả và sức lao động; Ba là thiện tri thức, tức là có hiểu biết đúng đắn về các việc thiện và tránh các việc bất thiện trong làm ăn. Chẳng hạn như kết giao làm ăn với người tốt, tránh phóng đãng, rượu chè, cờ bạc, cô đào nhà thổ; Bốn là chính mệnh đầy đủ, tức là biết làm chủ cuộc sống, làm chủ kỹ năng nghề nghiệp, không lãng phí, không bủn xỉn, biết làm phúc và cúng dường, biết chăm nom cuộc sống cho quyến thuộc, biết tích lũy cho đời nay và chuẩn bị cho đời sau...

Lục phương lễ là một bài luân lý mà đức Phật dạy cho con của Thiện Sinh về phép tắc đối xử giữa

https://tieulun.hopto.org

người với người: Phương Đông là cha mẹ, phương Nam là anh em, phương Tây là vợ con, phương Bắc là bạn, phía dưới là nô bộc, phía trên là vị thầy tôn giáo. Các quan hệ phải có hai chiều cân đối, cùng tôn trọng nhau, vừa có nghĩa vụ vừa có quyền lợi, không thể thiên lệch phiến diện.

Tứ ân/ơn là bôn điều nhắc nhở người Phật tử đã được hưởng ân thì phải có nghĩa vụ trả những ân lớn: Ân cha mẹ; ân chúng sinh; ân quốc gia; ân Tam bảo. Tứ ân là các chuẩn mực đạo đức Phật giáo được bổ sung thêm về sau của Phật giáo Đại thừa và còn một vài thành phần trong đó chưa thống nhất, song điều đó cho thấy trong quá trình hội nhập vào các văn hóa bản địa, giảm bớt giới hạn "xuất gia" "xuất thế", "lánh đời" của Phật giáo nguyên thủy để tiếp biến thành công ở nhiều nơi mà Phật giáo du nhập.

Thập đức là mười đức tính mà nhà vua, nhà lãnh đạo tối cao của đất nước cần phải có: Liêm thứ khoan dung; Tiếp thu sự can gián của quần thần; Thường ban ân huệ và chia sẻ cùng dân; Thu đúng luật lệ; Không tham vợ con người khác; Không uống rượu; Không ham thú vui ca múa; Không thiên vị, xử đúng pháp luật; Không tranh chấp với quần thần; Thân thể khỏe mạnh (Trường A-hàm, Du hành kinh). Qua đây có thể thấy tư tưởng về phẩm chất

https://tieulun.hopto.org

của người lãnh đạo từ thời đại của đức Phật, thế kỷ thứ VI TCN, quả là tiến bộ. Nhiều nội dung trong Thập đức này đến nay vẫn có giá trị nếu được tiếp thu và thực hành thành đạo làm người của một nhà lãnh đạo.

Đặc biệt, Phật giáo có quan điểm đạo đức đối với môi trường có tính vượt trước rất tiên bộ. Phật giáo là một tôn giáo cổ, nó có cách ứng xử đặc thù của một tôn giáo đối với môi trường, hoàn toàn ngược với thái độ của một số tôn giáo hữu thần và đối lập với tinh thần chạy theo lợi nhuận của nền kinh tế công nghiệp và kinh tế tiêu dùng đối với môi trường tự nhiên. Theo cách nhìn của Phật giáo, sự đối xử của công nghiệp và tiêu dùng hiện đại đối với môi trường là chỉ chạy theo lợi nhuận và thỏa mãn không ngừng nhu cầu hưởng thụ mà Phật giáo cho rằng đó chính là khuyến khích tham, sân, si và khi bị chi phối bởi chúng nên sẽ gây nghiệp báo nặng nề. Những khủng hoảng môi trường, kiệt quệ về môi sinh cùng những mất cân bằng sinh thái chỉ có thể điều chỉnh bằng chính sự tu tâm để chiến thắng "tam độc" đó.

Phật giáo còn là một trong những tôn giáo sớm đưa tiêu chuẩn làm người gắn liền với phẩm chất biết thân thiện với môi trường. Phật giáo đã đặt ra một số quy định về thái độ ứng xử đối với tự nhiên

https://tieulun.hopto.org

theo nghĩa rộng. Có thể nói, tuy thuật ngữ "môi trường" hay "đạo đức môi trường" không có trong giáo lý nhà Phật, nhưng các giải pháp ứng xử của Phật giáo đối với tự nhiên rất phù hợp với quan niệm đạo đức môi trường hiện đại như trong Tuyên bố Seoul về Đạo đức môi trường 1997. Do vậy, có thể nói Phật giáo không đi trước vê thuật ngữ "đạo đức môi trường" nhưng đã đi trước về nội dung đạo đức môi trường, và hôm nay chúng ta có thể tham khảo và tiếp thu từ đó những gợi ý tích cực.

Thời đức Phật, việc giết nhiều con vật trong các nghi lễ tế thần của Bà la môn giáo đã phát triển tới mức cực đoan, dã man và lãng phí. Bản thân đức Phật trên quan điểm từ bi và bình đẳng giữa mọi sinh linh đã phản đối việt giết súc vật để làm lễ tế hay ăn thịt, và Người đã nêu quan niệm mới về giới "bất hại/ bất sát" (Ahimsha) đối với mọi sinh linh. Người coi "Ahimsha" là một trong những tiêu chuẩn hoàn thiện của một con người thông thái, một người đã làm chủ được bản thân trên con đường tới Niết Bàn. Xem Dharmapada, kệ 225: "The wise who hurt no living being, and who keep their body under self-control, they go to the immortal Nirvana, where onece gone they sorrow no more". Đức Phật lập luận rằng: "Tất cả mọi sinh linh đều run sợ trước nguy hiểm và cái chết, và yêu quý sự sống của mình. Khi

https://tieulun.hopto.org

người ta hiểu được điều này thì sẽ không giết hại hoặc gây ra sự chết chóc đối với sinh linh khác". Dharmapada, kệ 29: "All beings tremble before danger, all fear death. When a man considers this, he does not kill or cause to kill".

Theo nguyên tắc Trung đạo để đối xử với tự nhiên, Phật giáo cho rằng đạo làm người là biết sống dựa vào tự nhiên, nhờ tự nhiên để thỏa mãn các nhu cầu tối thiểu như thức ăn, thức uống, thức mặc và ở... nhưng không phải để thỏa mãn sự tham lam. Phật đã sớm giáo dục tinh thần cộng sinh (living in symbiosis with) theo nguyên tắc trung đạo khi khuyên các gia chủ nên học làm giàu giống như con ong lấy phấn hoa làm mật, không nên tham lam. Đó là biết sống cộng sinh với tự nhiên (Xem Sigalovada Sutra...).

Đạo đức làm người của Phật giáo có điểm mạnh riêng ở chỗ tuy là một tôn giáo song lại dựa trên nền tảng triết lý Duyên khởi, Vô ngã nên mang tính vô thần. Quan niệm Nhân quả - nghiệp báo của Phật giáo có yếu tố tâm linh huyền bí, tuy không kiểm chứng được hết bằng khoa học hiện đại, song cũng không thể phủ định các yếu tố hợp lý của thuyết này, và trên phương diện đạo đức làm người, quan niệm này vẫn phát huy tính tự giác, tính hướng nội cao hơn hẳn so với các tôn giáo hữu thần, và cả đạo đức

https://tieulun.hopto.org

vô thần giản đơn khác. Khả năng tự phán xét không đổ lỗi cho số mệnh cho thần thánh của triết lý nhân quả - nghiệp báo có ý nghĩa tự giác tu dưỡng đạo làm người rất thuyết phục. Sự phán xét của luật nhân quả cho đến nay vẫn có giá trị răn con người phải dè chừng với từng hành động (thân, khẩu, ý) của bản thân.

Tinh thần đạo đức Trung Đạo, hướng nội, tự giác này được bảo tồn và phát triển liên tục từ Phật giáo nguyên thủy qua các giai đoạn, tới nay. Từ phương diện đạo đức làm người, đạo đức của Phật giáo đã lấy con người và giải phóng con người khỏi khổ làm trung tâm, và nó đã bén rễ thuận lợi, một cách hòa bình ở nhiều nước trong khu vực châu Á, hoà đồng với hầu hết các đạo đức và tôn giáo bản địa trong khu vực. Nhìn một cách tổng thể, đạo đức làm người của Phật giáo là một hệ đạo đức tôn giáo nhưng nổi trội là có khuynh hướng vô thần, thiên về thế giới nội tâm và phát huy được phẩm chất người một cách độc đáo.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2015

(Xin tham khảo thêm Hoàng Thơ, Vấn đề con người trong Đạo Phật. Triết học số 6 (118), tháng 2-2000, tr. 41-44).

https://tieulun.hopto.org

1. Trần Văn Trình (2003) "Đạo đức Phật giáo và ảnh hưởng của nó đến đạo đức con người Việt Nam", Luận án tiến sĩ triết học.

2. Xem: The Heart of Buddhist Meditation. A handbook of Mental Traning Based on the Buddhas Way of Mindfulness, translated from the Pali and Sanskrit by Nyanaponika Thera, Samuel Weiser, New York, 1979, tr. 395-396.

3. Còn được ghi trong Digha Nikaya, hay trong Trường Bộ Kinh của Phật giáo. Xin tham khảo thêm Digha Nikaya: The Long Discourses (2010). John T. Bullitt soạn dịch <http://www.accesstoinsight.org/tipitaka/dn/index.html.>.

Danh mục sách tham khảo

1. G. Bandze Ladze. Đạo đức học. Tập 2. Nxb. Giáo dục, HN. 1985.

2. P. V. Bapat (General editor, 1909). 2500 Years of Buddhism. Ministry of information and Broadcasting Government of India. Delhi..

3. Vũ Trong Can (1944). Tinh thần Phật giáo. Nxb. Công lực, Tonkin.

4. Thích Minh Châu (1998), Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.

5. Collected famous quotes from Albert Einstein. http://rescomp,stanford,edu/~ cheshire/

https://tieulun.hopto.org

Einstein quotes.htm.

6. Digha Nikaya: The Long Discourses (2010). John T. Bullitt soạn dịch <http://www.accesstoinsight.org/tipitaka/dn/index.html.>

7. Nguyễn Đăng Duy (1999), Phật giáo với văn hóa Việt Nam, Nxb Hà Nội.

8. Francois Jullien (2000), Xác lập cơ sở cho đạo đức, Hoàng Ngọc Hiến dịch và giới thiệu, Nxb Đà Nẵng.

9. Nguyễn Hùng Hậu (2002), Đại cương triết học Phật giáo Việt Nam, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

10. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2000), Giáo trình đạo đức học, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. Maha Thong Kham Medhivongs (1970). Tìm hiểu Phật giáo Việt Nam nguyên thủy. Nhà in Phạm Ngũ Lão. SG.

12. Thích Thánh Nghiêm (1991). Phật giáo chính tín. Phân viện Nghiên cứu Phật học. HN.

13. Phật học cương yếu (Phật lịch 2505). Bản dịch của Thiều Chửu. Hội Việt Nam Phật giáo. Nxb. Đuốc Tuệ.

14. Kimura Taiken (1971). Nguyên thuỷ Phật giáo tư tưởng luận. Bản dịch của Thích Quảng Độ.

https://tieulun.hopto.org

Nxb. Khuông Việt. SG.

15. The Heart of Buddhist Meditation. A handbook of Mental Traning Based on the Buddhas Way of Mindfulness (1979), translated from the Pali and Sanskrit by Nyanaponika Thera, Samuel Weiser, New York.

16. Hoàng Thơ (2000), "Vấn đề con người trong Đạo Phật". Triết học số 6/2000.

17. Nguyễn Tài Thư (chủ biên 1989). Lịch sử Phật giáo Việt Nam. Nxb. KHXH, HN..

18. Thích Ấn Thuận (1992). Phật giáo khái luận. Nxb. Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp Hà Nội.

19. Nguyễn Đăng Thục (1991). Lịch sử triết học phương Đông. Tập 3. Nxb. TP. Hồ Chí Minh.

20. Trần Văn Trình (2003) "Đạo đức Phật giáo và ảnh hưởng của nó đến đạo đức con người Việt Nam", Luận án tiến sĩ triết học.

21. Kim Cương Tử. Thích Thanh Nhã và Phạm Kế (1994). Chùa Trấn Quốc - Cảnh đẹp hồ Tây. Nxb. Lao động, Hà Nội.

22. Nguyên Hữu Vui (chủ biên, 1991). Lịch sử triết học. Tập 1. Nxb. Tư tưởng văn hóa. Hà Nội.

23. A.K. Wander (1991). Indian Philosophy. Motilal Banarsidass Publishers. PVT., LMT., Delhi.

https://tieulun.hopto.org

CHIANG RAI – THÁI LAN
NGÀY NẮNG ĐẸP

ĐĂNG KHOA

Đến xứ sở chùa Tháp là đến với những công trình Phật giáo đồ sộ và trang nghiêm. Một đất nước Phật giáo với những giáo lý từ bi làm cho người dân cũng hiền lành và chan hòa hơn. Khi đạo lý Phật giáo thấm nhuần trong từng dòng máu đang chảy, trong từng mảnh đất của con người xứ này, thì đi đến đâu, chúng tôi cũng thấy sự bình yên nơi tâm hồn, được trôi theo phong cảnh bình dị khi đi ngang qua.



https://tieulun.hopto.org

Chiang Rai, nằm ở cực Bắc yên bình của Thái Lan, đi từ Băng Cốc và lên đây có rất nhiều hãng bay như Air Asia, Noka Air, Thai airways... Như là vùng đất của du lịch tâm linh, bạn sẽ thấy có rất nhiều chùa theo nhiều phong cách khác nhau, phong cách phục vụ du lịch cũng rất chuyên nghiệp như những vùng trên đất Thái Lan chúng tôi đã đi qua.



Kể đến Chiang Rai, không thể không nhắc đến Đền Trăng (Wat Rong Khun), đền do một họa sĩ trong vùng thiết kế và thi công từ năm 1997, một công trình hoàn hảo và tinh tế. Những đường nét uốn lượn của mái đền mang đậm phong cách Thái Lan, xen lẫn trong đó những hình ảnh thường thấy trong

https://tieulun.hopto.org

kiến trúc Hindu Ấn Độ. Cảnh địa ngục với hiện thân của các quỷ sứ đến rợn người, cây cầu tái sinh trong triết lý Phật giáo hay cảnh chúng sinh thọ khổ đang giơ lên những cánh tay yếu ớt và gầy guộc,...



Dẫn vào trong chánh điện hai bên là cặp rắn, rồi chim thần và 2 vị thần giữ cửa nanh vuốt dữ tợn trong truyền thuyết Phật giáo Nam tông, bên trong chánh điện đơn sơ với Tôn tượng đức Bổn sư chính giữa được khoác lên chiếc y vàng. Phía dưới là tượng sáp của các vị cao tăng nước Thái. Xung quanh chánh điện là hình vũ trũ bao la, nào là những phát minh máy bay, nhưng đĩa bay không người lái, nào là hình ảnh của Đức Phật Thích Ca khi còn tại

https://tieulun.hopto.org

thế, có cả những câu chuyện cổ tích và hoạt hình Doraemon vui mắt...

Đứng dưới mái hiên chùa, gió mát rượi làm chúng tôi thấy nhẹ nhàng trong buổi trưa hè nắng cháy. Tuy khách du lịch đông đúc, nhưng không khí trang nghiêm vẫn bao trùm trong sân chùa. Dép xếp thăng hàng và quân áo chỉnh tê khi vào bên trong, du khách không khỏi ngạc nhiên với khuôn viên xung quanh được tráng trí thanh tịnh và sạch đẹp. Ngoài hiên có khoảng sân để du khách treo những quả chuông nhỏ, ghi lại những lời thỉnh nguyện gởi theo gió đưa đến chư Phật. Đủ thứ tiếng, nào là Thái, Việt, Nhật, Anh, Pháp,....

Rời Đền Trắng, chúng tôi chạy vội đi lên khu Tam Giác Vàng, nơi giao nhau của ba nước Thái Lan, Lào và Miến Điện được chia tách bởi dòng sông Mekông hùng vĩ. Đứng trên cao bên vùng đất Thái Lan, chúng tôi leo lên đỉnh cao nhất vùng này là ngôi chùa tại Tam giác vàng.

Trước kia, khu này thường xảy ra những cuốc chiến với các băng nhóm ma túy, vì vậy phía Thái Lan đã xây dựng một ngôi chùa trên đồi nhìn xuống để cầu mong cư dân nơi đây được bình an và sau này họ xây thêm một ngôi chùa to hơn với tôn tượng Đức Thích Ca thật to nhìn xuống dòng sông Mekong chia tách 3 nước.

https://tieulun.hopto.org





https://tieulun.hopto.org



Thuê một chiếc thuyền máy để đi qua ba nước, chúng tôi đùa nhau cùng vượt biên trong 1 giờ. Phía bên Miến Điện là khu casino dành cho du khách nào muốn tham quan và tìm chút may mắn. Phía bên Lào là khu chợ buôn bán tất cả các loại nhãn hiệu, từ Gucci, Levi... rẻ tiền và tất nhiên tất cả đều là hàng nhái. Rời khu chợ, tôi lội bộ vào khu làng người Lào, đơn sơ với những ngôi nhà sàn trên cánh đồng lúa bát ngát và tỏa mát dọc theo con đường là hàng dừa xanh mát hai bên. Con người hiền hòa luôn nở nụ cười khi thấy du khách, tôi thấy những nụ cười ngây thơ trong trẻo không chút muộn phiền của những đứa trẻ xung quanh, lòng tôi thấy một cảm giác an lành chiếm lĩnh.

https://tieulun.hopto.org





https://tieulun.hopto.org

Rời Lào, quay lại Thái Lan để quay về khu thành phố, vì theo bác tài xế, tối về khu này không an ninh và cảnh sát được triển khai khi màn đêm buông xuống. Chúng tôi không quên ghé ngang ngôi chùa trên bờ sông Mekông lễ Phật, trước dòng Mekông oai vê, tôn tượng Đức Thích Ca uy nghi, Ngài vẫn ngồi đó nở nụ cười từ bi với chúng sanh, nét mặt hiền từ làm chúng tôi không thể nào quên. Quỳ dưới tượng đài, chấp tay hoa sen và được nối với sợi dây trắng lên tay của Đức Phật, lòng ấm áp và nguyện cầu mọi chúng ta đều học và hạnh theo Pháp của ngài, luôn nương tựa Ngài để cùng nhau tinh tiến trên bước đường thoát khỏi khổ đau sanh tử.

Ánh chiều buông xuống dòng sông Mekông, dòng nước đỏ ngầu cuồn cuộn trong ánh chiều như những đau khổ, luân hồi của chúng sanh đang trôi nổi. Trái ngược với nó là vẻ từ bi của đức Từ phụ, là tiếng chuông giải thoát vang lên mỗi chiều về. Tạm biệt Ngài, tôi cũng nở một nụ cười an lành và xe chạy vụt nhanh về thành phố.



https://tieulun.hopto.org

*Thân tâm thường an lạc**

ĐOÀN TẤN THUẬN



Bác sĩ Hồng Ngọc diễn thuyết vui
"Thân tâm…an lạc" giúp người người
Nhận ra hai mặt cần lưu ý:
"Dưỡng khí" (oxy), "ăn" đúng thời.

- Ăn uống điều hòa, thở hít sâu
Thân tâm gắn bó, chẳng âu sầu
Tham lam, sân hận, si mê – bỏ
Trí huệ, Thiền tâm, Tĩnh thức – cầu.

https://tieulun.hopto.org

- Suốt đời sống trọn với từ tâm
Bố thí, ăn năn, chuộc lỗi lầm
"THỂ CHẤT – TINH THẦN và XÃ HỘI"
Hài hòa ba mặt, khéo gieo mầm.

- Công thức (**) cuối cùng áp dụng hay:
Không hút(1), không say(2), thực phẩm(3) đầy
Biết cách thực hành(4) và hít thở(5)
Là nguồn sức khỏe tốt từ đây!

** Đề tài diễn thuyết của BS Đỗ Hồng Ngọc*
*** SAFER:*
(1) Smoking
(2) Alcohol
(3) Food
(4) Exercise
(5) Respiration

https://tieulun.hopto.org

TỊNH ĐỘ TRỢ HẠNH VÃNG SANH

HÂN KIẾN



Trọng yếu nhất của vấn đề vãng sanh chính là ở "ta" cho nên gọi là chánh hạnh. Hạnh này người tu tịnh nghiệp cần phải có, đó là Tín - Nguyện - Hạnh, là 3 món tư lương để làm hành trang trên con đường về đất Phật. Tuy nhiên, trên phương diện hành trì chánh hạnh, ngoài ra người tu tịnh nghiệp cần phải tu thêm "trợ hạnh", "trợ" nghĩa là "giúp". Hạnh

https://tieulun.hopto.org

Chính vì lẽ đó, trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn nói với Phu nhân Vi Đề Hy muốn được vãng sanh Cực Lạc thế giới thì cần phải tu ba phước nghiệp:

"Một là hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ bậc Sư trưởng, có tâm nhơn từ chẳng giết hại và tu tập mười nghiệp lành.

Hai là thọ trì tam quy y đầy đủ các cấm giới và chẳng phạm oai nghi.

Ba là phát tâm Bồ đề sâu tin nhơn quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa và khuyên dạy sách tiến người tu hành"(1)

I.PHƯỚC NGHIỆP THỨ NHẤT:

1) Hiếu dưỡng cha mẹ:

Người hành giả thường chuyên niệm thánh hiệu A Di Đà còn lại lúc bình thường, cần phải hiếu thảo và báo đáp ơn dưỡng dục của cha mẹ. Công ơn của cha mẹ kinh sách ghi chép rất nhiều, tuy nhiên ở đây xin đơn cử một đoạn kinh để nói lên tinh thần đó. Kinh Tâm Địa Quán có nói:

"Nương nhờ ơn nuôi dưỡng của hai vị Từ-Phụ và Bi-Mẫu cho nên tất cả các trai gái đều được an vui. Thế là ơn cha cao như núi Chúa, ơn mẹ sâu như bể cả"(2). Người con chí hiếu cho dù cung phụng không xao lãng về vật chất hay cõng cha mẹ đến

https://tieulun.hopto.org

trọng đời không xa lìa cũng không trả xong được. Kinh Bổn Sự có nói: "Dù cho có người một vai cõng cha, một vai cõng mẹ, đến trọn đời mà chẳng phút xa lìa, và cung cấp áo cơm thuốc men, các món cần dùng. Như cũng chưa có thể gọi là đã trả xong ơn sâu nặng của cha mẹ"(3). Kinh Bất Tư Nghì Quang nói rằng: "Cung phụng đồ ăn uông và châu báu chưa đủ trả được ơn cha mẹ. Hướng dẫn cha mẹ xoay về chánh pháp mới là báo hiếu"(4). Và trong Luật Tỳ Na Da cũng có nói: "Nếu cha mẹ không tin, khuyên phát khởi niềm tin; nếu chưa có giới pháp, khuyên thọ trì giới pháp, nếu tánh tình bủn xỉn, khuyên tu hạnh bố thí; nếu không trí huệ, khiến kia tu trí huệ. Làm con Được như thế, mới gọi là trả ơn"(5).

Như vậy, người con muốn báo hiếu đền trả cho xong, thì hãy nên hành theo những lời dạy trong kinh.

2) Kính thờ bậc Sư trưởng:

Điều gọi là kính thờ các bậc Sư trưởng, Đại sư Tĩnh Am có nói rằng: "Cha mẹ tuy sinh dưỡng sắc thân ta, nhưng nếu không có sư trưởng thế gian thì không hiểu biết lễ nghĩa; không có sư trưởng xuất thế thì không hiểu Phật pháp.

Không hiểu biết lễ nghĩa thì chẳng khác gì cầm thú, Phật pháp không hiểu thì cũng như người phàm tục. Nay ta được biết chút ít về lễ nghĩa, được hiểu

https://tieulun.hopto.org

sơ lược về Phật pháp, ca sa trang nghiêm đắp thân, giới pháp nhuận thấm thân mình, được như thế là nhờ ân đức sâu nặng của sư trưởng. Nếu chỉ cầu quả nhỏ thì chỉ có lợi riêng cho bản thân mình mà thôi. Nay phải phát tâm đại thừa, phổ nguyện lới ích hết thảy chúng sanh. Như thế thì sư trưởng thế gian và sư trưởng xuất thế đều được lợi ích"[6].

Qua lời dạy trên người tu tịnh nghiệp cân phải lưu tâm.

3) Có tâm nhơn từ chẳng giết hại và tu tập mười nghiệp lành:

Đã có hiếu thảo và phụng dưỡng cha mẹ, kính thờ các bậc sư trưởng, đồng thời phải có "lòng thương rộng lớn không giết hại chúng sanh và tu mười nghiệp lành". Nếu như có người hỏi: "Phật pháp lấy gì làm gốc?". Theo tinh thần của Phật dạy, ta khẳng định rằng "Phật pháp lấy từ bi trí tuệ làm gốc". Ở đây, từ bi lại là phương tiện đầu tiên. Cho nên chúng ta học Phật chính là học cái tâm đại từ đại bi của chư Phật, chỉ có tâm từ bi thì mới hướng dẫn được chúng sinh lìa khổ được vui. "Từ " hay "ban vui", "bi" hay "cứu khổ". Nếu thực hành được hai chữ "từ bi" này, mới chính thật là đệ tử của Như Lai.

Chúng ta đã là người tu Tịnh nghiệp, một lòng cầu sanh Tịnh độ, nếu sát sanh làm tổn hại đến sanh mạng của chúng sanh, tăng trưởng nghiệp sát, do

https://tieulun.hopto.org

dây bị oán nghiệp của chúng sanh chướng ngại, tương lai khó vãng sanh. Chính vì thế trong kinh Thiện ác Báo ứng, quyển hạ nói: Người phạm tội sát sanh sẽ bị mười quả báo như sau:

"1. Oan gia thêm nhiều; 2. Người thấy không vui; 3. Chúng sanh sợ hãi; 4. Thường bị khổ não; 5. Thường nghĩ chuyện chết chóc; 6. Chiêm bao buôn khổ; 7. Lâm chung hối hận; 8. Chết yểu; 9. Tâm thức ngu muội; 10. Chết đoạ địa ngục"(7).

Trái lại, nếu chúng ta không giết hại mà có lòng từ bi với tất cả chúng sanh thì sẽ có năm điều lợi ích:

"1. Thọ mạng dài lâu; 2. Thân không tật bệnh; 3. Gia đình đoàn tụ; 4. Không bị nghiệp ác oán thù; 5. Tái sanh sẽ được làm người hay sinh lên cõi Trời(8)".

Cho nên, người tu tịnh nghiệp cần phải nhận thức về hai phạm trù này, để khỏi tổn hại đến tính mạng chúng sanh. Vì vậy, cần phải có tâm từ bi không được sát hại mới có thể được vãng sanh. Vả lại, còn phải tuỳ theo sức lực, khả năng của mình mà tu mười điều lành. Mười điều đó là:

- Thân: Không sát sinh, không trộm cắp và không tà dâm.

- Miệng: Không nói lời ác, không nói hai lưỡi, không nói dối và không nói lời trau chuốt.

- Ý: Không tham lam, không giận hờn và không

https://tieulun.hopto.org

si mê.

Bạn phải luôn tu tập mười điều lành này, nếu còn thiếu sót, hãy sửa đổi ngay. Đây là phước nghiệp thứ nhất. Phải đầy đủ phước nghiệp này mới có đủ khả năng thành tựu chánh nhân vãng sanh.

II. PHƯỚC NGHIỆP THỨ HAI:

1). Thọ trì tam quy y đầy đủ các cấm giới và chẳng phạm oai nghi:

Vâng giữ ba phép quy y, nghiêm trì các giới đầy đủ, không trái phạm các oai nghi. Trước tiên là vâng giữ ba phép quy y, đây là bài học vỡ lòng của người nào muốn bước vào cửa Phật. Chính là nói chúng ta muốn vãng sinh Tây phương, tối thiểu là phải thọ tam quy y thì không được xem là người của đạo Phật, mà lại còn không thể xem là đệ tử của Như Lai, vì không có duyên với Phật thì làm sao đến Tây phương, thân cận với đức Phật A Di Đà được? Cho nên, muốn vãng sinh Tây phương, ít nhất phải thọ tam quy y. Sau khi thọ tam quy y, kế đến phải nghiêm cẩn trì giới vì giới là bậc thầy làm chỗ nương tựa của người hành giả tu đạo giải thoát. Cho nên, trong kinh Đại Bát Niết Bàn đức Phật có nói: "Này A Nan! Ông hỏi sau khi Phật diệt độ lấy gì làm thầy? Nên biết giới Ba-la-đề-mộc-xoa là Đại sư của các ông. Nương theo đó tu hành thời có thể được

https://tieulun.hopto.org

định, hệ xuất thế"[9].

Vả lại, người tu tịnh nghiệp nghiêm cẩn trì giới để khỏi phạm oai nghi hạnh kiểm của mình và hầu góp phần chánh pháp trường tồn hay chánh pháp hoại diệt, chính là do ta có giữ giới hay không giữ giới. Vì thế, trong kinh Luật Luân thường nói: "Giới Luật là thọ mạng của Phật pháp".

"Giới Luật còn hành, Phật pháp cũng còn

Giới Luật không còn hành, Phật pháp cũng mất".

Cho nên, chính vì lẽ đó người tu tịnh nghiệp dù tại gia hay xuất gia đã thọ giới rồi cần phải ý thức về phương diện này.

III. PHƯỚC NGHIỆP THỨ BA:

1). Phát tâm Bồ đề:

Ngài Tế Tỉnh Đại Sư thường dạy rằng:

"Thật vì sanh tử
Phát lòng Bồ đề
Dùng tín nguyện sâu
Trì danh hiệu Phật".[10]

Người tu tịnh nghiệp trước lây ba điêu căn bản cốt yếu, để làm tôn chỉ của Pháp môn Tịnh Độ đó là "Tín - Nguyện - Hạnh". Thì trong bốn câu trên, gồm mười sáu chữ trên đây, Tổ sư đã khai thị rõ ràng cái tôn chỉ ấy. Đó là vì muốn giải quyết cho xong việc

https://tieulun.hopto.org

sanh tử mà phát lòng Bồ đề, bằng cách trì danh niệm Phật. Hành giả chúng ta lấy danh hiệu Phật để niệm, mà không phát khởi tâm Bồ đề, thì quả thật hành niệm Phật có phần khiếm khuyết. Do vậy, Tổ thứ 11 là Ngài Thiệt Hiền Đại sư có đã có dạy rằng: "Niệm Phật vẫn mong thành Phật. Mà nếu như đại tâm không phát thì niệm Phật làm chi"[11]. Vì sự lợi ích thiết thực của người tu Tịnh độ là một đời được vãng sanh. Cho nên, đức Phật A Di Đà vì lòng bi mẫn nên phát ra đại nguyện rộng lớn, nếu chúng sanh nào phát Bồ đề tâm khi lúc lâm chung sẽ được Ngài và Thánh chúng hiện thân tiếp độ. Chính vì lẽ đó, trong kinh Đại Bảo Tích có nói: "Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương phát Bồ đề tâm, tu các công đức chí tâm phát nguyện muốn sanh về nước tôi. Lúc họ mạng chung, tôi và đại chúng vây quanh hiện ra trước mặt họ. Nếu không như vậy thì tôi không lấy ngôi chánh giác"[12]. Thế cho nên, là người hành giả tu niệm Phật mà không khởi phát tâm rộng lớn, tức là Bồ đề tâm hay sao? Tuy nhiên, hành giả niệm Phật đem công đức đề cầu phước lợi nhơn thiên, tất không hợp với bản hoài của Phật. Vì vậy, hành giả niệm Phật phải vì sự thoát ly khỏi vòng sanh tử luân hồi. Làm được như vậy mới hợp bản hoài đích thật của đức Thế Tôn là muốn cho tất cả chúng sanh đều thoát vòng sanh tử, đều được giác

https://tieulun.hopto.org

ngộ như Ngài. Chính vì vậy, người niệm Phật cần phải phát Bồ đề tâm.

"Bồ đề" nghĩa là "giác". Giác ở đây tức chỉ quả giác ngộ của hàng Thanh văn, quả giác ngộ của hàng Duyên giác và quả giác ngộ của Phật. Vậy người niệm Phật phát Bồ đề tâm, chính là phát tâm cầu quả giác ngộ của Phật; quả vị này cùng tột không chi hơn, vượt trội hơn cả hàng Thanh văn và Duyên giác, nên gọi là Vô thượng Bồ đề. Tâm này gồm 2 chủng tử chính là từ bi, trí huệ, hay phát xuất công năng độ thoát mình và tất cả chúng sanh.

Mặt khác, đứng trên phương diện luận về pháp, những pháp nào đi đến Phật quả cứu cánh giảng thuyết rộng về giới ngoại và sự lợi thế đó là pháp Đại thừa. Trái lại, chính là Tiểu thừa. Nhưng điểm chủ yếu để phân định Tiểu thừa hay Đại thừa, là thuộc về tâm chớ không phải pháp. Nếu dùng pháp Tiểu hoằng hoá làm phương tiện dẫn đến Phật quả thì đó chính là Đại thừa. Chẳng vậy, khi đức Như Lai giảng dạy về Tiểu thừa giáo, Ngài cũng là hạng Tiểu thừa hay sao? Chính vì lẽ đó, cho nên người niệm Phật cần phải chú trọng về chỗ phát tâm, tức là phát Vô thượng Bồ đề tâm. Môn niệm Phật đã thuộc về pháp Đại thừa nếu hành giả tu theo môn này lại phát đại Bồ đề tâm nữa, thì tâm và pháp đều được toàn vẹn, sẽ đi đến quả Viên giác kiêm cả tự lợi lợi

https://tieulun.hopto.org

tha.

Về Bồ đề tâm, trong kinh văn đề cập rất nhiều, nhưng ở đây chỉ xin trích vài đoạn kinh Hoa Nghiêm để cùng nhau thể nghiệm hành trì.

... "Này Phật tử! Tất cả chư Phật lúc sơ phát tâm, chẳng phải chỉ vì đem tất cả đồ sở thích cúng dường chúng sanh trong mười vô sô thê giới ở mười phương trải qua trăm kiếp nhẫn đến trăm ngàn na do tha kiếp mà phát Bồ đề tâm. Cũng chẳng phải chỉ vì giáo hoá những chúng sanh ấy tu Ngũ giới, Thập thiện, Tứ thiền, Tứ không, nhẫn đến khiến trụ nơi quả A la hán và Bích chi Phật mà phát Bồ đề tâm. Chính là vì khiến chủng tánh Như Lai chẳng dứt, vì đầy khắp tất cả thế giới, vì độ thoát tất cả chúng sanh trong tất cả thế giới, vì biết rõ cả sự thành hoại của tất cả thế giới, vì biết rõ chúng sanh cấu tịnh trong tất cả thế giới, vì biết rõ tự tánh thanh tịnh của tất cả thế giới, vì biết rõ sở thích, phiền não, tập khí của tất cả chúng sanh, vì biết rõ sự chết đây sanh kia của tất cả chúng sanh, vì biết rõ tâm hành của tất cả chúng sanh, vì biết rõ cảnh giới bình đẳng của tất cả Phật, vì những điều trên đây mà phát tâm Vô thượng Bồ đề"[13].

... "Phổ Hiền Bồ tát bảo: Thiện nam tử! Bồ tát vì điều phục giáo hoá tất cả chúng sanh nên phát Bồ đề tâm. Vì trừ diệt khổ tụ cho tất cả chúng sanh, nên

https://tieulun.hopto.org

phát Bồ đề tâm. Vì đem cho tất cả chúng sanh sự an vui đầy đủ, nên phát Bồ đề tâm. Vì đem lại Phật trí cho tất cả chúng sanh, nên phát Bồ đề tâm. Vì cung kính cúng dường tất cả chư Phật, nên phát Bồ đề tâm. Vì tuỳ thuận lời dạy Như Lai khiến chư Phật hoan hỷ, nên phát Bồ đề tâm. Vì muốn thấy sắc thân tướng hảo như tất cả chư Phật, nên phát Bồ đề tâm. Vì muốn vào trí huệ rộng lớn của tất cả chư Phật, nên phát Bồ đề tâm. Vì muốn hiển hiện của đức: lực, vô uý của chư Phật, nên phát Bồ đề tâm"[14].

Như thế, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn và chư Bồ tát đã thuyết minh rộng rãi về công đức của Bồ đề tâm. Và trong kinh văn khuyên phát Bồ đề tâm cũng có nói: "Cửa yếu vào đạo lấy sự phát tâm đứng hàng đầu, việc cấp thiết tu hành lấy sự lập nguyện làm bước trước"[15].

Nếu không phát tâm rộng lớn, không lập nguyện bền chắc, thì dù trải qua vô lượng kiếp, vẫn y nhiên trong nẻo luân hồi; dù có tu hành cũng khó tinh tấn và chỉ luống công khổ nhọc.

Cho nên kinh Hoa Nghiêm có nói: "Nếu quên mất tâm Bồ đề mà tu hành pháp lành, đó là sự nghiệp ma"[16].

Quên mất mà còn như thế huống nữa là chưa phát. Do đó nên biết rằng, học đạo Như Lai trước hết là phải phát nguyện Bồ đề tâm không thể trì hoãn

https://tieulun.hopto.org

được. Bởi thế khi xưa Tỉnh Am Đại sư đã soạn ra "Phát Bồ đề tâm văn[17 để khuyên tấn tứ chúng và trình bày nói lên sự phát tâm có 8 cách: Tà, Chánh, Chân, Nguỵ, Đại, Tiểu, Thiên, Viên. Ở đây, xin tóm lược như sau:

1. Trong đời có người tu hành mà từ trước đến nay chỉ một bê hành theo sự tướng, không biết tham cứu tự tâm, chỉ lo những việc ở ngoài, hoặc mong cầu lợi dưỡng, hoặc ưa thích hư danh, hoặc ham dục lạc hiện đời, hoặc mong cầu cầu phước báu mai sau, phát tâm như vậy gọi là **Tà**.

2. Không cầu lợi dưỡng, cũng chẳng thích hư danh, vui hiện thế không màng, phước vị lai chẳng tưởng. Chỉ vì sự sống chết, mong cầu đạo Bồ đề, phát tâm như gọi là **Chánh**.

3. Niệm niệm trên cầu Phật đạo, tâm tâm dưới độ chúng sanh, nghe thành Phật lâu xa chẳng khiếp lui, thấy chúng sanh khó độ không chán mỏi. Như leo non cao muộn dặm, quyết trèo tận đỉnh. Như lên tháp báu chính cấp đến ngọn chót cùng, phát tâm như thế gọi là **Chân**.

4. Có tội không sám hối, có lỗi không biết trừ. Trong ngược mà ngoài thanh, trước siêng nhưng sau trễ. Tuy có lòng tốt, song xen lẫn với lợi danh. Dù tu pháp lành, bị tội nghiệp làm ô nhiễm. Phát tâm như thế gọi là **Nguỵ**.

https://tieulun.hopto.org

5. Chúng sanh độ hết, bản nguyện mới cùng. Phật đạo tròn nên, thề nguyện mới mãn. Phát tâm như thế gọi là **Đại**.

6. Xem ba cõi như tù ngục, nhìn sống chết tợ oan gia. Chỉ mong tự độ, không muốn độ người, phát tâm như thế gọi là Tiểu.

7. Thấy ngoài tâm có chúng sanh mình phải độ. Hiểu ngoài tâm có Phật đạo, rồi nguyện thành. Công phu tu tập chẳng sạch quên, sự kiến giải không tiêu mất. Phát tâm nư thế gọi là **Thiên**(Lệch).

8. Biết chúng sanh là tánh mình nên nguyện độ thoát. Rõ Phật đạo là tánh mình, nên nguyện viên thành. Lìa ngoài nguồn tâm thể, không thấy có pháp chi. Rồi dùng tâm rỗng như hư không, phát nguyện lớn như hư không, tu hạnh rộng lớn như hư không. Kết cuộc chứng quả vô chứng đắc như hư không, cũng chẳng có tướng "không". Phát tâm như thế gọi là **Viên**.

Tâm bồ đề này là hàng đầu trong các pháp lành. Phát khởi được như vậy hẳn phải có nhân duyên. Trong văn, Tĩnh Am Đại sư lại khuyên đại chúng nên nghĩ đến mười nhân duyên đê phát tâm. Mười duyên ấy là: "Một là vì nhớ ơn nghĩ ơn nặng của Phật. Hai là vì nhớ nghĩ công ơn cha mẹ. Ba là vì nhớ nghĩ công ơn sư trưởng. Bốn là vì nhớ nghĩ công ơn thí chủ. Năm là vì nhớ nghĩ công ơn chúng

https://tieulun.hopto.org

sanh. Sáu là vì nhớ nghĩ khổ đau sinh tử. Bảy là vì tôn trọng tánh linh của mình. Tám là vì sám hối nghiệp chướng đã gây. Chín là vì nguyện cầu vãng sanh Tịnh độ. Mười là vì làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài"[18].

Qua những lời dạy của Phật, Bồ tát, Tổ sư nói trên, ta thấy phát Bồ đề tâm là điều rất quan yếu trên đường hành đạo. Thế nên, hành giả cần phải thẩm xét sự lợi ích quan yếu như thế. Vì vậy, mà điều thiết yếu nhất là ta cần phải phát khởi Tâm Bồ đề.

2) Tin sâu nhân quả:

Sau khi đã phát tâm Bồ đề, kế đến người học Phật, chúng ta cần phải tin sâu nhân quả, nếu không tin sâu nhân quả thì không được xem là đệ tử của Phật. Hay nói cách khác: "Vấn đề tối thiểu nhất của người học Phật là phải tin sâu nhân quả". Phải biết "nhân như vậy thì quả như vậy", "trồng dưa được dưa", "trồng đậu được đậu". Các hành giả tu nghiệp phải tin chắc rằng, hiện tại chúng ta gieo nhân niệm Phật, tương lai nhất định sẽ được quả vãng sinh; vãng sinh Tây phương Cực Lạc là "nhân", tương lai đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là "quả". Hai chữ "nhân quả" này, người học Phật cần phải phân định rõ ràng để trang nghiêm tự thân.

3) Đối với người đọc, tụng kinh điển Đại thừa:

https://tieulun.hopto.org

Chính là nói chúng ta muốn cầu sanh Tây phương Cực lạc thì phải rõ đạo lý niệm Phật vãng sanh, còn ngược lại tín tâm sẽ không kiên cố. Hiểu rõ đạo lý này tức là thấy rõ sự lợi ích của việc tụng kinh, cũng là nhân tố trợ hạnh giúp hành giả trang nghiêm tự thân về nước An dưỡng. Vì sự lợi ích như thế, cho nên trong kinh Pháp Hòa[19] có đoạn nói rằng:

"Sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau, nếu có người nữ nghe kinh điển này, đúng như lời mà tu hành, thời khi chỗ đây chết liền qua cõi An Lạc, chỗ trụ xứ của đức A Di Đà Phật cùng chúng đại Bồ tát vây quanh, mà sanh lên tòa báu trong hoa sen.

Chẳng còn bị lòng tham dục làm khổ, cũng chẳng lại bị lòng giận dữ, ngu si làm khổ, cũng chẳng bị lòng kiêu mạn ganh ghét và các tánh nhơ làm khổ, đặng thần thông vô sanh pháp nhẫn của Bồ tát, đặng pháp nhẫn đó thời nhãn căn thanh tịnh. Do nhãn căn thanh tịnh đó thấy bảy trăm muôn hai nghìn ức na do tha hằng hà sa các đức Phật Như Lai".

4) Khuyên người tu hành gắng tinh tấn:

Chính là nói tùy theo khả năng của mình mà hóa độ chúng sinh. Những gì đã nói ở trên đều là chú trọng tự mình tu, còn câu này chú trọng đến độ

https://tieulun.hopto.org

chúng sanh, chỉ cần cho chúng sanh học tập Phật pháp, khiến cho họ hưởng được an lạc trong giáo lý nhà Phật. Người niệm Phật một lòng cầu sanh Tịnh độ, không phải cầu sanh Cực lạc chỉ có mình ta, mà phải chỉ dạy cho mọi người có được lợi ích như ta.

Tóm lại, hành giả tu nghiệp cần phải nhận chân giá trị thiết yêu của pháp tu này, mà cần phải lưu tâm.

---

(1) Kinh Vô Lượng Thọ và Quán Vô Lượng Thọ Phật, phần kinh Quán Vô Lượng Thọ, HT. Thích Trí Tịnh, tr 170, NXB Tôn Giáo, 2005.

(2) Kinh Tâm Địa Quán, trích dẫn lại Kinh Lời Vàng, Biên Trước Dương Tú Hạc, Dịch giả Thích Trí Nghiêm, tr 129-130, Cô Nhi Viện Phật Giáo Việt Nam ấn hành, PL2506-DL1963.

(3) Kinh Bổn Sự, trích dẫn lại Kinh Lời Vàng, Biên Trước Dương Tú Hạc, Dịch giả Thích Trí Nghiêm, tr 130, Cô Nhi Viên Phật Giáo Việt Nam ấn hành, PL2506-DL1963.

(4) Kinh Bất Tư Nghì Quang, trích dẫn lại Kinh Lời Vàng, Biên Trước Dương Tú Hạc, Dịch giả Thích Trí Nghiêm, tr 133, Cô Nhi Viện Phật Giáo Việt Nam ấn hành, PL2506-DL1963.

(5) Luật Tỳ-na-da, trích dẫn lại Kinh Lời Vàng, Biên Trước Dương Tú Hạc, Dịch giả Thích Trí

https://tieulun.hopto.org

Nghiêm, tr 133, Cô Nhi Viện Phật Giáo Việt Nam ấn hành, PL2506-DL1963.

(6) Mấy Điệu Sen Thanh, HT. Thích Thiền Tâm, Tập 1, tr 127, Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành, PL2542-DL1998.

(7) Tứ Phần Tỳ Kheo Ni Giới Bổn Tập I, Ni Sư Thích Nữ Trí Hải, 1995, P.304.

(8) Kinh Thập Thiện Bản dịch của TT. Thích Hoàn Quang, tr 68, 1971.

(9) Kinh Đại Bát Niết Bàn, Tập II, HT. Thích Trí Tịnh dịch, tr.676, NXB Tôn Giáo 2003.

(10) Liên Tông Thập Tam Tổ, HT. Thích Thiền Tâm, tr 407, NXB Tôn Giáo, 2002.

(11) Liên Tông Thập Tam Tổ, HT. Thích Thiền Tâm, tr 408, NXB Tôn Giáo, 2002.

(12) Kinh Đại Bảo Tích, Tập I, phẩm Vô Lượng Thọ Như Lai, tr 608, NXB TP. Hồ Chí Minh.

(13) Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm Kinh, HT.Thích Trí Tịnh, Tập I, Phẩm Sơ Phát Tâm Công Đức thứ 17, tr 582-583, Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh, PL2538-DL1994

(14) Kinh Hoa Nghiêm, Trích dân lại Niệm Phật Thập Yếu, HT. Thích Thiền Tâm, tr 52-53, NXB TP. Hồ Chí Minh.

(15) Khuyên Phát Tâm Bồ Đề, Đại sư Tỉnh Am, Tâm Nguyên dịch, tr 7, NXB Thuận Hoá, PL2540-

https://tieulun.hopto.org

DL1996.

(16) Kinh Hoa Nghiêm, Trích Dẫn Lại Niệm Phật Thập Yếu, Hòa Thượng Thiền Tâm, tr 39, NXB TP. Hồ Chí Minh.

(17) Mấy Điệu Sen Thanh, HT.Thích Thiền Tâm, tr 123-124, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam ấn hành, PL2542-DL1998.

(18) Khuyên Phát Bồ Đề Tâm, Đại sư Tỉnh Am, Tâm Nguyên dịch, tr 9, NXB Thuận Hoá, PL2540-DL1996.

(19) Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, HT. Thích Trí Tịnh, tr 501, Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành, PL2537-DL1993.

(20) Kinh Vô Lượng Thọ Như Lai và Quán Vô Lượng Thọ Phật, trích dẫn kinh Quán Vô Lượng Thọ Như Lai, HT. Thích Trí Tịnh, tr 170, NXB Tôn Giáo, 2005.



https://tieulun.hopto.org

VÀI THÔNG TIN CHO NGƯỜI CHUẨN BỊ THỌ GIỚI BỒ TÁT TẠI GIA THEO PHẠM VÕNG BỒ TÁT GIỚI

THANH TIỂN



HT Minh Thông phụ trách lớp giáo lý dành cho Phật tử thọ Bồ-tát giới

Mỗi hai năm, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam TP. HCM đều tổ chức Đại giới đàn. Năm nay, Đại giới đàn Trí Đức diễn ra từ ngày 01-06/12/2015 (nhằm ngày 20-25/10 Ất Mùi). Giới Bồ tát được truyền vào ngày cuối cùng, cho cả Phật tử

https://tieulun.hopto.org

xuất gia và tại gia.

Giới Bồ tát được truyền tại các giới đàn của Thành hội Phật giáo TP.HCM, là Phạm Võng Bồ tát giới gồm 10 giới trọng và 48 giới khinh. Đây là giới cao nhất của Phật tử tại gia, cho nên không ít người trước khi thọ giới thường băn khoăn, thắc mắc các vấn đề như điều kiện được thọ giới, việc trường trai, tuyệt dục...

Người phát tâm thọ Bồ tát giới trước hết phải phát tâm Bồ đề, tức là tâm cầu thành Phật và cứu độ chúng sanh. Theo *"Bài văn Khuyên phát bồ đề tâm"* của Đại sư Thật Hiền, có mười lý do[(1)] phát khởi Bồ đề tâm: 1. Nhớ ơn nặng của Phật, 2. Nhớ ơn cha mẹ, 3. Nhớ ơn sư trưởng, 4. Nhớ ơn thí chủ, 5. Nhớ ơn chúng sanh, 6. Nhớ khổ sanh tử, 7. Trọng tánh linh của mình, 8. Sám hối nghiệp chướng, 9. Cầu sanh tịnh độ, 10. Làm cho Phật pháp tồn tại lâu dài. Cho nên, Kinh Hoa Nghiêm có nói: *"quên mất tâm bồ đề mà tu hành các thiện pháp thì gọi là hành động theo ma vương"* [(2)].

Khác với giới Thanh văn chỉ dành cho loài người, giới Bồ tát bao trùm các loài chúng sanh từ cõi trời Sắc giới trở xuống kể cả quỷ thần, nếu nhận hiểu lời nói của Pháp sư đều được thọ giới Bồ tát, chỉ trừ những người trong đời này phạm tội thất nghịch *"Ác tâm làm thân Phật chảy máu; hại bậc*

https://tieulun.hopto.org

Thánh nhân; giết cha; giết mẹ, giết Hòa thượng; giết A-xà-lê, phá Yết-ma Tăng, chuyển Pháp luân Tăng"[3] thì hiện đời không đắc giới.

Bên cạnh đó, người thọ giới theo Phạm Võng Bồ tát giới ăn chay trọn đời. Người phát tâm thọ Bồ tát giới, tức là phát tâm Bồ đề tu Bồ tát hạnh, hết lòng thương yêu, mong muôn chúng sanh được thoát khổ an vui, lẽ nào nỡ ăn thịt chúng sanh. Cho nên trong mỗi lần khai thị vào đầu xuân cuối hạ, HT. Vạn Đức luôn nhắc nhở mọi người *"Ăn chay, Thương người, Thương vật"*. Hơn nữa, việc trường chay giúp nuôi dưỡng lòng từ bi, là nền tảng bước lên con đường Hiền Thánh như kinh Phạm Võng có nói: *"Luận về người ăn thịt thời mất lòng đại từ bi, dứt giống Phật tánh"*[4]. Tuy nhiên, đối với người chưa trường chay được[5], có thể thọ giới Bồ tát theo kinh Ưu Bà Tắc giới, tại các giới đàn dành riêng cho người tại gia.

Phạm Võng Bồ tát giới được gọi là Đạo tục thông hành giới, nghĩa là người xuất gia và tại gia cùng thọ chung, học chung, bố tát chung. Cho nên, mặc dù Pháp sư cùng truyền giới *"không dâm dục"*, Phật tử xuất gia giữ giới *"không dâm dục"*, còn Phật tử tại gia giữ giới *"không tà dâm"*.

Nội dung của Bồ tát giới là Tam tụ tịnh giới: Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu

https://tieulun.hopto.org

ích hữu tình giới. Không chỉ dứt các điều ác của giới Thanh văn, Bồ tát cần thực hành những việc lành và phải làm lợi ích cho chúng sanh. Ví như, sau khi nhổ sạch cỏ trên mảnh ruộng, Bồ tát tiếp tục gieo trồng và bố thí cho chúng sanh sản phẩm thu hoạch được.

Theo kinh Phạm Võng, người thọ trì giới Bồ tát được năm lợi ích: *"Một là thập phương Phật, Thương tưởng hộ trì luôn. Hai là lúc lâm chung, Chánh niệm lòng vui vẻ.*

Ba là sanh chỗ nào, Cùng Bồ-tát làm bạn. Bốn là những công đức, Giới độ đều thành tựu. Năm, đời này, đời sau, Đủ giới và phước huệ"[(6)].

Giới Bồ tát khi đã thọ, vĩnh viễn không mất cho đến khi thành Phật, ngoại trừ người đó tuyên bố bỏ tâm Bồ đề. Cho nên, người chuân bị thọ giới nên tìm hiểu trước để lượng sức mình, như tham gia học dự thính lớp giáo lý Bồ tát giới tại gia, do HT. Luật sư thượng Minh hạ Thông và ĐĐ. Thích Thiện Chơn giảng dạy vào sáng chủ nhật hàng tuần từ 7g30-9g, ở Việt Nam Quốc Tự, hoặc có thể nghe lại các bài giảng ghi âm được đăng tải trên trang web http://www.giaolybotat.com/

Sau khi tham khảo những thông tin căn bản trên đây, những ai đủ điều kiện hãy mạnh dạn đăng ký thọ giới, đừng lo sợ giới luật là sự ràng buộc mà bỏ mất cơ hội và mong rằng:

https://tieulun.hopto.org

"Những người cùng tôi đồng một hạnh,
Cầu tất cả chỗ chung nhóm họp.
Thân khẩu ý nghiệp đều đồng nhau,
Hết thảy hạnh nguyện cùng tu học."[7]

---

1. HT. Thích Trí Quang dịch, Phát bồ đề tâm.

2. Sđd., tr.21.

3. HT. Thích Trí Tịnh dịch, Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới, Nxb. Tôn Giáo, tr. 49, 2012.

4. Sđd., tr. 27.

5. Tổ tư vấn, Người Phật tử thọ giới Bồ-tát có phải trường trai & tuyệt dục?, Báo Giác Ngộ số 807, tr.27, ngày 07/08/2015.

6. HT. Thích Trí Tịnh dịch, Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới, Nxb. Tôn Giáo, tr. 59, 2012.

7. HT. Thích Trí Tịnh dịch, Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện, Nxb. Tôn Giáo, tr. 43, 2014.



https://tieulun.hopto.org

DIỆU CHÂU



1/ Pháp hội Vu lan: Mười một thời giảng của các vị giảng sư đã diễn ra từ mùng 4 tháng 7 âm lịch đến 17 tháng 7 âm lịch, thật là một món quà Pháp thí mà Ban Trụ trì chùa Phật học Xá Lợi dành tặng cho các Phật tử, và cũng là một nét đặc sắc riêng của chùa. Các Phật tử vô cùng hoan hỷ!

2/ Lễ Tự Tứ và cúng dường chư Tăng trong buổi hoàn mãn mùa An Cư Kiết Hạ, ngày rằm tháng 7 đã diễn ra trong tinh thần nồng ấm đạo tình Thầy

https://tieulun.hopto.org

trò. Sau thời kinh, trên chánh điện, chư Tăng phân ban hai bên, Hòa thượng Viện chủ ngồi giữa chứng minh, Ban Phật học thay mặt các đạo tràng dâng lời tác bạch, và cúng dường chư Tăng. Rồi lần lượt các Phật tử trang nghiêm, thành kính đi dâng cúng chư Tăng, hòa vào lời kinh Báo Hiếu. Thật là một hình ảnh cảm động và đẹp trong mùa Vu lan.

3/ Lễ an vị Bồ Tát Địa Tạng: Trong ba ngày từ 28 đến 30/7 Âm lịch: khai đàn Chẩn tế và tụng kinh Địa Tạng mỗi ngày 3 thời, hơn 20 vị Tăng ở trú xứ và các nơi vân tập về. Hòa thượng Viện chủ chứng minh, chủ lễ cùng các Thầy làm lễ an vị tượng Địa Tạng và cắt băng khánh thành Địa Tạng Đường.

4/ Theo thông lệ hằng năm cuối tháng 9 Âm lịch, Trai đàn Dược Sư sẽ tổ chức trong ba ngày 28,29,30.

5/ Lớp học tiếng Hán khai giảng thêm một lớp mới "tiếng Hán căn bản", vào mỗi chiều thứ bảy lúc 14 giờ. Cho đến nay đã có ba lớp tiếng Hán do thầy Minh Ngọc phụ trách.

6/ Lớp tiếng Anh Phật học đã học được sáu tháng, nay sẽ tiếp nối lên lớp cao hơn và khai giảng vào ngày 05/11/2015.

7/ Lớp Thư pháp đã học được ba tháng, do Phật tử Thường Diệu phụ trách. Thời gian: chiều chủ nhật từ 13g30-15g.

https://tieulun.hopto.org

8/ Lớp tiếng Pháp căn bản khai giảng vào ngày 19/10/2015, lúc 18 giờ, mỗi tuần học hai ngày thứ hai, thứ tư. Ghi danh xin liên hệ sđt Phật tử Diệu Châu: 0903619620.

9/ Các buổi thuyết pháp vào mỗi thứ bảy hàng tuần vẫn tổ chức đều đặn; quý Phật tử có thể biết rõ thông tin cụ thể về thời gian, giảng sư, đề tài thuyết giảng ở thông báo tại Chùa, hoặc vào trang web: www. chuaxaloi.vn.

10/ Chùa Phật học Xá Lợi sẽ tổ chức lớp "Giới pháp Phật tử tại gia", thời gian học 1 năm, vào mỗi Thứ bảy hằng tuần từ 16g30-17g45. Giảng sư: Hòa thượng Thích Minh Thông và Đại đức Thích Thiện Chơn. Khai giảng vào lúc 16g30 ngày 21/11/2015 (nhằm ngày mùng 10/10 năm Ất Mùi) tại giảng đường Chánh Trí chùa Xá Lợi. Ghi danh tại Thư viện chùa Xá Lợi.

https://tieulun.hopto.org

THƯ NGỎ
Tủ sách PHẬT HỌC TỪ QUANG
V/v: Đăng ký ủng hộ Tủ sách Từ Quang



Kế thừa truyền thống phổ biến Phật học đến quần chúng Phật tử của Hội Phật học Nam Việt, Tủ sách *Từ Quang* phát hành đến nay đã hơn 3 năm. Nhằm phổ biến sâu rộng Phật pháp đến mọi người, Tủ sách *Từ Quang* lâu nay chỉ dành ấn tống.

Để mục đích trên được hoạt động hiệu quả và lâu dài, Tủ sách *Từ Quang* mong nhận được sự ủng hộ của độc giả và Phật tử mọi nơi bằng cách ủng hộ tài chánh qua số lượng sách (1 cuốn/30.000đ) và kỳ

https://tieulun.hopto.org

hỗ trợ (4 kỳ/năm).

Trong mỗi kỳ phát hành, Quý vị có thể nhận sách tại Thư viện chùa Xá Lợi hoặc cho địa chỉ để chúng tôi giao sách tận nơi.

Mọi ủng hộ tài chánh xin liên hệ cô Diệu Châu, Quản thủ Thư viện chùa Xá Lợi (Điện thoại: 0903619620) hoặc qua ngân hàng:

Giao dịch ghi tên:

Nguyễn Thị Ngọc, số tài khoản: 007 100 4721363 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), chi nhánh TP.HCM.

Danh sách độc giả ủng hộ sẽ được nêu trong mỗi kỳ phát hành của tủ sách Phật học *Từ Quang*.

Trân trọng cám ơn!

BAN BIÊN TẬP
Tủ sách Phật học Từ Quang

https://tieulun.hopto.org

DANH SÁCH ĐỘC GIẢ
ỦNG HỘ TỦ SÁCH TỪ QUANG

Số TT	Họ Tên	Số lượng	Số kỳ (4 kỳ/năm)
1	Huỳnh Đăng Khoa	50 cuốn	Hằng kỳ
2	Trí Vịnh	20 cuốn	Hằng kỳ
3	Lâm Hoàng Lộc	100 cuốn	Hằng kỳ
4	Trần Phi Hùng	100 cuốn	Hằng kỳ
5	Trần Đình Sơn	20 cuốn	Hằng kỳ
6	Kha Thùy Châu	03 cuốn	Hằng kỳ
7	Ngô Thị Kim Lan	50 cuốn	Hằng kỳ
8	Nguyễn Thị Phước Lộc	01 cuốn	Hằng kỳ
9	Tô Văn Thiện	05 cuốn	Hằng kỳ
10	Tuệ Quán	05 cuốn	Hằng kỳ
11	Hoằng An	05 cuốn	Hằng kỳ
12	Vương Đình Khoát	50 cuốn	Hằng kỳ
13	Mai Thúy	100 cuốn	Hằng kỳ

https://tieulun.hopto.org

14	Phan Thành Nhơn	10 cuốn	Hằng kỳ
15	Võ Quang Cảnh	10 cuốn	Hằng kỳ
16	Bảo Phương	100 cuốn	Hằng kỳ
17	Diệu Châu	05 cuốn	Hằng kỳ
18	Minh Ngọc	05 cuốn	Hằng kỳ
19	Nguyễn Xuân Trường	02 cuốn	Hằng kỳ
20	Nguyễn Chính Lực	10 cuốn	Hằng kỳ

https://tieulun.hopto.org